NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG - HOÀNG DÂN

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG
NGỮ VĂN

TRUNG HỌC CƠ SỞ

6

Quyển 1





NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA - HÀ NỘI

TS. NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG - ThS. HOÀNG DÂN

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG
NGỮ VĂN

TRUNG HỌC CƠ SỞ

6

Quyển I

(Theo chương trình và SGK do BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ban hành năm 2002)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: NGUYỄN VĂN THOẢ

Tổng biên tập: NGUYỄN THIỆN GIÁP

Biên tập và sửa bản in: NGUYỄN THUỶ HẰNG

TRẦN THỊ NƯƠNG

Trình bày bìa: NGUYỄN TUẤN

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG NGỮ VĂN 6 -QUYỂN 1

Mã số: 02.148.ĐL.2002

In 500 tại Xí nghiệp in Bắc Thái

Số xuất bản: 12/847/CXB. Số trích ngang242KH/XB

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2002

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn đồng nghiệp thân mến!

Các bạn đang cầm trên tay *Quyển 1* của bộ sách: ***Thiết kế bài giảng Ngữ văn 6***, được biên soạn *theo sát chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn* do *Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2002.*

Đây là bộ sách rất *thiết thực và tiện dụng.*

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi hết sức quán triệt *phương hướng tích hợp* và đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn, phát huy tính *tích cực cao độ của chủ thể học sinh - nhân vật trung tâm* trong quá trình học Ngữ văn, nhằm đạt 4 mục tiêu:

Tích hợp, giảm tải, tăng thực hành và gắn với thực tế.

Rèn luyện có hiệu quả 4 kỹ năng: *Đọc, nghe, nói, viết.*

Nguyên tắc tích hợp - tìm những *điểm đồng quy* giữa *ba phần Văn học - Tiếng Việt và Tập làm văn* trong từng đơn vị kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành trong mỗi tiết học, bài học, được cụ thể hóa bằng nhiều biện pháp, hình thức hoạt động linh hoạt, tổ chức hướng dẫn học sinh học tập. Đó là nguyên tắc chúng tôi thường trực tuân thủ và thực hiện trong bộ sách này.

Bám sát chương trình và SGK ***Ngữ văn 6***, từng thiết kế của chúng tôi cũng viết thành *từng bài học ứng với từng tuần.*

Tập 1 gồm: **18 tuần ~ 17 bài.**

Mỗi bài đều gồm *4 tiết* học ứng với *3 phần*:

Văn học - Tiếng Việt - Tập làm văn.

Từng *tiết* được bố cục theo trình tự:

- Tên văn bản hoặc tên bài học.

- Tên thể loại hoặc tên tác giả hoặc tên người dịch.

A. Kết quả cần đạt

1. Về kiến thức - tư tưởng

2. Về khả năng và nội dung *tích hợp* (chủ yếu *với 2 phần môn tương ứng*)

3. *Rèn luyện các kỹ năng* cơ bản.

B. Thiết kế bài dạy học

Bao gồm hệ thống hoạt động tổ chức dạy học của giáo viên và học sinh (từ 3- 8 hoạt động) ***được dự kiến và gợi ý cụ thể, tỉ mỉ*** với 1 - 2 hoặc 3 phương án thực hiện trên lớp.

Trong hoạt động hướng dẫn luyện tập, bên cạnh các câu hỏi và bài tập trong SGK, chúng tôi soạn *bổ trợ thêm* một số câu hỏi, bài tập mới để các anh chị em rộng đường tham khảo và sử dụng.

Hi vọng bộ sách sẽ giúp các bạn đồng nghiệp ***một tài liệu tham khảo cần thiết và bổ ích trong quá trình soạn giảng môn Ngữ văn lớp 6 hiện nay và trong những năm học tới.***

Chúng tôi rất mong nhận được những nhận xét, góp ý của các nhà khoa học, các anh chị em đồng nghiệp và bạn đọc gần xa... để kịp thời sửa chữa cho lần tái bản sau, sách được hoàn thiện và hữu dụng hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, tháng Bảy, năm 2002

TS. NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG
ThS. HOÀNG DÂN
Trường CĐSP Hà Nội

Tuần 1

BÀI 1

Tiết 1
VĂN HỌC

CON RỒNG, CHÁU TIÊN
(Truyền thuyết)

A. Kết quả cần đạt

1. Đạt điểm 1 trong mục "*Kết quả cần đạt*" (Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6, tập 1, tr. 5).
2. Nắm vững mục "*Ghi nhớ*" (SGK. tr. 8).
3. *Tích hợp* với phần *Tiếng Việt* ở khái niệm: *Từ đơn, từ phức, cấu tạo từ*, với phần *Tập làm văn* ở khái niệm: *Văn bản và các phương thức biểu đạt*.
4. Bước đầu rèn luyện kỹ năng: *Đọc văn bản nghệ thuật, nghe, kể chuyện*.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
TỔ CHỨC KIỂM TRA BÀI CŨ

- Giáo viên (G) kiểm tra sự chuẩn bị sách vở của học sinh đầu năm.

Hoạt động 2
DẪN VÀO BÀI

- *G. nói chậm, truyền cảm:*

Mỗi con người chúng ta đều thuộc về một dân tộc. Mỗi dân tộc lại có nguồn gốc riêng của mình gửi gắm trong những thần thoại, truyền thuyết kì diệu. Dân tộc Kinh (Việt) chúng ta đời đời sinh sống trên

dải đất hẹp và dài hình chữ S bên bờ biển Đông, bắt nguồn từ một truyền thuyết xa xăm, huyền ảo: "*Con Rồng, cháu Tiên*".

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ

1. Yêu cầu đọc, kể

- Rõ ràng, mạch lạc, nhấn mạnh các chi tiết li kì, thuần tưởng tượng. Cố gắng thể hiện hai lời đối thoại của Lạc Long Quân và Âu Cơ. Giọng Âu Cơ: Lo lắng, than thở, giọng Long Quân tình cảm, ân cần, chậm rãi.
- Giáo viên (G) đọc một lần, kể tóm tắt một lần; học sinh (H) đọc, kể một lần.

2. G. kiểm tra H, giải thích lại các *chú thích*

Truyền thuyết, Ngư tinh, tập quán, nòi, vô địch (SGK. tr. 7).

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Giải thích cội nguồn của dân tộc Việt Nam

- G. *hỏi*: Lạc Long Quân, Âu Cơ là ai? Hình dáng của họ như thế nào? Nhận xét tài năng của Long Quân?
- H. Phát hiện, nhận xét.

- ***Định hướng:***

Lạc Long Quân là con trai thần Biển, vốn nòi Rồng, quen và thích sống ở dưới nước. Âu Cơ là con gái thần Nông, thuộc dòng Tiên, ưa sống trên mặt đất, núi. Chàng thì khôi ngô, nàng thì xinh đẹp. Lạc Long Quân tài năng vô địch, diệt trừ yêu quái, dạy dân làm ăn. Âu Cơ duyên dáng, dạy dân phong tục, lễ nghi.

Đó là tưởng tượng của người Việt cổ về sự kì lạ, tài năng phi thường của hai vị tổ đầu tiên.

- G. tổ chức H. thảo luận về ý nghĩa chi tiết:

  "Cái bọc trăm trứng nở ra trăm người con trai".

- ***Định hướng:***

Chi tiết lạ, mang tính chất hoang đường, nhưng rất thú vị và giàu ý nghĩa: - Nó bắt nguồn từ thực tế rồng, rắn (bò sát) đều đẻ trứng. Tiên (chim) cũng đẻ trứng. - Từ *"đồng bào"* nghĩa là cùng một bọc. Tất cả mọi người Việt Nam chúng ta đều sinh ra từ trong cùng một bọc trứng của mẹ Âu Cơ. Dân tộc Việt Nam chúng ta vốn khỏe mạnh, cường tráng, đẹp đẽ, phát triển nhanh (trăm người con trai).

Như vậy, trong tưởng tượng mộc mạc của người Việt cổ, nguồn gốc dân tộc chúng ta thật cao đẹp, là con cháu thần tiên, là kết quả của một tình yêu, một mối lương duyên Tiên - Rồng.

2. Ước nguyện muôn đời của dân tộc Việt Nam

- H. thảo luận ý nghĩa chi tiết Lạc Long Quân và Âu Cơ chia con và chia tay.

- ***Định hướng:***

Nguyên nhân từ thực tế: Rồng quen ở nước, không thể ở mãi trên cạn. Ngược lại, nòi Tiên quen sống nơi non cao, cũng không thể theo chồng vùng vẫy chốn bể khơi. Vì vậy, xa nhau là không thể tránh khỏi.Vợ chồng vốn thương yêu nhau, vì hoàn cảnh bắt buộc phải xa nhau, càng thương nhớ nhau, mong được sum họp. Đàn con đông đúc tất nhiên cũng phải chia đôi, nửa theo cha về dưới biển, nửa ở lại cùng mẹ trên rừng. Cái lõi của lịch sử là sự phát triển của cộng đồng dân tộc, đến thời điểm mở mang đất nước về hai hướng: Biển và rừng. Sự phong phú, đa dạng của các tộc người sinh sống trên đất Việt Nam, nhưng đều chung một dòng máu, chung một gia đình, cha mẹ..Lời dặn của Lạc Long Quân lúc chia tay phản ánh ý nguyện đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, gắn bó lâu bền của dân tộc Việt Nam.

- H. Đọc đoạn: *"Người con trưởng... không hề thay đổi"*,

- G. Nửa cuối của truyện cho ta biết thêm điều gì về xã hội, phong tục, tập quán của người Việt cổ xưa?
- H. Bàn luận, phát hiện.

- ***Định hướng:***

Ta được biết thêm nhiều điều lí thú, chẳng hạn: Tên nước đầu tiên của chúng ta là Văn Lang. Nghĩa là đất nước tươi đẹp, sáng ngời, có văn hóa (Văn), đất nước của người đàn ông, các chàng trai khỏe mạnh, giàu có (Lang)*. Thủ đô đầu tiên của Văn Lang đặt ở vùng Phong Châu, Bạch Hạc. Người con trai trưởng của Long Quân và Âu Cơ lên làm vua gọi là Hùng Vương (Pò khun).Từ đó, có phong tục nối đời cha truyền con nối, tục truyền ngôi cho con trưởng... Xã hội Văn Lang thời đại Hùng Vương đã là một xã hội văn hóa dù còn sơ khai.

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT

1. H. Nói lại nội dung mục "*Ghi nhớ*" (SGK. tr.8).
2. G. *hỏi*: Chi tiết hoang đường, kì ảo là gì? Vai trò của nó trong các truyền thuyết? Mối liên quan xa xôi của nó với sự thật lịch sử?
3. H. Tập khái quát, trả lời.

- ***Định hướng:***

Trong các truyền thuyết, thần thoại, các chi tiết hoang đường, tưởng tượng kì ảo nhất thiết phải có, không những thế, chúng còn đóng vai trò rất quan trọng. Nó tạo nên bản sắc đặc trưng của thể loại, tạo nên sự hấp dẫn đặc biệt của truyền thuyết, giải thích tự nhiên và mơ ước chinh phục, khám phá tự nhiên của con người thuở ban sơ.

Trong truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*", chi tiết kì lạ có ý nghĩa nhất là cái *bọc trăm trứng*, cái *bào thai vĩ đại* của Mẹ Âu Cơ.

Chúng ta vô cùng tự hào có một truyền thuyết rất xa, rất đẹp về nguồn gốc dân tộc.

Theo GS. Lê Văn Lan: "Văn Lang nghĩa là con người". Báo "*Khoa học và Đời sống*", số 40 (1468), ra ngày thứ 6, 12/7/2002, tr. 6.

Hoạt động 6

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. H. tìm đọc ở nhà từ 01 đến 03 truyền thuyết về nguồn gốc các dân tộc khác trong tập *"Truyện cổ các dân tộc ít người ở Việt Nam"* (Truyện cổ Tày, Nùng, Mèo...).
2. H. đọc thêm một đoạn thơ về cội nguồn đất nước trích trường ca "*Mặt đường khát vọng*" của Nguyễn Khoa Điềm (SGK. Văn 12).
3. H. tập kể lại truyền thuyết *"Con Rồng, cháu Tiên"* trong vai kể Lạc Long Quân (hoặc Âu Cơ).
4. H. soạn truyền thuyết *"Bánh chưng, bánh giầy"*./.

Tiết 2
VĂN HỌC

BÁNH CHƯNG, BÁNH GIẦY

(Truyền thuyết)

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Kết quả cần đạt

1.2.3.4. tương tự như đối với văn bản 1, bổ sung tìm hiểu, tập phân tích nhân vật trong truyền thuyết.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

TỔ CHỨC KIỂM TRA BÀI CŨ

(HÌNH THỨC: VẤN ĐÁP)

1. Kể lại truyền thuyết *"Con Rồng, cháu Tiên"* trong vai kể Lạc Long Quân (hoặc Âu Cơ). Phát biểu cảm xúc của bản thân sau khi đọc?
2. Ý nghĩa sâu xa, lí thú của chi tiết cái *bọc trăm trứng*?

Hoạt động 2
DẪN VÀO BÀI

Có thể cho H. *xem một đoạn băng* ngắn khoảng 1- 2 phút về cảnh lễ hội làm bánh chưng, giã bánh giầy hoặc trích một đoạn phim tư liệu.

- G. *nói lời vào bài*:

Mỗi khi tết đến, xuân về, người Việt Nam chúng ta lại nhớ tới đôi câu đối quen thuộc và rất nổi tiếng:

"Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ,
Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh".

Bánh chưng cùng bánh giầy là hai thứ bánh không những rất ngon, rất bổ, không thể thiếu được trong mâm cỗ tết của dân tộc Việt Nam mà còn mang bao ý nghĩa sâu xa,lí thú. Các em có biết hai thứ bánh đó bắt nguồn từ một truyền thuyết nào từ thời vua Hùng?

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ

1. Yêu cầu đọc, kể

- Giọng chậm rãi, tình cảm; chú ý lời nói của Thần trong giấc mộng của Lang Liêu, giọng âm vang, xa vắng. Giọng vua Hùng đĩnh đạc, chắc, khoẻ.
- G. và ba H. nối nhau đọc, kể toàn truyện một lần.

2. H. tóm tắt truyện

Yêu cầu ngắn, gọn nhưng đủ ý và mạch lạc.

3. Giải thích từ khó

- H. cắt nghĩa lại các từ: - *Lang, chứng giám, sơn hào hải vị.*

Phân biệt các từ: *Quân thần* với *quần thần*?

Hoạt động 4

HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Vua Hùng chọn người nối ngôi

- G. Vua Hùng chọn người nối ngôi trong hoàn cảnh nào? Điều kiện và hình thức thực hiện?
- H. Phát hiện, thống kê các chi tiết.

- ***Định hướng:***

- *Hoàn cảnh truyền ngôi:*

Vua đã già, giặc ngoài đã dẹp yên, thiên hạ thái bình, các con đông (20 người).

- *Tiêu chuẩn người nối ngôi:*

+ Nối *chí* vua;

+ *Không nhất thiết là con trưởng.*

- *Hình thức thử thách:*

Nhân ngày lễ Tiên vương, các Lang dâng lễ vật sao cho vừa ý vua cha.

- *G. Nêu vấn đề:*

Thử bàn luận về điều kiện và hình thức truyền ngôi của Hùng vương? Ý nghĩa đổi mới và tiến bộ đối với đương thời?

- *H. Thảo luận bàn bạc.*

- ***Định hướng:***

Không hoàn toàn theo lệ truyền ngôi từ các đời trước: Chỉ truyền cho con trưởng. Chú trọng tài, trí hơn là trưởng, thứ. Quan trọng nhất là người sẽ nối ngôi phải là người có thực tài, có chí khí, tiếp tục được ý chí, sự nghiệp của vua cha. Đó là quyết tâm đời đời giữ nước và dựng nước được thể hiện tập trung ở vua - Người thay mặt Trời cai quản muôn dân, trăm họ, tiếp nối phát triển dòng họ Hùng. Chọn Lễ Tiên vương để các Lang dâng lễ, trổ tài là một việc làm rất có ý nghĩa

bởi nó đề cao phong tục thờ cúng tổ tiên, trời đất của nhân dân ta, mặt khác, là mạch nối để câu chuyện phát triển.

2. Cuộc đua tài, dâng lễ vật

a) Các Lang:

- H. Đọc đoạn:

"Các Lang ai cũng muốn.....Tiên vương"

và thảo luận vấn đề: Việc các Lang đua nhau tìm lễ vật thật quí, thật hậu chứng tỏ điều gì?

- ***Định hướng:***

Hình thức Hùng vương thử tài các con như ông thầy ra cho học trò một đề thi, một *câu đố* để tìm người tài giỏi, thông minh đồng thời cũng là người hiểu được ý mình. Các Lang suy nghĩ, vắt óc cố hiểu ý vua cha. *Chí* của vua là gì? Ý của vua là gì? Làm thế nào để thỏa mãn cả hai? Các Lang đã suy nghĩ theo kiểu thông thường, hạn hẹp, như cho rằng ai chẳng vui lòng, vừa ý với lễ vật quí hiếm, cỗ ngon, sang trọng. Nhưng sự thật càng biện lễ hậu, các Lang càng xa rời ý vua, càng không hiểu cha mình. Và câu chuyện cũng vì thế mà trở nên hấp dẫn.

b) Lang Liêu:

- H. Kể tóm tắt đoạn:

"Người buồn nhất....hình tròn."

- G. *hỏi*:

Lang Liêu tuy cũng là Lang nhưng khác các Lang ở điểm nào? Vì sao Lang Liêu buồn nhất? Vì sao Thần chỉ mách giúp riêng cho Lang Liêu?

- H. thảo luận, trao đổi.

- ***Định hướng:***

Tuy cũng là Lang - con trai của vua - nhưng Lang Liêu khác các lang ở chỗ chàng mồ côi mẹ, nghèo, thật thà, chăm việc đồng áng.

Lang Liêu giống như Mai An Tiêm thuở trước - con vua nhưng lại không được vua cha ưu ái gì hơn người dân thường.

Như vậy, hoàn cảnh của Lang Liêu gần gũi với số phận của các nhân vật mồ côi trong truyện cổ tích sau này. Lang Liêu buồn nhất trong các Lang cũng là điều dễ hiểu. Vì chàng khó có thể biện được lễ vật như các anh em, chàng không chỉ tự xem mình kém cỏi mà còn tự cho rằng không làm tròn chữ *hiếu* đối với vua cha.

Việc Thần hiện ra trong giấc mộng, mách bảo cho Lang Liêu là một chi tiết *rất cổ tích*. Các nhân vật mồ côi, bất hạnh vẫn thường được thần, bụt hiện lên giúp đỡ mỗi khi bế tắc. Nhưng điều thú vị ở đây là ở chỗ, thần không làm hộ, thần chỉ mách bảo, gợi ý mà thôi. Nghĩa là thần vẫn dành chỗ cho tài năng, sáng tạo của Lang Liêu. Tinh thần tự lực của chàng vẫn được phát huy. Chàng vẫn cần phải suy nghĩ, hành động tiếp trên cơ sở những gợi ý của thần. Từ những nguyên liệu thần gợi ra, Lang Liêu làm thành *bánh chưng, bánh giầy*, hai loại bánh rất ngon, rất độc đáo. Điều này chứng tỏ người con vua này rất đỗi thông minh, khéo tay.

3. Kết quả cuộc thi tài

- H. Đọc đoạn cuối truyện, trao đổi trong nhóm những vấn đề gợi ý sau: Tại sao vua Hùng chấm Lang Liêu được nhất? Chi tiết vua nếm bánh và ngẫm nghĩ rất lâu có ý nghĩa gì?

- ***Định hướng:***

Lễ vật của các lang rất sang trọng, đủ cả sơn hào hải vị nhưng vua chỉ liếc mắt xem qua. Vì những thứ đó có lạ gì đối với vua! Hàng ngày vua chẳng dùng chán chê rồi sao! Nhưng đến mâm cỗ của Lang Liêu, vua dừng lại lâu, nếm bánh, vừa ăn vừa ngẫm nghĩ rất lâu vẻ hài lòng.

Vì sao vậy? Trước hết vì lễ vật của Lang Liêu khác hẳn. Nó vừa lạ vừa quen. Nó không hề có gì là sang trọng, ngược lại, lại có vẻ rất

thông thường. Chính vì vậy, vua quyết định phải nếm thử. Một lần nữa, vua ngạc nhiên vì mùi vị ngon lành, béo bùi, đậm đà của hai thứ bánh lễ này. Vua ngẫm nghĩ rất lâu để thưởng thức khoái cảm của bánh, để nghĩ ngợi về ý nghĩa của lễ vật, về tình cảm và nhân cách của đứa con trai nghèo. Lời nói của vua Hùng là lời phán định công bằng và sáng suốt.

- H. bàn luận về ý nghĩa lời nói của vua Hùng.

- ***Định hướng:***

Vua Hùng đặt tên cho hai loại bánh mới do Lang Liêu tiến dâng. Cái tên bánh chưng, bánh giầy có từ đó. Vua giải thích ý nghĩa các nguyên liệu làm bánh đồng thời nói rõ ý chí của mình, quyết định chọn lễ vật của Lang Liêu đạt giải nhất. Lang Liêu xứng đáng nối ngôi vua. Lang Liêu là người hội đủ các điều kiện của một ông vua tương lai, cả tài, cả đức. Quyết định của vua thật sáng suốt.

Ý vua cũng là *ý dân* Văn Lang, *ý trời*.

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT VÀ LUYỆN TẬP

1. Truyền thuyết "*Bánh chưng, bánh giầy*" có những ý nghĩa gì?

- ***Định hướng:***
  - Giải thích nguồn gốc của hai loại bánh cổ truyền của dân tộc ta một cách thú vị.
  - Giải thích *phong tục làm bánh chưng, bánh giầy*, tục thờ cúng tổ tiên ngày tết.
  - Đề cao nghề nông, trồng lúa nước.
  - Quan niệm duy vật thô sơ: Trời, Đất, Người (Thiên - Địa - Nhân). Người là trung tâm giữa trời và đất. "*Dĩ nông vi bản*". Trời tròn, đất vuông:

"Trời tròn như cái mâm,
Đất kia chằn chặn như bàn cờ vuông"

(CA DAO)

- Mơ ước vua sáng, tôi hiền, đất nước thái bình, nhân dân làm ăn, no ấm.

2. Tại sao có thể nói đây là một truyền thuyết - truyện cổ tích rất tiêu biểu? Có thể nhận xét như thế nào về nhân vật Lang Liêu với tư cách nhân vật truyền thuyết - cổ tích?

- ***Định hướng:***

  "*Bánh chưng, bánh giầy*" xứng đáng là một truyền thuyết - truyện cổ tích tiêu biểu của dân tộc ta. Nó gắn với giai đoạn lịch sử các vua Hùng. Nó thuộc loại truyện cổ tích giải thích nguồn gốc các sự vật với nhân vật chính là một chàng mồ côi, nghèo khổ, được thần giúp đỡ mà thành công trong cuộc đời. Một chàng trai nông dân lao động thông minh, sáng tạo, tình nghĩa, chân thật.

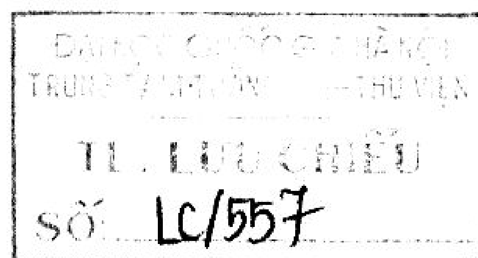
- H. trình bầy lại phần "*Ghi nhớ*" (SGK. tr.12).

3. Đóng vai Hùng Vương, kể lại truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy* bằng ngôi thứ 1 hoặc ngôi thứ 3.

4. Đọc thêm ở nhà: Bài thơ "*Qua Thâm Thình*"

(NGUYỄN BÙI VỢI)

5. Soạn bài: "*Thánh Gióng*" (SGK. tr.19)./.



Tiết 3
TIẾNG VIỆT
TỪ VÀ CẤU TẠO CỦA TỪ TIẾNG VIỆT

A. Kết quả cần đạt

1. Củng cố và nâng cao một bước kiến thức về *tiếng* và *từ* đã học ở bậc Tiểu học. Cụ thể:

- *Tiếng* là đơn vị tạo nên *từ*,

- *Từ* là đơn vị tạo nên *câu*.

2. *Tích hợp* với phần *Văn* ở truyền thuyết *Con Rồng, cháu Tiên* và *Bánh chưng, bánh giầy;* với phần *Tập làm văn* ở khái niệm: *Giao tiếp, văn bản và phương thức biểu đạt.*

3. Luyện kỹ năng *nhận diện (xác định) từ và sử dụng từ.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

TÌM HIỂU MỤC I:
TỪ LÀ GÌ?
NHẬN BIẾT TỪ TRONG CÂU

- G. *hỏi*: Trong câu:

  Thần / dạy / dân / cách / trồng trọt / chăn nuôi / và / cách / ăn ở

  có mấy từ? Dựa vào dấu hiệu nào mà em biết được điều đó?

- H. Có 9 từ.

  Dựa vào các dấu gạch chéo (/).

- G. 9 từ ấy kết hợp với nhau để tạo nên một đơn vị trong văn bản *Con Rồng, cháu Tiên.*

- G. Đơn vị trong văn bản ấy gọi là gì?

- H. Đơn vị trong văn bản ấy gọi là *câu.*

- G. *chốt*: Như vậy, *từ là đơn vị tạo nên câu.*

- ***Bài tập nhanh:***

  Đặt một câu với các từ sau:

  Nhà, làng, phố, phường, em, nằm, sông, Hồng, Đà, Lam, phong cảnh, rất, vô cùng, tươi đẹp, cảnh vật.

- G. *gợi ý*: Chọn các từ thích hợp để đặt thành câu.

  Ví dụ: *Làng em nằm cạnh sông Hồng, phong cảnh rất tươi đẹp.*

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN NHẬN DIỆN *TIẾNG* TRONG *TỪ*

- G. Trong câu trên, các *từ* có gì khác nhau về *cấu tạo*?
- H. Khác nhau về *số tiếng*.
- Có từ chỉ có 1 tiếng; có từ gồm 2 tiếng.
- G. Vậy *tiếng* là gì?
- H. *Tiếng là đơn vị cấu tạo nên từ.*
- G. Khi nào 1 tiếng được coi là 1 từ?
- H. Khi 1 tiếng có thể *trực tiếp* dùng để tạo nên câu.
- G. *chốt: Tiếng là đơn vị tạo nên từ.*

• ***Bài tập nhanh:***

- Hãy xác định *số lượng tiếng* của mỗi từ và *số lượng từ* trong câu sau:

Em đi xem vô tuyến truyền hình tại câu lạc bộ nhà máy giấy.

Gợi ý: - Xác định *số lượng từ* trước.

- Sau đó mới xác định *số lượng tiếng* của mỗi từ.

- H. Câu trên gồm 8 từ, trong đó:
  - Từ chỉ có 1 tiếng: *Em, đi, xem, tại, giấy.*
  - Từ gồm 2 tiếng: *Nhà máy.*
  - Từ gồm 3 tiếng: *Câu lạc bộ.*
  - Từ gồm 4 tiếng: *Vô tuyến truyền hình.*

3
TÌM HIỂU MỤC II: *PHÂN LOẠI TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC*

- G. Hãy tìm các từ 1 tiếng và từ 2 tiếng trong câu:

Từ đấy, nước ta chăm nghề trồng trọt, chăn nuôi và có tục ngày Tết làm bánh chưng, bánh giầy.

- H. - Từ 1 tiếng:

  Từ, đấy, nước, ta, chăm, nghề, và, có, tục, ngày, Tết, làm.

  - Từ 2 tiếng:

  Trồng trọt, chăn nuôi, bánh chưng, bánh giầy.

- G. Ở bậc Tiểu học, các em đã học *từ đơn* và *từ phức*. Hãy nhắc lại thế nào là từ đơn? Thế nào là từ phức? Tìm ví dụ ở câu trên?

- H. - Từ chỉ có 1 tiếng gọi là từ đơn.

  Ví dụ: *Nước, ta, chăm...*

  - Từ gồm 2 hoặc nhiều tiếng gọi là từ phức.

  Ví dụ: Trồng trọt, chăn nuôi, bánh chưng.

- G. Hai từ phức: *Trồng trọt* và *chăn nuôi* có gì giống nhau và khác nhau?

Gợi ý: - Giống nhau: Đều gồm *2 tiếng*.

- Khác nhau:

  + *Chăn nuôi* gồm 2 tiếng có quan hệ về *nghĩa.*

  + *Trồng trọt* gồm 2 tiếng có quan hệ *láy âm* (*tr - tr*).

- G. hãy điền các từ trong câu trên vào bảng phân loại SGK. tr.13:

Kiểu cấu tạo từ		**Ví dụ**
Từ đơn		Từ, đấy, nước, ta, chăm, nghề, và, có, tục, ngày, Tết, làm
Từ phức	*Từ ghép*	Chăn nuôi, bánh chưng, bánh giầy
	Từ láy	Trồng trọt

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC

- G. H, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:

  1. Đơn vị cấu tạo từ của tiếng Việt là gì?

  2. Thế nào là *từ đơn, từ phức*?

  3. Phân biệt *từ ghép* và *từ láy*?

- *Gợi ý tổ chức hoạt động:*

Giả định lớp học có 4 tổ. Cho thời gian suy nghĩ khoảng 2', sau đó từng tổ cử đại diện trả lời và chấm điểm lẫn nhau. Tổ nào trả lời đúng nhất và sớm nhất sẽ được biểu dương hoặc tính điểm thi đua.

- H. đọc lại nội dung mục *Ghi nhớ*, SGK, t.14.

- ***Bài tập nhanh:***

1. Tìm 5 từ chỉ có 1 tiếng? (*Núi, sông, sách, vở, thuyền, biển*).
2. Tìm 5 từ gồm 2 tiếng trở lên? (*Nhà máy, xe đạp, chuồn chuồn, vô kỉ luật, sạch sành sanh*).
3. Trong 5 từ 2 tiếng đã tìm được, từ nào là *từ ghép*? Từ nào là *từ láy*? (Từ láy: *Chuồn chuồn, sạch sành sanh*; Từ ghép: *Nhà máy, xe đạp, vô kỉ luật.*)

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP VÀ LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

1. a) Các từ *nguồn gốc, con cháu...* thuộc kiểu cấu tạo từ: *Từ ghép*.

b) Những từ đồng nghĩa với *nguồn gốc*:

Gợi ý: - Là những từ có thể thay thế cho từ nguồn gốc trong câu:

Người Việt Nam ta - con cháu vua Hùng - khi nhắc đến............ của mình, thường xưng là con Rồng, cháu Tiên.

- Cội nguồn, gốc gác, tổ tiên, cha ông, nòi giống, gốc rễ, huyết thống...

c) Các *từ ghép* chỉ quan hệ thân thuộc:

Con cháu, anh chị, ông bà, cha mẹ, chú bác, cô dì, cậu mợ, chú thím, anh em, cha con, vợ chồng...

2. - *Quy tắc 1*. Theo *giới tính* (*nam* trước, *nữ* sau):

Ông bà, cha mẹ, cậu mợ, chú thím, anh chị, chồng vợ...

- *Quy tắc 2*. Theo *tôn ti, trật tự* (bậc trên trước, bậc dưới sau):

Ông cháu, bà cháu, cha con, mẹ con, anh em, chị em, chú cháu, cậu cháu, cha anh...

3. - Tên các loại bánh được cấu tạo theo công thức: *Bánh* + *X*.

- Tiếng đứng sau (kí hiệu X) có thể nêu:

+ Cách chế biến,

+ Chất liệu,

+ Tính chất,

+ Hình dáng,

+ Hương vị... của bánh.

• ***Điền vào bảng:***

Cách chế biến	Bánh rán, nướng, hấp, nhúng, tráng, cuốn, xèo...
Chất liệu	Bánh nếp, tẻ, khoai, ngô, sắn, đậu xanh, tôm, gai, khúc...
Tính chất	Bánh dẻo, phồng, xốp, cứng, mềm...
Hình dáng	Bánh gối, ống, tai voi, sừng bò, quấn thừng...
Hương vị	Bánh ngọt, mặn, thập cẩm...

4. *Từ láy* in đậm miêu tả *tiếng khóc*.

- Những từ láy khác miêu tả tiếng khóc:

Nức nở, nghẹn ngào, ti tỉ, rưng rức, dấm dứt, tức tưởi, nỉ non, não nùng...

5. Tìm nhanh các *từ láy*.

a) Tả *tiếng cười*:

Ha hả, khanh khách, hi hí, hô hô, nhăn nhở, toe toét, khúc khích, sằng sặc...

b) Tả *tiếng nói*:

Khàn khàn, ông ổng, lè nhè, léo nhéo, oang oang, sang sảng, trong trẻo, thỏ thẻ, trầm trầm...

c) Tả *dáng điệu:*

Lừ đừ, lả lướt, nghênh ngang, khệnh khạng, ngật ngưỡng, lắc lư, đủng đỉnh, vênh váo...

6. *Bài tập bổ trợ:*

- ***Tổ chức hoạt động:***

- Chia bảng làm 4 cột: Tổ 1, 2, 3, 4.
- Mỗi tổ cử 1 đại diện lên bảng.
- Thời gian làm bài: 01'.
- Sau khi hết thời gian quy định, 4 đại diện về chỗ, cả lớp nhận xét, cho điểm.

- G. làm trọng tài phân xử, điều chỉnh điểm.

a) Cho các nhóm từ:

Ruộng nương, ruộng rẫy, nương rẫy, ruộng vườn, vườn tược, nương náu, đền chùa, đền đài, miếu mạo, lăng tẩm, lăng kính, lăng loàn, lăng nhăng...

- Tìm các *từ ghép, từ láy* trong các nhóm từ trên?

- ***Gợi ý:***

- *Từ láy*: - Lăng loàn, lăng nhăng, miếu mạo, ruộng rẫy,
- *Từ ghép*:- Ruộng nương, nương rẫy, ruộng vườn, vườn tược, đình chùa, lăng tẩm, lăng kính...

b) Cho trước tiếng: *Làm.*

Hãy kết hợp với các tiếng khác để tạo thành *5 từ ghép, 5 từ láy*:

Ví dụ: - *5 từ ghép:*

Làm việc, làm ăn, làm ra, làm nên, làm cho...

- *5 từ láy:*

Làm lụng, làm lành, làm lẽ, làm lấy, làm liếc...

- ***Lưu ý:***

Tùy tình hình thời gian cho phép, có thể các bài tập 4, 5, 6, H. sẽ làm ở nhà.

Tiết 4
TẬP LÀM VĂN

GIAO TIẾP, VĂN BẢN và PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

A. Kết quả cần đạt

1. Giúp học sinh (H) nắm vững:

a) Mục đích của giao tiếp trong đời sống con người, trong xã hội.

b) Khái niệm văn bản.

c) 06 kiểu văn bản - 06 phương thức biểu đạt cơ bản trong giao tiếp ngôn ngữ của con người.

2. Rèn kỹ năng nhận biết đúng các kiểu văn bản đã học.

*** Dự kiến về phương pháp, biện pháp và hình thức dạy học**

1. Kết hợp dùng *tranh* và phân tích *tình huống giao tiếp.*

2. Luyện tập *giải các bài tập nhận biết* kiểu văn bản.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
DẪN VÀO BÀI

Giới thiệu chương trình và phương pháp học tập phần *Tập làm văn lớp 6* theo hướng kết hợp chặt chẽ với phần tiếng Việt và phần Văn học (*tích hợp*), giảm lí thuyết, tăng thực hành, luyện tập, giải các bài tập (*tích cực*).

Hoạt động 2
TÌM HIỂU CHUNG VỀ
VĂN BẢN VÀ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

Hoạt động 2.1. **Văn bản và mục đích giao tiếp**

1. Ví dụ:

- H. quan sát, *đọc to* 3 ví dụ sau:

  a) Câu tục ngữ: *Có công mài sắt, có ngày nên kim.*

  b) Các câu ca dao:

  - Ai ơi, bưng bát cơm đầy,
  Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.

  - Ai ơi giữ chí cho bền
  Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

  c) Lời Bác Hồ dạy thanh niên:

  Không có việc gì khó,
  Chỉ sợ lòng không bền
  Đào núi và lấp biển
  Quyết chí ắt làm nên.

- H. trả lời các câu hỏi sau:
  - Từng câu, đoạn lời trên được viết, nói ra để làm gì?
  - Từng câu, đoạn lời trên nói lên ý gì? (điều gì?)
  - Trong từng câu, từng lời trên, các thành phần, yếu tố của chúng liên kết với nhau như thế nào?
- Các câu, lời trên là ba văn bản. Vậy, văn bản là gì?

2. Khái niệm:

- Giáo viên (G) nói chậm về *giao tiếp và mục đích giao tiếp*, khái niệm *văn bản* và giải thích cụ thể hơn:
  - *Giao tiếp* là hoạt động truyền đạt, tiếp nhận tư tưởng, tình cảm bằng phương tiện ngôn từ.
  - Trong cuộc sống con người, trong quan hệ giữa con người với con người, trong xã hội, *giao tiếp* đóng vai trò vô cùng quan trọng, không thể thiếu. Không có *giao tiếp*, con người không thể hiểu nhau, không thể trao đổi với nhau bất cứ điều gì. Xã hội sẽ không còn tồn tại. *Ngôn từ là phương tiện quan trọng nhất* để thực hiện giao tiếp. Nói gọn lại: Đó là *giao tiếp ngôn từ.*

- *Văn bản* là chuỗi lời nói hoặc viết có chủ đề thống nhất, được liên kết, mạch lạc nhằm đạt mục đích giao tiếp.
- *Văn bản* có thể ngắn, thậm chí chỉ 01 câu, có thể dài, rất dài gồm rất nhiều câu, đoạn, có thể được *viết* ra hoặc được *nói* lên.
- *Văn bản* phải thể hiện ít nhất *một ý (chủ đề)* nào đó.
- *Văn bản* không phải là chuỗi lời nói, câu viết rời rạc mà *các từ, ngữ phải gắn kết với nhau chặt chẽ, mạch lạc.*
- Bởi vậy, các câu, lời trên đủ tiêu chuẩn của các *văn bản* khác nhau.
- Nhưng *văn bản* có các kiểu, loại gì? Được phân loại trên cơ sở nào?

▪ H. xem kỹ *3 bức tranh* dưới đây, chuẩn bị trả lời các câu hỏi tiếp theo.

a) Một người đang phát biểu trong cuộc họp, mọi người đang hết sức lắng nghe.

b) Một nhóm H đang đọc bản *Thông báo* của nhà trường.

c) *Các* thiếp mời cưới, hợp đồng lao động, tập thơ, tiểu thuyết, bài xã luận trong báo Nhân dân, Đơn xin vào Đoàn...

• ***Câu hỏi:***

- *Văn bản* trong *tranh a*, là *văn bản* được thể hiện bằng hình thức gì?
- *Văn bản* trong *tranh b*, thuộc kiểu loại nào?
- Thống kê tiếp vào dưới *tranh c*, những *văn bản* tương tự mà em biết?

• ***Gợi ý:***

- *Văn bản* trong *tranh a*, là văn bản *miệng.*
- *Văn bản* trong *tranh b*, thuộc kiểu loại *hành chính - công vụ.*

▪ H. tùy theo sự hiểu biết của bản thân mà điền thêm các *văn bản* thích hợp.

Hoạt động 2.2. **Kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của văn bản.**

1. *Căn cứ để phân loại*: Theo mục đích giao tiếp (để làm gì?)
2. *06 kiểu văn bản ứng với 06 phương thức biểu đạt* khác nhau và *06 mục đích giao tiếp* khác nhau:

Kiểu văn bản, phương thức biểu đạt	Mục đích giao tiếp
Tự sự	Kể diễn biến sự việc.
Miêu tả	Tả trạng thái sự vật, con người.
Biểu cảm	Bày tỏ tình cảm, cảm xúc.
Nghị luận	Nêu ý kiến, đánh giá, bàn luận.
Thuyết minh	Giới thiệu đặc điểm, tính chất, vấn đề...
Hành chính - công vụ	Thể hiện quyền hạn, trách nhiệm...

3. ▪ H. đọc *06 tình huống* trong SGK, t.17, tự xếp vào các loại văn bản thích hợp:

a) Hai đội bóng đá muốn xin phép sử dụng sân vận động của thành phố (*Văn bản hành chính - công vụ: Đơn từ*).

b) Tường thuật diễn biến trận bóng đá *(Văn bản thuyết minh hoặc tường thuật, kể chuyện)*.

c) Tả lại những pha bóng đẹp trong trận đấu (*Văn bản miêu tả*).

d) Giới thiệu quá trình thành lập và thành tích thi đấu của đội (*Văn bản thuyết minh*).

e) Bày tỏ lòng yêu mến bộ môn bóng đá. (*Văn bản biểu cảm*).

g) Bác bỏ ý kiến cho rằng, bóng đá là môn thể thao tốn kém, làm ảnh hưởng không tốt đến việc học tập và công tác của nhiều người (*Văn bản nghị luận*).

▪ H. nói lại vài lần mục *Ghi nhớ* t.17.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. 05 đoạn văn, thơ trong SGK thuộc các phương thức biểu đạt nào? Vì sao?

a) *Tự sự - kể chuyện*, vì có người, có việc, có diễn biến của việc.

b) *Miêu tả*, vì tả cảnh thiên nhiên: Đêm trăng trên sông.

c) *Nghị luận*, vì bàn luận ý kiến về vấn đề làm cho đất nước giàu mạnh.

d) *Biểu cảm*, vì thể hiện tình cảm tự tin, tự hào của cô gái.

e) *Thuyết minh*, vì giới thiệu hướng quay của địa cầu.

2. Truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*" thuộc kiểu văn bản nào? Vì sao?

Thuộc *văn bản tự sự*, vì cả truyện kể việc, kể về người và lời nói, hành động của họ theo một diễn biến nhất định.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

1. Tìm cho mỗi văn bản đã học *6 ví dụ*, giải thích vì sao?

2. Các văn bản sau được xếp vào kiểu văn bản nào cho phù hợp?

Tuyên ngôn Độc lập, Hiến pháp, Pháp luật, Nội quy, Mệnh lệnh, Ca dao, Tục ngữ, Thư gửi mẹ, Tắt đèn,...

3. Có bạn cho rằng đoạn văn vần cuối thần thoại *Thần Trụ Trời* là văn bản *miêu tả;* bạn khác lại cho là văn bản *kể chuyện.* Ý kiến của em?

4. Đoạn văn:

Bánh hình vuông là tượng Đất... xin Tiên Vương chứng giám.

thuộc kiểu *văn bản* gì? Tại sao? ./.

Tuần 2

BÀI 2

Tiết 5
VĂN HỌC

THÁNH GIÓNG
(Truyền thuyết)

A. Kết quả cần đạt

1. Điểm 1., mục "*Kết quả cần đạt*" (S.đ.d. tr. 19)

2. H. nắm vững mục "*Ghi nhớ*" (S.đ.d. tr.24): Quan niệm và mơ ước của nhân dân ta về người anh hùng đánh giặc cứu nước. Từ xưa đến nay, *Thánh Gióng* luôn là biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường, tinh thần đoàn kết chống xâm lăng và chiến thắng oanh liệt, vẻ vang của dân tộc Việt thời viễn cổ.

3. *Tích hợp* với phần *Tiếng Việt* ở khái niệm: *Danh từ chung, danh từ riêng*, với phân môn *Tập làm văn* ở khái niệm *kiểu bài văn tự sự.*

4. Luyện kỹ năng: *Đọc, kể, tóm tắt truyện, tìm hiểu, phân tích nhân vật trong truyền thuyết.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
TỔ CHỨC KIỂM TRA BÀI CŨ
(HÌNH THỨC: VẤN ĐÁP)

- *Câu hỏi 01:* Kể lại truyền thuyết "*Bánh chưng, bánh giầy*".
- *Câu hỏi 02:* Qua truyền thuyết ấy, dân ta mơ ước những điều gì?
- *Câu hỏi 03:* Cảm nhận của em về nhân vật Lang Liêu?

Hoạt động 2

DẪN VÀO BÀI

Đầu những năm bảy mươi, thế kỉ 20, giữa lúc cuộc chống Mĩ cứu nước đang sôi sục khắp hai miền Nam - Bắc Việt Nam, nhà thơ Tố Hữu đã làm sống lại hình tượng (xem tranh minh họa phóng to) nhân vật Thánh Gióng qua đoạn thơ:

"Ôi sức trẻ xưa trai Phù Đổng,
Vươn vai lớn bổng dậy ngàn cân,
Cưỡi lưng ngựa sắt bay phun lửa,
Nhổ bụi tre làng đuổi giặc Ân".

Truyền thuyết "*Thánh Gióng*" là một trong những truyện cổ hay, đẹp nhất, bài ca chiến thắng ngoại xâm hào hùng nhất của nhân dân Việt Nam xưa.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ, TÓM TẮT, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ

1. Yêu cầu đọc, kể

Giọng đọc, kể ngạc nhiên, hồi hộp ở đoạn Gióng ra đời. Lời Gióng trả lời Sứ giả cần đọc dõng dạc, đĩnh đạc, trang nghiêm. Đoạn cả làng nuôi Gióng, đọc giọng háo hức, phấn khởi. Đoạn Gióng cưỡi ngựa sắt đánh giặc cần đọc với giọng khẩn trương, mạnh mẽ, nhanh, gấp. Đoạn Gióng "*bay khuất giữa mây hồng*", về trời, đọc giọng chậm, nhẹ, thanh thản, xa vời, huyền thoại.

Kể kỹ đoạn Gióng đánh giặc.

2. G. cùng 04 H. đọc, kể toàn truyện từ một đến hai lần.

G. Nhận xét cách đọc, kể của bạn.

3. Ngoài 19 *chú thích* trong SGK. cần giải thích thêm các từ, ngữ sau:

- *Tục truyền:* Phổ biến, truyền miệng trong dân gian. Đây là một trong những từ ngữ thường mở đầu các truyện dân gian.

- *Tâu:* Báo cáo, nói với vua.

- *Tục gọi là:* Thường được gọi là...

Hoạt động 4

HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

1. Bố cục truyện

- G. Mạch kể chuyện có thể ngắt làm mấy đoạn nhỏ? Ý chính của mỗi đoạn?
- H. tự phân đoạn, phát biểu.

- ***Định hướng:***

  1. Sự ra đời kì lạ của Gióng.
  2. Gióng gặp Sứ giả, cả làng nuôi Gióng.
  3. Gióng cùng nhân dân chiến đấu và chiến thắng giặc Ân
  4. Gióng bay về trời.

- G. Nhân vật trung tâm của truyền thuyết là nhân vật nào? Vì sao?
- H. Bàn luận, phát biểu ý kiến.

- ***Định hướng:***

  Truyền thuyết có một số nhân vật: Bà mẹ, Gióng, dân làng, sứ giả, giặc Ân...Nhân vật chủ chốt, trung tâm là Gióng, từ cậu bé làng Gióng kì lạ trở thành Thánh Gióng. Đây là hình tượng nhân vật được xây dựng bằng nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo, tạo nên vẻ đẹp hấp dẫn đối với trẻ thơ.

2. Hình tượng nhân vật Thánh Gióng

1. Nguồn gốc ra đời:

- Bà mẹ giẫm lên vết chân to, lạ ngoài đồng và thụ thai.
- Ba năm Gióng không biết nói, cười, đặt đâu nằm đấy. (kì lạ)

2. Câu nói đầu tiên:

- G. *hỏi*: Câu nói đầu tiên của Gióng là câu nói nào? Với ai? Trong hoàn cảnh nào? Ý nghĩa của câu nói đó?
- H. Kiếm tìm, thảo luận.

• ***Định hướng:***

- Sau ba năm im lặng, câu nói đầu tiên của Gióng là câu nói nhờ mẹ ra gọi *Sứ giả* vào để nói chuyện.
- Câu nói đầu tiên với Sứ giả là lời yêu cầu cứu nước, là niềm tin sẽ chiến thắng giặc ngoại xâm. Giọng nói đĩnh đạc, đàng hoàng, cứng cỏi lạ thường. Chi tiết thì kì lạ nhưng hàm chứa một sự thật, rằng ở một đất nước luôn luôn bị giặc ngoại xâm đe dọa như nước ta thì nhu cầu đánh giặc cũng phải luôn thường trực từ tuổi bé thơ đáp ứng lời kêu gọi của Tổ quốc gửi vào miệng sứ giả.

3. *Cả làng, cả nước nuôi nấng, giúp đỡ Gióng chuẩn bị ra trận*:

- G. Vì sao Gióng lớn *như thổi*?

Chi tiết:

Gióng ăn bao nhiêu cũng không đủ no, áo mặc vừa xong đã chật ních,

có ý nghĩa gì?

• ***Định hướng:***

- Chuyện của Gióng càng li kì hơn. Gióng ăn rất khoẻ, bao nhiêu cũng không đủ:

"*Bảy nong cơm, ba nong cà,*
Uống một hơi nước cạn cả khúc sông"

(ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA)

- Cái *vươn vai kì diệu* của Gióng: Lớn bổng dậy gấp trăm ngàn lần, *bóng che trùm cả thôn*, chứng tỏ nhiều điều:
- Sức sống mãnh liệt và kì diệu của dân tộc ta mỗi khi gặp khó khăn.
- Sức mạnh của tình đoàn kết, tương thân tương ái của các tầng lớp nhân dân mỗi khi Tổ quốc bị đe doạ.

- Chỉ có nhân vật của truyền thuyết, thần thoại mới có sự tưởng tượng kì vĩ như vậy.

4. Gióng cùng toàn dân chiến đấu và chiến thắng giặc ngoại xâm:

- H. đọc và kể lại đoạn Gióng đánh giặc. Nhận xét cách kể, tả của dân gian? Chi tiết *roi sắt gãy, Gióng lập tức nhổ từng bụi tre, vung lên thay gậy, quật túi bụi vào đầu giặc*, có ý nghĩa gì?
- G. cho H. *xem tranh Gióng đánh giặc* và *định hướng*:
  - Đoạn kể, tả cảnh Gióng đánh giặc thật rất hào hứng. Tráng sĩ trẻ tuổi làng Phù Đổng vụt nhảy phắt lên mình ngựa. Ngựa thần hí vang, phun lửa, phi thẳng tới nơi có giặc. Gióng vung roi sắt, đánh giết tơi bời. Theo Gióng đi đánh giặc, có người dân cày đang cầm vồ đập đất, có người câu cá, có người đi săn, có đàn trẻ chăn trâu. Gióng đã cùng toàn dân đánh giặc. Chủ động tìm giặc mà đánh, tiến công không ngừng
  - Chi tiết: *Roi sắt gãy, Gióng lập tức nhổ từng bụi tre, vung lên thay gậy, quật tới tấp vào đầu giặc, khiến chúng chết như rạ*, là rất có ý nghĩa. Gióng không chỉ đánh giặc bằng *vũ khí vua ban* mà còn bằng cả *vũ khí tự tạo* bên đường. Trên đất nước này, cây tre đằng ngà, ngọn tầm vông cũng có thể thành vũ khí đánh giặc.

"Quân Ân phải lối ngựa pha,
Tan ra như nước, nát ra như bèo"

(ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA)

- Cảnh giặc thua thảm hại:

"Đứa thì sứt mũi, sứt tai,
Đứa thì chết chóc vì gai tre ngà"

- Cả nước mừng vui, chào đón chiến thắng.
- Cách kể, tả của dân gian thật gọn gàng, rõ ràng, nhanh gọn mà cuốn hút.

5. Kết truyện:

Gióng bay lên trời từ đỉnh Sóc Sơn:

- G. Cách kết truyện như vậy có dụng ý gì? Tại sao tác giả dân gian không để Gióng trở về kinh đô nhận tước phong của vua, hoặc chí ít cũng về quê chào mẹ già đang mỏi mắt chờ trông?
- H. thảo luận, nêu ý kiến của bản thân.

• ***Định hướng:***

Kết truyện như trên là rất có dụng ý, bởi lẽ nó chứng tỏ Gióng coi hoàn thành nhiệm vụ tự nguyện là quan trọng nhất. Gióng không *bợn* chút công danh. Gióng là con của thần, của trời thì nhất định Gióng phải về Trời, trả lại cho người những quần áo sắt, nón sắt...Hình ảnh chàng trai chiến thắng người làng Phù Đổng từ đỉnh núi Sóc:

"Cúi đầu từ biệt mẹ,
Bay khuất giữa mây hồng"

(HUY CẬN)

đẹp như một giấc mơ...

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT VÀ LUYỆN TẬP

1. Những dấu tích lịch sử nào còn sót lại cho đến nay chứng tỏ rằng câu chuyện trên không hoàn toàn 100% là truyền thuyết?

• ***Định hướng:***

- Hùng vương phong Gióng là *Phù Đổng Thiên Vương* (Vua trời làng Phù Đổng). Những bụi tre đằng ngà vàng óng, những đầm, hồ nằm rải rác ở ngoại thành Hà Nội, Hà Bắc, đỉnh Sóc Sơn, làng Cháy...
- Tất cả như muốn nói rằng câu chuyện thần thoại trên không hoàn toàn là huyền ảo mà sâu trong huyền thoại vẫn có bóng dáng của lịch sử một thời hào hùng một đi không trở lại.

2. Bài học gì được rút ra từ truyền thuyết" *Thánh Gióng*"?

- ***Định hướng:***
  - *Thánh Gióng* là thiên anh hùng ca thần thoại hết sức đẹp đẽ, hào hùng ca ngợi tinh thần yêu nước, bất khuất chiến đấu chống giặc ngoại xâm vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam thời cổ đại.
  - *Người anh hùng làng Phù Đổng - Thánh Gióng* - là một biểu tượng tuyệt đẹp của con người Việt Nam trong chiến đấu và chiến thắng, không màng danh lợi, đẹp như một *giấc mơ hồng.*
  - Để chiến thắng giặc ngoại xâm, cần toàn dân đoàn kết, chung sức, chung lòng, lớn mạnh vượt bậc, chiến đấu, hi sinh quên mình, không tiếc máu xương. Dựng nước và giữ nước là hai nhiệm vụ thường trực của dân tộc Việt Nam suốt trường kì lịch sử.

3. Luyện tập tại lớp

- H. trả lời câu hỏi:
  - Theo em, chi tiết nào trong truyện để lại trong tâm trí những ấn tượng sâu đậm nhất? Vì sao?

4. Luyện tập ở nhà

- Nếu cần vẽ tranh minh họa truyền thuyết "*Thánh Gióng*", em sẽ vẽ cảnh nào? Vì sao?
- Ý nghĩa của phong trào "*Hội khỏe Phù Đổng*"?
- Soạn bài "*Sơn Tinh, Thủy Tinh*" (S.đ.d. tr. 31)./.

Tiết 6
TIẾNG VIỆT

TỪ MƯỢN

A. Kết quả cần đạt

1. H. hiểu rõ:

- Thế nào là từ mượn?

- Các hình thức mượn?

2. *Tích hợp* với phần *Văn* ở truyền thuyết *Thánh Gióng*, với *Tập làm văn* ở *Tìm hiểu chung về văn tự sự.*

3. Luyện kỹ năng *sử dụng từ mượn trong nói, viết.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

TÌM HIỂU MỤC I:
TỪ THUẦN VIỆT VÀ TỪ MƯỢN, NHẬN BIẾT TỪ MƯỢN TRONG CÂU

▪ G. Trong câu:

Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng.

có những từ Hán Việt nào?

▪ H. Có các từ: *Trượng, tráng sĩ, biến thành.*

▪ G. Đặt câu này vào văn bản *Thánh Gióng*, hãy giải thích nghĩa của 2 từ: *Trượng, tráng sĩ?*

Gợi ý: - Xem lại phần chú thích sau văn bản Thánh Gióng.

▪ H. - *Trượng*: Đơn vị đo độ dài bằng 10 thước Trung Quốc cổ (0, 33 mét); ở đây, hiểu là *rất cao.*

- *Tráng sĩ*: Người có sức lực cường tráng, chí khí mạnh mẽ, hay làm việc lớn. (*tráng*: Khỏe mạnh, to lớn, cường tráng. *Sĩ*: Người trí thức thời xưa và những người được tôn trọng, nói chung).

▪ G. *chốt*: 2 *từ mượn* được dùng ở đây rất phù hợp, tạo nên *sắc thái trang trọng* cho câu văn.

• ***Bài tập nhanh:***

- Hãy tìm những *từ ghép Hán Việt* có yếu tố ***sĩ*** đứng sau:

* *Gợi ý:* Hiệp sĩ, thi sĩ, chiến sĩ, dũng sĩ, dược sĩ, bác sĩ, chí sĩ, hạ sĩ, nghệ sĩ, tử sĩ, đấu sĩ...

Hoạt động 2
XÁC ĐỊNH NGUỒN GỐC CỦA 2 TỪ *TRƯỢNG* VÀ *TRÁNG SĨ*

▪ G. *hỏi*:

- Các em có hay đọc truyện hoặc xem phim truyện *dã sử* của Trung Quốc trên truyền hình?
- Các em có gặp các từ *trượng* và *tráng sĩ* trong lời thuyết minh hay lời đối thoại của các nhân vật không?

Vậy 2 từ ấy là *từ mượn* của tiếng nước nào?

▪ H. Tiếng Trung Quốc.

▪ G. *chốt*: Chính xác là mượn *từ tiếng Trung Quốc cổ*, được đọc theo cách phát âm của người Việt nên gọi là từ Hán Việt.

• ***Bài tập nhanh:***

- Xác định các từ Hán Việt trong 2 câu thơ sau:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

(BÀ HUYỆN THANH QUAN)

- Các từ Hán Việt: Thu thảo, tịch dương, lâu đài...

Hoạt động 3
XÁC ĐỊNH NGUỒN MỘT SỐ TỪ MƯỢN VÀ CÁCH VIẾT

▪ G. Em có nhận xét gì về cách viết của các từ trong nhóm từ:

Sứ giả, ti vi, xà phòng... giang sơn, in- tơ - nét?

▪ H. có từ được viết như từ thuần Việt: *Tivi, xà phòng.*

- Có từ phải có gạch ngang để nối các tiếng: *Ra - đi - ô, in - tơ - nét*
- Vì sao có những cách viết khác nhau ấy?
- G. *gợi ý*:
  - Các từ mượn đã *Việt hóa cao* thì viết giống như từ thuần Việt;
  - Các từ mượn *chưa được Việt hóa cao* thì khi viết cần có gạch nối giữa các tiếng.
- G. Những từ mượn trên có cách viết khác nhau ấy có nguồn gốc từ những thứ tiếng nước ngoài nào?
- H. Từ các ngôn ngữ Ấn - Âu: Tiếng Anh, Pháp, Nga...
- G. Những từ còn lại trong các nhóm từ trên có nguồn gốc từ ngôn ngữ nào?
- H. Từ tiếng Trung Quốc cổ - tiếng Hán cổ.

Sứ giả, giang sơn, gan, buồm, điện.

- G. *chốt*:

  - *Từ mượn* có *hai nguồn chính* là tiếng Hán và tiếng Ấn - Âu.

  - Từ mượn tiếng Ấn - Âu có 2 cách viết khác nhau.

- ***Bài tập nhanh:***
- Hãy so sánh các từ mượn:
- Theo cách viết có gạch nối các tiếng: *gác - đờ - bu, tác - tơ, ra - đi - ô...*

  Với cách viết đã được Việt hoá: *Chắn bùn* (xe đạp), *máy kéo, đài...*
- Cho biết cách viết Việt hóa được dựa vào cơ sở nào?

Gợi ý: Dựa vào cơ sở: *Dịch nghĩa* (gọi tên theo chức năng của sự vật).

Hoạt động 4

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC

- G. *hỏi*:

  1. Từ mượn là gì?

2. Bộ phận quan trọng nhất trong vốn từ mượn tiếng Việt có nguồn gốc từ tiếng của nước nào?

3. Ngoài việc mượn từ nguồn tiếng Hán ra, từ mượn còn có nguồn gốc từ các thứ tiếng nào khác?

4. Các từ mượn từ các thứ tiếng Ấn - Âu có mấy cách viết? Cho một vài ví dụ mà em biết?

▪ H. đọc lại nội dung mục *Ghi nhớ* SGK, t. 25.

• ***Bài tập nhanh:***

- Các từ:

Phụ mẫu, phụ tử, huynh đệ, không phận, hải phận

là từ mượn của tiếng nào?

- Thử dịch nghĩa sang từ thuần Việt?

Gợi ý: - Mượn của tiếng Hán.

- Dịch nghĩa:

Cha mẹ, cha con, anh em, vùng trời, vùng biển.

Hoạt động 5
TÌM HIỂU MỤC II:
XÁC ĐỊNH NGUYÊN TẮC MƯỢN TỪ

▪ G. chỉ định 1 H đứng tại chỗ đọc to đoạn trích ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sau đó các tổ trả lời câu hỏi:

1. Mặt *tích cực* của việc *mượn từ* là gì?
2. Mặt *tiêu cực* của việc *lạm dụng từ mượn* là gì?
3. Liên hệ thực tế?

▪ H. - Mượn từ là một cách làm giàu tiếng Việt.

- Lạm dụng việc mượn từ sẽ làm cho tiếng Việt kém trong sáng.
- Liên hệ: Nhiều biểu hiện lạm dụng tiếng nước ngoài, có khi còn viết sai rất ngớ ngẩn.

- G. *chốt*:

  - Khi cần thiết (tiếng Việt chưa có hoặc khó dịch) thì phải mượn.

  - Khi tiếng Việt đã có từ thì không nên mượn tùy tiện.

- H. đọc *Ghi nhớ 2*, SGK, t. 25.

Hoạt động 6
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. a) Mượn tiếng Hán:

Vô cùng, ngạc nhiên, tự nhiên, sính lễ.

b) Mượn tiếng Hán: Gia nhân.

c) Mượn tiếng Anh:

Pốp, Mai - cơn Giắc - xơn, in - tơ - nét.

2. a) - Khán giả: Khán = xem, giả = người → Người xem.

- Thính giả: Thính = nghe, giả = người → Người nghe.

- Độc giả: Độc = đọc, giả = người → Người đọc.

b) - Yếu điểm: Yếu = quan trọng, điểm = chỗ.

- Yếu lược: Yếu = quan trọng, lược = tóm tắt.

- Yếu nhân: Người quan trọng.

3. a) Tên gọi các đơn vị đo lường:

Mét, lít, ki - lô - mét, ki - lô - gam.

b) Tên gọi các bộ phận xe đạp:

Ghi - đông, gác - đờ - bu, pê - đan...

c) Tên gọi một số đồ vật:

Ra - đi - ô, vi - ô - lông, sa - lông, xích, ghi - đông, bình tông, ba toong, xoong...

4. a) Các từ mượn: Phôn, fan, nốc ao.

b) Có thể dùng:

- Trong hoàn cảnh giao tiếp với bạn bè, người thân.

- Hoặc cũng có thể dùng để viết tin, đăng báo.

c) Không nên dùng trong các trường hợp có nghi thức giao tiếp trang trọng như ngoại giao, hội nghị hoặc tránh dùng trong các văn bản có tính chất nghiêm túc.

5. Chính tả (nghe - viết).

a) Theo SGK.

b) Luyện viết đúng các phụ âm **l / n:**

Thà rằng ăn bát cơm rau,
Còn hơn cá thịt nói nhau nặng lời!
- Nói chín thì nên làm mười,
Nói mười làm chín kẻ cười, người chê!
- Ngó lên nuộc lạt mái nhà
Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.
- Lòng lại dặn lòng non mòn biển cạn,
Bạn lại dặn bạn đá nát vàng phai...

(CA DAO)

Tiết 7 - 8
TẬP LÀM VĂN

TÌM HIỂU CHUNG VỀ *VĂN TỰ SỰ*

A. Kết quả cần đạt

1. G giúp H nắm vững thế nào là *văn bản tự sự?* Vai trò của phương thức biểu đạt này trong cuộc sống, trong giao tiếp.

2. *Nhận diện văn bản tự sự* trong các văn bản đã, đang và sắp học, bước đầu tập viết, tập nói kiểu văn bản tự sự.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

DẪN VÀO BÀI

▪ G. Hỏi:

- Ai có thể giải nghĩa được khái niệm *văn tự sự* là gì?
- Văn tự sự *khác* gì với văn miêu tả? Trong những tình huống nào người ta phải dùng đến văn tự sự?

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU Ý NGHĨA VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA PHƯƠNG THỨC TỰ SỰ

Hoạt động 2.1

H. trả lời câu hỏi về các tình huống giao tiếp sau:

- Cháu muốn bà kể chuyện cổ tích cho cháu nghe.
- Vì sao bạn Lan thôi học? Bạn ấy đã thôi học như thế nào?
- Thơm rất nghèo, nhưng em đã học rất giỏi. Cụ thể chuyện ấy xảy ra như thế nào?
- Người bạn mới quen của cậu - cái An ấy là người như thế nào? Kể cho mình biết đi?

G. giải thích thêm:

Để trả lời các câu hỏi trên, người ta cần phải sử dụng thể văn tự sự - kể chuyện. Nghĩa là để đáp ứng yêu cầu tìm hiểu sự việc, con người, câu chuyện của người nghe, người đọc.

Đó là *phương thức tự sự*.

Hoạt động 2.2

Đọc và nghe truyện truyền thuyết *Thánh Gióng*, em hiểu được những điều gì? Những nội dung dưới đây đã đầy đủ chưa? Vì sao?

▪ H tìm hiểu kỹ mục b, SGK, t. 28, thảo luận.

• ***Định hướng:***

Về cơ bản là đủ, nhưng vẫn cần bổ sung thêm một số chi tiết quan trọng:

- Gióng được dân làng giúp đỡ như thế nào?
- Gióng chiến đấu với giặc như thế nào?
- Roi sắt gãy, Gióng làm gì?
- Sau khi thắng giặc, Gióng làm gì? đi đâu?
- Tại sao Gióng được gọi là *Phù Đổng Thiên vương*?...

* Nếu thiếu những chi tiết trên, câu chuyện sẽ rời rạc, khó hiểu.

Hoạt động 2.3

Tìm hiểu phương thức thể hiện của tự sự:

▪ H. *liệt kê* chuỗi chi tiết trong truyện *Thánh Gióng*, từ chi tiết mở đầu đến chi tiết kết thúc. Qua đó cho biết truyện thể hiện nội dung chủ yếu gì?

• ***Định hướng:***

- *Chi tiết mở đầu:*

Vợ chồng nông dân nghèo làng Phù Đổng đã già mà chưa có con.

- *Các chi tiết biểu hiện diễn biến của câu chuyện:*

Bà vợ giẫm vào vết chân lạ → Thụ thai khác thường → Gióng ra đời → Ba năm không nói cười, không hoạt động → Nghe tiếng sứ giả → Câu nói đầu tiên → Yêu cầu đầu tiên → Cả làng giúp đỡ → Gióng lớn mạnh phi thường → Chiến đấu với giặc Ân → Roi sắt gãy → Nhổ tre làm vũ khí → Đuổi giặc đến chân núi Sóc → Bay về trời → Được phong thần, phong vương, dân nhớ ơn đời đời .

- *Chi tiết kết thúc:*

Sự tích tre đằng ngà, làng Cháy.

Truyện thể hiện *chủ đề đánh giặc giữ nước* của người Việt cổ:

Quá trình ra đời, trưởng thành, lập chiến công, thành Thánh của vị anh hùng giữ nước đầu tiên của dân tộc ta.

- H. đọc mục *Ghi nhớ* SGK, t. 28;
- G. *lưu ý, nhấn mạnh*:
  - *Tự sự* là cách kể chuyện, kể việc, kể về con người (*nhân vật*). Câu chuyện bao gồm những sự việc (*chuỗi*) nối tiếp nhau để đi đến kết thúc.
  - *Tự sự* giúp người đọc, người nghe hiểu rõ sự việc, con người, hiểu rõ vấn đề, từ đó bày tỏ thái độ khen, chê.
  - Trong cuộc sống, trong giao tiếp cũng như trong văn chương truyền miệng, văn chương viết đều rất cần đến tự sự.

(Hết tiết 7, chuyển tiết 8)

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP TRÊN LỚP

1. H đọc mẩu chuyện *Ông già và Thần Chết* và trả lời câu hỏi trong *bài tập 1* (SGK,t.28).

- ***Định hướng:***

- *Phương thức tự sự trong truyện:*

Kể theo trình tự thời gian, sự việc nối tiếp nhau, kết thúc bất ngờ, ngôi kể thứ 3.

- *Ý nghĩa câu chuyện:* + Ca ngợi trí thông minh, biến báo linh hoạt của ông già.
  + Cầu được ước thấy.

2. H. đọc 2 lượt bài thơ *Sa bẫy* của Nguyễn Hoàng Sơn.

a) Trả lời câu hỏi: Bài thơ này có phải tự sự không? Vì sao?

- ***Định hướng:***

Đó chính là *bài thơ tự sự*. Vì tuy diễn đạt bằng thơ 5 tiếng nhưng bài thơ đã kể lại một câu chuyện có đầu có cuối, có nhân vật, chi tiết,

diễn biến sự việc nhằm mục đích chế giễu tính tham ăn của mèo đã khiến mèo tự mình *sa bẫy của chính mình*.

b) Kể *miệng* câu chuyện trên.

• ***Định hướng:***

Yêu cầu kể: Tôn trọng mạch kể trong bài thơ.

- Bé Mây rủ mèo con đánh bẫy lũ chuột nhắt bằng cá nướng thơm lừng treo lửng lơ trong cái cạm sắt.
- Cả bé, cả mèo đều nghĩ bọn chuột sẽ vì tham ăn mà mắc bẫy ngay.
- Đêm, Mây nằm mơ thấy cảnh chuột bị sập bẫy đầy lồng. Chúng chí cha chí choé khóc lóc, cầu xin tha mạng.
- Sáng hôm sau, ai ngờ khi xuống bếp xem, bé Mây chẳng thấy chuột, cũng chẳng còn cá nướng, chỉ có ở giữa lồng, mèo ta đang cuộn tròn ngáy *khì khò*... Chắc mèo ta đang mơ!...

3. Hai văn bản:

a) *Huế: Khai mạc trại điêu khắc quốc tế lần thứ ba,*

b) *Người Âu Lạc đánh tan quân xâm lược,* có nội dung tự sự không? Vì sao? Tự sự ở đây có vai trò gì?

• ***Định hướng:***

- Cả hai văn bản đều có nội dung tự sự với nghĩa kể chuyện, kể việc.
- Tự sự ở đây có vai trò giới thiệu, tường thuật, kể chuyện thời sự hay lịch sử.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

1. Giải thích vì sao người Việt thường tự cho mình thuộc dòng dõi *con Rồng, cháu Tiên* bằng một câu chuyện khoảng độ 1/2 trang.

2. Bài tập 5, SGK. t. 30. Kể vắn tắt cho các bạn trong lớp nghe về thành tích của bạn Giang trong khoảng từ 1/3 - 1/2 trang.

3. Sáng chủ nhật cuối cùng của năm 2001, Hùng Nam được bố cho đi xem chương trình *ca nhạc - xiếc môtô bay* "***Âm vang sông Hồng***" trên bãi cát An Dương. Thật là tuyệt diệu, hay hơn xem ti vi ở nhà nhiều!

- Bạn có muốn nghe kể lại không?

- Tôi xin kể lại.

4. Kể lại một trận đấu bóng đá *vòng chung kết thế giới* mùa hè năm 2002 mà em say mê nhất? Em thích đội bóng nào nhất? Vì sao?./.

Tuần 3

BÀI 3

Tiết 9
VĂN HỌC

SƠN TINH, THỦY TINH
(Truyền thuyết)

A. Kết quả cần đạt

1. - Đạt điểm 1. mục "*Kết quả cần đạt*" (SGK. tr. 30).

- Nắm vững mục"*Ghi nhớ*": Truyền thuyết *"Sơn Tinh, Thủy Tinh"* phản ánh hiện tượng lũ lụt và thể hiện ước mong của người Việt cổ muốn giải thích và chế ngự thiên tai. Truyền thuyết dân gian không chỉ *thần thoại hóa, cổ tích hóa* lịch sử, mà cũng thường *hoang đường hóa* hiện tượng khách quan, hiện tượng tự nhiên.

2. *Tích hợp* với phần *Tiếng Việt* ở khái niệm: *Nghĩa của từ*, với *Tập làm văn* ở khái niệm *các yếu tố sự việc và nhân vật, vai trò của các yếu tố đó trong văn kể chuyện.*

3. Rèn kỹ năng *vận dụng liên tưởng, tưởng tượng sáng tạo để tập kể chuyện sáng tạo theo cốt truyện dân gian.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

TỔ CHỨC KIỂM TRA BÀI CŨ

(HÌNH THỨC: VẤN ĐÁP)

- ***Câu hỏi 01:***

Kể sáng tạo truyện "*Thánh Gióng*". Nhận xét *kết* truyện?

- ***Câu hỏi 02:***

Giới thiệu bằng 3 - 4 câu về *bức tranh minh họa* truyền thuyết này của bản thân với các bạn?

Hoạt động 2
DẪN VÀO BÀI

a) Cho H. xem một *đoạn băng* cảnh lũ lụt ở miền Trung năm 1999 hoặc ở đồng bằng sông Cửu Long năm 2000, cảnh nhân dân chống lụt.

b) G. *nói chậm, truyền cảm:*

Dọc dải đất hình chữ S, bên bờ biển Đông, Thái Bình Dương, nhân dân Việt Nam chúng ta, nhất là nhân dân miền Bắc, hàng năm phải đối mặt với mùa mưa bão, lũ lụt như là *thủy - hỏa - đạo - tặc* hung dữ, khủng khiếp. Để tồn tại, chúng ta phải tìm mọi cách sống, chiến đấu và chiến thắng giặc nước. Cuộc chiến đấu trường kì, gian truân ấy đã được thần thoại hóa trong truyền thuyết "*Sơn Tinh, Thủy Tinh*":

"Núi cao, sông hãy còn dài,
Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen..."

(CA DAO)

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN TẬP ĐỌC, TẬP KỂ, TÌM HIỂU BỐ CỤC VÀ GIẢI THÍCH TỪ KHÓ

1. Yêu cầu đọc, kể:

Giọng chậm rãi ở đoạn đầu, nhanh gấp ở đoạn sau: Đoạn tả cuộc giao chiến giữa hai thần. Đoạn cuối, giọng đọc, kể trở lại chậm, bình tĩnh,...

2. Có thể tổ chức *đọc, kể sáng tạo* theo cách G. đóng vai Hùng vương, 04 H. lần lượt đóng vai Sơn Tinh, Thủy Tinh, 02 H. khác đóng vai người kể chuyện.

- G. cùng H. nhận xét cách đọc, cách kể.

3. Giải thích thêm một số từ khó sau:

- *Cồn:* Dải đất (cát) nổi lên giữa sông hoặc bờ biển.

- *Vấn* (cơm nếp): Mâm.

- *Nệp* (bánh chưng): Cặp (hai, đôi)

4. *Bố cục* truyện:

a) Mở truyện:

Hùng vương muốn chọn rể.

b) Thân truyện:

- Vua Hùng ra điều kiện kén rể.
- Sơn Tinh đến trước,được vợ. Thủy Tinh đến sau đành về không, nổi giận, quyết gây chiến trả hờn.
- Trận quyết chiến giữa hai thần.

c) Kết truyện:

Cuộc chiến vẫn tiếp tục hàng năm.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

1. Giới thiệu hoàn cảnh truyện và các nhân vật

- G. *hỏi*:

  Truyền thuyết có bao nhiêu nhân vật? Giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh ai là nhân vật chính? Vì sao? Hình dáng bên ngoài của hai thần có gì khác thường? Điều đó nói lên cái gì?

- H. thống kê, trả lời, thảo luận.

- ***Định hướng:***

  - Truyện có 05 nhân vật chính:
  - Hùng vương thứ 18 - Người kén rể
  - Mị Nương - Con gái vua Hùng, vợ Sơn Tinh.
  - Sơn Tinh - Thần núi Tản Viên.
  - Thủy Tinh - Thần nước sông Hồng.
  - Lạc hầu.

- Hai nhân vật chủ yếu của truyện là *Sơn Tinh* và *Thủy Tinh*. Cả hai thần đều được miêu tả rất kì dị nhưng oai phong:

"Sơn Tinh có một mắt ở trán,
Thủy Tinh hàm râu xoăn, xanh rì,
Một thần cưỡi bạch hổ trên cạn,
Một thận cưỡi lưng rồng uy nghi."

(NGUYỄN NHƯỢC PHÁP)

- Cả hai thần đều có tài lạ hô phong hoán vũ, đảo hải di sơn, đều xứng đáng làm rể vua Hùng. Cách giới thiệu như trên khiến người nghe rất hấp dẫn, mặt khác sẽ dẫn tới cuộc tranh tài, đọ sức ngang ngửa giữa hai thần vì một người con gái mắt phượng mày ngài: Mị Nương.

2. Vua Hùng kén rể

- H. Nhận xét về điều kiện chọn rể của nhà vua?

- ***Định hướng:***

- Vua Hùng phân vân:

"Chỉ có một nàng mà hai rể,
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều!"

- Kén rể bằng cách thi tài dâng lễ vật *sớm*. Lễ vật vừa trang nghiêm, giản dị, truyền thống vừa quí hiếm, kì lạ. Ai hoàn thành sớm, mang đến sớm là thắng.
- Nhưng không cần tinh ý lắm, ta cũng có thể nhận thấy sự thiên vị của ông *bố vợ tương lai* đối với chàng *Sơn Tinh* may mắn, số đào hoa. Bởi "*Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao*" đều là những con vật sống ở trên cạn, xứ sở của *Sơn Tinh*; lại còn phải mang tới *thật sớm* nữa!
- Nhưng nếu Thủy Tinh nhận ra điều này cũng khó có thể thắc mắc trước Hùng Vương có toàn quyền quyết định. Chàng chỉ còn cách gắng hết sức để thi tài mà thôi! Thủy Tinh *hai lần bất lợi* trước Sơn Tinh, nhưng chàng vẫn quyết trổ hết tài lạ đấu với thần Núi.

- Sự *thiên vị* của vua Hùng phản ánh thái độ của người Việt cổ đối với núi rừng và lũ lụt. Lũ lụt là kẻ thù, chỉ đem lại tai hoạ. Còn rừng núi là quê hương, là ích lợi, là bè bạn, là ân nhân. *Mô típ* kén rể bằng cách thi tài từ những điều kiện do ông bố vợ đặt ra đã trở thành phổ biến trong nhiều truyền thuyết, cổ tích Việt Nam.

3. Cuộc chiến đấu giữa hai thần

- H. Đọc đoạn văn kể chuyện chiến đấu giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh và trả lời câu hỏi: Vì sao Thủy Tinh chủ động dâng nước để đánh Sơn Tinh? Cảnh Thủy Tinh giương oai diễu võ, hô gió gọi mưa, sóng dâng cuồn cuộn, làm nên bão tố ngập trời thật là dữ dội gợi cho em hình dung ra cảnh gì mà nhân dân ta thường gặp hàng năm và không mấy năm tránh thoát?

• ***Định hướng:***

- Thủy Tinh chậm chân vì tìm lễ vật oái oăm nơi biển cả thật gian khó vô vàn. Tìm được đủ đồ sính lễ thì lại chậm bước so với thần Núi. Chàng chỉ là người không may mà thôi! Thua cuộc, không được lấy Mị Nương, Thủy Tinh vô cùng giận dữ, nổi giận, nổi ghen, quyết đánh Sơn Tinh, cướp lấy Mị Nương cho bõ hờn.
- Cuộc tấn công của Thần Nước thật nhanh chóng và khủng khiếp. Nước dâng ngút trời, dông bão thét gào, như cơn giận điên cuồng, như cơn ghen tuông mù quáng. Đó chính là sự *kì ảo hóa* cảnh lũ lụt vẫn thường xảy ra ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng hàng năm. Hiện tượng tự nhiên, hiện thực khách quan đã được giải thích một cách ngây thơ và lí thú như thế đấy.

- G. - *Sơn Tinh* đã đối phó như thế nào? Kết quả ra sao?

  Câu "*Nước dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi dâng lên cao bấy nhiêu*" hàm ý gì?

- H. Thảo luận, giải thích.

• ***Định hướng:***

- Sơn Tinh không hề run sợ, chống cự kiên cường, quyết liệt không kém, càng đánh càng mạnh. Cuối cùng, không làm gì nổi, Thủy

thần đành phải rút lui. Câu "*Nước dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cũng dâng lên cao bấy nhiêu*", với kết cấu " *Càng...bao nhiêu, càng... bấy nhiêu*", thể hiện cuộc chiến đấu giằng co, bất phân thắng phụ giữa hai thần, mặt khác, còn thể hiện quyết tâm bền bỉ, sẵn sàng đối phó kịp thời và nhất định chiến thắng bão lũ của các bộ tộc miền núi trước sự tiến công của các bộ tộc miền ven sông, ven biển.

- Bức tranh hoành tráng vừa hiện thực vừa giàu chất thơ, khẳng định sức mạnh của con người trước thiên nhiên hoang dã. Đắp đê ngăn lũ, chống bão - một kì công vĩ đại của nhân dân ta trong trường kì lịch sử - đã được *thần thoại hóa* bằng một truyền thuyết nên thơ như thế đấy.
- Nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp, trong bài thơ lãng mạn *"Sơn Tinh, Thủy Tinh"*, bằng tưởng tượng ngộ nghĩnh và bay bổng của mình, đã hình dung các cảnh:

+ Thủy Tinh...

"Tay hất chòm râu xanh:
Bắt quyết, hô mây to, nước cả
Giậm chân, rung khắp làng gần quanh"

+ Còn Sơn Tinh thì:

"Vung tay niệm chú: Núi từng dải,
Nhà lớn, đồi con lổm ngổm bò...
Chạy mưa!"

+ Cảnh *hỗn đấu* giữa tướng và quân của hai thần thật ghê gớm, khủng khiếp:

"Sóng cả gầm reo, lăn như chớp,
Thủy Tinh cưỡi lưng rồng hung hăng
Cá voi quác mồm to, muốn đớp,
Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng,
Càng cua lởm chởm giơ như mác

Tôm kênh chạy quắp đuôi xôn xao...
Sơn Tinh hiểu thần ghen, tức khắc
Niệm chú, đất nảy vù lên cao!"

4. Kết truyện:

- G. *Nêu vấn đề*:

  Một kết thúc truyện như thế phản ánh sự thật gì? Về nghệ thuật, nó gợi cho em cảm xúc như thế nào?

- H. trao đổi, phát biểu ý kiến.

- ***Định hướng:***
  - Kết truyện như trên là một cách giải thích hết sức độc đáo, nghệ thuật hiện tượng lũ lụt ở miền Bắc nước ta mang tính *chu kì/năm/lần*, qua tính ghen tuông dai dẳng của con người, của Thần Nước:

    "Núi cao, sông hãy còn dài,
    Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen"

    (CA DAO)

  - Bởi vậy, bền bỉ, kiên cường chống lũ, bão để sống, tồn tại và phát triển là lẽ sống tất yếu của con người ở nơi đây.

Hoạt động 5

HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT VÀ LUYỆN TẬP

1. H. đọc và trình bày lại mục:"*Ghi nhớ*".

2. 4 H. nối nhau kể lại toàn truyện trong các vai *Mị Nương, Thủy Tinh, Sơn Tinh, Hùng Vương.*

3. Học truyền thuyết "*Sơn Tinh, Thủy Tinh*", em có suy nghĩ gì về việc Nhà nước và nhân dân ta hiện nay đang tích cực xây dựng, củng cố đê điều, nghiêm cấm nạn chặt, phá rừng, trồng thêm 05 triệu ha rừng? Có thể nói rằng, nhân dân Việt Nam chúng ta hiện nay chính là những chàng *Sơn Tinh của thời đại mới*, đang làm tất cả để đẩy lùi lũ lụt, ngăn chặn nó, khắc phục nó, vượt qua và chiến thắng.

Mặt khác, nạn *lâm tặc*, nạn chặt, phá rừng đầu nguồn bừa bãi, nạn cháy rừng trên quy mô lớn như ở vùng rừng U Minh những năm gần

đây đã và đang trở thành hiểm họa để cho Thủy Tinh, Thủy quái lại thả sức hoành hành, gây nên những trận lũ lụt khủng khiếp. Bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường là bảo vệ chính cuộc sống yên bình của chúng ta trong hiện tại và tương lai.

4. Luyện tập ở nhà:

- Đọc thêm bài thơ "*Sơn Tinh, Thủy Tinh*" của Nguyễn Nhược Pháp.
- *Vẽ tranh minh họa* theo tưởng tượng của mình, hình ảnh một trong 04 nhân vật chính của truyện.

5. Soạn bài "*Sự tích Hồ Gươm*"./.

Tiết 10 - 11
TIẾNG VIỆT

NGHĨA CỦA TỪ

A. Kết quả cần đạt

1. H. nắm vững:

- Thế nào là *nghĩa* của từ?
- Một số cách giải thích *nghĩa* của từ?

2. *Tích hợp* với phần *Văn* ở văn bản *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, với phần *Tập làm văn* ở khái niệm: *Sự việc và nhân vật trong văn tự sự.*

3. Luyện *kỹ năng giải thích nghĩa cuả từ* để dùng từ một cách có ý thức trong nói, viết.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
XÁC ĐỊNH NGHĨA CỦA TỪ VÀ CÁCH GIẢI NGHĨA CỦA TỪ

- **G. Nếu lấy dấu hai chấm (:) làm chuẩn thì các ví dụ trong SGK, t. 35, gồm mấy phần? Là những phần nào?**

- H. Gồm 2 phần:

  - Phần bên trái là các *từ in đậm* cần giải nghĩa.

  - Phần bên phải là *nội dung giải thích nghĩa của từ.*

- G. Chỉ định một H. đọc to phần giải nghĩa từ *tập quán*; sau đó đặt câu hỏi:

  Trong 2 câu sau đây, 2 từ *tập quán* và *thói quen* có thể thay thế cho nhau được hay không? Tại sao?

  a) Người Việt có *tập quán* ăn trầu.

  b) Bạn Nam có *thói quen* ăn quà vặt.

- G. hướng dẫn H. thảo luận, gợi ý, định hướng trả lời:

  a) Câu a, có thể dùng cả 2 từ:

  + Người Việt có *thói quen* ăn trầu.

  + Người Việt có *tập quán* ăn trầu.

  b) Câu b, chỉ dùng được từ *thói quen*, không dùng được từ *tập quán*:

  + Có thể nói: Bạn Nam có *thói quen* ăn quà vặt.

  + Không thể nói: Bạn Nam có *tập quán* ăn quà vặt.

- ***Lí do:***

- Từ *tập quán* có ý nghĩa *rộng* (phạm vi *biểu vật* rộng), thường gắn với *chủ thể là số đông*.

- Từ *thói quen* có ý nghĩ *hẹp* (phạm vi *biểu vật* hẹp), thường gắn với *chủ thể là một cá nhân.*

  Vậy từ *tập quán* đã được giải thích ý nghĩa như thế nào?

- H. Giải thích bằng cách *diễn tả khái niệm* mà từ biểu thị.

- ***Bài tập nhanh:***

  Hãy giải thích các từ: *Cây, đi, già*... theo cách trên và cho ví dụ?

Gợi ý:

- *Cây*: Một loại thực vật có rễ, thân, cành, lá... rõ rệt.

Ví dụ: Cây bưởi, cây na, cây mít, cây phi lao...

- *Đi*: Hoạt động rời chỗ bằng chân, tốc độ bình thường, hai bàn chân *không* đồng thời nhấc khỏi mặt đất.

  Ví dụ: Đi học, đi chợ, đi xem phim, đi họp...

- *Già*: Tính chất của sự vật, phát triển đến giai đoạn cao hoặc giai đoạn cuối.

  Ví dụ: Cau già, chuối già, người già...

▪ G. chỉ định 1 H. đọc to phần giải nghĩa từ *lẫm liệt*, sau đó đặt câu hỏi:

Trong 3 câu sau đây, 3 từ *lẫm liệt, hùng dũng, oai nghiêm*... có thể thay thế cho nhau được không? Tại sao?

a) Tư thế *lẫm liệt* của người anh hùng.

b) Tư thế *hùng dũng* của người anh hùng.

c) Tư thế *oai nghiêm* của người anh hùng.

▪ G. *gợi ý, định hướng trả lời*:

3 từ *có thể thay thế cho nhau được* vì chúng không làm cho nội dung thông báo (nội dung miêu tả) và sắc thái ý nghĩa (trang trọng của câu thay đổi).

▪ G. 3 từ có thể thay thế cho nhau được, gọi là 3 từ gì?

▪ H. 3 từ *đồng nghĩa*.

▪ G. Vậy từ *lẫm liệt* đã được giải thích ý nghĩa như thế nào?

▪ H. giải thích ý nghĩa bằng cách dùng từ đồng nghĩa.

• ***Bài tập nhanh:***

Hãy giải thích ý nghĩa các từ: *Trung thực, dũng cảm, phân minh*... theo cách trên và cho ví dụ?

Gợi ý:

- *Trung thực:* Thật thà, thẳng thắn.

  Ví dụ: + Anh Bắc là người *trung thực*.

+ Anh Bắc là người *thật thà.*

+ Anh Bắc là người *thẳng thắn.*

- *Dũng cảm*: Can đảm, quả cảm.

Ví dụ: + Anh Đông là người *dũng cảm.*

+ Anh Đông là người *quả cảm.*

+ Anh Đông là người *can đảm.*

- *Phân minh*: Rõ ràng, *minh bạch.*

Ví dụ: + Anh Ba là người có thái độ yêu ghét *phân minh.*

+ Anh Ba là người có thái độ yêu ghét *rõ ràng.*

+ Anh Ba là người có thái độ yêu ghét *minh bạch.*

- G. chỉ định 1 H. đọc to lời giải thích nghĩa từ *nao núng*, sau đó hỏi:

  Em có nhận xét gì về cách giải thích ý nghĩa từ *nao núng*?

- H. Giống cách giải thích ý nghĩa của từ *lẫm liệt.*

- G. Ngoài 2 cách trên, chúng ta còn có cách thứ 3. Các em hãy làm bài tập sau:

  Tìm những từ trái nghĩa với các từ: *Cao thượng, sáng sủa, nhẵn nhụi.*

- H. đại diện 4 tổ lên bảng thi tìm, viết các từ trái nghĩa. Cả lớp nhận xét, đánh giá.

- ***Định hướng:*** Các từ trái nghĩa với:

  - *Cao thượng*: Nhỏ nhen, ti tiện, đê hèn, hèn hạ, lèm nhèm...

  - *Sáng sủa*: Tối tăm, hắc ám, âm u, u ám, nhem nhuốc...

  - *Nhẵn nhụi*: Sù sì, nham nhở, mấp mô, lổn nhổn, lởm chởm...

- G. Các từ *cao thượng, nhẵn nhụi, sáng sủa*... đã được giải thích ý nghĩa như thế nào?

- H. Giải thích bằng *từ trái nghĩa.*

Hoạt động 2
HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC

- ***Thao tác 1.* Mô hình hóa từ**

- G. Mỗi chú thích cho 3 từ *tập quán, lẫm kiệt, nao núng* gồm mấy bộ phận? Là những bộ phận nào?
- H. 2 bộ phận: Từ và ý nghĩa của từ.
- G. Bộ phận nào trong chú thích nêu lên ý nghĩa của từ?
- H. Bộ phận đứng sau dấu hai chấm (:).
- G. Nghĩa của từ ứng với phần nào trong mô hình dưới đây?

Hình thức
Nội dung

- H. ứng với phần nội dung.
- G. *Chốt*:

+ *Nội dung* là cái *chứa đựng* trong hình thức của từ.

+ *Nội dung* là cái *có từ lâu* đời (vốn có trong từ).

+ Ngày nay, chúng ta phải tìm hiểu để dùng từ cho đúng.

Ví dụ: - Từ: *Cây*.

- Hình thức: Là từ đơn, chỉ có 1 tiếng.
- Nội dung: Chỉ 1 loài thực vật.
- Từ: *Xe đạp*.
- Hình thức: Là từ ghép 2 tiếng.
- Nội dung: Chỉ 1 loại phương tiện phải đạp mới chuyển dịch được.

- Từ: *Bâng khuâng*.
- Hình thức: Là từ *láy*, gồm 2 tiếng.
- Nội dung: Chỉ một trạng thái tình cảm không rõ rệt của con người.

- ***Thao tác 2.* Xác lập đơn vị kiến thức 1**

- G. Từ mô hình trên, em hiểu thế nào là nghĩa của từ?

- H. Nghĩa của từ là *nội dung* (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ...) mà từ biểu thị.

- ***Bài tập nhanh:***
- Hãy giải thích ý nghĩa của các từ: *Thuyền, đánh, thơm, với*... Cho ví dụ?
- *Thuyền*: Sự vật, phương tiện giao thông đường thủy.

  Ví dụ: Anh như *thuyền* đi, em như bến đậu.
- *Đánh*: Hoạt động của chủ thể tác động đến một đối tượng nào đó.

  Ví dụ: *Tội mày bắc núi mà cân,*

  ***Đánh** mày cho hả lòng dân căm thù.*

  (CA DAO KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP)
- *Thơm*: Tính chất của sự vật, đặc trưng về mùi vị.

  Ví dụ: *Hoa chi **thơm** lạ thơm lùng,*

  *Thơm gốc thơm rễ, người trồng cũng **thơm**.*

  (CA DAO)
- *Với*: Chỉ quan hệ giữa 2 hoặc nhiều đối tượng.

  Ví dụ: *Tôi **với** anh hai người xa lạ.*

  (CHÍNH HỮU)

- ***Thao tác 3.* Xác lập đơn vị kiến thức 2**
- H. đọc lại các chú thích ở phần I (các từ *tập quán, lẫm liệt, nao núng*), nêu vấn đề:

  Có mấy cách giải nghĩa của từ? Là những cách nào?
- H. Có 2 cách chính là:

  - Trình bày khái niệm mà **từ biểu thị**.
  - **Đưa** ra những từ ***đồng nghĩa*** **hoặc *trái nghĩa* với từ cần giải thích.**
- H. đọc to mục *Ghi nhớ* ở **phần II, sau đó nhấn mạnh:**

  Để hiểu sâu sắc ý **nghĩa của 1 từ, có thể đưa ra cùng lúc các *từ đồng nghĩa*** và ***trái nghĩa*.**

Ví dụ:

- Từ: *Trung thực.*

  Đồng nghĩa: Thật thà, thẳng thắn, ngay thật.

  Trái nghĩa: Dối trá, lươn lẹo, trí trá.

- Từ: *Thông minh.*

  Đồng nghĩa: Sáng dạ, mẫn tiệp, thông tuệ.

  Trái nghĩa: Tối dạ, đần độn, ngu dốt.

(Hết tiết 10, chuyển tiết 11)

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Đọc lại các chú thích sau văn bản: *Sơn Tinh, Thủy Tinh.* Cho biết mỗi chú thích giải nghĩa từ theo cách nào?

a) Chú thích 1. Sơn Tinh: Thần Núi; Thủy Tinh: Thần Nước.

Sơn = núi; thủy = nước; tinh = thần linh.

Cách giải thích *dịch* từ Hán Việt sang từ thuần Việt.

b) Chú thích 2: Cầu hôn: Xin được lấy vợ.

Cách giải thích *trình bày khái niệm* mà từ biểu thị.

c) Chú thích 3: Tản Viên: Núi cao... trên đỉnh ngọn tỏa ra như cái tán nên gọi là Tản Viên.

Cách giải thích bằng việc *miêu tả* đặc điểm của sự vật.

d) Chú thích 4: Lạc hầu: Chức danh...

Cách giải thích *trình bày khái niệm* mà từ biểu thị.

e) Chú thích 5: Phán: Truyền bảo.

Cách giải thích bằng *từ đồng nghĩa* (có chú ý sắc thái ý nghĩa)

g) Chú thích 6: Sính lễ: Lễ vật nhà trai đem đến nhà gái...

Cách giải thích *trình bày khái niệm* mà từ biểu thị.

h) Chú thích 7: Tâu: Thưa trình.

Cách giải thích bằng *từ đồng nghĩa* (có chú ý sắc thái ý nghĩa)

i) Chú thích 8: Hồng mao: Bờm ngựa.

Cách giải thích bằng *khái niệm* mà từ biểu thị.

k) Chú thích 9: Nao núng: Lung lay.

Cách giải thích bằng *từ đồng nghĩa.*

2. *Điền từ.*

a) Học tập:..........

b) Học lỏm:......

c) Học hỏi:.........

d) Học hành:..........

3. *Điền từ.*

a) Trung bình:.....

b) Trung gian:.......

c) Trung niên:........

4. *Giải thích từ.*

- *Giếng*: Hố đào sâu vào lòng đất để lấy nước ăn uống.

  Cách *trình bày khái niệm* mà từ biểu thị.

- *Rung rinh*: Chuyển động nhẹ nhàng, liên tục.

  Cách *trình bày khái niệm* mà từ biểu thị.

- *Hèn nhát*: Trái với dũng cảm.

  Dùng *từ trái nghĩa* để giải thích.

5. *Giải nghĩa từ* **mất**.

- ***Lưu** ý Giáo viên:*

- Đây là bài tập khó, vì nó đề cập đến 2 loại nghĩa của từ, là:

  + *Nghĩa từ điển* (*nghĩa đen*) của từ khi từ bị tách ra khỏi văn bản.

  + *Nghĩa văn cảnh (nghĩa bóng)* của từ khi từ nằm trong mạng lưới quan hệ ý nghĩa với các từ khác trong văn bản.

- Cách làm như sau:

Bước 1: H. giải nghĩa từ mất theo nghĩa đen: *Mất*: Trái nghĩa với *còn*.

Bước 2: H. thảo luận các *lời thoại*:

- .... cái gì mà mình biết nó ở đâu thì có gọi là *mất* không?
- Đã biết là ở đâu thì sao gọi là *mất*?
- .... cái *ống vôi* của cô không *mất*. Con biết nó nằm ở dưới đáy sông.

▪ G. *gợi ý cho H. đi đến nhận xét:*

Nhân vật Nụ đã giải nghĩa cụm từ không *mất là biết nó ở đâu*. Điều thú vị là cách giải thích này đã được cô Chiêu hồn nhiên chấp nhận.

Như vậy, *mất có nghĩa là không mất, nghĩa là vẫn còn*.

Điều thú vị của bài tập này là ở đó.

• ***Kết luận:***

- So với cách giải nghĩa ở bước 1 là *sai*.
- So với cách giải nghĩa ở trong văn cảnh, trong truyện thì *đúng và rất thông minh*.

Tiết 12
TẬP LÀM VĂN

SỰ VIỆC VÀ NHÂN VẬT TRONG *VĂN TỰ SỰ*

A. Kết quả cần đạt

1. H nắm vững:

- Thế nào là sự việc? Thế nào là nhân vật trong văn tự sự? Đặc điểm và cách thể hiện sự việc và nhân vật trong tác phẩm tự sự. Hai loại nhân vật chủ yếu: Nhân vật chính và nhân vật phụ.
- Quan hệ giữa sự việc và nhân vật.

2. *Tích hợp* với phần *Văn* ở văn bản *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*, với phần *Tiếng Việt* ở khái niệm: *Nghĩa của từ.*

3. Kĩ năng *nhận diện, phân loại nhân vật, tìm hiểu, xâu chuỗi các sự việc, chi tiết trong truyện.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

DẪN VÀO BÀI

- *G. nói chậm:*

Ở bài trước, ta đã thấy rõ, trong tác phẩm *tự sự* bao giờ cũng phải có *việc*, có *người*. Đó là *sự việc* (chi tiết) và *nhân vật* - hai đặc điểm cốt lõi của tác phẩm tự sự.

Nhưng vai trò, tính chất, đặc điểm của *nhân vật* và *sự việc* trong tác phẩm tự sự như thế nào? Làm thế nào để nhận ra? Làm thế nào để xây dựng nó cho hay, cho sống động trong bài viết của mình?

Hoạt động 2

ĐẶC ĐIỂM CỦA SỰ VIỆC VÀ NHÂN VẬT TRONG VĂN TỰ SỰ

Hoạt động 2.1. **Sự việc trong tác phẩm tự sự.**

a) Xem xét 7 sự việc trong truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (SGK, t. 37), chỉ rõ: + Sự việc khởi đầu?

+ Sự việc phát triển?

+ Sự việc cao trào?

+ Sự việc kết thúc?

Mối quan hệ nhân quả giữa chúng?

- ***Định hướng:***

- Sự việc khởi đầu: (1) Vua Hùng kén rể.

- Sự việc phát triển: (2, 3, 4).

+ Hai thần đến cầu hôn.

+ Vua Hùng ra điều kiện kén rể.

+ Sơn Tinh đến trước, được vợ.

- Sự việc cao trào: (5, 6):

    + Thủy Tinh thua cuộc, ghen tuông, dâng nước đánh Sơn Tinh.

    + Hai thần đánh nhau hàng tháng trời, cuối cùng Thủy Tinh thua, rút về.

- Sự việc kết thúc: (7)

    Hằng năm thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh, nhưng đều thua.

- Mối quan hệ nhân quả giữa các sự việc trên:

    Cái trước là nguyên nhân của cái sau. Cái sau là kết quả của cái trước và lại là nguyên nhân của cái sau nữa. Cứ thế, cứ thế cho đến hết truyện.

Ví dụ: - Vua Hùng có kén rể thì mới có hai thần đến cầu hôn.

- Vì hai thần mà chỉ có một gái nên vua phải ra điều kiện.
- Nhưng điều kiện của vua lại cố ý thiên vị cho Sơn Tinh nên Sơn Tinh dễ dàng thắng (đến trước).
- Thủy Tinh thua ắt phải bực giận, phải gây chiến báo thù.
- Hai thần tài giỏi gần ngang nhau nên cuộc chiến dai dẳng, kéo dài.
- Thủy Tinh thua nhưng không cam lòng, vẫn ghen tuông ghê gớm nên năm nào cũng gây chuyện đánh nhau với Sơn Tinh, mặc dù lần nào cuối cùng đều thua.

Tóm lại, các sự việc móc nối với nhau trong mối quan hệ rất chặt chẽ, không thể đảo lộn, không thể bỏ bớt một sự việc nào. Nếu cứ bỏ, dù một sự việc trong hệ thống, lập tức cốt truyện bị ảnh hưởng hoặc thậm chí bị phá vỡ.

b) - Sáu (6) yếu tố cụ thể cần thiết của sự việc trong tác phẩm tự sự là:

+ Ai làm? (Nhân vật)

+ Xảy ra ở đâu? (Không gian, địa điểm)

+ Xảy ra lúc nào? (Thời gian)

+ Vì sao lại xảy ra? (Nguyên nhân)

+ Xảy ra như thế nào? (Diễn biến, quá trình)

+ Kết quả ra sao?

- 6 yếu tố đó trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*:

+ Hùng Vương, Sơn Tinh, Thủy Tinh.

+ Ở Phong Châu, đất của vua Hùng.

+ Thời gian xảy ra: Thời vua Hùng.

+ Nguyên nhân: Sự ghen tuông dai dẳng của Thủy Tinh.

+ Diễn biến: Những trận đánh nhau dai dẳng của hai thần hàng năm.

+ Kết quả: Thủy Tinh thua nhưng không cam chịu. Hằng năm cuộc chiến giữa hai thần vẫn xảy ra.

- Có thể xóa bỏ thời gian và địa điểm trong truyện được không?

Không được, vì nếu vậy, cốt truyện sẽ thiếu sức thuyết phục, không còn mang ý nghĩa truyền thuyết.

- Việc giới thiệu Sơn Tinh có tài là rất cần thiết vì như thế mới có thể chống chọi nổi với Thủy Tinh.

- Nếu bỏ sự việc vua Hùng ra điều kiện kén rể cũng không được, vì không có lí do để hai thần thi tài.

- Việc Thủy Tinh nổi giận rất có lí, vì:

+ Thần rất kiêu ngạo, cho rằng mình chẳng kém Sơn Tinh. Nay chỉ vì chậm chân mà mất vợ, hèn chi chẳng tức!

+ Tính ghen tuông ghê gớm của thần.

c) Sự việc nào thể hiện mối thiện cảm của người kể với Sơn Tinh và vua Hùng?

- Giọng kể trang trọng, thành kính khi nhắc đến vua Hùng và Sơn Tinh. Khi nhắc đến Thủy Tinh, ta không thấy có giọng này.

- Điều kiện kén rể có lợi cho Sơn Tinh, bất lợi cho Thủy Tinh. Đó là dụng ý của vua Hùng.
- Việc Sơn Tinh thắng Thủy Tinh nhiều lần, mỗi năm một lần, có ý nghĩa con người khắc phục, vượt qua lũ lụt, đắp đê thắng lợi.
- Không thể để cho Thủy Tinh chiến thắng Sơn Tinh, vì như thế nghĩa là con người thất bại, bị tiêu diệt còn đâu đến ngày nay!
- Không thể bỏ câu: "*Hằng năm, Thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh*". Vì đó là hiện tượng xảy ra hằng năm ở nước ta. Đó là quy luật thiên nhiên ở xứ này.
- H. đọc hiểu mục 1 *Ghi nhớ* SGK, t. 38.
- G, *chốt* lại:

Sự việc trong văn tự sự được trình bày cụ thể về:

+ Thời gian, địa điểm,

+ Nhân vật cụ thể,

+ Nguyên nhân, diễn biến, kết quả.

Sắp xếp sao cho thể hiện được tư tưởng mà người kể muốn biểu đạt.

Hoạt động 2.2. **Nhân vật trong tác phẩm tự sự:**

a) ***Nhân vật*** *trong tác phẩm tự sự là ai?*

- Là kẻ vừa thực hiện các sự việc vừa là kẻ được nói tới, được biểu dương hay bị lên án.
- Trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, nhân vật chính, có vai trò quan trọng nhất là nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh,.
- Nhân vật được nói tới nhiều nhất: Thủy Tinh.
- Nhân vật phụ: Hùng Vương, Mị Nương. Tuy là nhân vật phụ nhưng họ lại rất cần thiết không thể bỏ được, vì nếu bỏ thì câu chuyện có nguy cơ chệch hướng hoặc đổ vỡ.

b) ***Nhân vật*** *trong văn tự sự được kể như thế nào?*

- Được gọi tên, đặt tên: *Hùng Vương, Sơn Tinh, Thủy Tinh, Mị Nương...*

- Được giới thiệu lai lịch, tính tình, tài năng:

H. tìm ví dụ trong *Sơn Tinh, Thủy Tinh.*

- Được kể các việc làm, hành động, ý nghĩ, lời nói,
- Được miêu tả chân dung, trang phục, trang bị, dáng điệu...

▪ H. tìm và phân tích các điểm trên qua truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh.*

▪ H. đọc và trình bày cách hiểu mục *Ghi nhớ*, ý 2:

- *Nhân vật* trong văn tự sự là kẻ thực hiện các sự việc và là kẻ được thể hiện trong văn bản.
- *Nhân vật chính* đóng vai trò chủ yếu trong việc thể hiện tư tưởng của văn bản.
- *Nhân vật phụ* chỉ giúp nhân vật chính hoạt động.
- *Nhân vật* được thể hiện qua các mặt: Tên gọi, lai lịch, tính nết, hình dáng, việc làm...

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP Ở LỚP

1. Chỉ ra các việc mà các nhân vật trong *Sơn Tinh, Thủy Tinh* đã làm:

- Vua Hùng: Kén rể, mời các Lạc hầu bàn bạc, gả Mị Nương cho Sơn Tinh.
- Mị Nương: Theo chồng về núi.
- Sơn Tinh: Đến cầu hôn, đem sính lễ đến trước, rước Mị nương về núi, dùng phép lạ đánh nhau với Thủy Tinh mấy tháng trời hàng năm: Bốc đồi, dựng thành lũy ngăn nước, càng đánh càng vững vàng.
- Thủy Tinh: Đến cầu hôn, đem sính lễ đến muộn, đem quân đuổi theo định cướp Mị Nương, hô mây, gọi gió, làm thành giông bão, dâng nước sông cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Sức kiệt, thần đành rút quân, nhưng hằng năm vẫn làm mưa, làm gió, bão, dâng nước đánh Sơn Tinh. Cuối cùng, cũng chẳng làm gì nổi Thần non Tản, Thủy thần đành lại phải rút quân.

a) Vai trò, ý nghĩa của các nhân vật:

- Vua Hùng: Nhân vật phụ, nhưng không thể thiếu vì ông là người quyết định cuộc hôn nhân lịch sử.
- Mị Nương: Nhân vật phụ, nhưng cũng không thể thiếu vì nếu không có nàng thì không có chuyện hai thần xung đột ghê gớm như thế.
- Thủy Tinh (Thần Nước): Nhân vật chính, đối lập với Sơn Tinh, được nói tới nhiều, ngang với Sơn Tinh. Hình ảnh *thần thoại hóa* sức mạnh của lũ, bão ở vùng châu thổ sông Hồng.
- Sơn Tinh: Nhân vật chính, đối lập với Thủy Tinh, người anh hùng chống lũ lụt của nhân dân Việt cổ.

b) Tóm tắt truyện theo sự việc của các nhân vật chính:

- Vua Hùng kén rể.
- Hai thần đến cầu hôn.
- Vua Hùng ra điều kiện, cố ý thiên lệch cho Sơn Tinh.
- Sơn Tinh đến trước, được vợ. Thủy Tinh đến sau, mất Mị Nương, đuổi theo định cướp nàng.
- Trận đánh dữ dội giữa hai thần. Kết quả: Sơn Tinh thắng, Thủy Tinh thua, đành rút quân.
- Hằng năm, hai thần vẫn kịch chiến mấy tháng trời, nhưng lần nào Thủy thần cũng đều thất bại, rút lui.

c) Vì sao tác phẩm lại được đặt tên là "*Sơn Tinh, Thủy Tinh*"

- Tên hai thần, hai nhân vật chính của truyện.
- Có thể đổi thành các tên khác, như: *Vua Hùng kén rể, Truyện vua Hùng, Mị Nương, Sơn Tinh và Thủy Tinh, Bài ca chiến công của Sơn Tinh..., Bài ca thắng lũ bão...?*
- *Không nên đổi*, vì tên thứ nhất *chưa nói rõ* nội dung chính của truyện, còn tên thứ hai lại *thừa*. Hai nhân vật Vua Hùng, Mị Nương chỉ đóng vai *phụ*...

- Nhưng cũng vẫn có thể đặt thêm một vài nhan đề theo kiểu hiện đại, chẳng hạn: *Chuyện tình cổ bên dòng sông, Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen, Hờn ghen.., Bài ca thắng bão lũ...*

2. Cho nhan đề truyện: *Một lần không vâng lời.*

Hãy tưởng tượng để kể một câu chuyện theo nhan đề ấy? Dự định của em:

- Kể việc gì? Không vâng lời mẹ.
- Diễn biến? - chuyện xảy ra bao giờ? Chiều chủ nhật.
- Ở đâu? - Ở nhà và ở trường. Không vâng lời mẹ, cứ đi tắm sông, bị chuột rút, bị cảm, phải nghỉ học, hối hận.
- Nhân vật chính là ai?
- Là chính bản thân em đặt tên nhân vật là *Bảo*...

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

1. Kể một *chuyện tổng hợp* về thời các vua Hùng bằng cách *xâu chuỗi* 04 truyện đã học?

2. Kể lại một trong bốn truyện mà em yêu thích nhất? Nói rõ lí do vì sao?/.

Tuần 4

BÀI 4

Tiết 13
VĂN HỌC

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM
(Truyền thuyết)

A. Kết quả cần đạt

1. H. đạt điểm 1. ghi trong mục *"Điểm cần đạt"* (S.GK. tr.39)

2. Nắm vững mục *"Ghi nhớ"* (t.42). Đây là một truyện *cổ tích lịch sử* mà cốt lõi sự thật là cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ mười năm chống quân Minh của nghĩa quân Lam Sơn do Lê Lợi đứng đầu (1418 - 1427). Bằng những chi tiết hoang đường như *gươm thần, Rùa Vàng...* truyện ngợi ca tính chất chính nghĩa, tính chất nhân dân của cuộc khởi nghĩa, giải thích tên gọi Hồ Gươm - hồ Hoàn Kiếm, nói lên ước vọng hòa bình của dân tộc ta.

3. *Tích hợp* với phân môn *Tiếng Việt* ở khái niệm: *Nghĩa của từ, Tập làm văn* ở các khái niệm: *Chủ đề, dàn bài văn tự sự.*

4. Rèn kỹ năng *tóm tắt, kể chuyện diễn cảm.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
KIỂM TRA BÀI CŨ
(HÌNH THỨC: VẤN ĐÁP)

Câu hỏi 01: Kể chuyện *"Sơn Tinh, Thủy Tinh"* trong vai Sơn Tinh. Cảm nhận của em về nhân vật Sơn Tinh?

Câu hỏi 02: Kể chuyện *"Sơn Tinh, Thủy Tinh"* trong vai Thủy Tinh. Cảm nhận của em về nhân vật này?

Câu hỏi 03: - Câu văn:

"Nước dâng cao bao nhiêu, đồi, núi cũng càng dâng cao bấy nhiêu"!

có ý nghĩa gì?

- Cảm nhận của em về các nhân vật Mị Nương, Hùng vương?

Câu hỏi 04: Tại sao nói *kết thúc* truyền thuyết này rất độc đáo?

Hoạt động 2

DẪN VÀO BÀI

- H. *xem tranh hoặc ảnh cảnh Hồ Gươm.*
- G. nói lời dẫn:

"Hà Nội có Hồ Gươm,
Nước xanh như pha mực,
Bên Hồ, ngọn Tháp Bút,
Viết thơ lên trời cao"

(TRẦN ĐĂNG KHOA)

Giữa Thủ đô Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, Hồ Gươm đẹp như một lẵng hoa lộng lẫy và duyên dáng. Những tên gọi đầu tiên của hồ này là hồ Lục Thủy, Tả Vọng, hồ Thủy Quân. Đến thế kỉ 15, hồ mới mang tên Hồ Gươm, hay Hồ Hoàn Kiếm, gắn với sự tích *nhận gươm, trả gươm* thần của người anh hùng đất Lam Sơn: Lê Lợi.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ, TÌM HIỂU BỐ CỤC

1. Giọng đọc chung cho toàn truyện: Chậm rãi, gợi không khí cổ tích.

- G. cùng 3 - 4 H. nối nhau đọc, kể toàn chuyện một lần.

2. G. hướng dẫn H. giải thích thêm một số *từ khó* sau:

- *Bạo ngược*: Tàn ác, hung tợn, ngang ngược.
- *Thiên hạ*: Dưới trời. Mọi người, nhân dân.
- *Tùy tòng*: Người theo hầu, giúp đỡ chủ tướng.
- *Phó thác*: Giao cho, gửi gắm nhiệm vụ quan trọng với niềm tin tưởng.
- *Tả Vọng*: Hướng về bên phải. Một tên cũ của Hồ Gươm.

3. Mạch truyện có thể ngắt làm 04 đoạn:

a) Mở truyện:

Giới thiệu Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

b) Thân truyện:

Diễn biến câu chuyện:

Lê Thận bắt được lưỡi gươm, gia nhập nghĩa quân Lam Sơn. Lê Lợi bắt được chuôi gươm. Lê Thận dâng gươm. Lê Lợi dùng gươm thần đánh thắng giặc Minh. Lê Lợi trả gươm.

c) Kết truyện:

Đổi tên thành ***Hồ Gươm, hồ Hoàn Kiếm***.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

1. *Lê Lợi nhận gươm:*

- H. kể lại đoạn Lê Thận bắt được *lưỡi* gươm, gia nhập nghĩa quân. Lê Lợi bắt được *chuôi* gươm, Lê Thận dâng *lưỡi* gươm lên Lê Lợi.
- G. *nêu vấn đề*:

  Vì sao Long Quân quyết định cho Lê Lợi mượn gươm thần? Vì sao thần lại tách *chuôi* gươm với *lưỡi* gươm, tách người nhận *lưỡi* với người nhận *chuôi*? Các sự việc trên có ý nghĩa gì?
- H. Bàn bạc, thảo luận.

- ***Định hướng:***
  - Khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đang còn ở thời kì trứng nước, quân yếu, đánh thua luôn, Long Quân quyết định cho chủ tướng Lam

Sơn - Lê Lợi mượn gươm thần để tăng sức chiến đấu cho họ, giúp họ chiến thắng kẻ thù mạnh.

- Những chi tiết khá rắc rối: Lê Lợi chỉ bắt được *chuôi gươm* trên ngọn cây. Lê Thận - người đánh cá nghèo khổ ở Thanh Hóa ba lần kéo lưới đều vớt được *lưỡi gươm* rỉ. Sau đó, Lê Thận gia nhập nghĩa quân, tình nguyện dâng lưỡi gươm lên chủ tướng Lê Lợi. *Gươm* và *chuôi* vừa khít như in... làm cho câu chuyện trở nên li kì, hấp dẫn, thiêng liêng, huyền bí.
- Chi tiết hoang đường hàm ý sâu xa: Sự nghiệp của Lê Lợi và nghĩa quân là chính nghĩa, nên được cả thần linh ủng hộ, giúp đỡ. Nhưng đó là gươm thần nên không thể cho một cách đơn giản, mà phải vòng vèo, quanh co.

▪ G. Câu nói của Lê Thận khi dâng gươm lên Lê Lợi có ý nghĩa gì?

• ***Định hướng:***

Khẳng định tính chất chính nghĩa "*ứng mệnh trời, hợp lòng người*' của nghĩa quân, vai trò *Minh chủ* của Lê Lợi. Khẳng định quyết tâm tự nguyện chiến đấu, hi sinh vì sự nghiệp cứu nước, cứu dân của *Minh chủ* Lê Lợi, của Lê Thận và muôn dân Đại Việt.

▪ G. Trong tay Lê lợi, gươm thần đã phát huy tác dụng như thế nào?

Các câu văn: "*Gươm thần tung hoành, gươm thần mở đường*" có ý nghĩa gì?

▪ H. trao đổi, thảo luận.

• ***Định hướng:***

- Sức mạnh của nghĩa quân được nhân lên gấp bội nhờ có gươm thần. Lòng yêu nước, căm thù giặc, đoàn kết quân dân lại được trang bị vũ khí thần diệu là nguyên nhân dẫn đến thắng lợi hoàn toàn. Đó là thắng lợi của chính nghĩa, của lòng dân, ý trời hòa hợp.
- "*Gươm thần tung hoành, gươm thần mở đường*" là cách nói hình tượng tác dụng màu nhiệm của vũ khí lợi hại trong tay nghĩa quân.

2. *Lê Lợi trả gươm - Sự tích Hồ Gươm.*

- G. + Vì sao Long Quân đòi gươm báu?

  + Vì sao địa điểm trả gươm lại ở hồ Lục thủy mà không phải ở Thanh Hóa? Hoặc vì sao chỗ nhận gươm không phải là Thăng Long? - Ý nghĩa của chi tiết này?

- H. Bàn luận, phát biểu quan điểm của mình.

- ***Định hướng:***

  - Long Quân đòi gươm báu vì chiến tranh đã kết thúc, đất nước trở lại thanh bình. Giờ đây, thứ mà muôn dân Đại Việt cần hơn là cái cày, cái cuốc, cần cuộc sống lao động, dựng xây đất nước của mình vừa qua mười năm binh hỏa. Bởi vậy, sứ giả của Long Quân: Thần Kim Quy - Rùa Vàng - mới hiện lên trên sóng hồ Lục Thủy để đòi lại gươm báu.

  - Nhưng tại sao nhận gươm ở Thanh Hoá, trả gươm lại ở Thăng Long? Ấy là bởi vì *nơi mở đầu* cuộc khởi nghĩa là Lam Sơn, Thanh Hóa, còn *nơi kết thúc* cuộc kháng chiến lại chính ở Đông Đô. Nếu để nơi nhận và trả gươm là một chỗ thì mới không hợp lí. Nhận gươm ở xứ Thanh - quê hương Lê Lợi. Hoàn Kiếm thần ở hồ Tả Vọng thủ đô, trung tâm chính trị, văn hóa của cả nước, là để mở ra một thời kì mới - thời kì hòa bình lao động dựng xây; để tên *con hồ Thủ đô* từ nay được đổi thành Hồ Gươm hay Hồ Hoàn Kiếm - một cái tên độc đáo và rất có ý nghĩa: từ một địa phương vươn rộng ra cả nước.

  - Hình tượng thần Kim Quy - *Rùa Vàng*, một vị Phúc thần, *thượng đẳng thần*, từng có công lớn trong việc giúp An Dương Vương xây thành Cổ Loa, giữ nước Âu Lạc từ trước công nguyên, nay một lần nữa lại xuất hiện giúp *vua* và *dân* Đại Việt. *Rùa Vàng* - hình tượng có nguồn gốc từ văn hóa phương Nam - văn hóa lúa nước. Rùa là một trong *"Tứ linh"*: *Long, li, quy, phượng. Rùa* tượng trưng cho sức mạnh và sự sáng suốt, trầm tĩnh của nhân dân trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT VÀ LUYỆN TẬP.

1. H. nhắc lại mục *"Ghi nhớ"* (SGK. tr.43)

2. Ở truyền thuyết này, lịch sử và huyền thoại, thực và hư đan cài, hài hòa. Một trong những danh lam thắng cảnh của thủ đô được *cổ tích hóa* bằng một câu chuyện phong phú tình tiết, đậm đà chất trữ tình, ca lên bài ca chiến đấu và chiến thắng, ước mơ hòa bình của nhân dân Đại Việt ở thế kỉ 15. Thật là:

"Xem trong đất nước,
Đâu đẹp bằng hồ?
Chốn trần tục xen nơi tiên cảnh,
Giữa thị thành nổi đảo san hô.
Thợ Tạo đã tài xếp đặt,
Công người lại khéo điểm tô"

(TÚ MỠ)

Hồ Gươm - Hoàn Kiếm Hồ - với truyền thuyết này, càng đẹp lung linh như viên ngọc giữa lòng Thủ đô Thăng Long - Đông Đô thân yêu, niềm vinh dự, tự hào của nhân dân cả nước Việt Nam, tô thắm thêm truyền thống ***thành phố vì hòa bình, vì tương lai: Hà Nội - thành phố Rồng bay, thành phố 1000 năm.***

3. Đọc thêm *"Ấn kiếm Tây Sơn"* (tr.43)

4. Soạn bài *"Sọ Dừa"* (tr.47) ./.

Tiết 14
TẬP LÀM VĂN

CHỦ ĐỀ VÀ DÀN BÀI
CỦA BÀI VĂN *TỰ SỰ*

A. Kết quả cần đạt

1. Giúp H nắm vững các khái niệm:

Chủ đề, dàn bài, mở bài, thân bài, kết bài trong một bài văn tự sự.

2. *Tích hợp* với phần *Văn* ở: *Sự tích Hồ Gươm*, với phần *Tiếng Việt* ở khái niệm : *Nghĩa của từ.*

3. Kĩ năng *tìm chủ đề, làm dàn bài* trước khi viết bài.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

DẪN VÀO BÀI

- Muốn hiểu một bài văn tự sự, trước hết người đọc cần nắm được *chủ đề* của nó; sau đó là tìm hiểu *bố cục* của bài văn.
- Vậy, *chủ đề* là gì? *Bố cục* có phải là dàn ý không?
- Làm thế nào để có thể xác định được *chủ đề* và *dàn ý* của tác phẩm tự sự?

Hoạt động 2

TÌM HIỂU CHỦ ĐỀ
CỦA BÀI VĂN TỰ SỰ

Hoạt động 2.1. H đọc bài văn mẫu SGK,t. 43 - 44, trả lời các câu hỏi sau:

a) *Ý chính của bài văn* được thể hiện ở những lời nào? Vì sao em biết? những lời ấy nằm ở đoạn nào của bài văn?

• ***Định hướng:***

Chủ đề (ý chính, vấn đề chính) của bài văn này nằm ở hai câu đầu của bài. Đó là:

"Tuệ Tĩnh là nhà danh y lỗi lạc đời Trần. Ông chẳng những là người mở mang ngành y dược dân tộc, mà còn là người hết lòng thương yêu, giúp đỡ người bệnh".

Ta biết được đó chính là *chủ đề* của bài văn bởi vì nó nói lên ý chính, vấn đề chính, chủ yếu của bài văn. Các câu, đoạn sau là sự tiếp tục triển khai ý chủ đề.

b) *Sự việc trong phần tiếp theo* thể hiện *chủ đề* như thế nào?

• ***Định hướng:***

Danh y Tuệ Tĩnh bị đặt trước sự lựa chọn: Đi chữa cho nhà quí tộc trước hay chữa cho chú bé nhà nghèo bị gãy chân trước? Không chần chừ, ngay lập tức, ông chọn chữa ca gãy chân nguy hiểm hơn. Xong xuôi, ông lại đến ngay để kịp chữa cho nhà quí tộc.

c) *Có thể đặt tên khác* cho truyện được không?

Chọn trong các tên sau:

- *Tuệ Tĩnh và hai người bệnh.*
- *Tấm lòng thầy Tuệ Tĩnh.*
- *Y đức Tuệ Tĩnh.*
- *Tuệ Tĩnh.*

• ***Định hướng:***

Có thể, vì với một chủ đề, có thể có những cách gọi tên khác nhau, nhằm khái quát những cạnh khía khác nhau.

Chọn *nhan đề đầu* vì, nó nhắc tới 3 nhân vật chính của truyện.

Chọn *nhan đề thứ 2* vì nó khái quát phẩm chất của Tuệ Tĩnh - Nhân vật chủ chốt của truyện.

Chọn *nhan đề thứ 3* vì lí do giống như với nhan đề thứ 2, nhưng lại dùng từ Hán - Việt nên trang trọng hơn.

Không thể chọn *nhan đề thứ 4* vì nó quá chung chung.

Hoạt động 2.2. **Vậy, *chủ đề* của bài văn tự sự là gì?**

Chủ đề là vấn đề chủ yếu mà người viết muốn đặt ra trong truyện. *Chủ đề* còn có thể gọi là ý chủ đạo, ý chính của bài văn.Về vị trí trong bài văn, nó có thể nằm ở:

- Trong *phần đầu*, thậm chí ngay trong *câu mở đầu.*
- Trong *phần cuối*, thậm chí ngay trong *câu cuối.*
- Trong *phần giữa* bài.
- *Toát lên từ toàn bộ nội dung* truyện mà không nằm hẳn trong câu nào.

Hoạt động 3. **Tìm hiểu *dàn bài* của bài văn tự sự:**

1. Bài văn trên có mấy phần? Mỗi phần mang tên gọi là gì? Nhiệm vụ của mỗi phần? Có thể thiếu một phần nào được không? Vì sao?

- ***Định hướng:***

Bài văn gồm *3 phần.*

- Phần đầu gọi là: *Mở bài.*
  Nhiệm vụ của nó là giới thiệu chung về nhân vật và sự việc.
- Phần thứ hai dài nhất, gọi là *Thân bài.*
  Nhiệm vụ của nó là phát triển, diễn biến của sự việc, câu chuyện.
- Phần cuối gọi là *Kết bài.*
  Nhiệm vụ của nó là kể lại kết thúc của truyện.
- Trong ba phần, hai phần đầu và cuối thường ngắn gọn. Phần thứ hai dài hơn, chi tiết hơn.
- Tuy nhiên, trong một bài văn, không thể thiếu bất cứ một phần nào.
- Không thể thiếu *mở bài* vì thiếu nó, người đọc khó theo dõi câu chuyện
- Không thể thiếu *kết bài* vì thiếu nó người đọc không biết câu chuyện cuối cùng sẽ ra sao...
- Và tất nhiên, không thể thiếu được phần *thân bài*. Vì nó là cái *xương sống* của truyện.

2. Vậy có thể khái quát như thế nào về *dàn bài* của bài văn tự sự?

- *Dàn bài* hay còn gọi là *bố cục, dàn ý* của bài văn

  Trước khi viết bài, để cho bài đầy đủ, mạch lạc, nhất thiết cần xây dựng dàn bài gồm 3 phần với những ý lớn rồi dựa vào đó mà triển khai làm bài chi tiết.

- H đọc lại mục *Ghi nhớ* SGK, t.45.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP Ở LỚP

1. H đọc 2 lần truyện "*Phần thưởng*" (t. 45), trả lời các câu hỏi sau:

a) Xác định *chủ đề* của truyện? Chủ đề nằm ở phần nào trong truyện? Vì sao biết?

- ***Định hướng:***

- Chủ đề của truyện này là *ca ngợi* trí thông minh và lòng trung thành với vua của người nông dân đồng thời *chế giễu* tính tham lam, cậy quyền thế cửa viên quan nọ. Nhưng chủ đề không nằm trong bất kì phần nào, câu văn nào mà *toát lên* từ toàn bộ nội dung câu chuyện.
- Sự việc thể hiện tập trung cho *chủ đề*: Câu nói của người nông dân với vua.

b) Chỉ rõ 3 phần của truyện?

- ***Định hướng:***

- *Mở bài*: Câu đầu tiên.
- *Thân bài:* Các câu tiếp theo.
- *Kết bài*: Câu cuối cùng.

c) So sánh với truyện *Tuệ Tĩnh*, ta thấy:

Giống nhau:

- Kể theo trật tự thời gian.
- 3 phần rõ rệt.

- Ít hành động, nhiều đối thoại.

Khác nhau:

- Nhân vật trong "*Phần thưởng*" ít hơn.
- Chủ đề trong "*Tuệ Tĩnh*" nằm lộ ngay ở phần mở bài, còn trong "*Phần thưởng*" lại nằm trong sự suy đoán của người đọc.
- Kết thúc "*Phần thưởng* "bất ngờ, thú vị hơn.

d) Sự việc trong phần *thân bài* thú vị ở chỗ nào?

- ***Định hướng:***

Thú vị ở chỗ:

- Đòi hỏi vô lí của viên quan quen thói hạch sách dân.
- Sự đồng ý dễ dàng của người nông dân khiến ta có thể nghĩ rằng: Bác ta đã biết rõ lệ này, muốn cho nhanh việc.
- Câu trả lời của người nông dân với vua thật bất ngờ. Nó thể hiện trí thông minh, khôn khéo của bác nông dân mượn tay nhà vua trừng phạt tên quan thích nhũng nhiễu dân.

2. a) Phần mở bài:

- Trong "*Sơn Tinh, Thủy Tinh*", chưa giới thiệu rõ câu chuyện sắp xảy ra, chỉ mới nói tới việc Hùng Vương chuẩn bị kén rể.
- Trong "*Sự tích Hồ Gươm*", đã giới thiệu rõ hơn cái ý cho mượn gươm tất sẽ dẫn tới việc trả gươm sau này.

b) Phần kết thúc:

- Trong truyện "*Sơn Tinh, Thủy Tinh*", kết thúc truyện theo lối *vòng tròn, chu kì, lặp lại*. Năm một lần, Thủy Thần lại dâng nước đánh ghen. Trận đại chiến giữa hai thần không bao giờ hoàn toàn kết thúc.
- Trong truyện "*Sự tích Hồ Gươm*", kết truyện trọn vẹn hơn.

3. H đọc thêm những cách mở bài khác nhau để cho mỗi truyện thêm hấp dẫn. SGK, t. 46. gợi ý *07 cách*, nhưng *vẫn có thể có những cách khác nữa* tùy theo sự sáng tạo của mỗi người viết.

Hoạt động 5

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

1. Tìm *chủ đề* các truyện: *"Thánh Gióng","Bánh chưng, bánh dày"*? Nói rõ *cách thể hiện chủ đề* của từng truyện khác nhau như thế nào?

2. Lập *dàn ý* cho hai truyện trên. Xác định rõ 3 phần? Các phần mở và kết có gì giống, khác nhau? Theo em, mỗi truyện hay nhất, hấp dẫn nhất ở chỗ nào?

3. Chuẩn bị làm bài viết số 1 - Kể chuyện, tham khảo 3 đề sau:

- ***Đề 1:***

  Kể lại một truyện cổ tích (thần thoại, truyền thuyết...) bằng chính lời văn của em.

- ***Đề 2:***

  Kể lại một kỉ niệm về Tết Nguyên đán mà em nhớ nhất.

- ***Đề 3:***

  Kể về một lần đi tham quan thú vị mà em đã tham gia.

Tiết 15
TẬP LÀM VĂN

TÌM HIỂU ĐỀ VÀ CÁCH LÀM *BÀI VĂN TỰ SỰ*

A. Kết quả cần đạt

1. H. nắm vững các kỹ năng tìm hiểu đề và cách làm một bài văn tự sự; các bước và nội dung tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý và viết thành bài văn.

2. *Tích hợp* với phần *Văn, Tiếng Việt*: Tiếp tục công việc của *tiết 14*.

3. Luyện tập *tìm hiểu* đề và làm *dàn ý* trên một đề văn cụ thể.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

ĐỀ, TÌM HIỂU ĐỀ VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN TỰ SỰ

***Hoạt động 1.1.* Đề văn tự sự:**

Đọc 6 đề trong SGK, t. 47. và trả lời các câu hỏi sau:

- Lời văn đề (1) nêu ra những yêu cầu gì?
  + Kể chuyện.
  + Câu chuyện em thích.
  + Bằng lời văn của em.
- Các đề (3), (4), (5), (6) không có từ kể nhưng vẫn là đề tự sự vì vẫn yêu cầu có việc, có chuyện về những ngày thơ ấu, ngày sinh nhật, quê em đổi mới, em đã lớn như thế nào?
- Các *từ trọng tâm* của từng đề: Câu chuyện em thích, chuyện người bạn tốt, kỉ niệm ấu thơ, sinh nhật em, quê đổi mới, em đã lớn.
- Các đề yêu cầu làm nổi bật điều gì?
  + Câu chuyện từng làm em thích thú.
  + Những lời nói, việc làm chứng tỏ người bạn ấy là rất tốt.
  + Một câu chuyện kỉ niệm khiến em không thể quên.
  + Những sự việc và tâm trạng của em trong ngày sinh nhật
  + Sự đổi mới cụ thể ở quê em .
  + Những biểu hiện về sự lớn lên của em: Thể chất, tinh thần...
- Các đề nghiêng về kể việc: 5, 4, 3.
- Các đề nghiêng về kể người: 2, 6.
- Các đề nghiêng về tường thuật: 5, 4, 3.

***Hoạt động 1.2.* Cách làm bài văn tự sự:**

- ***Luyện tập đề (1):***

a) Tìm hiểu đề: Yêu cầu kể lại một chuyện mà em thích,

Kể bằng chính lời văn của mình. Nghĩa là không sao chép của người khác.

b) Lập ý:

- Chọn chuyện nào?
- Thích nhân vật nào? Sự việc nào? Thể hiện chủ đề gì?
- H. chọn và trình bày cách lựa chọn của mình.

c) Lập dàn ý:

- Mở đầu?
- Diễn tiến câu chuyện?
- Kết thúc?

d) Viết bằng lời văn của em là thế nào?

- Là suy nghĩ kỹ càng rồi viết ra bằng chính lời văn của mình, không sao chép của người khác, bất kể là ai. Nếu cần viện dẫn phải đặt trong ngoặc kép.
- H. đọc thầm và đọc to nội dung mục *Ghi Nhớ* SGK *Ngữ văn* lớp 6, tập 1, t.48.
- G. *hỏi*: Tìm hiểu đề bài thể hiện trong những bước nào? Cách lập dàn bài?.
- H. trả lời.

• ***Định hướng:***

Theo mục *Ghi nhớ* SGK, t. 48.

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. H lập dàn ý theo *đề trên*..

2. H. tìm hiểu *đề 2*.

3. Lập dàn ý *đề 3*.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

1. Tìm hiểu *đề 4*.

2. Lập dàn ý *đề 5*.

3. Lập dàn bài và viết thành văn *đề 6*.

Tiết 16
TẬP LÀM VĂN

BÀI VIẾT TẬP LÀM VĂN SỐ 1

(Làm ở nhà)

- ***Giáo viên có thể chọn trong các đề sau:***

1. Kể lại một truyện (truyền thuyết, cổ tích) bằng lời văn của em (con).
2. Một kỉ niệm đáng nhớ hồi học ở tiểu học.
3. Một việc làm tốt của em (con) trong mùa hè vừa qua.
4. Người bạn mới quen đầu năm học.
5. *Ngày bầu cử Quốc hội khóa 11* ở phường (thôn) em (con) thật vui, nghiêm trang, đúng luật và hoàn thành sớm. Hãy kể lại.

- ***Yêu cầu:***

- Chọn đề nào là tùy giáo viên cân nhắc sao cho vừa với trình độ H của mình, hợp với hoàn cảnh địa phương, nhưng đều yêu cầu H theo các bước:

  + Tìm hiểu đề,

  + Tìm ý,

  + Lập dàn ý,

  + Viết bài,

  + Sửa chữa, chép sạch.

- *Khi nộp bài, tốt nhất có thể nộp cả những tư liệu đó./.*

Tuần 5

BÀI 5

Tiết 17 - 18
VĂN HỌC
SỌ DỪA
(Truyện cổ tích)

A. Kết quả cần đạt

1. Đạt điểm 1. mục *"Điểm cần đạt"* (SGK. tr. 49)

2. Nắm chắc mục "*Ghi nhớ*" (S.đ.d. tr.54

- Đây là *truyện cổ tích* về *người mang lốt vật*, kiểu nhân vật khá phổ biến trong truyện cổ tích Việt Nam và thế giới.
- Truyện đề cao giá trị chân chính của con người và tình thương đối với người bất hạnh.
- *Tích hợp* với phân môn *Tiếng Việt* ở khái niệm *từ nhiều nghĩa* và *hiện tượng chuyển nghĩa của từ*, với *Tập làm văn ở lời văn và đoạn văn tự sự.*

3. Rèn kỹ năng *kể chuyện cổ tích diễn cảm và sáng tạo.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
TỔ CHỨC KIỂM TRA BÀI CŨ
(HÌNH THỨC: VẤN ĐÁP)

Câu hỏi 01: *Hồ Gươm* tự kể chuyện mình trong 03 phút?

Câu hỏi 02: Giải thích các tên gọi từng có của *Hồ Gươm* từ xưa đến nay?

Câu hỏi 03: Việc đòi gươm, trả gươm ở *Hồ Gươm* có những ý nghĩa gì?

Hoạt động 2

DẪN VÀO BÀI

- G. nói chậm truyền cảm:
  - Trong kho tàng truyện cổ tích thần kì Việt Nam, có loại truyện *người mang lốt vật*, lốt quái, thông minh, giỏi giang, trước bị coi thường, sau mới được hưởng hạnh phúc.
  - "*Sọ Dừa*" là một trong những truyện như thế.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ VÀ TÌM HIỂU BỐ CỤC

1. Giọng đọc, kể toàn truyện: Chậm rãi, bình tĩnh; lưu ý thay đổi giọng cho phù hợp với từng nhân vật: Sọ Dừa, Phú ông, Bà mẹ...

- G. cùng 4 H. nối nhau đọc, kể toàn truyện một lần;
- H. nhận xét cách đọc, kể của nhau.

2. G. cùng H. giải thích từ 1 / 3 đến 1/2 số lượng *từ khó* trong mục *chú thích* (SGK.)

3. Xoay quanh nhân vật chính *Sọ Dừa*, mạch truyện diễn biến như sau:

a) Sọ Dừa ra đời.

b) Sọ Dừa đi ở chăn bò cho nhà Phú ông.

c) Sọ Sừa lấy con gái út của Phú ông,

Sọ Dừa đi học, đi thi, đỗ trạng, đi sứ.

d) Vợ Sọ Dừa gặp nạn, dạt vào đảo hoang.

e) Kết truyện:

Vợ chồng Sọ Dừa gặp nhau, mở tiệc mừng.

Hai người chị xấu hổ, bỏ đi biệt tích.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

1. Nhân vật Sọ Dừa.

▪ G. Thử so sánh sự ra đời của các nhân vật: Hùng vương (thứ nhất), (truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*"), Gióng (""*Thánh Gióng*"), Thạch Sanh ("*Thạch Sanh*"), với *Sọ Dừa*?

Tự rút ra nhận xét?

▪ H. phân tích, so sánh, phát biểu ý kiến.

• ***Định hướng:***

- Khác thường, kì lạ, lắm vẻ.
- *Con trai trưởng của Âu Cơ và Lạc Long Quân* ra đời từ *bọc trứng vĩ đại* của Mẹ Tiên.
- *Cậu bé làng Gióng* lại được hình thành từ *vết chân lạ kì*, to tướng in trên ruộng khoai mà bà mẹ nghèo *ướm* vào.
- Mẹ Thạch Sanh *mơ thấy Rồng ấp.*
- Còn mẹ Sọ Dừa thụ thai sau khi *uống cạn nước mưa trong vắt trong một cái đầu lâu* dưới gốc cây, giữa rừng.
- Tuy nhiên, vẫn có *sự khác nhau.*
- Ba người kia, ngay từ khi chào đời đã có *hình dung đẹp đẽ, khỏe mạnh.*
- Riêng Sọ Dừa lại phải mang *lốt quái thai gớm ghiếc*: Một cục thịt tròn lông lốc như cái sọ quả dừa đủ cả mắt, mũi, miệng, tai, chỉ không có thân mình, chân tay.

Đó là *hoàn cảnh đặc biệt và bất hạnh đầu tiên của Sọ Dừa.*

▪ H. đọc và so sánh câu nói đầu tiên của Sọ Dừa và của Gióng với mẹ?

▪ H. đọc hai câu nói và tập so sánh.

• ***Định hướng:***

- Nếu câu nói đầu tiên của Gióng là câu nói *đòi đi giết giặc, cứu nước* thì câu nói đầu tiên của Sọ Dừa là *lời thỉnh cầu mẹ, để mẹ đừng vứt bỏ mình*:

- *"Mẹ ơi! Con là người đấy, mẹ đừng vứt bỏ con đi, tội nghiệp!"*
- Câu nói thật giản dị, cảm động và giàu ý nghĩa. Có lẽ cái lí, cái tình, điều bình thường và điều kì diệu đều tàng ẩn trong câu nói đó.
- *Bình thường*, vì đó là một câu nói, lời van xin của đứa con tội nghiệp khi biết ý định của mẹ định vứt bỏ nó đi.
- *Kì lạ,* vì đó là tiếng nói của một quái thai, vừa mới sinh ra đã biết nói năng rành rẽ, thấu lí, đạt tình.
- Nghe một câu nói như vậy, nghĩ lại, bà mẹ nào có thể cầm lòng vứt bỏ đứa con kì hình dị dạng kia đi? Bởi vì, bên trong cái dị dạng lại có cái bình thường, hợp tình, hợp lí và đặt trong hoàn cảnh ấy, là hết sức cảm động. Vì đó là của *tiếng nói của một con người*. Có lẽ nếu thiếu tiếng nói của con người ấy, thì cục thịt tròn kia đúng là quái thai đáng sợ !
- Rõ ràng, ngay từ khi mới lọt lòng, Sọ Dừa đã chịu bất hạnh, đã phải tìm cách để khẳng định sự tồn tại của mình. Nhân dân hướng sự chú ý đến những người nghèo, những đứa trẻ không may ngay từ lúc mới lọt lòng.

▪ G. Việc *Sọ Dừa* xin mẹ được đi *chăn bò thuê* cho nhà Phú ông có ý nghĩa gì?

▪ H. Thảo luận.

• ***Định hướng:***

- Việc làm này chứng tỏ *Sọ Dừa* là một đứa trẻ ngoan, rất thương yêu mẹ, muốn đỡ đần, giúp mẹ bớt khổ. *Sọ Dừa* là đứa bé yêu lao động, không sợ khó, sợ khổ. Chăn bò được việc, Phú ông hài lòng, Sọ Dừa chuẩn bị cho *tính toán mới có cơ sở vững chắc* của cuộc đời mình: Lấy vợ.

  Ca dao, tục ngữ Việt Nam có câu:

  "Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà,
  Cả ba việc ấy đều là khó khăn"

  Ta hãy xem Sọ Dừa chuẩn bị cho việc lấy vợ như thế nào?

- H. Bàn việc lấy vợ của Sọ Dừa.

- ***Định hướng:***

Lấy vợ, lấy chồng là nhu cầu tự nhiên của con người trưởng thành. *Sọ Dừa* một lần nữa tự khẳng định sự tồn tại và phát triển của mình. Đã nghèo khổ, lại mồ côi cha, hình dung lại hết sức cổ quái, vậy mà *Sọ Dừa* chỉ khăng khăng đòi lấy con gái Phú ông. Bà mẹ đang buồn cũng phải phì cười vì nguyện vọng viển vông của con mình. Phú ông thách cưới rất cao vừa để từ chối khéo vừa tỏ thái độ khinh người nghèo.

Nhưng đến đây *yếu tố thần kì xuất hiện, can thiệp* vào tiến trình phát triển của câu chuyện. Đó là gì?

- H. kiếm tìm, thảo luận, phát biểu ý kiến.

- ***Định hướng:***

- Mỗi khi nhân vật trong truyện cổ tích gặp khó khăn, *bế tắc* không tìm thấy cách giải quyết trong cuộc sống thực tế thì *yếu tố thần kì* xuất hiện.

Điều lí thú là trong truyện này, yếu tố đó không từ một nhân vật thần kì khác như *Bụt, Tiên, Thần...* mà đã có từ trong bản thân nhân vật chính. Trong hình dáng dị dạng lại ẩn chứa nhiều tài lạ, phép lạ. *Sọ Dừa* đã tự lo được mọi đồ sính lễ còn vượt mức yêu cầu của Phú ông.

Điều kì diệu hơn nữa là tác giả dân gian đã để cho câu chuyện phát triển tự nhiên, tuần tự từ thấp lên cao, cho người nghe hứng thú theo dõi liên tục, không nhàm chán, để cho chàng trai Sọ Dừa xuất hiện đúng lúc, đúng chỗ, gây ngạc nhiên và phấn khởi cho mọi người.

Lần đầu tiên, Sọ Dừa chỉ ra khỏi *lốt sọ dừa* trong sự quan sát bí mật của cô gái út con Phú ông. Nhưng sau đó lại chui ngay vào *lốt sọ*.

Phải chăng, vì thế, phải chăng cô út mới e lệ, kín đáo bằng lòng nhận lời lấy Sọ Dừa? Cô út quả có con mắt tinh đời!

Chính cô, và chỉ có mình cô, nhận rõ, một cách tình cờ, rằng bên trong cái *sọ dừa* kì quái là một *chàng trai tuấn tú*, tài giỏi, một *nghệ sĩ thổi sáo* tuyệt vời. Nếu để *Sọ Dừa* xuất hiện ngay, thành người công khai ngay từ lần đó, thì nhất định câu chuyện sẽ giảm đi nhiều hứng thú.

- Hai vợ chồng Sọ Dừa - Cô út- nắm tay nhau ra chào và cảm ơn hai họ trong tiệc cưới là cách xuất hiện của nhân vật đúng và đẹp nhất.

  Nó kết thúc giai đoạn một - giai đoạn đội lốt của nhân vật, đồng thời mở ra một giai đoạn mới trong cuộc đời Sọ Dừa: Giai đoạn ra đi: đi học, đi thi, đi sứ...

▪ G. Nhận xét cách kể đoạn đời đi học, đi thi, đỗ đạt của *Sọ Dừa*? - Nhờ đâu và nhờ ai mà Sọ Dừa thành công?

  Sọ Dừa trước khi đi sứ để lại cho vợ *ba thứ* có ý nghĩa gì?

▪ H. trao đổi, phân tích, phát biểu, thảo luận.

• ***Định hướng***:

  - Sọ Dừa đỗ trạng nguyên, thành sứ giả một cách khá suôn sẻ, nhanh chóng, nhưng không hề nhờ tới bất kì sự trợ giúp nào của thần tiên hay người khác mà nhờ chính ở trí thông minh, nghị lực, tài năng của mình.
  - Đoạn này được kể gọn, như sự tất nhiên là phải thế.
  - Ba vật dùng Sọ Dừa để lại cho vợ trước khi đi xa: *Con dao, hòn đá lửa, hai quả trứng gà*, đều là những vật dùng rất thông thường trong đời sống của người nông dân. Nó thể hiện sự phòng xa, lường trước khó khăn cho vợ ở nhà, của một đầu óc thực tế, giàu kinh nghiệm, chứ không có gì là ảo tưởng, thần kì. Nhưng nếu thiếu chỉ một trong những thứ đó, thì cô út làm sao có thể chui ra khỏi bụng cá, sống sót trên đảo để gặp lại chồng?

- Đó là sự kì diệu của trí tuệ và kinh nghiệm của con người chứ không phải của thần linh, tiên, bụt hay phù phép.

▪ G. *nêu vấn đề*:

- *Sọ Dừa* giải quyết với hai bà chị vợ như thế nào?

- Kết truyện có gì đặc biệt?

▪ H. thảo luận, nêu cách giải quyết.

• ***Định hướng:***

- Đón vợ về, biết rõ âm mưu, hành động xấu xa, tàn ác, trắng trợn của hai người chị vợ, Sọ Dừa đã bình tĩnh giải quyết rất tế nhị, sâu sắc và cao tay.
- Mở tiệc mừng, mời mọi người (kể cả hai chị vợ) đến dự là việc tất nhiên, tự nhiên, hợp lẽ.
- Để vợ ẩn náu trong phòng riêng, để nàng trực tiếp nghe hai bà chị quí hóa kể lể công lao, thương nhớ em, rồi lại liếc mắt đưa tình, tự phơi bầy chân tướng và thủ đoạn, cho thấy Sọ Dừa tài năng, nghị lực, khôn khéo và tế nhị biết chừng nào.
- Sọ Dừa đưa vợ ra chào mọi người đang dự tiệc khiến mọi người ngạc nhiên, xôn xao, vui mừng, còn hai chị xấu hổ, sượng sùng, lẳng lặng kéo nhau ra ngoài, lẩn đi biệt tích.
- Sọ Dừa đã không trách phạt, trừng trị họ (cả hai đứa đều rất đáng bị trừng trị), mà để cho hai người đàn bà đó tự thấy *bẽ bàng* mà *rút lui lặng lẽ trong sự rẻ khinh, lãng quên* của mọi người.
- Cách kết truyện như vậy là *có hậu*, tự nhiên, hợp lí, *sáng tạo* - nhất là cảnh Sọ Dừa trực tiếp trò chuyện với hai người chị vợ.

• ***Tóm lại:***

- *Sọ Dừa* là một chàng trai thông minh tài hoa, giàu nghị lực và kinh nghiệm, sớm biết lo lắng và thực hiện thành công kế hoạch xây dựng sự nghiệp và hạnh phúc gia đình của mình. Một thời gian khá dài trong lốt *quái vật sọ dừa* chỉ càng khiến cho thân phận của chàng thêm li kì, hấp dẫn.

- Nhân dân lao động Việt Nam gửi gắm bao nhiêu tình ý, mơ ước của mình vào nhân vật này.

2. Các nhân vật khác:

- G. *gợi dẫn*:

- Ngoài *Sọ Dừa* là nhân vật chính, truyện còn một số các nhân vật khác đáng chú ý. Đó là bà mẹ của *Sọ Dừa*, Phú ông, vợ Sọ Dừa, hai người chị vợ Sọ Dừa.
- Ở mỗi nhân vật có gì đáng chú ý?

- H. phân loại, kiếm tìm, khái quát.

- ***Định hướng:***

2.1. Bà mẹ của Sọ Dừa:

Một người phụ nữ nông dân nghèo khổ, nhưng giàu nghị lực, niềm tin và hi vọng. Sinh con, nuôi con trong một hoàn cảnh đặc biệt: Chồng chết, con là một quái thai, nhà quá nghèo, mọi người xa lánh. Vậy mà tình thương, niềm tin và hi vọng đã khiến bà có thai, khiến bà giữ con lại, nuôi con khôn lớn thành người. Bà qua đời *đúng cõi*, thanh thản, yên lòng vì dâu thảo, con hiền, thành đạt.

2.2. Người vợ của Sọ Dừa

** Cô con gái út của Phú ông:*

- Khác hẳn hai chị, cô gái út nhân hậu, thông minh, nhạy cảm. Con mắt tinh đời và tấm lòng đôn hậu đã giúp cô chọn được người chồng lí tưởng. Tình yêu đến với cô tự nhiên và tình cờ. Nhưng cô cũng dại khờ, ngờ nghệch nên mới bị hai chị lừa, đẩy xuống sông, hãm hại. Nhưng rồi cô lại khôn ngoan, nghị lực, dũng cảm vượt thoát mọi hiểm nguy, bằng sự kiên trì, tháo vát, với quyết tâm chờ đợi, gặp chồng.
- Đến khi gặp chồng, được *chứng kiến tận tai* cái tâm địa xấu, ác của hai người chị ruột, cô vẫn không hề căm giận họ. Cô chỉ làm theo lời chồng một cách ngoan ngoãn, dễ thương!

2.3. Hai người chị vợ của Sọ Dừa:

- Đối lập với cô em, đó là hai người đàn bà ích kỉ, độc ác. Trước đây, họ khinh bỉ *Sọ Dừa* bao nhiêu, thì khi biết *Sọ Dừa* là một chàng trai trẻ tuổi, tài hoa, họ ghen ghét với chính em gái mình bấy nhiêu. Độc ác hơn, họ tìm cách hãm hại em, để lấy Sọ Dừa.
- Không vì tình yêu mà vì địa vị, giàu sang, đang tâm đẩy em xuống sông, họ lại hô hoán rằng em chết đuối. Gặp Sọ Dừa, họ thi nhau kể lể tình thương cô em xấu số, *liếc tình* em rể một cách trơ trẽn.
- Khi sự thật được bóc trần, họ cũng còn chút xấu hổ, trốn biệt tích.

2.4. Nhân vật Phú ông:

Không thể xếp Phú ông cùng loại với hai cô con gái lớn của ông ta. Phú ông giàu, tham công, tiếc việc, tham của cải, nhưng không ác, không thủ đoạn. Không tin Sọ Dừa có thể chăn nổi đàn dê, nhưng khi khi thấy Sọ Dừa làm tốt thì ông ta rất mừng vì rất lợi. Thách cưới rất cao vì nghĩ Sọ Dừa không sao lo nổi, nhưng khi chàng đem đủ lễ vật tới thì Phú ông *không còn, không thể* và có lẽ cả *không muốn* chối từ một chàng rể giàu có và tài hoa như vậy.

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT VÀ LUYỆN TẬP

1. Những bài học được rút ra từ truyện *Sọ Dừa*:

- Số phận của những nhân vật nghèo khổ, mồ côi, bất hạnh.
- Người hiền tài sẽ được hưởng hạnh phúc;
- Kẻ xấu, ác sẽ không có chỗ đứng trong cộng đồng, sẽ bị mọi người khinh ghét.
- Giá trị chân chính của con người chính là ở trong bản thân con người ấy.

- Đừng vội vàng đánh giá, nhận xét người khác qua hình thức bên ngoài mà phải qua hành động, việc làm của họ.

2. Vì sao nhân dân ta rất yêu thích truyện "*Sọ Dừa*"?

Có thể kể lại diễn cảm truyện này theo ngôi kể cô gái út hoặc người mẹ Sọ Dừa?

3. Soạn bài "*Thạch Sanh*"./.

Tiết 19
TIẾNG VIỆT

TỪ NHIỀU NGHĨA
VÀ HIỆN TƯỢNG
CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

A. Kết quả cần đạt

1. H. nắm vững:

- Khái niệm từ nhiều nghĩa,
- Hiện tượng chuyển nghĩa của từ,
- Nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ.

2. *Tích hợp* với phần *Văn* ở văn bản truyện cổ tích *Sọ Dừa*, với phần *Tập làm văn* ở khái niệm: *Lời văn, đoạn văn tự sự.*

3. Luyện kỹ năng: *Nhận biết* từ nhiều nghĩa, *phân biệt* từ nhiều nghĩa với từ đồng âm, *giải thích* hiện tượng chuyển nghĩa.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

TÌM HIỂU NGHĨA CỦA TỪ: ***CHÂN***

▪ G. nêu yêu cầu:

Hãy đọc kỹ bài thơ *Những cái chân*, và cho biết:

a) Có mấy sự vật *có chân*?

Những *cái chân* ấy có thể nhìn thấy hoặc sờ thấy được không?

b) Có mấy sự vật *không có chân?*

Tại sao sự vật ấy vẫn được đưa vào bài thơ?

- H. a. Có 4 sự vật *có chân*.

Đó là *cái gậy*, chiếc *com pa*, *cái kiềng* và *cái bàn*.

Đây là những *cái chân có thể nhìn thấy* và *sờ thấy* được.

c) Có 1 sự vật *không có chân*. Đó là cái *võng*.

Nó được đưa vào bài thơ để ca ngợi anh bộ đội hành quân.

- G. Trong 4 sự vật *có chân*, nghĩa của từ *chân* có gì giống nhau và khác nhau?

- H. - Giống nhau: *Chân* là nơi tiếp xúc với đất.

  - Khác nhau:

    - *Chân* của cái *gậy* là dùng để đỡ bà.

    - *Chân* của cái *com pa* để giúp cái com pa quay được.

    - *Chân* của cái *kiềng* dùng để đỡ thân kiềng và xoong, nồi đặt trên cái kiềng.

    - *Chân* của cái *bàn* dùng để đỡ thân bàn, mặt bàn.

- G. Hãy tìm một số nghĩa khác của từ *chân*?

  Cho ví dụ?

- H. - Bộ phận tiếp xúc với đất của cơ thể người hoặc động vật.

    Ví dụ: Đứng trên hai chân; đứng trong hàng (trong đàn)

  - Bộ phận tiếp xúc với đất của sự vật nói chung.

    Ví dụ: Chân giường, chân tủ, chân đèn...

  - Bộ phận gắn liền với đất hoặc một sự vật khác.

    Ví dụ: Chân tường, chân núi, chân răng...

- G. *chốt*: ***Từ chân*** là một *từ nhiều nghĩa*.

Hoạt động 2
TÌM MỘT SỐ TỪ NHIỀU NGHĨA

- Từ: *Mũi.*
- Bộ phận của cơ thể người hoặc động vật, có đỉnh nhọn.

  Ví dụ: *Mũi người, mũi hổ.*
- Bộ phận phía trước của phương tiện giao thông đường thủy.

  Ví dụ: *Mũi tàu, mũi thuyền.*
- Bộ phận nhọn sắc của vũ khí.

  Ví dụ: *Mũi dao, mũi lê, mũi súng, mũi dùi, mũi kim...*
- Bộ phận của lãnh thổ: *Mũi cà Mau, mũi Né, mũi Nai...*
- Từ: *Chín.*
- Lúa, hoa quả... phát triển đến thời kì thu hoạch.

  Ví dụ: *Lúa chín, na chín, mít chín...*
- Lương thực, thực phẩm đã được xử lí, chế biến qua lửa hoặc điện, nhiệt).

  Ví dụ: *Cơm chín, thịt chín.*
- Sự vật nói chung đã được xử lí qua nhiệt.

  Ví dụ: *Vá chín.*
- Tài năng, trí tuệ phát triển đến trình độ cao.

  Ví dụ: *Tài năng đang độ chín, suy nghĩ đã chín* (kỹ).

Hoạt động 3
TÌM MỘT SỐ TỪ
CHỈ CÓ MỘT NGHĨA

- Từ *xe đạp*: Chỉ 1 loại xe phải đạp mới đi được.
- *Xe máy*: Chỉ 1 loại xe có động cơ, chạy bằng xăng.
- *Com pa*: Chỉ 1 loại đồ dùng học tập.

- *Toán học*: Chỉ 1 môn học cụ thể.
- *Cà pháo*: Chỉ 1 loại cà cụ thể.
- *Hoa nhài*: Chỉ 1 loại hoa cụ thể.

▪ G. *nêu vấn đề:*

Sau khi tìm hiểu nghĩa của các từ: *Chân, mũi, chín, xe đạp, cà pháo, hoa nhài...* em có nhận xét gì về nghĩa của từ?

▪ H. Từ có thể *có 1 nghĩa hay nhiều nghĩa.*

▪ H. đọc lại mục *Ghi nhớ* (SGK, t. 56).

Hoạt động 4

TÌM HIỂU HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

▪ G. Cho biết nghĩa đầu tiên của từ *chân* là nghĩa nào?

▪ H. - Bộ phận tiếp xúc với đất của cơ thể người hoặc động vật.

▪ G. *Nghĩa đầu tiên gọi là nghĩa gốc* (nghĩa đen, nghĩa chính). Nó là *cơ sở để hình thành nghĩa chuyển của từ.*

Nêu một số nghĩa chuyển của từ *chân* mà em biết?

▪ H. - Bộ phận tiếp xúc với đất của sự vật nói chung.

- Bộ phận gắn liền với đất hoặc sự vật khác.

▪ H. Nhận xét về mối quan hệ giữa các nghĩa của từ *chân* với nhau?

• ***Định hướng:***

Nghĩa đầu tiên là cơ sở để suy ra các nghĩa sau. Các nghĩa sau làm phong phú cho nghĩa đầu tiên.

▪ G. 2 từ *xuân* trong câu thơ sau có mấy nghĩa? Đó là những nghĩa nào?

*Mùa **xuân** (1) là Tết trồng cây,*
*Làm cho đất nước càng ngày càng **xuân** (2)*

(HỒ CHÍ MINH)

- H. *Xuân (1):* 1 nghĩa: Chỉ mùa xuân.

  Xuân (2): Nhiều nghĩa: Chỉ mùa xuân, chỉ sự tươi đẹp, trẻ trung.

- G. Trong câu, từ có thể được dùng với 1 nghĩa hoặc nhiều nghĩa.

  Trong bài thơ *Những cái chân*, từ *chân* được dùng với *nghĩa chuyển*. Nhưng muốn hiểu được những *nghĩa chuyển* ấy, nhất định phải dựa vào *nghĩa gốc*.

So sánh:

Chân	Người	Kiềng	Võng
Giống nhau (*Nghĩa gốc*)	Bộ phận Tiếp xúc với đất	Bộ phận Tiếp xúc với đất	Ẩn dụ Chân của anh bộ đội (chân người)
Khác nhau Nghĩa chuyển	Hoạt động rời chỗ (đi lại) rời chỗ	Không hoạt động (cố định)	Hoạt động rời chỗ (hành quân)

- ***Lưu ý:***

- Lấy *chân* của cái võng để chỉ *chân* của người là *ẩn dụ*.
- Lấy cái *võng* để chỉ *người* là *hoán dụ*.

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. 3 từ chỉ bộ phận của cơ thể người có sự chuyển nghĩa.

a) Từ: *Đầu*.

- Bộ phận cơ thể chứa não bộ, ở trên cùng.

  Ví dụ: Đau *đầu*, cái *đầu* người.

- Bộ phận ở trên cùng, đầu tiên.

  Ví dụ: *Đầu* danh sách, *đầu* bảng.

- Bộ phận quan trọng nhất.

  Ví dụ: *Đầu* đàn, *đầu* đảng, *thủ* lĩnh.

b) Từ: *Tay*.

- Bộ phận hoạt động.

  Ví dụ: Vung *tay*, khoát *tay*, nắm *tay*.

- Nơi *tay* người tiếp xúc với sự vật.

  Ví dụ: *Tay* ghế, *tay* ngai, *tay* vịn cầu thang.

- Bộ phận tác động hành động.

  Ví dụ: *Tay* súng, *tay* cày, *tay* vợt bóng bàn...

c) Từ: *Cổ*.

- Bộ phận giữa đầu và thân, thắt lại.

  Ví dụ: *Cổ* cò, *cổ* kiêu ba ngấn.

- Bộ phận của sự vật.

  Ví dụ: *Cổ* chai, lọ.

- Chỉ sự sợ hãi.

  Ví dụ: So vai rụt *cổ*, rụt *cổ* rùa.

- Chỉ sự mong đợi.

  Ví dụ: Nghển *cổ* ngóng trông.

2. Dùng bộ phận *cây cối* để chỉ *bộ phận của cơ thể người*.

- *Lá*: Lá phổi, lá gan, lá lách, lá mỡ.
- *Quả*: Quả tim, quả thận.
- *Búp*: Búp ngón tay.
- *Hoa*: Hoa cái (đầu lâu).
- *Lá liễu, lá răm*: Mắt *lá* liễu, *lá* răm.

3. a) *Mẫu: Sự vật - hành động.*

Cái *cưa* - *cưa* gỗ, cái *hái* - *hái* rau, cái *bào* - *bào* gỗ, cân *muối* - *muối* dưa, cân *thịt* - *thịt* con gà...

b) *Mẫu: Hành động - Đơn vị.*

Gánh củi đi - một gánh củi, đang bó lúa - gánh ba bó lúa, đang nắm cơm - ba nắm cơm, cuộn bức tranh - ba cuộn tranh, đang gói bánh - ba gói bánh...

4. a) Từ *bụng* có 3 nghĩa:

a1- Bộ phận cơ thể của người hoặc động vật chứa dạ dày, ruột.

a2- Biểu tượng của ý nghĩ sâu kín, không bộc lộ ra đối với người, với việc nói chung.

a3- Phần *phình to ở giữa* một số sự vật.

Ví dụ: Bụng chân

(Bài viết của *Hoàng Dĩ Đình*, SGK, t. 57, *thiếu* nghĩa này)

b) Nghĩa của từ *bụng*:

- .... ấm bụng: Nghĩa a1.
- .... tốt bụng: Nghĩa a2.
- .... bụng chân: Nghĩa a3.

5. *Chính tả.*

5a) SGK, t. 57.

5b) Luyện phân biệt các phụ âm **d / r / gi**.

Dòng sông vỗ sóng dào dạt hai bên bờ. Trong những hàng cây ven sông, tiếng chim kêu ríu rít, rộn rã. Văng vẳng đâu đó, tiếng chuông nhà thờ gióng giả đổ hồi. Bỗng một cơn gió mang hơi lạnh ùa tới. Trời đổ mưa. Cơn mưa sầm sập, dồn dập như thể trút tất cả nước ở trên trời rơi xuống. Cơn mưa mùa hạ đột ngột đến rồi cũng đột ngột đi như một giấc chiêm bao. Dòng sông lại vỗ sóng hiền hoà. Gió reo ù ù như tiếng sáo réo rắt, vô tận và da diết vô cùng.

Tiết 20
TẬP LÀM VĂN

LỜI VĂN,
ĐOẠN VĂN *TỰ SỰ*

A. Kết quả cần đạt

1. H nắm vững đặc điểm của lời văn, đoạn văn tự sự khi sử dụng để kể về người, kể việc.

2. *Tích hợp* với *phần Văn* ở văn bản *Sọ Dừa*, với phần *Tiếng Việt* ở khái niệm *Từ nhiều nghĩa* và *hiện tượng chuyển nghĩa của từ.*

3. Bước đầu rèn kỹ năng *viết câu, dựng đoạn văn tự sự.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
DẪN VÀO BÀI

- *Bài văn* gồm các *đoạn văn liên kết* với nhau tạo thành.
- *Đoạn văn* lại gồm những *câu văn liên kết* với nhau tạo thành.
- Văn tự sự xây dựng nhân vật, kể việc như thế nào?
- Đó chính là nội dung cơ bản của bài học này.

Hoạt động 2
LỜI VĂN, ĐOẠN VĂN TỰ SỰ

***Hoạt động 2.1.* Lời văn giới thiệu nhân vật.**

a) H. đọc 2 đoạn văn trong SGK,t.58. (1, 2)

b) *Câu hỏi*:

- Đoạn văn 1 và 2 giới thiệu những nhân vật nào?

  Hùng Vương thứ mười tám, Mị Nương, Sơn Tinh, Thủy Tinh.

- Giới thiệu sự việc gì?

  Vua Hùng muốn kén rể; hai thần đến cầu hôn Mị Nương.

- Mục đích giới thiệu để làm gì?

  Để mở truyện, chuẩn bị cho diễn biến chủ yếu của câu chuyện.

- Thứ tự các câu văn trong đoạn văn như thế nào? Có thể đảo lộn được không?

- ***Đoạn 1:***

- Câu 1: Giới thiệu vua Hùng và con gái Mị Nương. (Các nhân vật)
- Câu 2: Vua muốn kén rể xứng đáng (khả năng sự việc).

• ***Đoạn 2:***

- Câu 1: Giới thiệu sự việc tiếp nối và hai nhân vật chưa rõ tên.
- Câu 2, 3: Tiếp tục giới thiệu cụ thể hơn về Sơn Tinh.
- Câu 4, 5: Tiếp tục giới thiệu cụ thể hơn về Thủy Tinh.
- Câu 6: Nhận xét chung về hai chàng.
  + Không thể đảo lộn thứ tự các câu:1, 2, 3, vì nếu đảo lộn, ý nghĩa đoạn văn sẽ thay đổi hoặc khó hiểu.
  + Có thể đảo trật tự các câu: 2, 3 và 4, 5, câu 6 nối tiếp câu1 (đoạn 2), vì nếu đổi vẫn không làm thay đổi ý nghĩa của đoạn văn.
  + Kiểu câu giới thiệu nhân vật thường theo kiểu: C có V hoặc: Có V. Người ta gọi là...

Hoạt động 2.2. **Lời văn kể sự việc.**

a) H. đọc *đoạn văn 3* trong SGK,t.59 và trả lời câu hỏi.

b) *Câu hỏi*:

- Các nhân vật có những hành động gì?
  + Thủy Tinh: - Đến muộn, không lấy được Mị Nương, đem quân đuổi theo hai vợ chồng Sơn Tinh.
  + Hô mây, gọi gió, làm giông bão, dâng nước đánh, nước ngập, nước dâng...
  + Các hành động được kể theo thứ tự trước sau, nguyên nhân - kết quả, thời gian. Hành động ấy mang lại kết quả: Lụt lớn, thành Phong Châu nổi lềnh bềnh trên một biển nước.

▪ H. đọc mục *Ghi nhớ* 1.

▪ G. nhấn mạnh các điểm sau:

- Văn tự sự là loại văn chủ yếu kể về người và kể việc.
- Kể về người là giới thiệu tên nhân vật, lai lịch, quan hệ, tính tình, tài năng, tình cảm, ý nghĩ, lời nói...
- Kể việc là kể các hành động, việc làm, kết quả của hành động...

***Hoạt động 2.3*. Đoạn văn:**

a) Phân tích các đoạn văn 1,2,3 ở trên và trả lời các câu hỏi sau:

- Mỗi đoạn gồm mấy câu?

  Đoạn 1: 2 câu; đoạn 2; 6 câu; đoạn 3: 3 câu.

- Ý chính của từng đoạn? Câu quan trọng nhất của từng đoạn?

  + Đoạn 1: Câu 2. Hùng Vương muốn kén rể.

  + Đoạn 2: Câu 6. Hai thần đến cầu hôn.

  + Đoạn 3: Câu 1.Thủy Tinh đánh Sơn Tinh.

- Mối quan hệ giữa các câu rất chặt chẽ. Câu sau tiếp câu trước, hoặc làm rõ ý, hoặc nối tiếp hành động, hoặc nêu kết quả của hành động.

▪ H. đọc Mục *Ghi nhớ* 2 (SGK, t.59).

▪ Giáo viên nhấn mạnh:

- Mỗi đoạn văn có thể có từ 2 câu trở lên nhưng chỉ diễn đạt một ý chính. (Một ý định, một sự việc, một hành động).

- Các câu trong đoạn văn không rời rạc mà phải kết hợp chặt chẽ với nhau để làm nổi bật ý chính của đoạn.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. - Đọc kỹ *3 đoạn văn* trong SGK, t.60, trả lời các câu hỏi sau:

- Ý chính của từng đoạn? Câu chủ chốt của từng đoạn?

- Quan hệ giữa các câu trong đoạn?

• ***Đoạn 1:** Sọ Dừa làm thuê trong nhà phú ông.*

- Câu chủ chốt: *Cậu chăn bò rất giỏi.*

- Mạch lạc của đoạn:

  + Câu 1: Hành động bắt đầu.

  + Câu 2: Nhận xét chung về hành động.

  + Câu 3, 4: Hành động cụ thể.

+ Câu 4: Kết quả, ảnh hưởng của hành động.

- ***Đoạn 2:*** *Thái độ của các con gái phú ông đối với Sọ Dừa.*

 + Câu chủ chốt: Câu 2.

 + Quan hệ giữa hai câu: Hành động nối tiếp và ngày càng cụ thể.

- ***Đoạn 3:*** *Tính nết cô Dần.*

- Câu chủ chốt: Câu 2.

- Mạch lạc của đoạn:

 + Câu 1và 2 quan hệ nối tiếp.

 + Câu 3 và 4 đối xứng.

 + Câu 2 và câu 3,4 quan hệ giải thích.

 + Câu 5 và 4 đối xứng.

2. Hai câu văn a, b, trong SGK, t. 60:

- Câu b, đúng vì đúng mạch lạc.

- *Câu a*, sai vì sai mạch lạc (lộn xộn): không thể cưỡi ngựa rồi mới nhảy lên lưng ngựa, rồi mới bắt đầu đóng chắc yên ngựa?!

3. Viết câu giới thiệu các nhân vật: Thánh Gióng, Lạc Long Quân, Âu Cơ, Tuệ Tĩnh...

- Mẫu câu có thể là:

 + C là V: Thánh Gióng là vị anh hùng chiến thắng giặc ngoại xâm đầu tiên của dân tộc chúng ta.

 + C - V: Lạc Long Quân - Vua Rồng, chồng bà Âu Cơ, từng diệt Ngư Tinh, Hồ Tinh... giúp dân an cư lạc nghiệp....

4. Viết đoạn văn kể chuyện Thánh Gióng đánh đuổi giặc Ân dựa theo truyền thuyết đã học.

5. Tập nói ngắn bằng một đoạn văn khoảng 5,6 câu với đề tài:

a) Giới thiệu các thành viên trong gia đình của em (Ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em...)

b) Kể về những công việc của em sau khi đi tan học.

G cho H chuẩn bị 5', sau đó gọi khoảng 3 - 4 H tập nói, các H khác nhận xét.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

1. Giải quyết các bài tập 3, 4, 5 ở mục trên nếu ở lớp chưa làm hết.

2. Chia truyện "*Sọ Dừa*" thành 3 hoặc 4 đoạn nhỏ.

Nêu ý chính của mỗi đoạn. Phân tích quan hệ, mạch lạc giữa các câu, kể lại từng đoạn?

3. Có hai ý chính cho hai đoạn văn sau:

- Sọ Dừa lấy vợ.
- Cảnh vợ chồng Sọ Dừa gặp gỡ, đoàn tụ.

Phát triển thành hai đoạn văn chi tiết, mỗi đoạn khoảng 5 - 6 câu, viết ra, kể lại./.

Tuần 6

BÀI 6

Tiết 21 - 22
VĂN HỌC

THẠCH SANH
(Truyện cổ tích)

A. Kết quả cần đạt

1. Đạt điểm 1., mục " *Kết quả cần đạt*" (SGK.tr.61)

2. H. nắm vững mục " *Ghi nhớ*".

Thạch Sanh là truyện cổ tích ca ngợi người dũng sĩ diệt Chằn Tinh, Đại Bàng, cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa, chiến thắng quân xâm lược, thể hiện ước mơ, niềm tin, đạo đức, công lí, xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hòa bình của nhân dân ta.

3. *Tích hợp* với phân môn *Tiếng Việt ở các lỗi dùng từ và cách chữa*; với phân môn *Tập làm văn ở Dàn ý và lời văn, đoạn văn tự sự.*

4. Rèn luyện kỹ năng *kể chuyện cổ tích một cách diễn cảm.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
KIỂM TRA BÀI CŨ
(HÌNH THỨC: VẤN ĐÁP)

- ***Câu hỏi 01:***

- Kể lại một cách diễn cảm truyện "*Sọ Dừa*".

- Ý nghĩ của em về nhân vật này?

- Vì sao *Sọ Dừa* không trừng trị hai người chị vợ xấu xa, độc ác?

- *Câu hỏi 02:*

  - Đánh giá của em về nhân vật Phú ông?

  - Ông ta có phải là người hoàn toàn độc ác, tham lam?

- *Câu hỏi 03:*

  - Những bài học được rút ra từ truyện cổ tích "*Sọ Dừa*"?

Hoạt động 2

DẪN VÀO BÀI

- G. nói truyền cảm:

  - Thật khó có thể tìm thấy trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam một tác phẩm vừa lớn về đề tài và nội dung vừa phong phú về loại hình nhân vật, chặt chẽ, hoàn chỉnh về kết cấu nghệ thuật như truyện "*Thạch Sanh*". Ở đây, vừa có đấu tranh với thiên nhiên chống các loài yêu quái, vừa có đấu tranh giai cấp trong xã hội, lại có cả đấu tranh dân tộc chống ngoại xâm 18 nước chư hầu, rồi đấu tranh cho tình yêu đôi lứa. Chưa có nhân vật nào có nhiều mặt hoạt động rộng lớn, gặp nhiều loại kẻ thù, lập nhiều chiến công, có nhiều tài năng, nhiều phẩm chất cao đẹp như nhân vật Thạch Sanh.

  - Có thể nói, trong những nhân vật chính diện mà truyện cổ tích Việt Nam đã xây dựng nên, Thạch Sanh là con người đẹp nhất, tiêu biểu nhất và hoàn hảo nhất.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ, TÌM HIỂU BỐ CỤC CỦA TRUYỆN

1. Yêu cầu giọng đọc gợi không khí cổ tích, chậm rãi, sâu lắng, phân biệt các giọng kể và giọng nhân vật, nhất là giọng Lí Thông.

   - G. cùng 04 H. lần lượt đọc, kể toàn truyện một lần.

   - G. nhận xét cách đọc cách kể của H.

2. H. kiểm tra lẫn nhau từ 1/ 3 - 1/2 số lượng *từ khó* trong *chú thích* (tr. 65 - 66)

3. Kết cấu, bố cục của truyện rất chặt chẽ, phong phú nhưng về cơ bản vẫn tuân theo trình tự thời gian, sự việc:

a) Mở truyện:

Lai lịch, nguồn gốc của nhân vật chính: *Thạch Sanh.*

b) Thân truyện:

Có thể chia thành một số chặng sau:

- *Thạch Sanh* kết nghĩa anh em với Lí Thông
- *Thạch Sanh* diệt Chằn Tinh, bị Lí Thông cướp công.
- *Thạch Sanh* diệt Đại Bàng, cứu công chúa, lại bị cướp công.
- *Thạch Sanh* diệt Hồ Tinh, cứu Thái tử, bị vu oan, vào tù.
- *Thạch Sanh* được giải oan.
- *Thạch Sanh* chiến thắng quân 18 nước chư hầu.

c) Kết truyện:

Thạch Sanh cưới công chúa, lên nối ngôi vua.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

1. Nhân vật Thạch Sanh: ***Người dũng sĩ dân gian.***

a) Nguồn gốc xuất thân:

H. Trao đổi, nhận xét về nguồn gốc xuất thân của nhân vật *Thạch Sanh*? So sánh với các nhân vật khác, chẳng hạn như: *Thánh Gióng, Sọ Dừa...*?

• ***Định hướng:***

Nguồn gốc của nhân vật *Thạch Sanh* được miêu tả rất kỹ càng. Vốn là Thái tử, con trai Ngọc Hoàng Thượng đế đầu thai vào gia đình ông bà Thạch Nghĩa, nhân vật có nguồn gốc thần tiên, phi thường, cụ

thế, rõ ràng. Mồ côi từ tấm bé, nhà là gốc đa cổ thụ, mình trần, chỉ có manh khố che thân, sinh nhai bằng nghề kiếm củi, Thạch Sanh trở thành nhân vật mồ côi nghèo khổ tiêu biểu nhất trong truyện cổ tích Việt Nam.

b) Những chiến công thần diệu:

- G. *nêu vấn đề*:

  Trong đời mình, Thạch Sanh đã lập bao nhiêu chiến công? Thử thống kê? Có thể nhận xét như thế nào về những chiến công của chàng? (Mục đích? Tính chất? Mức độ? Nguyên nhân thắng lợi?)

- H. Làm việc theo nhóm, trao đổi trong nhóm.

- ***Định hướng:***

  Giống như nhân vật huyền thoại *Hêraclet* trong thần thoại Hi Lạp, dũng sĩ *Thạch Sanh* đã lập rất nhiều chiến công hiển hách, thu được nhiều chiến lợi phẩm quí giá: Chém Chằn tinh, trừ hại cho dân, thu được bộ *cung tên bằng vàng*; diệt Đại bàng, cứu công chúa, diệt Hồ tinh, cứu thái tử con vua Thủy tề, được nhà vua tặng *cây đàn thần*, đuổi quân xâm lược 18 nước chư hầu bằng *tiếng đàn và niêu cơm kì diệu*. Kẻ thù càng hung ác, xảo quyệt, thử thách càng to lớn, chiến công càng rực rỡ, vẻ vang, chính nghĩa càng sáng tỏ. Các loại yêu quái trên cạn, dưới nước, trong hang, dù mạnh mẽ, hung ác, gian xảo đến đâu, cũng đều bị chàng tiêu diệt.

- ***Thạch Sanh - người dũng sĩ dân gian bách chiến bách thắng.***

  Ấy là bởi:

  + Mục đích chiến đấu của chàng luôn luôn sáng ngời chính nghĩa: cứu người bị hại, cứu dân, bảo vệ đất nước.
  + Sức khoẻ, tài năng vô địch.
  + Có trong tay những vũ khí, phương tiện chiến đấu kì diệu.

- G. Trong những vũ khí và phương tiện kì diệu ấy, em thấy có phương tiện nào đặc biệt nhất? Tại sao?

- H. lựa chọn, phát biểu, thảo luận.

- ***Định hướng:***
  - Chúng ta cho rằng, *cây đàn thần* và *niêu cơm* là hai thứ vũ khí, phương tiện kì diệu nhất. Vì sao vậy?
  - Trước hết, cần nói tới *"cây đàn thần - cây đàn kì diệu"* - Vũ khí âm nhạc với bao tác dụng thần kì: Cũng là tiếng đàn "*tích tịch tình tang*" ấy, mà, khi thì vạch mặt kẻ thù nham hiểm, bất nhân, vạch mặt Lí Thông, giải câm cho công chúa, khi thì làm nhụt chí quân đội 18 nước chư hầu xâm lược. Đó là *tiếng đàn giãi bày tình yêu, đòi hỏi công lí, tiếng đàn nhân đạo, hòa bình*. Nhưng cây đàn chỉ phát huy tác dụng trong tay Thạch Sanh. Còn trong tay cha con vua Thủy tề, nó vẫn chỉ là cây đàn thường?!
  - Với *rìu sắt, cung vàng*, Thạch Sanh là người *dũng sĩ* đấu tranh với thiên nhiên, diệt trừ ác thú, ác điểu, trừ hại cho dân.

    Với *cây đàn thần*, Thạch Sanh trở thành người *anh hùng - nghệ sĩ*, đấu tranh cho tình yêu và công lí, cho cuộc sống hòa bình, hạnh phúc của nhân dân.
  - "*Niêu cơm*" của Thạch sanh cũng là vũ khí, phương tiện kì diệu, lạ lùng. Niêu cơm nhỏ xíu mà cứ *ăn hết lại đầy*. Quân, tướng 18 nước chư hầu ăn no căng bụng mà vẫn chưa hết niêu cơm của chàng.
  - *Ý nghĩa thật sâu xa.*

    Cùng với *tiếng đàn* thức tỉnh nỗi nhớ quê, *tiếng đàn* kêu gọi hòa bình, là *miếng cơm* ấm lòng, mát dạ. Phải chăng đó là *niêu cơm* của tình thương, lòng nhân ái, của ước vọng đoàn kết, để các dân tộc sinh sống hòa bình, yên ổn làm ăn? *Niêu cơm của tình người bao la...*

- G. Nhưng trong quan hệ với Lí Thông, tại sao Thạch Sanh luôn tỏ ra ngờ nghệch, dại khờ, trung hậu quá đỗi?
  - Tại sao chàng luôn bị lừa mà vẫn không hề oán giận?
  - Có phải Thạch Sanh không biết căm thù?
- H. tự do bàn bạc, thảo luận, phát biểu ý kiến của mình.

(Hết tiết 21, chuyển tiết 22)

- ***Định hướng:***
  - Vì Lí Thông quá khôn ngoan, ranh ma, xảo quyệt, lắm thủ đoạn, nên Thạch Sanh không phải là đối thủ, không thể đối phó. Nhưng chủ yếu đó là vì từ *bản chất*, Thạch Sanh là người *nhân hậu, độ lượng vô cùng, trong sáng vô cùng.*
  - Thạch Sanh không bao giờ biết đến ghen ghét, tị hiềm, dù nhỏ nhặt. Tin người, sẵn sàng giúp đỡ người bị hại, không bao giờ nghĩ tới việc người đền ơn. Không phải Thạch Sanh khù khờ, ngờ nghệch mà chàng cứ sống theo những niềm tin vô tư, trong sáng của mình.
  - Với các loại yêu quái, Thạch Sanh thẳng tay tiêu diệt, nhưng với con người, chàng dùng tình cảm để đối xử một cách độ lượng, nhân ái.

  Nét đặc sắc trong tính cách của chàng chính là ở đó.

- ***Tóm lại:***

  Ta có thể khái quát những phẩm chất cao quí của nhân vật *Thạch Sanh* như sau: Người anh hùng - nghệ sĩ dân gian thật thà, trung hậu, nhân ái, sức khoẻ, tài năng vô địch từng lập nhiều chiến công phi thường vì dân, vì nước. *Thạch Sanh* - biểu tượng tuyệt đẹp của con người Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu, trong tình yêu và hạnh phúc gia đình.

2. Các nhân vật khác:

2.1. Lí Thông:

▪ G. Y là người như thế nào?

- Đặc điểm nổi bật của *tên bán rượu* này?
- Lí Thông và mẹ y không bị *Thạch Sanh* trừng trị nhưng lại bị Thiên lôi đánh chết, lại bị *biến thành bọ hung* bẩn thỉu. Vì sao?
- Sự trừng phạt như vậy có thỏa đáng hay không? Vì sao?

▪ H. Bàn luận, có thể nêu ra những ý kiến trái ngược nhau, nhưng cần phải chứng minh, lí giải.

- ***Định hướng:***
  - Lí Thông là kẻ thù chủ yếu, lâu dài và nguy hiểm nhất của Thạch Sanh. Y đối lập với Thạch Sanh một cách toàn diện và sâu sắc. Đó là sự đối lập giữa thiện và ác, lao động và bóc lột, thật thà, trung hậu và lừa dối, xảo trá, vị tha và vị kỉ, anh hùng và bạc nhược, cao thượng và thấp hèn
  - Triệt để lợi dụng tình anh em kết nghĩa, lợi dụng tính cả tin, thật thà, nhân hậu của Thạch Sanh, Lí Thông đã ra sức bóc lột sức lao động của Thạch Sanh, lừa Thạch Sanh chết thay cho mình, rồi *hai lần cướp công* của Thạch Sanh, bỏ Thạch Sanh chết dưới hang sâu.
  - Đặc điểm nổi bật của y là *xảo quyệt, tàn nhẫn đến mất hết lương tâm*. Xét về mức độ tham lam, xảo quyệt, tàn nhẫn, độc ác và cả hèn nhát, trong truyện cổ tích, không có một nhân vật phản diện nào có thể so sánh với Lí Thông.
  - Vì thế, dù Thạch Sanh có tha bổng - con người nhân ái, không có nhu cầu trả thù như Tấm, con người suốt đời sống vì nghĩa lớn, không ưa khóc than yếu đuối, cũng không thích giận hờn - nhưng *đấng Tối cao* vẫn ra tay trừng trị.

2.2. Nhân vật Công chúa:

- Tuy chỉ là nhân vật phụ, nhưng Công chúa cũng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của cốt truyện và phát triển tính cách nhân vật chính Thạch Sanh. Đại bàng là kẻ thù của cả Công chúa và Thạch Sanh, nhưng về khách quan mà nói, hắn lại đóng vai trò "*Ông mối*" đưa Công chúa đến với Thạch Sanh, khiến hai người gặp gỡ, yêu và lấy nhau
- Công chúa tìm chồng không thấy ở hội gieo cầu, nhưng lại thấy người yêu trong hang sâu, khi nàng đang lâm nạn. Không có Thạch Sanh, Công chúa chắc chắn khó thoát khỏi bàn tay của Đại bàng. Bởi vậy, đối với Công Chúa, Thạch Sanh vừa là *chồng vừa là ân nhân*, là *người yêu lí tưởng*. Ngược lại, *không có Công chúa,*

Thạch Sanh cũng khó có cơ hội để thanh minh, minh oan cho mình và trừng trị Lí Thông. Bởi thế, trong cuộc đấu tranh với Lí Thông, *Công chúa cũng vừa là người yêu, người vợ, người bạn chiến đấu, người ân nhân của Thạch Sanh.*

- *Tiếng đàn* của Thạch Sanh phải *có thêm Công chúa thì mới có hiệu nghiệm.* Sự sắp xếp tình tiết và giải quyết vấn đề của tác giả dân gian thật thấu tình đạt lí, khéo léo tuyệt vời.
- Tình tiết *Công chúa câm lặng*, chẳng nói, chẳng cười từ khi được cứu ở dưới hang sâu về cho đến khi nghe tiếng đàn của ân nhân - người đính ước dưới hang thì nàng bỗng nhiên khỏi bệnh, đòi gặp *Thạch Sanh* và giải oan cho chàng, gợi cho ta nhớ tới *mô típ tương tự* trong trường ca - truyện cổ tích *"Ruxlan và Liutmila"* của A.Puskin. Nếu *Công chúa* không câm thì có lẽ tiếng đàn thần cũng kém đi một phần nào tác dụng.

• ***Lưu ý về phương pháp thực hiện:***
  - *Trọng tâm* của bài học là hướng dẫn học sinh tìm hiểu nhân vật Thạch Sanh với những chiến công và phẩm chất cao quí.
  - Các nhân vật Lí Thông, Công chúa chỉ điểm qua một vài nét cơ bản tùy từng đối tượng học sinh.

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT

1. Khái quát những đặc sắc tư tưởng - nghệ thuật của truyện cổ tích *"Thạch Sanh":*

- Quy mô tầm vóc sâu, rộng nhất.
- Đội hình nhân vật đông đảo nhất.
- Kết cấu, cốt truyện mạch lạc, sắp xếp tình tiết rất khéo léo, hoàn chỉnh.
- Hai nhân vật đối lập, tương phản hầu như xuyên suốt truyện: Thạch Sanh và Lí Thông tạo cho cốt truyện vững chắc, tập trung.
- Các chi tiết, yếu tố thần kì rất có ý nghĩa tư tưởng- thẩm mĩ.

• ***Tất cả nhằm:***

Ngợi ca những chiến công rực rỡ và những phẩm chất cao đẹp của người *anh hùng - dũng sĩ dân gian* đồng thời thể hiện *ước mơ đạo lí nhân dân*: Thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà, hòa bình thắng chiến tranh, các dân tộc sống trong hòa bình, yên ổn làm ăn.

2. H. trình bày lại nội dung mục "*Ghi nhớ*" bằng lời của mình.

3. Đọc thêm một số đoạn trong truyện thơ nôm "*Thạch Sanh*" (SGK. Văn học lớp 9, tập 1, Nxb GD, H. 1999): Đoạn *Thạch Sanh* đánh nhau với Chằn tinh, đoạn tả *tiếng đàn của Thạch Sanh*...

4. Vẽ *minh họa chân dung Thạch Sanh* theo trí tưởng tượng của mình.

5. Soạn bài: "*Em bé thông minh*"./.

Tiết 23
TIẾNG VIỆT
CHỮA LỖI DÙNG TỪ

A. Kết quả cần đạt

1. H. nắm được:

- Phép lặp và lỗi lặp từ,

- Các từ gần âm khác nghĩa.

2. *Tích hợp* với phần *Văn* trong văn bản truyện cổ tích *Thạch Sanh*, với phần *Tập làm văn* ở kết quả *bài viết tập làm văn số 1*.

3. Luyện kỹ năng:

- Phát hiện lỗi, phân tích nguyên nhân mắc lỗi.

- Các cách chữa lỗi.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
PHÁT HIỆN VÀ SỬA LỖI LẶP TỪ

▪ G. yêu cầu H. *gạch dưới* những từ ngữ có nghĩa giống nhau trong đoạn trích, sau đó đặt câu hỏi:

- Trong *đoạn a.* có những từ ngữ nào được lặp lại?

  Lặp mấy lần?

- Trong *đoạn b.* có những từ ngữ nào được lặp lại?

  Lặp mấy lần?

- Cùng là hiện tượng lặp, nhưng tác dụng của lặp có giống nhau không? Tại sao?

▪ H.

- Trong *đoạn a*:

  Từ *tre* lặp 7 lần, từ *giữ* lặp 4 lần, từ *anh hùng* lặp 2 lần.

- Trong đoạn b:

  Ngữ *truyện dân gian* lặp 2 lần.

  Cùng là hiện tượng lặp, nhưng tác dụng khác nhau, vì:

  + Trong a, phép lặp được dùng với mục đích tạo ra *nhịp điệu hài hòa* cho một đoạn văn xuôi giàu chất thơ.
  + Trong b. là *lỗi lặp* do diễn đạt kém.

▪ H. chữa lỗi lặp ở đoạn b.

• ***Gợi ý:***

- Bỏ ngữ *truyện dân gian.*
- Đảo cấu trúc: *Truyện - em - thích - đọc...*

  thành cấu trúc: *Em - thích - đọc - truyện.*

Cả câu:

Em rất thích đọc truyện dân gian vì truyện có nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo.

Hoạt động 2
SỬA LỖI LẪN LỘN CÁC TỪ GẦN ÂM

- G. yêu cầu H. gạch dưới các từ dùng sai âm trong 2 câu a, b, và đặt câu hỏi:

  - Tại sao có lỗi dùng từ *sai âm* như vậy?

  - Cách sửa lỗi cụ thể?

- H. mắc lỗi vì *không nhớ chính xác hình thức ngữ âm của từ.*

  Cách sửa:

  - Với câu a: Thay *thăm quan* bằng *tham quan.*

  - Với câu b: Thay *nhấp nháy* bằng *mấp máy.*

- G. nhấn mạnh:

- Từ có 2 mặt: *Hình thức* và *nội dung* (đã học ở bài 3). Hai mặt này luôn gắn với nhau.

- Vì vậy, sai về *hình thức* sẽ dẫn tới sai về *nội dung.*

  Ví dụ:

  + *Tham quan*: Xem tận mắt để mở rộng hiểu biết hoặc học tập kinh nghiệm.

  + *Thăm quan*: Vô nghĩa, vì không có từ này trong vốn từ tiếng Việt. (chỉ có: *Thăm viếng, thăm hỏi, thăm thú, thăm dò...)*

- Vậy, muốn tránh mắc lỗi dùng sai âm của từ, phải *hiểu đúng nghĩa của từ.*

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

- ***Bài tập 1:*** *Lược bỏ từ ngữ lặp.*

Câu a. Bỏ: *bạn, ai, cũng, rất, lấy làm, bạn, Lan.*

Còn lại:

Lan là một lớp trưởng gương mẫu nên cả lớp đều rất quí mến.

Câu b. Bỏ *câu chuyện ấy.*

- Thay *câu chuyện này* bằng *câu chuyện ấy.*
- Thay *những nhân vật ấy* bằng đại từ *họ.*
- Thay *những nhân vật* bằng *những người.*

Câu sau khi đã sửa chữa:

Sau khi nghe cô giáo kể, chúng tôi ai cũng thích những nhân vật trong chuyện ấy vì họ đều là những người có phẩm chất đạo đức tốt đẹp.

Câu c: Bỏ: *Lớn lên* (lặp nghĩa với từ trưởng thành).

Còn lại:

Quá trình vượt núi cao cũng là quá trình con người trưởng thành.

- ***Bài tập 2:***

Câu a: Thay từ *linh động* bằng *sinh động.*

- Nguyên nhân: Lẫn lộn từ gần âm, nhớ không chính xác hình thức ngữ âm.
- Phân biệt nghĩa:
  + *Sinh động*: Gợi ra hình ảnh, cảm xúc, liên tưởng.
  + *Linh động*: Không rập khuôn, máy móc các nguyên tắc.

Câu b:

- Thay từ *bàng quang* bằng từ *bàng quan.*
- Nguyên nhân: Như *câu a.*
- Phân biệt nghĩa:
  + *Bàng quang*: Bọng chứa nước tiểu.
  + *Bàng quan*: Dửng dưng, thờ ơ như người ngoài cuộc.

Câu c:

- Thay từ *thủ tục* bằng *hủ tục.*
- Nguyên nhân: Như câu a.

- Phân biệt nghĩa:

  + *Hủ tục*: Những thói quen lạc hậu cần bài trừ.

  + *Thủ tục*: Những quy định hành chính cần phải tuân theo.

- ***Một số bài tập bổ trợ** (Dùng cho 2 bài: 6 và 7)*

- *G. gợi ý cho H. giải thích nghĩa của từng từ trong mỗi cặp từ dễ bị lẫn lộn vì hiện tượng gần âm, sau đó đặt câu có dùng lần lượt tất cả các từ trong bảng sau đây:*

Cặp từ	Nghĩa
Tượng trưng *Tưởng tượng*	Tiêu biểu cho một cái gì đó. Tự nghĩ ra, bịa đặt ra.
Xán lạn *Sáng lạng*	Tươi sáng, có triển vọng. Không có từ này.
Khẳng định *Khảng khái* *Khẳng khái*	Thừa nhận một sự thật hoặc một vấn đề gì đó. Cương trực, trọng danh dự. Không có từ này.
Thẩm định *Thẩm thấu*	Xem xét để công nhận, thừa nhận, nghiệm thu. Ngấm vào.
Tha thiết *Tha thướt*	Mức độ quan tâm hoặc gắn bó với một việc gì đó. Vẻ đẹp duyên dáng.
Thâm thuý *Thấm thía*	Sâu sắc một cách kín đáo, tế nhị. Tiếp nhận một cách tự giác, có suy nghĩ.
Thông thạo *Thõng thẹo*	Am hiểu công việc, lành nghề, giỏi. Làm dáng một cách có chủ ý và quá mức.
Nhơ nhuốc *Nheo nhếch*	Hành vi xấu xa, đáng hổ thẹn. Hoàn cảnh đáng thương.
Sừng sộ *Sững sờ*	Thái độ xấu, kém văn hoá. Trạng thái tâm lí, tình cảm bị tác động mạnh.

Sấn sổ *Sặc sỡ*	Tương tự *sừng sộ*. Nhiều màu sắc cùng tác động vào thị giác.
Xúng xính *Sông sênh (Xông xênh)* *Sóng sánh*	Ăn mặc rườm rà hoặc mặc quần áo mới chưa quen. Kinh tế khá giả, tiêu pha thoải mái. Thùng nước, cốc nước đầy hoặc chất lỏng hơi đặc.
Sâu xa *Xót xa*	Lời nói, câu chuyện gợi cho người đọc, người nghe nhiều suy nghĩ. Trạng thái tâm lí, tình cảm bị dằn vặt, day dứt.
Xao xuyến *Xao xác*	Trạng thái tâm lí, tình cảm, nhớ, hồi hộp, e thẹn. Trạng thái tồn tại của ngoại cảnh do con người cảm nhận.
Nghênh ngang *Hiên ngang*	Hành vi kém văn hoá. Tư thế của người anh hùng.
Ngộ nghĩnh *Ngộ nhận* *Ngạo nghễ*	Hình thức hoặc hành vi lạ, dễ gây cười. Tin là đúng một cách vội vã, chưa kịp suy nghĩ. Tư thế hoặc vẻ đẹp của người anh hùng hoặc sự vật.
Dằn vặt *Dằn mặt*	Trạng thái tâm lí, tình cảm mặc cảm, ân hận, tự trách mình. Lời nói hoặc hành vi có tín chất răn đe, cảnh cáo.
Day dứt *Da diết*	Tương tự như *dằn vặt*, có tính chất hướng nội. Nhớ, nhớ thương âm ỉ, dai dẳng, có tính chất hướng ngoại.
Rộn ràng *Rổn rảng*	Trạng thái tâm lí hưng phấn, vui hoặc cuộc vui. Tiếng va chạm của kim loại hoặc tiếng cười, nói to.
Yếu điểm *Điểm yếu*	Điểm quan trọng, chỗ quan trọng. Chỗ yếu, kém cần khắc phục.
Khuyến mại *Khuyến mãi*	Khuyến khích sức bán hàng hoá. Khuyến khích sức mua hàng hoá.
Đề đạt *Đề bạt*	Bày tỏ nguyện vọng lên cấp trên hoặc người có trách nhiệm xem xét, giải quyết một việc nào đó. Cấp có thẩm quyền cử một người nào đó giữ chức vụ cao hơn.
Lao đao *Lảo đảo*	Tình huống gặp phải những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống. Tình trạng khó làm chủ bản thân.

Tiết 24
TẬP LÀM VĂN
TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN
SỐ 1:
KỂ CHUYỆN

A. Kết quả cần đạt

1. H hiểu được ưu, nhược điểm trong bài viết của mình, biết cách sửa chữa.

2. Củng cố một bước về cách xây dựng cốt truyện, nhân vật, tình tiết, lời văn và bố cục một câu chuyện.

B. Thiết kế bài dạy học

- ***Biện pháp thực hiện:***

1. Trả bài trước 5 ngày, H. đọc kỹ, tự phát hiện, chữa các lỗi.

2. Trên lớp, dưới sự hướng dẫn của G. tiếp tục chữa và tự xây dựng lại dàn bài câu chuyện của bản thân.

Hoạt động 1

DẪN VÀO BÀI

- G. *kiểm tra xác xuất* một vài bài chữa của H. nhận xét ngắn.
- Nêu yêu cầu và cách thức tiến hành giờ trả bài lần đầu tiên H lớp 6 được làm quen.
- *G. nhấn mạnh*: Điểm số, đối với một bài làm là quan trọng vì nó thể hiện kết quả cụ thể, tổng hợp năng lực, kiến thức, kỹ năng của H. Nhưng quan trọng hơn, đó là sự nhận thức, tự nhận thức ra các lỗi, ưu, nhược điểm về các mặt trong bài viết của mình và tìm cách, biết cách sửa chữa nó. Tiết trả bài, vì thế, không đơn giản nhưng cũng rất hứng thú, H. cần học tập mọt cách say mê và tự giác.

Hoạt động 2
NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÁC MẶT ƯU ĐIỂM, NHƯỢC ĐIỂM

1. Nội dung các truyện kể:

- Việc chọn đề tài, chủ đề.
- Thái độ, tình cảm của người kể chuyện.
- Những bài có nội dung tốt.
- Những bài có nội dung chưa đạt. Giải thích nguyên nhân.

2. Nghệ thuật kể chuyện, viết truyện, trình bày bài làm:

- Cốt truyện, nhân vật (chính, phụ, giới thiệu, miêu tả)
- Hệ thống sự việc (Có kể nguyên nhân, diễn biến, kết quả, có móc nối, xâu chuỗi mạch lạc, hợp lí?)
- Bố cục giữa ba phần?
- Lời văn kể chuyện? (Có đủ lời tác giả - người kể chuyện, lời nói của các nhân vật?)
- Các lỗi cá biệt và phổ biến về chính tả, dùng từ, đặt câu, nối đoạn, trình bày.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN CHỮA CÁC LỖI TIÊU BIỂU VỀ CÁC MẶT TRÊN

- H. tự chữa các lỗi vào bài của mình.
- G. theo dõi, hướng dẫn, bổ sung.
- H. trao đổi bài cho nhau, đọc nhanh.

Hoạt động 4
XÂY DỰNG DÀN Ý KHÁI QUÁT

- G. nêu yêu cầu của đề.
- G. hướng dẫn H. hình thành dàn ý khái quát 3 phần.

Hoạt động 5

ĐỌC, BÌNH BÀI HAY, ĐOẠN HAY

- G. chọn trong số bài làm của lớp: 1 bài khá nhất, 2 đoạn khá nhất,
- 3 H. đọc diễn cảm, lớp lắng nghe.
- Ý kiến nhận xét khái quát của G.
- Lời bình ngắn gọn của H. sau khi nghe.
- Ý kiến của người viết, (các H. có bài, (đoạn) được đọc, bình).

Hoạt động 6.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

- H. tiếp tục chữa các lỗi còn lại cho bài hoàn thiện.

  Xây dựng dàn bài cho *đề dự bị* đã ra ở bài 6 trước./.

Tuần 7

BÀI 7

Tiết 25 -26
VĂN HỌC
EM BÉ THÔNG MINH
(*Truyện cổ tích*)

A. Kết quả cần đạt

1. Giúp H. đạt điểm 1, mục *Kết quả cần đạt* (SGK).

2. Nắm vững mục "*Ghi nhớ*" (Truyện cổ tích về em bé thông minh, đề cao trí tuệ dân gian (trong trường hợp giải những câu đố oái oăm, từ đó tạo nên tiếng cười vui vẻ, hồn nhiên, yêu đời, trong sáng)

3. *Tích hợp* với phân môn *Tiếng Việt* ở việc *chữa các lỗi dùng từ*, với phân môn *Tập làm văn* ở kỹ năng *tập nói kể chuyện*.

4. Rèn kỹ năng *kể chuyện* (nói).

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
KIỂM TRA BÀI CŨ
(HÌNH THỨC VẤN ĐÁP)

- ***Câu hỏi 01:***
  - Kể lại *nửa đầu* truyện "*Thạch Sanh*"?
  - Vì sao nói chàng đã lập được nhiều chiến công thần kì, rực rỡ?
- ***Câu hỏi 02:***
  - Kể tiếp *nửa cuối* truyện.
  - Giải thích ý nghĩa sâu, đẹp của *tiếng đàn của Thạch Sanh*? (đối với Công chúa, với quân 18 nước chư hầu?)

• ***Câu hỏi 03:***

- Phân tích mối quan hệ giữa *Thạch Sanh* và Lí Thông?
- Vì sao *Thạch Sanh* không giận Lí Thông, cũng không trừng trị hắn?
- Hình phạt của Trời: Biến hắn thành con *bọ hung* có xứng với tội lỗi của y đã gây ra cho *Thạch Sanh*?

• ***Câu hỏi 04:***

Vì sao có thể nhận định rằng, "*Thạch Sanh*" là truyện cổ tích tiêu biểu nhất, bề thế nhất, kết cấu hoàn chỉnh nhất, nhân vật phong phú nhất trong kho tàng truyện dân gian ở nước ta?

Hoạt động 2
DẪN VÀO BÀI

- G. nói chậm:

Kho tàng truyện cổ tích nhiều nước (trong đó có Việt Nam) có một thể truyện rất lí thú: Truyện về các nhân vật tài giỏi, thông minh. Trí tuệ dân gian sắc sảo và vui hài ở đây được tập trung vào việc vượt qua những thử thách của tư duy, đặt và giải nhiều câu đố oái oăm, hóc hiểm trong những tình huống rối rắm, phức tạp. Từ đó tạo nên tiếng cười, sự hứng thú, khâm phục của người nghe.

"*Em bé thông minh*" là một trong những truyện thuộc loại ấy.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN TẬP ĐỌC, TẬP KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ, TÌM HIỂU BỐ CỤC

1. Giọng đọc, kể vui, hóm hỉnh; lưu ý những đoạn đối thoại, những câu hỏi và trả lời của em bé với quan, vua...

▪ G. cùng H. nối nhau đọc, kể toàn truyện một lần.

G. nhận xét các H. đọc, kể.

2. Hướng dẫn H. giải thích thêm *các từ* khó sau:

- *Dinh thự*: Nhà cao, cửa rộng (lâu đài) nơi ở của quan lại, quí tộc.
- *Hoàng cung*: Nhà ở của gia đình vua.
- *Đại thần*: Quan lớn.
- *Vô hiệu*: Không có tác dụng, kết quả.
- *Kiến càng*: Kiến có càng to lớn khác thường, kiến chúa.

3. Bố cục:

a) Mở truyện:

Vua sai quan đi khắp nơi tìm kiếm hiền tài giúp nước.

b) Thân truyện:

- Em bé giải câu đố của quan.
- Em bé giải câu đố của vua lần thứ nhất, thứ hai.
- Em bé giải câu đố của Sứ giả nước ngoài

c) Kết truyện:

- Em bé trở thành Trạng nguyên.
- Như vậy, trí thông minh lỗi lạc của em bé chủ yếu thể hiện qua việc đoán, giải các câu đố, vượt qua những thử thách trí tuệ một cách sắc sảo, bén nhạy, bất ngờ. Tìm hiểu cốt truyện, nhân vật chính là tìm hiểu nội dung, hình thức các câu đố và lời giải, cách giải độc đáo trong những tình huống khác nhau.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

1. *Câu đố 1 và lời giải:*

- H. Đọc câu đố của quan và lời giải của em bé.
- G. *hỏi*:

- Câu đố này có khó không? Vì sao?
- Câu trả lời của em bé có đúng không?
- Đầu óc thông minh, ứng xử nhạy bén của em bé được thể hiện như thế nào?

- H. lần lượt trả lời từng ý.

- ***Định hướng:***

  - Câu hỏi, nhưng thực chất đây là một câu đố khó. Bởi, ngay lập tức không thể trả lời chính xác một điều vớ vẩn, không ai để ý: Một ngày mình đã đi bao nhiêu bước chân? Cày bao nhiêu *đường* trong một buổi? Trả lời ước phỏng cũng còn khó! Lại thêm điệu bộ kẻ cả, cách nói hách dịch của tên quan quen hống hách, bắt nạt những người dân thấp cổ bé họng, nên người nông dân - cha em bé đành tắc tị, không biết trả lời ra sao!

  - Câu trả lời của em bé nhạy bén, thông minh, bất ngờ ở chỗ:

    Em không trả lời thẳng vào câu hỏi (vì không thể trả lời) mà ngay lập tức phản công lại, ra một câu đố khác, cũng theo lối hỏi của tên quan. Tên quan đang đắc ý vì đã dồn cha con tên thợ cày vào chỗ tắc tị, y có ngờ đâu lại bị em bé làm cho *ngây râu*! Bởi y làm sao có thể trả lời một câu hỏi tương tự? Em bé thông minh không chỉ dùng *gậy ông để đập lưng ông* mà còn chứng tỏ bản lĩnh nhanh nhạy, cứng cỏi, không hề run sợ trước người lớn, quyền lực.

2. Câu đố 2 và lời giải:

- G. *hỏi*:

- Có thể coi câu đố 2 là một *tình huống* được không?
- Câu đố này có khó hơn so với câu 1 không? Vì sao?
- Cách giải của em bé có gì giống, khác với cách giải câu đố 1?
- Sự thông minh của em bé được biểu hiện ở đây như thế nào?

- H. Bàn bạc, thảo luận, phát biểu.

- ***Định hướng:***

  - So với câu đố 1, câu đố của vua ra lần đầu này khó hơn nhiều. Nó như một bài toán khó, một tình huống rắc rối chưa có cách giải quyết. Kể ra, vua cho gạo nếp 03 thăng, trâu đực 03 con; hẹn trong 01 năm phải đẻ được 09 con nghé. Trâu đực làm sao có thể sinh đẻ

một mình? Cho 03 con, chứ cho cả 10 con cũng vô ích mà thôi! Lại thêm cho 03 *thăng* gạo nếp để làm gì? Trâu thì quen ăn cỏ, ăn rơm. Huống nữa, 02 *thăng* gạo đối với 03 con *trâu kềnh* thì có nghĩa lí gì? Gay go hơn là nếu không hoàn thành nhiệm vụ, nghĩa là không giải được bài toán của vua ra thì cả làng sẽ bị tội!

- Người thông minh là người biết phân biệt đâu là điểm chủ chốt, đâu là phụ, cốt lõi của vấn đề ở đâu? Em bé nhận ra ngay mẹo của vị *vua láu cá* và nghĩ ngay được cách đối phó.
- Thực chất, câu đố của vua *về phương thức cấu trúc*, cũng giống như câu đố của viên quan. Nghĩa là câu đố *không thể giải theo cách thông thường* mà phải giải theo kiểu *phản đề*. Tuy nhiên cũng cần nhiều sáng tạo. Em bé và dân làng không phải trả lời ngay như lần trước mà có cả một năm để chuẩn bị nên họ rất ung dung. Bởi vậy, lời giải của em bé cũng lại là *tìm một câu đố tương tự để đố lại vua, để cũng dồn vua vào thế bí*!
- Thú vị và hấp dẫn hơn là ở chỗ, người kể *cố tình kéo dài* bằng những *tình tiết dẫn dắt sáng tạo*: Em bé *giả vờ khóc* trước sân rồng để vua hỏi, rồi *trả lời một cách ngây ngô, ngớ ngẩn*, buộc vua phải giải thích. Chính câu giải thích của vua đã *tạo cái cớ* để em bé *hỏi lại* vua, *đưa vua vào bẫy*, đồng thời khẳng định việc làm đúng đắn của mình, làm cho vua chỉ còn biết *cười mà thán phục*. Lời lẽ của em bé tâu vua đĩnh đạc, lễ phép và đúng mực.

3. *Câu đố 3 và lời giải:*

- G. So với hai câu đố trên, câu đố 3 và lời giải hay ở chỗ nào?
- H. Trao đổi.

- ***Định hướng:***
  - Câu đố này hay, bất ngờ và lí thú là ở chỗ, nó được đưa ra lúc hai cha con đang ăn cơm, và phải trả lời ngay. Thực ra, nếu có thời gian, có đôi bàn tay khéo, tỉ mỉ, có con dao nhỏ xíu, thì cũng có thể dọn ba mâm cỗ bằng một con chim sẻ. Nhưng người thông

minh là người biết chọn một phương án tối ưu trong nhiều phương án. Bắt ngay vào câu đố của vua, em bé trả lại vua một câu hỏi khác như một *lời thách thức* nhà vua. Cố nhiên, *vua cũng thừa hiểu* cách giải thông minh của em bé, càng củng cố niềm tin của mình, khi vua đã tin, phục em bé chín phần.

- Quả vậy, ngay sau đó, vua lập tức cho gọi hai cha con em bé vào, ban thưởng rất hậu, và từ đó tin, phục hẳn.

4. *Câu đố 4 và lời giải:*

▪ H. Đọc đoạn cuối; trả lời các câu hỏi:

- So với các câu đố trên, câu đố này như thế nào? Khó hay dễ?
- Cách giải của em bé có gì đặc biệt?
- Tại sao em bé lại giải bằng một bài *đồng dao*?

• ***Định hướng:***

- Câu đố này *khác* cả ba câu đố trước ở người đố về ý nghĩa chính trị, ngoại giao của nó. Giải được thì *tự hào*, không giải được thì *nhục nhã*, xấu hổ, sĩ diện quốc gia bị tổn thương nghiêm trọng. Câu đố quả thật oái oăm, đến mức cả triều đình không ai giải được. Càng như vậy, tài năng của em bé càng được đề cao.
- Với em bé, lời giải câu đố này thật quá dễ dàng. Giống như một trò chơi, hay em bé cố tình làm như một trò chơi; vừa chơi vừa đọc, vừa hát lên bài đồng dao lục bát hồn nhiên, nhí nhảnh với giọng trẻ thơ nhất trên đời?
- Không cần phải đến tận nơi, không cần phải biểu diễn bằng hành động, cứ làm theo như lời đồng dao con trẻ ấy, thì sẽ xâu được sợi chỉ qua vỏ con ốc vòng vèo, ngoằn ngoèo.

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT

1. *Tóm lại*, trí tuệ thông minh, sáng láng của em bé được biểu hiện như thế nào?

Cách biểu hiện trong truyện cổ tích có gì hấp dẫn?

• ***Định hướng:***

- Trí tuệ thông minh, sáng láng hơn người của em bé được thể hiện qua 4 lần giải đố. Mỗi câu đố, mỗi câu một kiểu, dạng, như những tình huống oái oăm, rắc rối. Nhưng tất cả đều đã bị vượt qua bởi trí tuệ sắc sảo, tư duy nhạy bén, mẫn tiệp của *chú bé thần đồng*. Em rất nhanh chóng nhận ra *bản chất* của vấn đề, tìm ra ngay *cách giải hợp lí nhất*.
- Mỗi câu đố có một cách giải không hoàn toàn trùng nhau nhưng đều rất bất ngờ, thú vị, gây cho người đọc sự cảm phục sâu xa. Em bé là một *đứa trẻ đầy bản lĩnh, ứng xử nhanh nhẹn và khéo léo, hồn nhiên và vẫn rất trẻ thơ.* Rõ ràng, trí tuệ dân gian, nhân cách người bình dân lao động Việt Nam đã được kết tinh trong hình tượng *em bé thông minh*.

2. Trình bày lại bằng lời của mình nội dung mục " *Ghi nhớ*".

3. Kể lại truyện bằng lời của viên quan hay lời của vua.

4. Đọc thêm chuyện về *Lương Thế Vinh* (SGK, t. 74 - 75)

5. Soạn bài "*Cây bút thần*"./.

Tiết 27
TIẾNG VIỆT

CHỮA LỖI DÙNG TỪ
(Tiếp theo)

A. Kết quả cần đạt

1. H. phát hiện được:

- Các lỗi về dùng từ sai nghĩa,
- Mối quan hệ giữa các từ gần nghĩa.

2. *Tích hợp* với phần *Văn* trong văn bản truyện cổ tích *Em bé thông minh*, với phần *Tập làm văn* ở *Luyện nói kể chuyện.*

3. Luyện kỹ năng:

- Có *ý thức* dùng từ đúng nghĩa,
- Sửa được các lỗi dùng từ sai nghĩa.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

PHÁT HIỆN VÀ SỬA LỖI DÙNG TỪ SAI NGHĨA

▪ G. yêu cầu H. *gạch dưới* các từ dùng sai nghĩa trong 3 câu a, b, c.... và đặt câu hỏi:

- Các từ dùng sai nghĩa trong a, b, c,... là những từ nào?
- Tại sao mắc lỗi như vậy?
- Cách sửa trước mắt và lâu dài như thế nào?

▪ H. Từ dùng sai nghĩa:

a) *Yếu điểm,* b) *Để bạt,* c) *Chứng thực.*

Dùng sai vì không hiểu nghĩa của từ.

Cách sửa:

- Trước mắt: + Thay từ *yếu điểm* bằng từ *nhược điểm* hoặc *điểm yếu.*
  + Thay từ *để bạt* bằng từ *bầu.*
  + Thay từ *chứng thực* bằng từ *chứng kiến.*

- Lâu dài:
  + Phải thật hiểu đúng nghĩa của từ mới dùng.
  + Muốn hiểu đúng nghĩa của từ thì phải đọc sách báo, tra từ điển và có thói quen giải nghĩa từ theo 2 cách (đã học ở bài 3).

▪ G. hướng dẫn H. giải nghĩa các từ dùng sai và tìm các từ thay thế.

Từ	Nghĩa
Yếu điểm *Nhược điểm* *Điểm yếu*	Điểm quan trọng. Điểm yếu kém. Điểm yếu kém.
Đề bạt *Bầu*	Cấp có thẩm quyền cử một người nào đó giữ chức vụ cao hơn. Tập thể, đơn vị chọn người để giao chức vụ bằng cách bỏ phiếu tín nhiệm hoặc biểu quyết.
Chứng thực *Chứng kiến*	Xác nhận là đúng sự thật. Tận mắt nhìn thấy một sự việc nào đó đang xảy ra.

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. *Sửa lỗi dùng từ sai*

Dùng sai	Dùng đúng
bảng (tuyên ngôn)	*bản*
sáng lạng (tương lai)	*xán lạn*
buôn ba (hải ngoại)	*bôn ba*
thủy mặc (bức tranh)	*thủy mạc*
tự tiện (nói năng)	*tùy tiện*

2. *Điền từ*

a) Dùng từ *khinh khỉnh.*

b) Dùng từ *khẩn trương.*

c) Dùng từ *băn khoăn.*

3. *Sửa lỗi dùng từ chưa chính xác*

a) Bộ phận (cụ thể là tay, chân) của người thường có sự tương ứng với các hành động như sau:

- *Tống* bằng tay tương ứng với một...... *cú đấm*.

- *Tung* bằng chân tương ứng với một...... *cú đá*.

Vì vậy, câu này có 2 cách sửa:

- Thay cú đá bằng *cú đấm*, giữ nguyên từ *tống*.

- Thay *tống* bằng *tung*, giữ nguyên *cú đá*.

b) - Thay *thực thà* bằng *thành khẩn*.

- Thay *bao biện* bằng *nguy biện*.

c. - Thay *tinh tú* bằng *tinh tuý*.

- Hoặc thay *cái tinh tú* bằng *tinh hoa*.

4. *Viết chính tả.*

4a) SGK, t.76.

4b) Luyện phân biệt các phụ âm: **tr / ch.**

CH	TR	Phối hợp CH - TR	Các trường hợp khác
chao chát	tru tréo	trò chuyện	trung thành
chông chênh	trung trinh	chuyên trị	chung thủy
chung chiêng	trùng trục	chẩn trị	trung tâm
chuồn chồn	trơ trơ	chủ trì	chung kết
chẫu chàng	trớ trêu	chủ trại	trai lơ
chẫu chuộc	trơ trẽn	trang chủ	chai lọ
chi chít	trơ tráo	chỉnh trang	chê bôi
chằng chịt	trâng tráo	trực chiến	trê cóc
chung chạ	trốn tránh	chiến tranh	chông gai
chải chuốt	trệu trạo	tranh chấp	trông cậy
chán chê	trúc trắc	trau chuốt	chồng vợ
chán chường	trù trừ	chê trách	trồng cây
chang chang	trí trá	trợ chiến	thâm trầm

chói chang	trừng trừng	triều chính	ôm chầm
chan chát	trống trải	chính trị	châm biếm
chan chứa	tràn trề	chu trình	trâm anh
chững chạc	trơn truội	chương trình	chong đèn
chành choẹ	trăn trở	chọi trâu	khúc chiết
chí chát	trai tráng	chạm trổ	triết lí
chua chát	trằn trọc	trối chết	châu báu
chớt chát	trăng trối	trông chờ	trâu bò
cháu chắt	trong trẻo	chiêng trống	tro tàn
cha chú	trai trẻ	trở chứng	xin cho
chăm chút	trẻ trung	chơi trèo	chăng dây
chăm chỉ	trại trẻ	chơi trội	trăng non
chịu chơi	trừng trị	trò chơi	tràng đục
chao chát	trang trại	trú chân	chàng nàng
chín chắn	trang trọng	truân chuyên	chẻ củi
chắc chắn	trang trí	chúa trùm	trẻ con
chầm chầm	trang trải	trùm chăn	rễ tre
chằm chặp	trực tràng	chiêm trũng	che đậy
chút chít	trao trả	chỗ trũng	trở ngại
chi chút	tranh truyện	chính trực	chở hàng
chỉn chu	trắc trở	triệu chứng	chèo bẻo
chắn chặn	trăng trắng	chủ trương	leo trèo
chồng chéo	trong trắng	truyện chưởng	trào dâng
chấp chới	trắng trẻo	chính trường	chào hỏi
chủ chiến	trắng trợn	trực chỉ	tri thức
chí chết	tri trệ	trống chầu	chi tiêu

Tiết 28
KIỂM TRA VĂN

- *G. chọn 1 hoặc 2 trong 06 đề sau,*
- *H. làm bài theo số chẵn, lẻ:*

1. Kể tóm tắt truyện cổ tích "*Thạch Sanh*" bằng *ngôi kể thứ nhất* (nhân vật xưng *tôi*), với các nhân vật sau:

   a. Thạch Sanh.

   b. Lí Thông.

   c. Công chúa Quỳnh Nga.

2. Kể lại đoạn Thạch Sanh diệt Chằn Tinh và Đại Bàng *bằng lời của Chằn Tinh hoặc Đại Bàng.*
3. Nhập vai *cô út*, kể tóm tắt truyện *Sọ Dừa.*
4. Nhập vai *Phú ông*, kể tóm tắt truyện *Sọ Dừa.* Thử giải thích vì sao Phú ông lại đồng ý gả con gái cho đứa ở chăn bò?
5. Dựa vào truyện *Em bé thông minh*, em hãy kể lại một truyện *em bé thông minh* do em sáng tạo ra.
6. Trong các truyện cổ tích, người bình dân thường nêu cao các chân lí:

   - Thiện thắng ác,
   - Ở hiền gặp lành.

Điều đó được thể hiện như thế nào qua 2 truyện cổ tích *Thạch Sanh* và *Sọ Dừa*?

- ***Yêu cầu:***

+ Lập dàn bài chi tiết,

+ Viết thành văn đoạn mở bài./.

Tuần 8

BÀI 7 - 8

Tiết 29
TẬP LÀM VĂN

LUYỆN NÓI
VỀ VĂN *KỂ CHUYỆN*

A. Kết quả cần đạt

1. Hướng dẫn, động viên H. dựa vào dàn bài tập nói kể chuyện dưới hình thức đơn giản, ngắn gọn.

2. Bước đầu luyện kỹ năng *nói, kể trước tập thể* sao cho *to, rõ, mạch lạc,* chú ý phân biệt lời người kể chuyện và lời nhân vật nói trực tiếp.

- ***Chuẩn bị của thầy trò và hình thức dạy học.***

1. H chuẩn bị *dàn ý sơ lược, tập nói* và *tập kể* ở nhà.
2. Trên lớp, có thể *chia nhóm*, tổ để tập kể và tập nhận xét lẫn nhau trong nhóm; *cử đại diện* kể ở lớp.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
DẪN VÀO BÀI

- G. kiểm tra dàn bài của H.
  - Nêu yêu cầu tiết học, chia nhóm, tổ, đông viên H mạnh dạn, hăng hái tập kể, tập nói trước nhóm, tổ và trước lớp.

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN HỌC SINH CHUẨN BỊ

Hoạt động 2.1. **Lập dàn bài (một trong các đề sau):**

a) Tự giới thiệu về bản thân.

b) Kể về người bạn mà em (con) yêu mến.

c) Kể về gia đình mình.

Hoạt động 2.2. **Một số dàn bài gợi ý tham khảo:**

a) *Tự giới thiệu về bản thân*:

- *Mở bài:*

  Lời chào và lí do tự giới thiệu.

- *Thân bài*:

  + Tên, tuổi, vài nét về hình dáng.

  + Gia đình gồm những ai?

  + Công việc hằng ngày

  + Vài nét về tính tình, sở thích, ước mơ.

- *Kết bài*:

  Lời cảm ơn người nghe.

b) *Kể về gia đình của mình.*

- *Mở bài*:

  Lí do kể. Giới thiệu chung về gia đình.

- *Thân bài:*

  + Kể về các thành viên trong gia đình:

  Ông, Bà, Bố, Mẹ, Anh, chị, em...

  + Với từng người, lưu ý kể, tả một số ý:

  + Chân dung ngoại hình,

  + Tính cách, tình cảm, hoạt động, công việc hàng ngày...

- *Kết bài:*

  + Tình cảm của mình với gia đình.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN LUYỆN NÓI TRÊN LỚP

1. *Hướng dẫn H tập nói và nhận xét tập nói ở nhóm, tổ.*

2. *Hướng dẫn H tập nói nhận xét tập nói ở lớp, từ 3 - 4 H.*

3. *H. đọc và nhận xét 3 đoạn văn tham khảo trong (SGK, t. 78- 79).*

Các đoạn văn trên đều ngắn gọn, giản dị, nội dung mạch lạc, rõ ràng, rất phù hợp với việc tập nói.

4. *G nhận xét chung về tiết tập nói:*

- Về sự chuẩn bị của H,
- Về quá trình và kết quả tập nói của H
- Về cách nhận xét bạn nói của H.

Hoạt động 4

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

1. Viết dàn bài tập nói cho đề sau:

"Kể lại một việc làm có ích của em (hoặc bạn em)."

2. Tự *tập nói một mình* theo dàn bài đã lập./.

Tiết 30 - 31
VĂN HỌC

CÂY BÚT THẦN
(Truyện cổ tích Trung Quốc)

A. Kết quả cần đạt

1. Nắm vững cốt truyện:

- Mã Lương, chú bé nghèo, ham vẽ, say mê tự học, thành tài, được thưởng bút thần.
- Mã Lương đem tài phục vụ nhân dân, trừng trị *kẻ ác*.

2. Ý nghĩa tư tưởng:

- Ngợi ca chú bé họa sĩ nhân dân vì dân diệt ác.

- Khẳng định triết lí dân gian:

  + Khổ học thành tài.

  + Con người có thể vươn tới tài năng kì diệu.

  + Tài năng từ nhân dân mà ra.

  + Phục vụ nhân dân, tài năng càng có điều kiện phát triển.

3. Đặc sắc nghệ thuật:

- Truyện cổ tích thần kì về nhân vật thông minh, tài giỏi.
- Cốt truyện li kì, tưởng tượng phong phú.
- Yếu tố thần kì xoay quanh hình tượng *cây bút thần*,
- Giọng kể khi nghiêm trang, khi hài hước, dí dỏm.

4. Tích hợp với phần *Tiếng Việt* ở khái niệm: *Danh từ*, với *Tập làm văn* ở: *Lời kể và ngôi kể.*

5. Rèn kỹ năng *kể chuyện diễn cảm.* (nói)

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

KIỂM TRA BÀI CŨ

(HÌNH THỨC: VẤN ĐÁP)

- ***Câu hỏi 01:***
  - Kể lại diễn cảm truyện "*Em bé thông minh*";
  - Cảm nhận của em về nhân vật chính của truyện?
- ***Câu hỏi 02:***
  - So sánh sự giống nhau, khác nhau về hình thức, nội dung các câu đố và các cách giải đố của em bé?
  - Tại sao ở câu đố cuối cùng, em bé lại giải bằng thơ đồng dao?
- ***Câu hỏi 03:***
  - Tự sáng tác một *câu đố* cùng *lời giải*,
  - Đọc và phân tích *câu đố* của mình?

Hoạt động 2
DẪN VÀO BÀI

- G. nói chậm:

Là một trong những *truyện cổ tích thần kì*, thuộc tiểu loại *truyện kể về những con người thông minh, tài giỏi*, *"Cây bút thần"* đã trở thành truyện bình dân quen thuộc đối với cả trăm triệu người dân Trung Quốc và Việt Nam từ bao đời nay. Câu chuyện khá li kì, xoay quanh số phận của *Mã Lương*, từ một em bé nghèo khổ trở thành một họa sĩ lừng danh với cây bút thần kì diệu, giúp dân diệt ác.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN TẬP ĐỌC, TẬP KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ, TÌM HIỂU BỐ CỤC TRUYỆN

1. Yêu cầu đọc, kể:

Giọng chậm rãi, bình tĩnh; chú ý phân biệt lời kể và lời một số nhân vật trong truyện.

- G. cùng H. đọc, kể toàn truyện một lần.
- H. nhận xét cách kể của các bạn.

2. G. cùng H. giải thích từ 1 / 3 đến 1 / 2 số từ khó trong mục *chú thích*.

3. Tìm hiểu *bố cục* của truyện:

a) Mở truyện (theo công thức):

Người ta kể lại rằng, ngày xưa có một em bé...

b) Thân truyện:

- Mã Lương dốc lòng học vẽ, được thần thưởng bút thần.
- Mã lương đem tài năng phục vụ nhân dân
- Mã Lương dùng bútt thần trừng trị địa chủ và vua ác.

c) Kết truyện:

Mã Lương lại về sống và vẽ giữa lòng dân.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

- H. phát hiện nhân vật trung tâm của truyện?
  - Nhân vật trung tâm gắn liền với hình tượng nghệ thuật nào xuyên suốt?
  - Giải thích vì sao?

- ***Định hướng:***

  Hình tượng ***Mã Lương*** *với* ***Cây bút thần***

  Mã Lương là hình tượng nhân vật trung tâm gắn liền với hình tượng nghệ thuật *Cây bút thần*. Cả hai có mặt từ đầu đến cuối, góp phần thể hiện *chủ đề tư tưởng* của truyện và *ý đồ nghệ thuật* của tác giả.

- G. *Nêu vấn đề:*
  - *Cây bút thần* đến với *Mã Lương* trong hoàn cảnh nào?
  - Việc *cụ già tóc bạc* thưởng bút thần cho Mã Lương là có ý nghĩa gì?
- H. Bàn bạc, thảo luận.

- ***Định hướng:***
  - Suốt tuổi thơ ham học vẽ, Mã Lương chỉ mơ ước có một cây bút. Sau bao nhiêu cần cù, nỗ lực, em đã được toại nguyện. Trong mơ, (truyện cổ tích thường giải quyết những sự việc không thể có trong đời bằng những giấc mơ), Mã Lương được cụ già tóc bạc phơ thưởng cho một cây bút bằng vàng sáng lấp lánh. Thú vị là ở chỗ, giấc mơ tan, cây bút thần đã thành sự thật. Chi tiết kì diệu chủ chốt của truyện cổ tích đã xuất hiện hàm chứa nhiều ý nghĩa sâu xa:
  - Đó là hình ảnh biểu trưng kết quả khổ học thành tài của Mã Lương
  - Phần thưởng xứng đáng dành cho chú bé thông minh, cần cù, nghị lực.

- Sự kết hợp giữa tài năng, điều kiện và phương tiện (công cụ mới đem lại chất lượng nghệ thuật mới, hoàn chỉnh.
- Chứng minh hùng hồn chân lí dân gian:

Có chí thì nên; Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Con người có khả năng vươn tới kì diệu sánh ngang cùng tạo hoá.

- G. Vì sao khi có bút thần trong tay, Mã Lương không vẽ cho riêng mình? không vẽ lương thực, thực phẩm để hưởng thụ mà chỉ vẽ công cụ làm việc hoặc đồ dùng sinh hoạt cho những người cần thiết mà thôi?
- H. bàn bạc, thảo luận, phát biểu ý kiến của mình.

- ***Định hướng:***

- Việc làm trên chứng tỏ người lao động không bao giờ thích chờ sung rụng, thích ăn sẵn, mà họ chỉ mong muốn sao cho công việc hàng ngày được dễ dàng hơn, có kết quả hơn, sinh hoạt đơn giản, dễ chịu hơn. Họ vẫn thích cách sống tự lực cánh sinh, không ưa dựa dẫm vào người khác:

"Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ",

"Có làm thì mới có ăn,
Không dưng ai dễ đem phần đến cho"!

- G. Mã Lương đã dùng bút thần để đối phó, chống lại và chiến thắng tên địa chủ và tên vua độc ác như thế nào?
- H. kể lại đoạn truyện này và nhận xét cách kể, cách tả?

- ***Định hướng:***

- Trung tâm của truyện là những cuộc đấu tranh liên tục, tích cực, mạnh mẽ của Mã Lương chống lại và chiến thắng kẻ thù để bảo vệ mình và nghệ thuật chân chính.
- Đặc điểm chung của đoạn truyện này là sự việc phát triển từ thấp lên cao, nhân vật từ *bị động* đến *chủ động*.

- *Cây bút thần* lợi hại đã trở thành vũ khí lợi hại giúp Mã Lương chiến đấu và chiến thắng cả địa chủ và tên vua tham lam, độc ác. Tuy cốt truyện phát triển theo trình tự nhưng cũng có lúc *căng*, lúc *chùng*, nhưng thủy chung, Mã Lương kiên quyết đến cùng, không đem tài năng nghệ thuật phục vụ những tham vọng ích kỉ của giai cấp bóc lột, thống trị, dù chúng bắt bớ, giam cầm hay phỉnh phờ, dụ dỗ.
- Để đối phó với tên địa chủ ở làng, Mã Lương vẽ *bánh* để ăn, vẽ *lò* để sưởi, vẽ *thang* để trèo tường chạy trốn, vẽ *tuấn mã* để phi như bay, vẽ *cung tên* để kết liễu đời kẻ thù bạo ngược, tự tay tiêu diệt tên chúa đất hung bạo cố tình đuổi bắt mình.
- Với tên vua tham ác vô độ, Mã Lương dùng mẹo khéo léo, uyển chuyển hơn, vẽ ngược lại ý vua để làm nhục y. Dùng *gậy ông để đập lưng ông*, vờ nhận lời, vẽ theo yêu cầu của vua. Mã vẽ biển xanh gợn sóng mênh mông, vẽ *thuyền rồng* to, đẹp để vua và triều đình ra khơi xem cá.

Thế là thời cơ đã đến, vua ngu tự hãm mình vào chỗ chết. Chẳng thèm đếm xỉa tới những lời gào thét, cầu cứu tuyệt vọng của tên bạo chúa và lũ quan lại tay sai, bút thần trong tay em *liên tục vẽ những đường cong lớn, mượn giông tố dữ dội, mù mịt dìm chôn triều đình nhà vua dưới muôn lớp sóng bạc đầu... trừ hại cho dân.*

- Mơ ước của hàng trăm triệu nông dân Trung Quốc thời phong kiến mạnh mẽ, và sảng khoái biết chừng nào!
- Mã Lương với cây bút thần đã thực hiện trọn vẹn niềm mơ ước tự do, giải phóng của nhân dân xưa.

▪ G. *nêu vấn đề*:

- Giữa hai cuộc chiến đấu ngày một quyết liệt là khoảng thời gian ngắn Mã Lương tạm giấu mình. Chi tiết Mã Lương *vẽ cò trắng, nhưng sơ ý để một giọt mực rơi đúng vào đúng mắt, khiến cò từ trong tranh xoè cánh vút bay*, là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc, giàu ý nghĩa tư tưởng, nghệ thuật.
- Hãy phân tích?

• ***Định hướng:***

- Trước hết, đây là một chi tiết nghệ thuật đầy dụng ý. Nó như một *nhịp cầu nghệ thuật* nối liền hai cuộc đấu, đưa mạch truyện phát triển hợp lí và tự nhiên.
- Nó chứng tỏ tài năng nghệ thuật siêu phàm của Mã Lương - vẽ tranh thành thật.
- Mã Lương là họa sĩ của những người nông dân lao động nên ưa thích vẽ con chim, con cá, con cò, con trâu, con bò... là những con vật thân thuộc, gần gũi với cuộc sống và sinh hoạt của họ.
- Con cò không mắt là con vật *chưa có linh hồn* (Con mắt là cửa sổ của tâm hồn), chưa có sức sống, vô cảm, vô tình. Vô tình, một giọt mực rơi vào đúng chỗ mắt cò, thế là cò được *điểm mắt*, có linh hồn, có thần, có sức sống. Vì vậy, cò xoè cánh bay lên cũng là chuyện tất nhiên.
- Nhưng cũng sử dụng bút thần (cướp được của Mã Lương), vua vẽ vàng thành đá, xuýt đập gãy chân, vẽ thoi vàng thành mãng xà, xuýt bị nó nuốt chửng...!

Cho hay, đâu cứ nắm được phương tiện quí giá trong tay là đã nắm chắc thành công? Ngược lại, càng tham thì thâm! Phương tiện thần kì phải ở trong tay nghệ sĩ chân chính với mục đích chính nghĩa mới có thể làm ra nghệ thuật đích thực.

▪ H. nhận xét phần kết truyện.

Theo em, Mã Lương còn có thể đi đâu nữa?

• ***Định hướng:***

Kết truyện *mở* nhưng dụng ý rõ. Nghệ thuật và nghệ sĩ chỉ có sức mạnh to lớn và kì diệu khi và chỉ khi được tắm mình trong đời sống của nhân dân, phục vụ nhân dân và mãi mãi thuộc về nhân dân.

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT

1. Khái quát những bài học tư tưởng và nghệ thuật chủ yếu của truyện:

• ***Định hướng:***

Truyện hấp dẫn người đọc bởi cách kể chuyện mộc mạc, mạch lạc, dung dị. Với phép màu của *cây bút thần* kì diệu, chú bé *họa sĩ nhân dân Mã Lương* tài hoa, nghị lực, dũng cảm đã đem hết tài năng nghệ thuật của mình để phục vụ nhân dân và trừng trị bọn tham ác trong xã hội. Truyện thể hiện trí tưởng tượng phong phú và mơ ước của nhân dân về những khả năng kì lạ của tuổi trẻ con người.

2. Trình bày bằng lời lẽ của mình nội dung mục *Ghi nhớ*.

3. Luyện tập tại lớp: Viết *từ 3 đến 5 câu văn* cho phần *kết thúc* truyện Mã Lương theo ý em?

4. So sánh hình tượng nghệ thuật *cây đàn thần* trong truyện *"Thạch Sanh"*, *cây sáo* trong truyện Sọ Dừa với hình tượng *cây bút thần* trong truyện *Mã Lương*?

5. Suy nghĩ để đặt một vài cái tên khác cho truyện, chẳng hạn:

Mã Lương, Chú bé họa sĩ, Có chí thì nên...

6. Luyện tập ở nhà:

So sánh hai nhân vật *Em bé thông minh* và nhân vật *Mã Lương* để thấy rõ sự giống, khác về phẩm chất, tính cách giữa hai nhân vật?

7. Soạn bài *"Ông lão đánh cá và con cá vàng"*./.

Tiết 32
TẬP LÀM VĂN

NGÔI KỂ VÀ LỜI KỂ TRONG *VĂN TỰ SỰ*

A. Kết quả cần đạt

1. H. nắm vững đặc điểm của 2 loại ngôi kể: *ngôi thứ ba* và *ngôi thứ nhất*, *tác dụng* của từng loại ngôi kể.

2. Phân tích các ngôi kể trong các truyện đã học, đã đọc, chuẩn bị lựa chọn, sử dụng ngôi kể thích hợp trong bài viết của mình.

3. Văn bản *tích hợp*: *Cây bút thần.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
DẪN VÀO BÀI

▪ G. *hỏi*:

- Khi kể chuyện, người kể đứng ở những ngôi nào?
- Vì sao có khi người kể xưng "*tôi*", có khi không? Khi xưng "*tôi*", tác giả và người kể có phải là một không?
- Khi kể chuyện (miệng, viết), tác giả nên chọn ngôi kể như thế nào?

Hoạt động 2
NGÔI KỂ VÀ VAI TRÒ CỦA NGÔI KỂ TRONG VĂN TỰ SỰ

▪ G. *nói chậm*:

- Ngôi kể là gì?

  Ngôi kể là *vị trí giao tiếp* mà người kể sử dụng khi kể chuyện.
- Khi người kể xưng tôi thì đó là *ngôi kể thứ nhất.*
- Khi người kể giấu mình, gọi sự vật bằng tên của chúng, kể *như người ta kể*, thì gọi là *ngôi kể thứ ba.*

• ***Các ngôi kể thường gặp trong tác phẩm tự sự:***

1. *Ngôi kể thứ ba*:

a) H đọc kỹ *đoạn văn số 1* (SGK,t. 88) và trả lời các câu hỏi sau:

b) Người kể gọi tên các nhân vật là gì?

- Gạch dưới các tên gọi ấy?
- Khi sử dụng ngôi kể như thế, tác giả có thể làm những gì?
- Khi ấy tác giả ở đâu?

- ***Định hướng:***
  - Người kể gọi các nhân vật bằng chính tên của chúng (vua, thằng bé, hai cha con, sứ giả, chim sẻ, họ, em bé, cha, mình, sứ nhà vua,...), tự giấu mình đi như là không có mặt (nhưng thật ra vẫn có mặt ở khắp nơi trong toàn truyện).
  - Người kể đã sử dụng *ngôi thứ 3*.

    Với cách kể này, người kể có thể kể linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật.
  - Đây là ngôi kể hay được sử dụng.

2. *Ngôi kể thứ nhất*:

a) H. đọc *đoạn văn thứ 2* và trả lời các câu hỏi sau:

b) - Trong đoạn văn này, người kể tự xưng mình là gì?

  - Gạch dưới các từ xưng hô ấy?
  - Khi xưng hô như vậy, người kể có thể làm những gì?
  - Nếu chọn *ngôi kể thứ 3*, người kể có khả năng làm được như thế hay không? Vì sao?

- ***Định hướng:***
  - Đây là cách chọn *ngôi kể thứ nhất*: Nhân vật Dế Mèn tự xưng là *"Tôi"*. Lưu ý: *Tôi không phải* là Tô Hoài - tác giả.
  - Người kể có thể *trực tiếp* kể ra những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua, trực tiếp nói ra cảm tưởng, ý nghĩ, tình cảm của mình.
  - Đây cũng là cách kể thường gặp trong tác phẩm tự sự.

- ***Vai trò của hai ngôi kể (1, 3) trong văn tự sự:***

1. H. đọc, so sánh hai đoạn văn trên, trả lời các câu hỏi sau:

  - Trong đoạn 2, *"Tôi"*, có phải là chính tác giả Tô Hoài hay không? Vì sao em biết?
  - Cách chọn ngôi kể này có ưu, nhược điểm gì?

Có thể thay đổi ngôi kể được không? Ví dụ: thay người kể - nhân vật *Dế Mèn* bằng *Dế Trũi*? Thay ngôi thứ 3 trong đoạn thứ 1 bằng ngôi kể thứ nhất, ví dụ: *Sứ giả kể chuyện*?

- Tóm lại, *ngôi kể thứ 3* có ưu, nhược điểm gì?

• ***Định hướng:***

- Khi kể, người kể có thể hoàn toàn tự do lựa chọn ngôi kể, hoặc ngôi thứ 3, hoặc ngôi thứ 1.
- Khi sử dụng *ngôi kể thứ nhất*, có thể xảy ra 2 khả năng:
  + Nhân vật *"Tôi" chính là* tác giả (thường gặp trong các tác phẩm hồi kí, tự truyện.)
  + Nhưng nhiều khi nhân vật xưng *"Tôi" không phải* là tác giả mà hoàn toàn do tác giả sáng tạo ra. Khi ấy, *"Tôi"* chỉ là một nhân vật trong truyện tự kể về mình, về những điều mình tai nghe, mắt thấy... (đoạn 2)
  + Khi đã sử dụng ngôi kể thứ nhất, tác giả *vẫn có thể thay đổi* người kể, nhân vật kể chuyện.
  + Điểm mạnh của *ngôi kể thứ 3*: Tính khách quan,
  + Điểm mạnh của *ngôi kể thứ 1*: Tính chủ quan,
  + Điểm yếu của *ngôi kể thứ 3*: Tính chủ quan,
  + Điểm yếu của *ngôi kể thứ 1*: Tính khách quan,

  Bởi vậy, người viết có thể *tự do lựa chọn* hai ngôi kể.

3. Nếu đổi ngôi kể trong *đoạn* 2 thành ngôi kể thứ 3, thay *tôi* bằng *Dế Mèn*, chúng ta sẽ có đoạn văn sau:

*Bởi **Dế Mèn** ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên anh ta chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, **Mèn** đã thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng mẫm bóng... **Mèn** co cẳng lên... Đôi cánh **Dế Mèn**... Mỗi khi **Mèn** vỗ cánh...tiếng phành phạch giòn giã.*

4. Không nên đổi ngôi kể thứ 3 thành ngôi kể thứ 1 trong đoạn văn 1 vì nếu đổi thì phải cấu tạo lại hầu như cả đoạn văn, phá vỡ cách kể ban đầu và nội dung chuyện cũng phải thêm bớt mới phù hợp với cách kể mới.

5. H. đọc kỹ và nhắc lại 2 *Ghi nhớ* trong SGK,t. 89.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Thay ngôi kể từ thứ 1 sang ngôi thứ 3?

Làm thế nào để thay thế? Sau khi thay, nhận xét so sánh 2 đoạn văn cũ, mới?

- ***Định hướng:***

Thay tất cả các từ "*Tôi* "bằng từ"*Dế Mèn*"hoặc "*Mèn*".

- Đoạn mới nhiều tính khách quan, như là đã xảy ra.
- Đoạn cũ nhiều tính chủ quan, như là đang xảy ra, hiển hiện trước mắt người đọc qua giọng kể của người trong cuộc.

2. Thay ngôi kể từ thứ 3 sang ngôi thứ 1? Cách thay? Nhận xét, so sánh hai đoạn văn cũ, mới?

- ***Định hướng:***

- Thay tất cả những từ "*Thanh*"bằng từ "*Tôi*".

- Nhận xét tương tự như câu 1.

3. Truyện *Cây bút thần* kể theo *ngôi thứ 3*.

Vì không có nhân vật nào xưng *tôi* khi kể.

4. Trong các truyền thuyết, cổ tích người ta hay kể chuyện theo ngôi thứ ba mà không kể theo ngôi thứ nhất. Vì:

- Giữ không khí truyền thuyết, cổ tích.

- Giữ khoảng cách rõ rệt giữa người kể và các nhân vật trong truyện.

5. Khi viết thư, cần sử dụng *ngôi kể thứ nhất* (xưng *tôi* hoặc mình, em, anh, con... Đó là những danh từ chỉ người được dùng như đại từ ngôi thứ nhất số ít) để bộc lộ rõ tính chủ quan, chân thực, riêng tư.

Nếu sử dụng *ngôi thứ ba* thì nội dung thư lại *có nguy cơ thiếu chân thật* trước người nhận.

Hoạt động 4

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

1. Kể lại truyện "*Thạch Sanh*" bằng các ngôi kể sau:

- Đoạn 1: Ngôi thứ 3.
- Đoạn 2: Ngôi thứ 1: Thạch Sanh.
- Đoạn 3: Ngôi thứ 1: Lí Thông.
- Đoạn 4 - đoạn kết: Ngôi thứ 1: Công chúa Quỳnh Nga.

Tự nhận xét về 4 cách kể, 4 ngôi kể trên?

2. - Kể lại truyện "*Cây bút thần*" bằng ngôi kể thứ nhất:

- Nhân vật *Bút thần* tự kể chuyện mình?
- Nhận xét hai cách kể?

3. Đọc thêm đoạn nhận xét của Phạm Hổ (SGK, t.90).

4. Dùng ngôi thứ 1 *kể miệng* về cảm xúc của em (con) khi nhận được quà tặng của người thân./.

| Tuần 9 |

BÀI 8 - 9

Tiết 33
TIẾNG VIỆT
DANH TỪ

A. Kết quả cần đạt

1. Củng cố và nâng cao một bước kiến thức về danh từ đã học ở bậc Tiểu học. Cụ thể là:

- Đặc điểm của danh từ.

- Các *nhóm danh từ* chỉ đơn vị và chỉ sự vật.

2. *Tích hợp* với *Văn* trong văn bản *Cây bút thần*, với *Tập làm văn ở ngôi kể và lời kể trong văn tự sự.*

3. Luyện kỹ năng *thống kê, phân loại* các danh từ.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
NHỚ LẠI NHỮNG KIẾN THỨC
ĐÃ HỌC VỀ *DANH TỪ*

▪ G. hướng dẫn H. xác định *danh từ* trong cụm danh từ *ba con trâu ấy* và đặt câu hỏi:

a) Trước và sau *danh từ* trong cụm danh từ trên, còn có những từ nào?

b) Tìm thêm những danh từ khác trong câu đã dẫn?

c) *Danh từ* biểu thị những gì?

▪ H.

Câu a. có thể có 2 lời đáp:

a1. Danh từ là *con trâu.*

a2. Danh từ là *trâu.*

- G. *Giải thích*:

Trong cụm danh từ trên, con trâu là *phần trung tâm* của cụm danh từ. (*Con* là danh từ chỉ đơn vị, *trâu* là danh từ chung). Nhưng để tiện cho việc phân tích, ta coi *con trâu* là *danh từ.*

- H. khi làm bài tập 1, cần đọc kỹ câu văn, nhớ lại những kiến thức đã học về danh từ để xác định đúng các danh từ được sử dụng trong cụm danh từ in đậm: ***Ba con trâu ấy.***

- H.

- *Câu b.* Ngoài các danh từ đó, trong câu văn trên còn có các danh từ khác: *Vua, làng, gạo, nếp, thúng...*

- *Câu c. Yêu cầu*:

+ Danh từ là những từ chỉ người, vật, sự vật.

+ Danh từ có thể kết hợp với các từ đứng sau:

Ấy, này, nọ, kia, khác...

+ Danh từ có thể kết hợp với các từ đứng trước:

Những, ba, bốn, vài... chỉ số lượng.

Vì vậy, trong cụm danh từ in đậm trên có 2 danh từ: *Con, trâu.*

+ Danh từ *con* chỉ loại.

+ Danh từ *trâu* chỉ vật.

+ Từ đứng trước: *Ba*, chỉ số lượng.

+ Từ đứng sau: *Ấy*, chỉ sự phân biệt cụ thể.

- G. yêu cầu H. đặt câu với các danh từ tìm được:

Ví dụ: - *Vua* Hùng chọn người nối ngôi.

- *Làng* tôi sau lũy tre mờ xa...

Hoạt động 2
TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CỦA DANH TỪ QUA MỤC *GHI NHỚ*

- H. đọc to mục *Ghi nhớ 1* trong SGK, t. 86.
- G. Nhấn mạnh: Mục *Ghi nhớ* về đặc điểm của danh từ có 3 ý chính. Từng ý nói về cái gì? Nói theo cách hiểu của em?
- H. nói ngắn gọn.
- G. chốt:
  - Ý 1:
    + *Danh từ* là gì?
    + Ngoài đối tượng: Người, vật; danh từ còn chỉ hiện tượng, khái niệm trừu tượng.
  - Ý 2.
    + Khả năng kết hợp với các từ đứng trước và đứng sau nó để tạo thành *cụm danh từ.*
    + Chức vụ ngữ pháp chủ yếu thường gặp trong câu:

Chủ ngữ.

Nếu làm *vị ngữ* thì cần đi với từ là đứng trước danh từ.

(Ví dụ: Tôi *là học sinh*).

- ***Bài tập nhanh:***

- Cho đoạn thơ:

Nhân dân là bể,
Văn nghệ là thuyền
Thuyền xô sóng dậy
Sóng đẩy thuyền lên.

(TỐ HỮU)

- Xác định các câu có cấu trúc C là V trong đoạn thơ trên?

- Xác định các từ loại của các từ làm C và làm V?

Gợi ý: - Cấu trúc C là V: 2 câu thơ đầu.

- Từ loại của C và V đều là danh từ:

Nhân dân, bể, thuyền, văn nghệ.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU MỤC II.

PHÂN LOẠI DANH TỪ:

DANH TỪ CHỈ ĐƠN VỊ

VÀ DANH TỪ CHỈ SỰ VẬT

1. ▪ H. phân biệt về nghĩa các từ: *Con, viên, thúng, tạ...* so với các danh từ đứng sau: *Trâu, quan, gạo, thóc.*

Yêu cầu:

Các từ đó chỉ loại, đơn vị đi với các danh từ đứng sau chỉ người, vật, sự vật.

2. ▪ H. *thay thế* bằng một số từ khác, nhận xét trường hợp thay thế nào thì đơn vị tính đếm, đo lường thay đổi, không đổi? Vì sao?

Yêu cầu:

- Thay đúng, giải thích đúng.
- Ví dụ: Thay *con* bằng *chú, bác*; thay *viên* bằng *ông, tên...* đơn vị tính đếm, đo lường *không thay đổi* vì các từ đó không chỉ số đo, số đếm.
- Thay *thúng* bằng *rá, rổ, đấu*; thay *tạ* bằng *tấn, cân...* đơn vị tính đếm, đo lường *sẽ thay đổi* vì đó chính là những từ chỉ số đo, số đếm.

3. ▪ H. suy nghĩ để trả lời câu hỏi 3:

Yêu cầu:

- Có thể nói: *Ba thúng gạo rất đầy* vì danh từ *thúng* chỉ số lượng *ước phỏng*, không chính xác (to, nhỏ, chứa đầy, vơi..), nên có thể thêm các từ bổ sung về lượng.

- Không thể nói: *Sáu tạ gạo rất nặng* vì các từ *sáu, tạ* là những từ chỉ số lượng *chính xác, cụ thể* rồi, nếu thêm các từ *nặng* hay *nhẹ* đều thừa.

- G. *chốt* lại theo nội dung mục *Ghi nhớ 2* (SGK, t. 87).

Danh từ tiếng Việt được chia làm 2 loại lớn:

a) Danh từ chỉ đơn vị:

- Loại từ (chỉ đơn vị tự nhiên)
- Đơn vị quy ước:
    + Đơn vị chính xác.
    + Đơn vị ước phỏng (không chính xác)

b) Danh từ chỉ sự vật:

Nêu tên từng loại hoặc từng cá thể người, vật, hiện tượng, khái niệm...

- ***Bài tập nhanh.***

1. Cho nhóm loại từ: *Ông, anh, gã, thằng, tay, viên...* và danh từ: *Thư kí* để tạo thành các tổ hợp:

Ông thư kí, anh thư kí, gã thư kí, thằng thư kí, tay thư kí...

- Yêu cầu H. nhận xét việc dùng các loại từ có tác dụng gì?
- Tác dụng: Thể hiện thái độ, tình cảm của người nói, viết đối với đối tượng được miêu tả.

2. Thay loại từ "*lá*" trong "*lá thư*" bằng các loại từ: *Bức, phong, cái, chiếc...* và giải thích ngắn gọn ý nghĩa của từng tổ hợp:

lá thư (hình dáng) *bức thư,* (nội dung) *phong thư* (giấu kín), *cái thư,* (nhấn mạnh) *chiếc thư* (đơn vị trong đống thư)

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. - Một số danh từ chỉ sự vật: *Bàn, ghế, nhà, cửa, chó, mèo...*

- Đặt câu: *Chú mèo* nhà em rất lười.

2. Liệt kê các loại từ:

a) Chuyên đứng trước danh từ chỉ người:

Ông, bà, chú,bác, cô, dì, cháu, ngài, vị, viên...

b) Chuyên đứng trước danh từ chỉ đồ vật:

Cái, bức, tấm, chiếc, quyển, pho, bộ, tờ,...

3. Liệt kê các danh từ;

a) Chỉ đơn vị quy ước chính xác:

Mét, gam, lít, hecta, hải lí, dặm, Kilôgam,...

b) Chỉ đơn vị quy ước ước phỏng (chừng):

Nắm, mớ, đàn, thúng, đấu, vốc, gang, đoạn, sải...

4. G. đọc chính tả đoạn văn từ đầu đến dày đặc các hình vẽ trong bài *Cây bút thần.*

Yêu cầu: Viết đúng các chữ *s, d* và các vần *uông, ương.*

- ***Bài tập chính tả bổ trợ:***

- G đọc cho H. viết chính tả lần lượt từ trên xuống dưới, từ trái qua phải theo các cột 1, 2, 3.
- H. viết chính tả lần lượt 2 cặp từ một từ trên xuống ở cột 4.

1. S	2. X	3. S-X	4. Trường hợp khác
sục sạo	xôn xao	sâu xa	sa bàn
sặc sỡ	xót xa	sản xuất	xa cách
sắc sảo	xao xác	xuất sắc	si mê
sông sênh	xơ xác	xử sự	xi nhan
súng sính	xúc xiểm	xấu số	su hào
sa sẩy	xào xáo	sử xanh	xu nịnh
sấn sổ	xuất xứ	xuyên suốt	sông ngòi
sừng sộ	xuất xưởng	xác suất	xông hơi

sững sờ	xao xuyến	xuân sắc	sinh tử
sum sê	xồm xoàm	xẩm sờ	xinh đẹp
sùng sục	xôm xốp	sắp xếp	sao mai
sồng sộc	xốn xang	xanh sẫm	xao động
sằng sặc	xương xẩu	xuất siêu	sui gia
sì sụp	xấu xa	xổ số	xui khiến
sấm sét	xấu xí	xương sông	sô nước
sàng sảy	xoay xở	xương sống	xô đẩy
suôn sẻ	xâu xé	xứ sở	sát sinh
sa sả	xây xẩm	xuân sơn	xát gạo
sa sầm	xa xăm	xuyên sơn	siêu tốc
sa sút	xa xỉ	sụp xuống	xiêu vẹo
suồng sã	xa xôi	xương sụn	sung mãn
sổ sách	xa xưa	suy xét	xung phong

- *Luyện viết chính tả phân biệt các phụ âm:* ***r / d / gi.***

1. r	**2. d**	**3. gi**	**4. Phối hợp**
rạo rực	day dứt	giục giã	giáo dục
rộn rã	dữ dội	giành giật	giáo dưỡng
răng rắc	dặt dẹo	gìn giữ	gieo rắc
ra rả	dắt díu	gia giáo	diễn giải
ríu rít	dan díu	gia giảm	diễn giả
rôm rả	dìu dặt	giặc giã	dẫu rằng
rũ rượi	du dương	giòn giã	dễ gì

rả rích	dí dỏm	giảm giá	diễn giảng
rền rẩm	dằng dặc	giảng giải	giận dỗi
ráo rác	dai dẳng	giam giữ	giận dữ
rì rào	da diết	gian giảo	rao giảng
rì rầm	dông dài	giàn giáo	danh giá
rỉ rắc	dóng dả	giỏi giang	giả da
rục rịch	dí dẩn	giáo giới	danh gia
rưng rức	dân dã	giáp giới	dâu gia
rừng rực	dãi dầu	giải pháp	già dặn
róc rách	dễ dãi	giập giạp	ruột già
rúc rích	da dẻ	giát giường	giả danh
ròng ròng	dung dăng	giãy giụa	giả dối
rầu rầu	dùng dằng	giết giặc	giả dụ
ràn rụa	dễ dàng	giặt giũ	dịch giả
rau ráu	dẻo dai	giờ giấc	giá rét
rể rà	dày dạn	giấm giúi	giáp ranh
rậm rạp	dòm dỏ	giúp giập	dân gian
run rẩy	dở dang	giật giọng	dương gian

- *Viết chính tả, phân biệt các vần:* ***uông / ương.***

Chiếc xuồng - công xưởng, cây luồng - cải lương, trăng suông - giọt sương, hạt muống - kênh mương, nuông chiều - nương rẫy, vuông tròn - vương vãi, tuồng chèo - văn chương, căn buồng - ống bương, cà cuống - con đường, ruồng rẫy - phương hướng, tình huống - đồng hương, thuồng luồng - tình thương, buông màn - trường em, cái thuổng - thất thường, ăn uống - âm dương, guồng sợi - gương soi.

5. phân loại các danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật trong bài chính tả trên.

a) Danh từ chỉ đơn vị: *Em, qua, con, bức...*

b) Danh từ chỉ sự vật: *Mã Lương, cha mẹ, củi, cỏ, chim...*

- ***Lưu ý:***

* *Bài tập 5*, để H. làm ở nhà./.

Tiết 34
TẬP LÀM VĂN

THỨ TỰ KỂ TRONG *VĂN TỰ SỰ*

A. Kết quả cần đạt

1. Giúp H. nắm được thứ tự kể chuyện qua hai cách:

- Theo trình tự thời gian.
- Không theo trình tự thời gian.
- Ưu, nhược điểm của từng cách.

2. Bước đầu vận dụng hai cách kể vào bài viết của mình.

3. Văn bản *tích hợp: Cây bút thần, Em bé thông minh, Ông lão đánh cá và con cá vàng.*

B. Thiết kế bài dạy học

- ***Biện pháp và hình thức tiến hành giờ học***

1. Phân tích ví dụ mẫu.

2. Luyện tập qua các đề và tập làm dàn ý theo hai cách kể.

Hoạt động 1
DẪN VÀO BÀI

▪ G. *nói chậm*:

Để làm tốt bài văn kể chuyện, người viết không chỉ chọn đúng ngôi kể, sử dụng tốt lời kể mà còn cần phải chọn *thứ tự kể* phù hợp nữa. Vậy *thứ tự kể* là thế nào?

Hoạt động 2.
TÌM HIỂU THỨ TỰ KỂ
TRONG *VĂN TỰ SỰ*

1. Phân tích các ví dụ sau:

a) - Tóm tắt các sự việc trong truyện "*Ông lão đánh cá và con cá vàng*"?

- Các sự việc ấy được trình bày theo trình tự như thế nào? Tại sao lại trình bày như vậy?

• ***Định hướng:***

▪ H. tóm tắt các sự việc.

▪ G. bổ sung, điều chỉnh.

- Các sự việc trong truyện này đều được trình bày theo trình tự thời gian. Đó là vì đặc điểm của truyện cổ dân gian, chỉ có một cốt truyện, sự việc đơn giản, nối tiếp nhau, hành động lặp lại và tăng cấp. Cách kể theo trình tự thời gian rất thích hợp vì nó làm cho cốt truyện mạch lạc, sáng tỏ, dễ theo dõi.

b) H. đọc kỹ đoạn văn trong (SGK, t. 97 - 98): (*Chuyện thằng Ngỗ*), trả lời câu hỏi:

- Các sự việc trong đoạn văn này có được trình bày theo trình tự thời gian hay không?
- Nó được trình bày theo trình tự nào?
- Ưu, nhược điểm của hai cách trình bày sự việc trên?

- ***Định hướng:***
  - Không kể theo trình tự thời gian mà theo mạch cảm xúc, tâm trạng của nhân vật, người kể chuyện *ngôi thứ ba*. Trước hết kể thời hiện tại, sau đó lại kể thời quá khứ, cuối cùng lại quay về thời hiện tại.
  - *Ưu điểm* của cách kể này là sự việc phong phú, trình bày khách quan như thật.
  - *Nhược điểm* của cách kể này là có thể làm cho người đọc khó theo dõi, có thể trùng lặp.
  - Nhược điểm của cách kể theo trình tự thời gian là dễ đơn điệu, nhàm tẻ.

- ***H. đọc phần* Ghi nhớ,**

- ***G. nhấn mạnh:***
  - Thứ tự kể *theo thời gian* là kể các sự việc liên tiếp nhau theo thứ tự tự nhiên, cái gì có trước, kể trước, chuyện gì xảy ra sau, kể sau, cho đến hết.

    Đây là cách kể thường gặp trong các tác phẩm tự sự dân gian.
  - Thứ tự kể *không theo trình tự thời gian* là cách kể theo mạch hồi tưởng của nhân vật, là cách xáo trộn quá khứ, hiện tại và tương lai. Từ hiện tại nhớ về quá khứ, lại chuyển sang hiện tại hoặc tương lai, hoặc xen kẽ.

    Cách kể này thích hợp với các truyện hiện đại, khi tác giả muốn khắc sâu tâm trạng của nhân vật. Cách kể này cùng tạo được sự bất ngờ, hấp dẫn.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP Ở LỚP

1. H. đọc kỹ câu chuyện trong bài tập 1, trả lời các câu hỏi sau:

- Chỉ ra ngôi kể?
- Chỉ ra trình tự kể?
- Vai trò của hồi tưởng trong câu chuyện?

- ***Định hướng:***
  - *Ngôi kể thứ nhất.* Nhân vật chính xưng *"Tôi"*, đóng vai người kể chuyện.
  - Trình tự kể: Theo mạch hồi nhớ của nhân vật kể chuyện.
  - Hồi tưởng đóng vai trò *chất keo kết dính, xâu chuỗi* các sự việc quá khứ, hiện tại thống nhất với nhau.

2. Lập dàn ý cho đề sau:

Kể lại câu chuyện lần đầu con được bố, mẹ cho đi chơi xa.

- Lập hai dàn ý theo hai ngôi kể, hai cách kể đã học.
- Định hướng:

  + Cách kể 1: Theo trình tự thời gian.

  + Ngôi kể 3. Tác giả giấu mình.

  + Cách kể 2: Đi rồi, nhớ lại và kể.

  + Ngôi kể 1. Tác giả xưng *"Tôi"*.

Nhưng dù thế nào cũng phải làm rõ:

- Lí do được đi? Đi đâu? Đi với ai? Thời gian chuyến đi?
- Những sự việc trong chuyến đi?
- Những ấn tượng của em trong và sau chuyến đi?

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

Chuẩn bị cho *bài viết số 2 tại lớp* bằng cách làm dàn ý cho *04 đề* sau:

1. Kể lại một kỉ niệm thời ấu thơ mà em nhớ mãi.
2. Kể về một người thầy (cô) kính yêu nhất của em.
3. Kể về một việc tốt mà em đã làm.
4. Kể lại một lỗi lầm em đã mắc phải và còn ân hận đến tận bây giờ./.

Tiết 35 - 36

TẬP LÀM VĂN

BÀI VIẾT TẬP LÀM VĂN

SỐ 2:

VĂN KỂ CHUYỆN

(Làm tại lớp. 02 tiết)

- G. *chọn 1 hoặc 2 trong các đề tham khảo dưới đây:*

  1. Kể về một việc tốt mà em (con) đã làm.
  2. Kể về một lần em mắc lỗi (em đã bỏ học, nói dối, không làm bài, cãi lại bố mẹ, thầy, cô...)
  3. Kể về một thầy giáo hay một cô giáo mà em rất quí mến.
  4. Một kỉ niệm thời thơ ấu còn đọng mãi trong lòng em.
  5. Một tấm gương tốt trong học tập hay trong việc giúp đỡ bạn bè mà em biết.
  6. Con cóc tự kể chuyện làm mưa của mình.
  7. Con gà tự kể việc làm đồng hồ báo thức của mình.
  8. Con giun tự kể về đời sống trong lòng đất của mình.
  9. Con cú mèo thanh minh với người về bản thân.

- ***Tuy số lượng đề đã khá phong phú, nhưng G vẫn có thể soạn đề riêng cho H. của mình, nhưng cần bám sát vào các bài đã học, vào cuộc sống thường nhật của các em./.***

Tuần 10

BÀI 9, 10

Tiết 37 -38
VĂN HỌC

ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG

(Truyện cổ tích Nga của A. Puskin.
Vũ Đình Liên và Lê Trí Viễn dịch)

A. Kết quả cần đạt

1. - Truyện cổ tích thơ đặc sắc của A. Puskin.

- Bằng những tưởng tượng kì diệu, cách kể theo lối *đối lập - tương phản, lặp lại và tăng cấp* các tình huống cốt truyện, nhà thơ Nga ca ngợi lòng biết ơn những người nhân hậu, tốt bụng và những bài học đích đáng cho những kẻ tham lam, bội bạc, bài học thấm thía cho những người hiền lành nhưng nhu nhược, những kẻ cậy quyền, cậy thế, vong ơn bội nghĩa.

2. Nắm vững cốt truyện, biết cách tóm tắt và kể chuyện một cách diễn cảm.

3. *Tích hợp* với phần *Tiếng Việt* ở khái niệm: *Danh từ*, ở phân môn *Tập làm văn* ở khái niệm: *Thứ tự kể* trong văn kể chuyện.

4. Tiếp tục rèn luyện kỹ năng *kể chuyện diễn cảm.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

KIỂM TRA BÀI CŨ

(HÌNH THỨC VẤN ĐÁP)

- ***Câu hỏi 01:***
  - Kể lại một cách diễn cảm truyện "*Cây bút thần*"?

- Cho biết ý nghĩa của hình ảnh *giọt mực vô tình* rơi vào đúng chỗ mắt cò?

• ***Câu hỏi 02:***

- Kể lại một cái kết thúc truyện theo ý riêng của em?
- Nêu từ 02 đến 04 nhan đề truyện mới, theo ý em?

• ***Câu hỏi 03:***

- Vua cũng cướp được cây bút thần, nhưng càng vẽ càng thất bại thảm hại. Vua biết chẳng làm nên trò trống gì, đành phải trả lại bút cho Mã Lương và dùng sức mạnh, uy quyền bắt ép em vẽ theo ý mình.
- Điều này có ý nghĩa gì?

Hoạt động 2
DẪN VÀO BÀI

"Xưa có một ông già với vợ,
Ở bên bờ biển cả xanh xanh,
Xác xơ một túp lều tranh,
Băm ba năm trọn một mình bơ vơ.
Chồng chuyên đi quăng chài, thả lưới,
Vợ ở nhà kéo sợi, xe dây..."

(HOÀNG TRUNG THÔNG dịch)

- Đó là mấy câu thơ mở đầu truyện cổ tích thơ của nhà thơ Nga vĩ đại A.Puskin (1799 - 1837) - tác giả nhiều *trường ca- truyện cổ tích* tuyệt diệu: "*Ruxlan và Liutmila,*""*Truyện vua Xantan*", "*Con gà trống vàng*"...
- "*Ông lão đánh cá và con cá vàng*" (1833) được xây dựng từ một truyện cổ tích Nga quen thuộc cùng *mô típ* với một số truyện cổ tích Đức, Đan mạch, Nauy, Thụy điển... nhưng A. Puskin đã gia công,

sáng tạo khá nhiều. Đặc biệt, ông đã khéo léo gửi gắm cả những vấn đề thời sự của nước Nga đương thời (đầu thế kỉ 19) vào truyện bằng những vần thơ vô cùng trong sáng và vang lên nhạc điệu khác thường.

- Tuy nhiên, bản dịch mà chúng ta dựa vào để học hôm nay là *bản dịch văn xuôi qua tiếng Pháp*. Có thể *đối chiếu, so sánh* với một số bản dịch khác, như các *bản dịch thơ qua tiếng Hán* của Hoàng Trung Thông, qua tiếng Nga của Việt Thương, Vũ Nho...

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ, TÓM TẮT, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ, TÌM HIỂU BỐ CỤC CỦA TRUYỆN

1. Yêu cầu đọc, kể, tóm tắt truyện:

- Giọng kể có kịch tính, phân biệt rõ các tình huống truyện, lời các nhân vật: Mụ vợ, Ông lão, Cá Vàng...
- Nếu có thể, đọc đối chiếu với các bản dịch thơ đã nói ở trên; cũng có thể đọc một đoạn bằng nguyên tác tiếng Nga.
- G. cùng 04 H. nối nhau đọc, kể, tóm tắt toàn truyện một lần.

2. Yêu cầu 04 H. giải thích 1/2 số lượng từ khó trong mục *chú thích*.

3. Tìm hiểu *bố cục* của truyện:

a) Mở truyện:

Giới thiệu nhân vật và hoàn cảnh.

b) Thân truyện:

- Ông lão đánh bắt rồi thả Cá Vàng.

- Cá nhiều lần đền ơn cho vợ chồng ông lão.

c) Kết truyện:

Vợ chồng ông lão đánh cá trở lại cuộc sống nghèo khổ như xưa: Một túp lều nát với một cái máng lợn sứt mẻ.

Hoạt động 4

HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

▪ G. - Truyện có bao nhiêu nhân vật chính, phụ?

- *Cá Vàng, Biển*... có phải là những nhân vật chính? Vì sao?

▪ H. Tự mình phân loại, phát biểu.

• ***Định hướng:***

- Truyện có 04 nhân vật: Ông lão, Mụ vợ, Cá Vàng, Biển.

Mỗi nhân vật có tầm quan trọng khác nhau, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, với những đặc điểm riêng.

1. *Nhân vật Ông lão:*

▪ G. Qua hành động và lời nói với Cá Vàng, em thấy ông lão là người như thế nào?

▪ H. nhận xét, khái quát.

• ***Định hướng:***

- Đó là một lão ngư nghèo khổ, chân chỉ làm ăn, rất lương thiện, rất nhân hậu, rộng lượng, tự bằng lòng với cuộc sống hiện tại của mình. Ba lần thả lưới mới bắt được Cá, nhưng khi nghe Cá cất tiếng van xin thì ông động lòng thương và thả ngay, thanh thản, không cần sự đền ơn nào.
- Người lao động Nga không tham lam, không đòi hỏi những gì mình không có, nhân hậu và độ lượng.

• G.

- Thái độ và hành động của ông lão trước những đòi hỏi của mụ vợ như thế nào?
- Hình dáng ông già câm lặng, *lóc cóc, lủi thủi*, năm lần đi ra biển tìm gặp Cá Vàng gợi cho em những cảm xúc và suy nghĩ gì?

▪ H. suy nghĩ, nhận xét, phân tích.

- *Định hướng:*
  - Không phải một, hai hay ba, bốn lần mà những năm lần ông lão nhất nhất nghe theo lời vợ ra biển cầu xin Cá Vàng trả ơn, giúp đỡ. Không phải ông không biết tính tình quái ác, tham lam vô độ của mụ vợ già, nhưng tính nhu nhược, sợ vợ, muốn yên thân đã khiến ông cam chịu, nhẫn nhục, làm ngược lại lời hứa của mình với Cá Vàng.
  - Qua những lời nói của ông lão với Cá Vàng, ta thấy ông không phải là người ngu dốt. Ông hiểu rõ tâm địa, bản tính của vợ mình, hiểu rõ đòi hỏi của mụ là quá đáng, vô lí. Nhưng lần nào cũng vậy, chỉ một câu van xin hết sức yếu ớt, rồi lại nhất nhất theo lệnh vợ.
  - Tại sao như vậy? Phải chăng vì tính hiền lành đến mức nhu nhược? Phải chăng vì vốn sợ vợ từ lâu, quen nghe vợ trong tất cả mọi chuyện? Hoặc đây chẳng qua chỉ là *biện pháp đối lập, tương phản* của nghệ thuật truyện cổ tích? Người tác giả dân gian và A. Puskin cốt "*dìm*" ông lão xuống để làm *nổi bật tính xấu* của mụ vợ già?
  - Dù sao cũng phải nhận thấy rằng, tính nhu nhược của ông lão đã vô tình tiếp tay, đồng loã cho tính tham lam, lăng loàn của mụ vợ nảy nở, phát triển. Và cũng đáng buồn thay, ông lão lại trở thành *nạn nhân khốn khổ* của chính vợ mình: Làm đầy tớ cho vợ cũng không xong!
  - Nhưng nếu ta suy nghĩ sâu hơn, sẽ thấy, qua hình tượng ông lão, A.Puskin *muốn phê phán*, không phải không nghiêm khắc, *tính thỏa hiệp, nhu nhược với những kẻ quyền thế của một bộ phận nhân dân Nga, lay tỉnh họ, tiếp thêm dũng khí cho họ trong cuộc đấu tranh chống lại cường quyền, giành lại công lí.*

2. *Nhân vật Mụ vợ:*

- G. *hỏi*:

  Qua thái độ và cách đối xử với chồng và với cả Cá Vàng, em có thể khẳng định mụ vợ là một người đàn bà như thế nào?

- H. khái quát và chứng minh.

- ***Định hướng:***
  - Tham lam vô độ, không giới hạn là nét nổi bật đầu tiên trong tính cách của mụ vợ. Tham của cải vật chất: Máng lợn, nhà rộng, lâu đài, vàng bạc... Tham danh vọng, quyền hành: Nhất phẩm phu nhân, Nữ hoàng, Long vương...
  - Lòng tham không ngừng tăng tiến, không bao giờ chịu thỏa mãn với cái đang có.
  - Lăng loàn, bội bạc, tàn nhẫn, thô bỉ:
  - Với Cá Vàng, mụ chẳng có chút công lao gì, nhưng lại đòi hưởng thụ tất cả một cách vô lí.
  - Với ông chồng già, mụ không hề tỏ ra tôn trọng, biết ơn; ngược lại, mụ luôn luôn tìm cớ sai phái, cáu bẳn, hoạnh hoẹ, quát nạt, mắng chửi, thâm chí đánh đuổi, làm nhục. Mỗi lần thỏa mãn lòng tham, mụ không những không hài lòng mà càng tỏ ra bội bạc, đểu giả hơn. Mụ hoàn toàn coi chồng như tên đầy tớ già khốn nạn, nhất cử nhất động đều phải làm theo mọi ý muốn tai quái của mụ.
- G. *hỏi*:
  - Mụ vợ tuy cũng là người lao động nghèo khổ, nhưng lại mang trong mình bản chất của giai cấp nào?
  - Yếu tố nào khiến mụ càng *lên nước*?
- H. Trả lời.
- ***Định hướng:***
  - Khác với chồng, mụ vợ là người đàn bà ngu si. Lòng tham làm cho đầu óc của mụ càng tăm tối hơn. Có thể nói, từ khi gặp Cá Vàng, mụ chỉ sống với những đòi hỏi vô lí và vô lối do mình tưởng tượng ra.Tham lam, tàn nhẫn, độc ác, lăng loàn, lại có quyền hành trong tay; những yếu tố đó hợp lại càng giúp mụ được thể *lên nước*, hoành hành ngang ngược, chẳng coi ai ra gì! Mụ có hiểu gì đâu, *Nhất phẩm phu nhân* với *Nữ Hoàng*, kể cả *Long Vương* đi nữa, đối

với mụ cũng vậy mà thôi! Cái mụ cần là lòng tham vô đáy phải luôn luôn lập tức được thỏa mãn.

- Vốn là người thuộc giai cấp cần lao, nhưng mụ lại mang bản chất của giai cấp bóc lột, thống trị tham ác, chà đạp lên mọi tình cảm, đạo đức, tìm mọi cách, bằng mọi giá, đạt danh vọng tột đỉnh và ước muốn ngông cuồng, rắp tâm thống trị cả thế giới này!
- Qua nhân vật mụ vợ, A. Puskin muốn chứng minh rằng, cái xấu, cái ác, cái bội bạc càng được thể *lên ngôi* khi có thêm bạn đồng minh, được tiếp tay bởi sự nhu nhược, dễ mềm lòng, thỏa mãn, cam chịu.

▪ G. - Nhận xét về *cách kết thúc* của truyện?

- Cá Vàng trừng trị mụ vợ như vậy có đích đáng không? Vì sao?
- Nếu để cho mụ biến thành *lợn*, thành *gấu* như trong *Truyện cổ Grim* thì sao?

▪ H. Bàn luận tự do, phát biểu.

• ***Định hướng:***

- Kết thúc của truyện rất độc đáo, *theo lối vòng tròn*. Trước đây, gia cảnh nhà ông lão như thế nào thì nay lại trở về như thế, chứ không theo lối có hậu như nhiều truyện cổ tích khác.
- Mặt khác, theo chúng tôi, Cá Vàng trừng trị mụ vợ như vậy mà không biến mụ thành *lợn* hay *gấu*, vẫn không phải là nhẹ. Bởi tội của mụ chủ yếu là tham lam vô lối và lăng loàn với chồng mà thôi. Huống chi, Cá Vàng vẫn đang chịu ơn lớn của ông lão - ơn cứu mạng. Hơn nữa, với một tính cách như mụ vợ, đang từ trên *đỉnh chóp* của quyền lực và danh vọng như vậy, phút chốc lại chỉ còn trơ khấc với cái máng lợn sứt mẻ, có lẽ mụ ta cũng phải uất, tiếc mà chết ngất cho rồi. Mụ vợ lại rơi vào cảnh:

"Của trời, trời lại lấy đi,
Giương đôi mắt ếch làm chi được trời!"

3. *Hai nhân vật: Cá Vàng và Biển cả.*

- G. *hỏi*:
  - *Cá Vàng* tượng trưng cho cái gì?
  - Bốn lần *Cá Vàng* thỏa mãn đòi hỏi của mụ vợ nói lên điều gì?
  - Tại sao lần thứ năm *Cá Vàng* từ chối, quẫy đuôi lặn xuống biển sâu, để mặc ông lão đứng trơ trên bờ?
- H. Trao đổi, thảo luận.

- ***Định hướng:***
  - *Cá Vàng* tượng trưng cho khả năng kì diệu của con người, có thể làm ra, thỏa mãn rất nhiều yêu cầu, ước muốn. *Cá Vàng* thể hiện lòng biết ơn sâu nặng đối với tấm lòng nhân hậu, bao dung. Năm lần ông lão ra biển kêu gọi *Cá Vàng* thì bốn lần cá đáp ứng. Điều đó chứng tỏ sự rộng lượng của cá. Nhưng mọi việc đều có giới hạn của nó.
  - Lần thứ năm, *Cá Vàng* từ chối, quẫy đuôi lặn xuống biển sâu, quyết định cho mụ vợ tham ác, lăng loàn, và cho cả ông chồng nhu nhược nữa, một bài học nhớ đời. *Cá Vàng* thật sáng suốt, nhân ái và nghiêm khắc.

- G. *hỏi*:
  - *Biển cả* thay đổi thái độ như thế nào khi mỗi lần ông lão đi ra bờ biển?
  - Đó là biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của nó?
- H. Kiếm tìm, liệt kê, phân tích.

- ***Định hướng:***
  - Từ êm ả đến gợn sóng, nổi sóng, rồi nổi sóng dữ dội, một cơn giông tố mù mịt kéo đến....*Biển cả* đã trở thành một hình tượng nghệ thuật thiên nhiên độc đáo giàu ý nghĩa biểu trưng cho *công lí của nhân dân.*

- *Biện pháp nghệ thuật tăng tiến* trong *lặp lại* đã góp phần đắc lực vào việc thể hiện chủ đề của truyện.Từ chỗ hài lòng đến chỗ căm giận, bất bình, báo hiệu một sự trừng phạt ghê gớm nhất định phải tới.
- *Biển cả* - người mẹ vĩ đại, người chứng kiến công bằng, người báo hiệu công lí nhất định sẽ được thực hiện.

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT

1. Những bài học được rút ra từ truyện cổ tích thơ này?

- Lòng biết ơn sâu nặng những người nhân hậu, bao dung.
- Bài học đích đáng cho những kẻ tham, ác, bội bạc.
- Không thể thỏa hiệp, cam chịu hay nhu nhược mà phải tích cực đấu tranh chống lại mọi cái ác, cái xấu để tồn tại và khẳng định giá trị của chính mình.

2. Những đặc sắc nghệ thuật chủ yếu của truyện:

- Tương phản, đối lập.
- Trùng lặp và tăng cấp.
- Mơ và thực, kì diệu hoang đường và bình thường, giản dị.
- Nhân hóa rộng rãi.
- Kết cấu *vòng tròn, mở.*

3. Kể lại một cách sáng tạo *trong vai mụ vợ* hoặc *Cá vàng.*

4. Vẽ *tranh minh họa* hoặc *đồ lại* một số bức tranh của các họa sĩ Nga.

5. Soạn bài 10: Ba truyện ngụ ngôn:

- *Ếch ngồi đáy giếng.*
- *Thầy bói xem voi,*
- *Đeo nhạc cho mèo./.*

Tiết 39
TẬP LÀM VĂN

TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN
(Tiết 28, tuần 7)

A. Kết quả cần đạt

1. H. nhận rõ ưu, khuyết điểm bài làm của mình, biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bài viết tiếp theo.
2. *Tích hợp* với các *văn bản truyện cổ tích* đã học: *Sọ Dừa, Thạch Sanh, Em bé thông minh, Ông lão đánh cá và con cá vàng*, với các khái niệm *danh từ* và *cụm danh từ*.
3. Luyện kĩ năng chữa bài viết của bản thân và của bạn.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

- G. trả bài cho H. trước 05 ngày.
- H. tự đọc kĩ bài của bản thân, tự chữa các lỗi theo sự hướng dẫn của G. đã ghi trong bài làm.
- G. Kiểm tra xác xuất sự chữa bài của H.

Hoạt động 2

- G. cùng H. xây dựng, bổ sung và hoàn chỉnh dàn ý bài viết đã làm :

  a. Phần mở bài.

  b. Phần thân bài.

  c. Phần kết bài.

- ***Chú ý việc chọn các ngôi kể khác nhau khi làm dàn ý và khi viết bài.***

Hoạt động 3

- G. nhận xét bài làm của H. về các mặt:

a. Ưu điểm,

b. Nhược điểm của: Nội dung tóm tắt,

- Bố cục 3 phần
- Trình bày, chữ, từ, câu, đoạn...

Hoạt động 4

- G. hướng dẫn H. chữa các loại lỗi cơ bản.
- H. tiếp tục chữa lỗi.

Hoạt động 5

- G. chọn đọc, bình một bài viết khá nhất lớp, một, hai đoạn văn khá, đặc sắc về các mặt khác nhau.
- H. tiếp tục hoàn chỉnh phần thân bài và kết luận ở nhà./.

Tiết 40
TIẾNG VIỆT

DANH TỪ
(*Tiếp theo*)

A. Kết quả cần đạt

1. Tiếp tục củng cố và nâng cao một bước nhận thức về *danh từ* đã học ở bậc Tiểu học. Cụ thể là:

- Đặc điểm của nhóm *danh từ chung* và nhóm *danh từ riêng*.
- Cách *viết hoa* danh từ riêng.

2. *Tích hợp* với phần *Văn* ở các văn bản: truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng*; với phần *Tập làm văn ở ngôi kể và lời kể trong văn tự sự.*

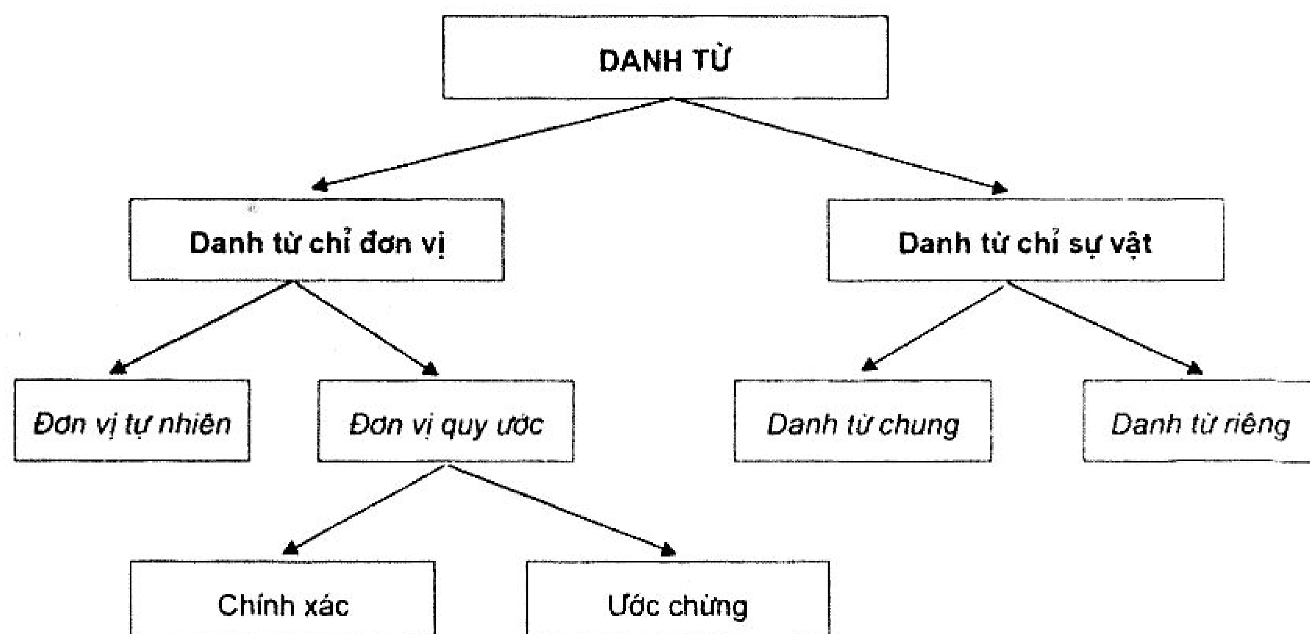
3. Luyện kỹ năng *phân biệt* danh từ chung, danh từ riêng, *viết hoa đúng* các tiểu loại danh từ riêng.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU, PHÂN BIỆT GIỮA DANH TỪ CHUNG VÀ DANH TỪ RIÊNG

1. ▪ H. Điền vào *sơ đồ câm* cách phân loại danh từ:



▪ H. điền vào bảng phân loại các danh từ chung, danh từ riêng:

a) *Danh từ chung*: Vua, tráng sĩ, đền thờ, làng, xã, huyện, công ơn. (chỉ chung người, sự vật)

b) *Danh từ riêng*: Phù Đổng Thiên Vương, Gióng, Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội.

2. H. nhận xét cách viết *danh từ riêng*:

Viết hoa *tất cả* các chữ cái đầu tiên của mỗi tiếng làm thành danh từ riêng.

3. H. nhắc lại các quy tắc viết hoa, cho ví dụ minh hoạ:

a) Viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam:

a1. Tên người: Viết hoa tất cả các chữ cái đầu tiên của họ, tên, đệm lót.

Ví dụ: *Hà Nguyễn Quỳnh Trang.*

a2. Tên địa lí Việt Nam: Tương tự.

Ví dụ: *Buôn Mê Thuột, Nha Trang, Hà Nội.*

b) Tên người, tên địa lí nước ngoài:

b1. Nếu là tên người, địa phương Trung Quốc phiên âm qua từ Hán Việt:

Cách viết tương tự như mục a, a1, a2.

Ví dụ: *Mao Trạch Đông, Bắc Kinh.*

b2. Tên người, tên địa lí phiên âm qua tiếng Việt:

b2.1. Tên người: Chỉ viết hoa chữ cái đầu tiên của họ, đệm và tên.

Ví dụ: *Alếchxây Mácximôvich Pêskốp, Lêôna Đờvanhxi...*

b2.2. Tên địa lí: Chỉ viết hoa chữ cái đầu tiên, giữa các tiếng có thể có hoặc không có dấu nối.

Ví dụ: *Mixixipi, Đanuýp, Iênitxiê...*

hoặc: *Mi - xi - xi - pi, Vác-sa-va...*

c) Tên các cơ quan, tổ chức, các danh hiệu giải thưởng, huân huy chương:

Viết hoa chữ cái đầu tiên của tiếng đầu tiên.

Ví dụ: *Đảng cộng sản Việt Nam, Liên hợp quốc,*

Huy chương vì sự nghiệp giáo dục...Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Hoạt động 2
KHẮC SÂU NỘI DUNG MỤC *GHI NHỚ.*

- H. đọc to 3 lần toàn bộ mục *Ghi nhớ*, t. 109.
- G. nói thêm về những trường hợp cần thiết phải viết hoa.

• ***Bài tập nhanh***

1. Các *danh từ chung gọi tên các loài hoa* có khi nào được viết hoa hay không? Tại sao?

Gợi ý: Khi dùng để *đặt tên người thì phải viết hoa*.

Vì khi ấy chúng đã được dùng như *danh từ riêng*.

Ví dụ: Cô Hoa, em Lan, bạn Cúc, thằng Hồng...

2. Cho 1 ví dụ về trường hợp danh từ chung *người* được viết hoa? Giải thích lí do?

- Ví dụ: Hồ Chí Minh - tên *Người* là cả một niềm thơ.
- Danh từ chung *người* đã được dùng làm *đại từ lâm thời* để chỉ Hồ Chí Minh.
- Từ *người* được viết hoa thành *Người* để bày tỏ sự tôn kính và lòng biết ơn của chúng ta đối với Bác Hồ.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Tìm các danh từ chung và riêng trong câu sau;

a) *Danh từ chung*: Ngày xưa, miền, đất, bây giờ, nước, vị, thần, nòi, rồng, con trai, tên...

b) *Danh từ riêng*: Lạc Việt, Bắc Bô, Long Nữ, Lạc Long Quân.

2. Các từ *in đậm* trong bài:

a) Là *danh từ riêng* và được viết hoa, vì *Chim, Mây, Nước, Hoa, Họa Mi* đều đã được nhà văn nhân hóa như người, như tên riêng của mỗi nhân vật.

b) *Út*: Tên riêng của nhân vật.

c) *Cháy*: Tên riêng của một làng.

3. Viết hoa lại cho đúng các danh từ riêng trong đoạn thơ: Tiền Giang, Hậu Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hoà, Phan Rang, Phan Thiết, Tây Nguyên, Công Tum, Đắc Lắc, miền Trung, sông Hương, Bến Hải, Cửa Tùng, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

4. a) SGK G. đọc *chính tả* cho H. viết bài *Ếch ngồi đáy giếng*; chú ý viết đúng các chữ ***l / n***, vần ***ênh - êch.***

4. b) *Viết chính tả, phân biệt các phụ âm **l / n**:*

Năm nay Liên làm lễ sinh nhật lần thứ mười một. Liên náo nức nói lên những lời nói nôm na. Lời nào cũng non nớt nhưng cảm động. Liên lấn lướt lời mẹ, nói liền một mạch, nào là bạn Lệ Lan tặng bút, bạn Lê Nam tặng sách, Lưu Linh tặng cặp... Mẹ Liên âu yếm lắng nghe như nuốt lấy từng lời, không hề tỏ ra nóng lòng trước những lời nói líu lo như chim hót. Mẹ Liên biết lần nào sinh nhật Liên, bạn bè của nó đều nô nức đến chia vui. Mẹ rất muốn nói lời cảm ơn, nhưng chỉ sợ đó là những lời lấy lòng khách sáo. Vì vậy, mẹ Liên liền làm một bữa ăn tươi thết Liên, Lan, Nam, Linh cùng các bạn thật là vui vẻ.

4.c) *Viết chính tả, phân biệt các vần: **ênh / ếch**.*

- Chiếc bách buồn về phận nổi nênh,
Giữa dòng trong đục luống lênh đênh,
Lưng khoang tình nghĩa dường lai láng,
Nửa mạn phong ba những gập ghềnh.

(HỒ XUÂN HƯƠNG)

- Bà quan tênh nghếch xem bơi chải,
Thằng bé lom khom nghé hát chèo.

(NGUYỄN KHUYẾN)

- Nghĩ mình mặt nước cánh bèo
Đã nhiều lưu lạc, lại nhiều lênh đênh...

(NGUYỄN DU)

4.d) *Viết chính tả các từ:*

Bềnh bệch, bạc phếch, phênh phếch, nheo nhếch, lếch thếch, xộc xệch, ngờ nghệch, chênh chếch, rỗng tuếch, nguệch ngoạc, kếch sù, con kênh, thênh thang, kềnh kếnh cang, mênh mông, mếch lòng, huênh hoang, huếch hoác, nghênh ngang, sông sênh, sềnh sệch, sếch xi...

5. H. đọc thêm ở nhà bài: *Những điều lí thú về tên người.* (SGK, t. 110-111).

6. Có H. phân loại và viết như sau:

a) *Danh từ chung*: Miền tây bắc, việt bắc, nam trung bộ, sách giáo khoa...

b) *Danh từ riêng*: dầu khí, chúa Trịnh, đặc công, lợn bột, nam cực, bắc cực

Nếu phát hiện sai, hãy chỉ rõ và giải thích rồi phân lại cho chính xác, viết hoa lại cho đúng nguyên tắc viết hoa danh từ riêng tiếng Việt./.

Tuần 11

Bài 10 - 11

Tiết 41 - 42
VĂN HỌC

TRUYỆN NGỤ NGÔN

A. Kết quả cần đạt

1. H. đạt điểm 1. trong mục "*Kết quả cần đạt*" (SGK.tr. 100)

- Với truyện "*Ếch ngồi đáy giếng*", bước đầu hiểu được định nghĩa truyện ngụ ngôn, con đường rút ra bài học; Chủ quan, kiêu ngạo là tính xấu làm hại con người. Cần học tập không ngừng để nâng cao hiểu biết.
- Với truyện"*Thầy bói xem voi*", H. hiểu rõ hơn bản chất đặc trưng của truyện ngụ ngôn. Yếu tố hài hước trong truyện ngụ ngôn. Nhân vật là người. Bài học, cần phải nhìn nhận sự vật, sự việc một cách toàn diện, đầy đủ trước khi nhận xét, đánh giá.
- Với truyện "*Đeo nhạc cho Mèo*" (hướng dẫn tự học), H. được cung cố về truyện ngụ ngôn. Nhân vật là các con vật; kết cấu chặt chẽ, kết thúc bất ngờ. Bài học rút ra: Nói dễ, làm khó, khi định ra kế hoạch gì đều phải tính đến khả năng thực hiện của nó.

2. *Tích hợp* với phần *Tiếng Việt* ở khái niệm *danh từ, cụm danh từ*, với phân môn *Tập làm văn* ở kỹ năng *luyện nói kể chuyện.*

3. Rèn kỹ năng *kể chuyện ngụ ngôn* (nói)

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

TỔ CHỨC KIỂM TRA

(HÌNH THỨC VẤN ĐÁP)

- ***Câu hỏi 01:***

Kể lại truyện '*Ông lão đánh cá và con Cá Vàng*" bằng ngôi kể Mụ vợ?

- ***Câu hỏi 02:***

  Hai H. kể nối nhau truyện *"Ông lão đánh cá..."* bằng các ngôi kể *Cá Vàng* và *Biển cả?*

- ***Câu hỏi 03:***

  Hai H. nhận xét 03 bạn vừa kể chuyện và nêu nhận xét của mình về nhân vật *Ông lão*?

- ***Câu hỏi 04:***

  Nhận xét về cách kết thúc các truyện cổ tích đã học: *"Cây bút thần"*, *"Em bé thông minh"*,*"Ông lão đánh cá..."*, *"Thạch Sanh"*, *"Sọ Dừa"?*

  Từ đó có thể rút ra điểm gì chung trong *cách kết thúc* các truyện cổ tích?

Hoạt động 2
DẪN VÀO BÀI

- G. nói chậm:

- Bên cạnh các thể loại thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, trong kho tàng truyện dân gian còn có hai thể loại truyện cổ rất lí thú, đó là *truyện ngụ ngôn và truyện cười.*

  (Hai H. đọc khái niệm *Truyện ngụ ngôn* trong mục *chú thích* (SGK.tr. 100); khái niệm *Truyện cười* (SGK, t.124)

- Chùm *truyện ngụ ngôn* Việt Nam mà chúng ta sắp tìm hiểu trong 02 tuần sẽ giúp các em sáng tỏ những đặc điểm và giá trị chủ yếu của loại truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện của loài vật đồ vật hay chính của con người để nói bóng gió, kín đáo, nhằm khuyên nhủ, răn dạy người nghe một bài học nào đó về cuộc sống.

- Chùm *truyện cười* (2 truyện) sẽ được làm quen ở tuần 12.

- Bài học số 10, chúng ta sẽ học *03 truyện ngụ ngôn.*

Truyện đầu tiên là:

1

ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG

(Truyện ngụ ngôn)

Hoạt động 1
HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ

1. ▪ G. đọc 01 lần, chú ý giọng đọc chậm, bình tĩnh, xen chút hài hước kín đáo.

▪ 03 H. đọc 03 lần tiếp theo.

▪ G. nhận xét H. đọc

▪ 02 H. kể lại truyện bằng lời của mình.

2. H. tìm các từ trái nghĩa với các từ:

"*Nhâng nháo*", "*Nghênh ngang*".

Chẳng hạn: *Nhũn nhặn, khép nép...*

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

▪ G. Cách sống của nhân vật chính trong truyện có gì đặc biệt? Điều kiện gì khiến *Ếch* có cách sống như thế?

▪ H. phân tích, phát biểu, thảo luận.

• ***Định hướng:***

- Nhân vật chính trong truyện ngụ ngôn này là một con ếch. Con ếch đã được nhân hóa nhưng vẫn dựa trên những đặc tính rất phù hợp với loài động vật này. *Ếch* thích sống ở những nơi ẩm thấp, gần nước (dưới giếng).

- *Ếch* thường kêu ồm ộp. Tiếng kêu trong không gian hẹp, sâu nên càng vang động. Sống bên cạnh, cùng với *Ếch* chỉ có một số loài

vật nhỏ, yếu hơn nên chúng rất hoảng sợ khi mỗi lần nghe tiếng ếch kêu. Vì vậy, *Ếch* tự cho mình là oai vệ, hùng mạnh bậc nhất như một ông vua, ông chúa. *Ếch* chẳng thích, chẳng dám, hay là chẳng muốn đi đâu ra khỏi lòng giếng? Bởi thế, nó chỉ quen nhìn trời qua miệng giếng nhỏ hình tròn như một cái vung.

- Từ *đôi mắt Ếch*, nhìn thế là đúng. Nhưng từ đó để nhìn nhận, xem xét, đánh giá, thấy cái gì cũng nhỏ, cũng bé, cũng không đáng để ý như cái vung thì thật quá sai lầm. Từ chỗ *coi trời bằng vung* nên chẳng coi ai ra gì, chỉ coi mình là nhất, Ếch thật ngông cuồng, ngạo mạn một cách lố bịch - cái lố bịch của một kẻ không tự biết mình, biết người.
- Tính tình Ếch là tính nết của loại người *thùng rỗng kêu to*, coi trời bằng vung, *mục hạ vô nhân* (dưới mắt không coi ai ra gì), kiêu căng, ngạo mạn, hết sức đáng ghét.

▪ G. - Nhưng vì sao Ếch bị giẫm bẹp?

- Bài học gì rất cần rút ra từ cách sống và cái chết của Ếch?

▪ H. Thảo luận tự do, phát biểu.

• ***Định hướng:***

- Ếch bị chết thảm (trâu giẫm bẹp) vì những lí do:
- Rời khỏi môi trường sống quen thuộc, nhưng lại không thận trọng, lại rất chủ quan, vẫn giữ tính khí, thói quen cũ, nghênh ngang, nhâng nháo, nhảy nhót lung tung, chẳng thèm nhìn, chẳng thèm để ý đến xung quanh. Nghĩa là Ếch vẫn cứ *coi trời bằng vung* như hồi sống trong giếng cạn.
- Cái chết của Ếch là tất nhiên, khó tránh, không trước thì sau, là kết quả của lối sống kiêu căng, hợm hĩnh, nhưng thật ra là hết sức ngu dốt, ngớ ngẩn. Đến tận lúc nằm bẹp, tắc thở dưới móng chân trâu, chắc Ếch vẫn không thể hiểu nổi tai họa đã từ đâu và vì sao giáng xuống đầu mình?

- Ếch và những ai có lối sống như Ếch thật đáng giận, nhưng cũng rất đáng thương!

- ***Bài học được rút ra là:***
  - Chế giễu, chê cười và phê phán những người *thùng rỗng kêu to, dốt hay nói chữ,* hiểu biết hạn hẹp, ít ỏi, nhưng lại thích tự coi mình là nhất, thích huênh hoang, ưa trộ nạt, coi thường người khác.
  - Đó không chỉ là những tính xấu cần lên án, bị mọi người xa lánh, tẩy chay, chê cười, mà trong không ít trường hợp (như đối với Ếch chẳng hạn), phải hứng chịu hậu quả thảm thê.
  - Kiêu ngạo, chủ quan là thụt lùi, là lạc hậu, thậm chí là chết.
  - Khiêm tốn, cẩn trọng là dẫn đến tiến bộ, thành công.
  - Đó là bài học lẽ đời hết sức nghiêm khắc mà chú Ếch đáng thương, đáng giận phải trả giá bằng chính mạng sống của mình.
  - Truyện kể thật gọn, từng chi tiết đều hàm chứa hai nghĩa:
  - *Nghĩa đen* phù hợp với đời sống của loài ếch,
  - *Nghĩa bóng*, ám chỉ, ngụ ngôn.
  - Bài học cuộc đời được đúc rút một cách tự nhiên, nhẹ nhàng mà thấm thía.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT VÀ LUYỆN TẬP

1. H. nói lại xem đã hiểu như thế nào là *truyện ngụ ngôn* qua một truyện ngụ ngôn vừa học: *Ếch ngồi đáy giếng*?

2. H. trình bày lại nội dung 2 của mục *Ghi nhớ*, t. 101.

3. H. giải thích ý nghĩa của thành ngữ: *Ếch ngồi đáy giếng*.

4. H. tìm và gạch chân 2 câu văn quan trọng nhất trong truyện? Giải thích vì sao?

• ***Gợi ý:***

- Đó là 2 câu:

a) *Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.*

b) Nó chả thèm để ý đến xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.

- Đó là hai câu quan trọng nhất vì chúng thể hiện rõ nhất *bài học ngụ ngôn - chủ đề* của truyện./.

2
THẦY BÓI XEM VOI
(Truyện ngụ ngôn)

Hoạt động 1
HƯỚNG DẪN ĐỌC VÀ KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ, TÌM HIỂU BỐ CỤC

1. ▪ G. đọc 01 lần, chú ý thể hiện giọng từng thầy bói khác nhau, nhưng thầy nào cũng hết sức cả quyết, đầy tự tin, hăm hở và mạnh mẽ.

▪ 04 H. đọc và kể 04 lần. Hoặc có thể tổ chức cho một nhóm H. *đóng hoạt cảnh có hóa trang* cho thêm phần sinh động.

2. Yêu cầu H. giải thích thêm các từ:

- "*Phàn nàn*"*:* Thái độ không vui vì không hài lòng, biểu thị bằng lời nói.
- "*Hình thù*"*:* Hình dáng.
- "*Quản voi*": Người trông nom, điều khiển voi, còn gọi là: *Quản tượng, nài voi.*

3. Bố cục gọn, chặt, gồm 03 đoạn.

a) Các thầy bói cùng xem voi.

b) Họp nhau, bàn luận, tranh cãi.

c) Kết cục tức cười.

(Hết tiết 41, chuyển tiết 42)

Hoạt động 2.
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU TRUYỆN

▪ G. *hỏi:*

Cách *mở truyện* đã có gì buồn cười và hấp dẫn? Vì sao?

▪ H. Phân tích, lí giải.

• ***Định hướng:***

- Năm thầy bói ế khách, rỗi việc, mới nghĩ cách tiêu thời giờ: Rủ nhau cùng đi xem voi. Vì không còn nhìn được nên các thầy phải *xem bằng tay*. Xem xong, họp nhau bàn luận cũng là chuyện tự nhiên. Cái làm người nghe lí thú và buồn cười là ở chỗ, người mù lại thích đi xem, (muốn nhìn bằng mắt trong khi mắt không còn khả năng nhìn!). Con voi to lớn, quen thuộc mà không biết.
- Cách mở truyện rất ngắn gọn, chỉ bằng một câu.

▪ H. phân tích thái độ và lời lẽ của các thầy sau khi xem voi?

Tại sao ai cũng tự tin, cả quyết đến thế?

(Hết tiết 41, chuyển tiết 42)

• ***Định hướng:***

- Cả năm thầy đều rất phấn khởi vì đã thỏa mãn, đã xem được con voi. Hơn nữa, từng thầy, ai cũng đều được xem tận tay, sờ tận nơi, cụ thể, rõ ràng nên ai nấy đều hoàn toàn tự tin vào nhận xét *nói có sách, mách có chứng* của chính mình. Trong cuộc họp bàn, ai cũng hăm hở nói nhận xét của mình và cực lực phản bác ý kiến của người khác. Kiểu câu phủ định triệt để được sử dụng liên tiếp:

- *Không phải! Đâu có! Ai bảo? Không đúng! Tưởng thế nào...Hóa ra...!*

  Không còn là một cuộc trao đổi, bàn bạc sôi nổi, vui vẻ nữa mà đã biến thành cuộc tranh cãi, khẩu chiến gay gắt, bất phân thắng phụ, chẳng ai chịu ai, vì ai cũng cả quyết chỉ có mình mới là người duy nhất đúng.

- G. Kết truyện như thế nào? Có hợp lí không?
- H. Trao đổi, phát biểu ý kiến.

- ***Định hướng:***
  - Dùng lời không xong, tất nhiên cuộc họp phải đi đến tan vỡ sau cuộc đánh nhau, dùng *thượng cẳng chân, hạ cẳng tay* để áp đặt chân lí do mình khám phá.
  - Kết thúc truyện thật hợp lí, thật buồn cười nhưng cũng để lại cho ta bài học. Nhưng ai đúng? Ai sai? Đúng, sai ở chỗ nào? Vì sao?
  - Có ý kiến cho rằng, tất cả năm thầy đều đúng, và cả năm vị cũng đều sai! Vậy ý kiến của em?
- H. Tiếp tục trao đổi, bàn luận tự do.

- ***Định hướng:***
  - Trước hết, cần nhớ rằng đây là một *truyện ngụ ngôn.* Bài học được rút ra là *mục đích cuối cùng.*
  - Cả năm thầy đều đúng, nhưng chỉ *đúng với từng bộ phận* của cơ thể con voi. Ở phương diện này, có thể nói, từng thầy đều *rất đúng,* rất cụ thể. Những hình ảnh được miêu tả đầy ấn tượng với những so sánh " *sừng sững như cái cột đình", "Sun sun như con đỉa", " to, mỏng như cái quạt nan"*... là chính xác không có gì phải bàn cãi.
  - Nhưng *cả năm thầy cũng đều sai*, vì những khái quát, *nhận xét vội vã, lấy bộ phận để thay toàn thể.*

Hình dáng con voi thực sự là *tổng hợp* những nhận xét của cả năm thầy.

- G. Vậy bài học triết lí rút ra từ truyện ngụ ngôn này là gì?
- H. Tự mình đúc rút ra bài học.

- ***Định hướng:***
  - Muốn hiểu đúng và đầy đủ bất cứ một sự vật, sự việc gì, chúng ta cũng đều cần phải xem xét, nhận xét, đánh giá một cách thận trọng, toàn diện bằng nhiều giác quan, tổng hợp ý kiến của nhiều người. Cần tránh *thấy cây mà chẳng thấy rừng*. Một mặt, cần mạnh dạn, tự tin, bảo vệ ý kiến của mình, mặt khác, cũng cần lắng nghe, tham khảo những ý kiến khác mình. Sai lầm về phương pháp tất yếu sẽ dẫn tới kết quả sai lầm.
  - Cái thú vị và khéo léo của người đặt truyện là ở chỗ, chọn đến những *năm anh thầy bói* (vốn giỏi đoán mò! *Thầy bói nói mò! Thầy bói nói dựa!*), cùng xem một con voi rất to lớn, nên dù cố xem bằng tay, cũng khó có thể với, đo hết mọi chiều kích của nó. Nếu họ cùng xem con thỏ chẳng hạn, thì kết quả có thể sẽ khác.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT VÀ LUYỆN TẬP

1. Một H. nói lại nội dung 1 của mục *Ghi nhớ*, SGK, t. 103.

2. Ba H. giải thích thành ngữ: *Thầy bói xem voi*?

- Tìm một vài thành ngữ tương tự?

  Chẳng hạn: *Thấy cây, chẳng thấy rừng*.

3. Tập sử dụng thành ngữ *thầy bói xem voi* bằng cách đặt ra một tình huống giao tiếp có vận dụng thành ngữ này. Sau đó, lại bỏ nó đi, thay bằng cách *nói thường*, rồi so sánh hiệu quả của hai cách nói?

Ví dụ: Cuộc trò chuyện giữa Nam, Đông và Bắc - Ba học sinh lớp 6, trường THCS Lê Hồng Phong:

- *Nam*:

  Này! Các cậu thấy *công viên Đầm sen* thành phố Hồ Chí Minh như thế nào?

- *Đông:*

  Cũng chỉ gần bằng *công viên Thủ Lệ* Hà Nội thôi!

- *Bắc:*

  Theo mình, nó chỉ bằng một nửa *công viên Nước Hồ Tây*.

- *Nam:*

  Các cậu đã đến thăm tận nơi chưa? Thăm trong bao lâu?

- *Đông:*

  Mình đã đến thăm hè năm ngoái trong một buổi sáng, chơi suốt ở cầu trượt.

- *Bắc:*

  Mình thì vừa thăm sáng chủ nhật trước, thấy cung thủy tinh đẹp quá trời!

- *Nam:*

  Thế mà dám so sánh liều! Các cậu thật là *thầy bói xem voi*!

• ***Em thử nghĩ xem, vì sao Nam lại nói các bạn như vậy? Nam sử dụng thành ngữ* thầy bói xem voi *trong trường hợp trên có thích hợp hay không? Vì sao?***

3
ĐEO NHẠC CHO MÈO
(Truyện ngụ ngôn)

(Tự học có hướng dẫn)

• *Lưu ý:* **Phương pháp, biện pháp và hình thức hướng dẫn học sinh tự học**

1. *Những nội dung và tiến trình tổ chức học sinh tìm hiểu truyện ngụ ngôn dưới đây chủ yếu để giáo viên tham khảo. Nếu có điều kiện tổ*

chức học ngoại khoá, học bán trú buổi chiều, sẽ hướng dẫn H. trên cơ sở các dự kiến hoạt động đó.

2. *Nếu không có điều kiện thời gian, giáo viên chỉ cần hướng dẫn H. ở nhà đọc, kể, hiểu rõ mục* ***Ghi nhớ*** *rồi kể lại câu chuyện trong một bài viết ngắn gọn bằng lời văn của mình.*

Hoạt động 1
HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ, TÌM HIỂU BỐ CỤC

1. G. cùng 04 H. đọc, kể toàn truyện 02 lần. Chú ý giọng vừa trang nghiêm vừa hài hước khi đến đoạn họp *Hội đồng Chuột.*
2. G. cùng H. giải thích 1/2 số lượng từ khó trong mục chú thích. Chú ý cách chơi chữ, dùng từ đồng âm. Ví dụ: " *Cống*" với nghĩa: Chuột cống: Loài chuột thường sống ở trong cống; nhưng còn với nghĩa: *Ông cống* - người thi đỗ *hương cống* thời xưa.
3. Bố cục của truyện:

   a) Lí do họp làng Chuột.

   b) Cảnh họp làng, sáng kiến đeo nhạc cho Mèo.

   c) Cảnh thực hiện sáng kiến và kết quả.

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

- G. Vì sao làng Chuột cần phải họp?

  - Trong cuộc họp ấy, ông Cống đã có sáng kiến gì?

  - Thái độ của dân làng về sáng kiến đó?

- H. Thảo luận, bàn giải, tự do phát biểu.

- ***Định hướng:***

  - Cảnh họp hội đồng làng Chuột: Lí do để chống lại kẻ thù truyền kiếp: Mèo. Các loại chuột trong làng nô nức đến họp (Cống, Chù,

Nhắt...).Ông Cống có sáng kiến đeo nhạc vào cổ Mèo để báo hiệu cho họ hàng nhà chuột biết để dễ bề trốn chạy. Thái độ của mọi thành viên trong làng đều rất hoan nghênh, phấn khởi trước "*sáng kiến vĩ đại*" đó, đều rất khâm phục sự thông minh tuyệt vời của ông Cống.

- G. Nhưng từ đây lại nảy ra vấn đề sẽ phải có một *chuột* nhận làm nhiệm vụ đem nhạc đeo vào cổ Mèo. Bởi vậy, làng Chuột lại phải họp lần thứ hai.

  - Cuộc họp lần này diễn biến ra sao?

  - Vì sao ông Cống từ chối không dám nhận nhiệm vụ này?

  - Lí do để từ chối của Cống chứng tỏ y là loại người như thế nào?

- H. Cùng phân tích, thảo luận.

- ***Định hướng:***

  - Từ lí thuyết đến thực hành bao giờ cũng có một khoảng cách nhiều khi rất lớn. Ở đây cũng vậy. Đang phấn khởi, nô nức tán thành sáng kiến tuyệt vời của ông Cống, nhưng vừa động tới vấn đề thực hành, thái độ của tất cả mọi thành viên trong *Hội đồng Chuột* đều quay ngoắt 180 độ. Tất cả đều vô cùng sợ hãi, không ai dám nhận cái nhiệm vụ mạo hiểm chết người kia!

  - Chính ông Cống - người đề xuất sáng kiến hay ho đó - lại là người từ chối to mồm nhất.Tự cho mình là loại ăn trên, ngồi trốc, đứng đầu làng Chuột, lại là người đề xuất ý kiến hay, nên ông không bao giờ lại phải hạ mình đi làm cái việc tầm thường đó! Thực ra là ông cũng quá sợ Mèo. Và ông nhanh chóng *đá quả bóng* cho chuột Nhắt.

- G. Nhắt có chịu nhận việc này không? Vì sao? Nhắt chối khéo như thế nào? Vì sao chuột Chù đành phải nhận việc? Qua cuộc họp *Hội đồng Chuột*, gợi cho ta liên tưởng đến hiện tượng gì ở nông thôn Việt Nam trước cách mạng?

- H. Phân tích, liên hệ, phát biểu.

- ***Định hướng:***
  - Chuột Nhắt vốn ranh ma, tinh khôn và láu lỉnh. Bởi vậy y dễ dàng từ chối, và cũng giống như ông Cống, y nhanh chóng đẩy quả bóng sang cho chuột Chù. Đến anh chàng chậm mồm, ù ỳ này thì không biết cách từ chối làm sao, không biết đổ thừa sang cho ai...! Chuột chù đành liều mình nhận vậy.
  - Cảnh họp Hội đồng làng Chuột gợi cho ta liên tưởng tới những cuộc họp làng, xã ở nông thôn Việt Nam xưa. Mỗi loài chuột hình như ám chỉ một loại người trong cộng đồng làng xóm.
  - *Ông Cống* chính là loại *cường hào, địa chủ*, có quyền ăn, quyền nói, tha hồ sai phái mọi người như một ông vua con.
  - Anh Nhắt, phải chăng là *loại người cũng có máu mặt, khôn ngoan, ranh ma*, mồm miệng đỡ chân tay, trốn trách nhiệm.
  - Chuột Chù chính là hình ảnh của *những người nông dân nghèo khổ*, chậm chạp, *thấp cổ, bé họng*, buộc phải nhận nhiệm vụ khó khăn, nguy hiểm nhất.

Rõ ràng tôn ti, trật tự trong làng Chuột - trong làng xã, xã hội nông thôn Việt Nam trước cách mạng là rất bất bình đẳng, độc đoán, chuyên quyền.

- G. *hỏi*:

- Kết quả việc chuột Chù đi *đeo nhạc cho Mèo* ra sao?

- Từ đó truyện rút ra bài học gì?

- Truyện ngụ ngôn này hấp dẫn người nghe ở chỗ nào?

- H. Tập khái quát, nhận định.

- ***Định hướng:***
  - Kết quả tất yếu phải xảy ra. Vừa trông thấy Mèo, không những chuột Chù mà cả làng Chuột đều sợ cuống, vắt chân lên cổ, chạy bán sống bán chết. Thế là "*sáng kiến vĩ đại*" của ông Cống tan tành như mây khói!

- Qua câu chuyện ngụ ngôn này, người bình dân Việt Nam xưa ngầm ý phê phán những ý kiến, ý tưởng viển vông, không có khả năng thực hiện. Nghĩ ra những ý tưởng như thế chẳng có gì khó khăn. Ý tưởng dù hay ho đến mấy mà không có khả năng thực hiện thì mãi mãi vẫn chỉ là ý tưởng trên giấy, bằng lời mà thôi!
- Truyện nhắc ta, mỗi khi dự định làm một việc gì, cần phải tính toán cặn kẽ đến các điều kiện thực tế của nó trong quá trình thực hiện, nếu muốn thành công. Nghĩ ra kế hoạch đã khó, thực thi kế hoạch còn khó hơn nhiều. Ý tưởng của ông Cống xem ra thật tốt đẹp, cần thiết, nhưng đụng vào thực tế, thì vô dụng, chỉ là lời nói suông, lời hô hào đạo đức giả, ảo tưởng viển vông của ông ta mà thôi!
- Mặt khác, qua cuộc họp làng Chuột, truyện còn ngầm ý phê phán cái tôn ti, trật tự làng xã cổ hủ, bất bình đẳng ở nông thôn Việt Nam ta xưa.
- Với những kẻ thống trị truyền kiếp như Mèo, như ông Cống, những kẻ a dua, hèn nhát như chuột Nhắt, lầm lì, chậm chạp, vụng ăn, vụng nói như chuột Chù... thì cái trật tự ấy còn tồn tại, nhân dân lao động còn bị áp bức, đè nén, làm vật hi sinh...

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT VÀ LUYỆN TẬP

1. H. đọc, suy nghĩ nội dung mục *Ghi nhớ*, SGK,t. 108.

2. H. giải thích thành ngữ: *Đeo nhạc cho mèo.*

3. Tìm những thành ngữ có ý nghĩa gần gũi với thành ngữ trên?

Chẳng hạn: *Trăm voi không được bát nước xáo./.*

Tiết 43
TẬP LÀM VĂN
LUYỆN NÓI
KỂ CHUYỆN

A. Kết quả cần đạt

1. Từ sự chuẩn bị dàn bài và tự tập nói ở nhà, trên lớp, G hướng dẫn H tập nói kể chuyện một cách sáng tạo theo 04 đề đã cho.
2. Tiếp tục rèn kĩ năng kể miệng, chú ý lời kể phù hợp với ngôi kể và thứ tự kể; kĩ năng nhận xét bài tập nói của bạn.

- *Dự kiến về Phương pháp, biện pháp và hình thức dạy học*

1. Học theo nhóm, tổ.
2. G điều hành lớp, tổ trưởng, nhóm trưởng điều hành ở tổ, nhóm của mình;
3. G tổng kết chung cả lớp.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
HƯỚNG DẪN HỌC SINH CHUẨN BỊ

1. Kiểm tra các dàn bài của H. đã được chuẩn bị ở nhà.
   - Nêu yêu cầu và các bước tập nói trong tiết học, chia tổ, nhóm, cử các tổ trưởng, nhóm trưởng, các thư kí ghi chép biên bản.
   - *Chiếu hắt* 04 đề kể chuyện đã ra.

- ***Đề 1:***

Kể lại một chuyến về thăm quê của em (hoặc bạn em)

- ***Đề 2:***

Kể về một cuộc thăm hỏi gia đình liệt sĩ (thương binh) neo đơn.

• ***Đề 3:***

Kể về một cuộc đi thăm di tích lịch sử (danh lam thắng cảnh).

• ***Đề 4:***

Kể về một chuyến ra thành phố (hoặc Thủ đô).

Lưu ý: Tùy từng địa phương, G chọn từ 2 - 3 đề phù hợp cho H chuẩn bị dàn ý và tập nói theo dàn ý ở nhà.

2. *Một số dàn bài tham khảo:*

• ***Đề 1:***

▪ *H* đọc kỹ dàn bài trong SGK, t.111 - 112, có thể bổ sung thêm, bớt, điều chỉnh.

• ***Đề 2:***

a) Mở bài:

- Nhân dịp nào đi thăm?
- Ai tổ chức? Đoàn gồm những ai?
- Dự định đến thăm gia đình nào? ở đâu?

b) Thân bài:

- Chuẩn bị cho cuộc đi thăm?
- Tâm trạng của em trước cuộc đi thăm?
- Trên đường đi? Đến nhà liệt sĩ? Quang cảnh gia đình?
- Cuộc gặp gỡ, thăm viếng diễn ra như thế nào? Lời nói? Việc làm? Quà tặng?
- Thái độ, lời nói của các thành viên trong gia đình liệt sĩ?

c) Kết luận:

- Ra về? Ấn tượng về cuộc đi thăm?
- Có thể chọn ngôi kể thứ 3 hoặc thứ 1, tùy ý, có thể chọn cách kể theo trình tự thời gian hoặc không, mà theo mạch hồi tưởng của người kể.

3. *Đề 3, 4:*

- H. tự xây dựng dàn bài của mình, các bạn trong nhóm, tổ đọc, góp ý, bổ sung, nhưng lưu ý thay đổi ngôi kể và thứ tự kể cho câu chuyện thêm hấp dẫn, thú vị.

4. H đọc kỹ ở nhà bài tham khảo SGK, t. 112 - 113: *Một lần về thăm quê.*

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN TẬP NÓI Ở NHÓM, TỔ

- Mỗi nhóm, tổ do nhóm trưởng điều khiển, thư kí ghi biên bản.
- Các H. lần lượt trình bày bài nói - câu chuyện của mình, mỗi người không quá 5'.
- H. nhóm trưởng, tổ trưởng góp ý ngắn gọn, không quá 2'.
- Cử mỗi nhóm, tổ một đại biểu kể chuyện trước toàn lớp.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN KỂ CHUYỆN TRƯỚC LỚP

- Lớp trưởng hoặc cán bộ học tập điều khiển các bạn, tổ chức để từ 3-4 H. được kể chuyện trước lớp.
- H. góp ý, nhận xét.
- G. tổng kết về các mặt: Nội dung từng truyện, cách kể, giọng kể...có so sánh với lần tập nói trước.
- G. đánh giá bằng điểm số từng H. đã kể, đọc, bình bài kể trong SGK, t.112 - 113.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

1. Tập kể lại đề đã chuẩn bị.

2. Tiếp tục làm dàn ý và tập kể miệng các đề còn lại./.

Tiết 44
TIẾNG VIỆT

CỤM DANH TỪ

A. Kết quả cần đạt

1. - Cụm danh từ là gì?

- Đặc điểm của *cụm danh từ.*

- Cấu tạo của cụm danh từ; phần trước, phần trung tâm, phần sau.

2. *Tích hợp* với phần *Văn* ở truyện ngụ ngôn: *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*; với phần *Tập làm văn* ở việc *xây dựng dàn ý văn tự sự.*

3. Luyện kỹ năng nhận biết và phân tích cấu tạo của *cụm danh từ* trong câu. Đặt câu với các *cụm danh từ.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

TÌM HIỂU MỤC I:

CỤM DANH TỪ LÀ GÌ?

1. ▪ H. tìm những từ mà các *từ in đậm* bổ nghĩa trong câu:

- Xưa: Ngày; Hai: Có, vợ chồng;

- Một; Túp lều; Ông lão đánh cá: Vợ chồng;

- Nát trên bờ biển: Túp lều.

Muốn xác định đúng các từ phụ cần trước hết tìm đúng các *từ trung tâm.*

- Trong câu trên, các *từ trung tâm* là: Ngày, vợ chồng, túp lều.
- Các từ, ngữ phụ là: Xưa, hai, ông lão đánh cá, một, nát, trên bờ biển.

2. So sánh các cách nói sau:

a) *Túp lều - Một túp lều* (cụm danh từ)

b) *Một túp lều* (cụm danh từ) -

Một túp lều nát (cụm danh từ phức tạp)

c) *Một túp lều nát* (cụm danh từ phức tạp) -

Một túp lều nát trên bờ biển (cụm danh từ phức tạp hơn nữa).

▪ G. hướng dẫn H. rút ra nhận xét:

- Về ý nghĩa:

+ Nghĩa của cụm danh từ phức tạp, cụ thể hơn nghĩa của danh từ.

+ Cụm danh từ càng phức tạp (càng thêm các từ, ngữ phụ) thì nghĩa của nó càng phức tạp hơn.

3. ▪ H. tự tìm một danh từ, phát triển danh từ đó thành một cụm danh từ, rồi đặt câu với cụm danh từ đó. Nhận xét về hoạt động trong câu của cụm danh từ so với một danh từ.

Ví dụ: - Có danh từ: *Sông.*

- Thêm từ ngữ phụ để thành cụm danh từ: *Dòng, Cửu Long.*

- Đặt thành câu:

Dòng sông Cửu Long đổ ra biển Đông bằng chín cửa.

Nhận xét: Cụm danh từ hoạt động như một danh từ nhưng cụ thể hơn, đầy dủ hơn; nó cũng làm chủ ngữ trong câu.

4. ▪ H. dựa vào mục *Ghi nhớ I*, (SGK, t. 117), nói lại nội dung chính.

▪ G. *chốt*:

Cụm danh từ là gì?

- Là tổ hợp từ do danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.
- *Cụm danh từ* có ý nghĩa đầy đủ hơn và cấu tạo phức tạp hơn danh từ.
- *Cụm danh từ* hoạt động ngữ pháp trong câu giống như một danh từ.

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CẤU TẠO CỦA CỤM DANH TỪ

1. ▪ G. hỏi:- Vậy cấu tạo của *cụm danh từ* như thế nào?

▪ H. suy nghĩ qua mục trên, trả lời.

▪ G. *khái quát:*

Một cụm danh từ có cấu tạo đầy đủ như sau:

Cụm danh từ		
Phần trước	**Phần trung tâm**	**Phần sau**
(Phụ ngữ. Kí hiệu t1, t2...)	(Danh từ)	(Phụ ngữ. Kí hiệu s1, s2...)
(Chỉ số, lượng)	(Kí hiệu: T1, T2,...)	(Chỉ đặc điểm, vị trí...)
(Có thể có, không)	(Nhất thiết phải có)	(Có thể có, không)

▪ H. phát hiện các *cụm danh từ* trong câu văn:

Làng ấy, ba thúng gạo nếp, ba con trâu đực, ba con trâu ấy, chín con, năm sau, cả làng.

2. Liệt kê các *từ phụ thuộc* đứng trước và đứng sau danh từ trong các cụm *danh từ* trên. Sắp xếp chúng thành loại:

a) Liệt kê các từ ngữ phụ thuộc đứng trước *danh từ*: *Cả, ba, chín.*

Các từ ngữ phụ thuộc đứng sau *danh từ*: *Ấy, nếp, đực, sau.*

b) Sắp xếp thành loại:

- Các phụ ngữ đứng trước có 2 loại: Cả (chỉ số lượng ước phỏng, tổng thể); *ba* (chỉ số lượng chính xác).
- Các phụ ngữ đứng sau cũng có 2 loại:

  + *Ấy, sau*: Chỉ vị trí để phân biệt.

  + *Đực, nếp*: Chỉ đặc điểm.

3. ▪ H. điền các *cụm danh từ* trong câu trên vào đúng các *mô hình cụm danh từ:*

Cụm danh từ				
Phần trước	Phần trung tâm		Phần sau	
t2	T1	T2	s1	s2
ba	làng			ấy
	thúng	gạo	nếp	
ba		con		trâu
chín	con			
cả	năm		sau	
	làng			

4. G. tóm tắt mục *Ghi nhớ 2*, t. 118.

a) *Mô hình tổng quát* ***cụm danh từ****:*

Cụm danh từ					
Phần trước		Phần trung gian		Phần sau	
t1	t2	T1	T2	s1	s2
Tất cả	những	em	học sinh	chăm ngoan	ấy

b) Trong cụm danh từ:

- Các *phụ ngữ ở phần trước* bổ sung cho danh từ các ý nghĩa về số và lượng.
- Các *phụ ngữ ở phần sau* nêu lên đặc điểm của sự vật mà danh từ biểu thị hoặc xác định vị trí của sự vật ấy trong không gian hay thời gian.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Các *cụm danh từ* trong các câu sau:

a) Vua cha, một người chồng thật xứng đáng.

b) Một lưỡi búa của cha.

c) Một con yêu tinh ở trên núi.

2. Chép các cụm danh từ trên vào *mô hình cụm danh từ:*

t1	t2	T1	T2	s1	s2
	Một	người	chồng	thật xứng đáng	
	Một	lưỡi	búa	của	cha
	Một	con	yêu tinh	ở trên	núi

3. Tìm các phụ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn trích sau:

- Rỉ, cũ mèm, nặng, kì lạ...

- Ấy, đó, hôm trước...

4. Cho danh từ: *Nhân dân.*

- Thêm các phụ ngữ đứng trước và đứng sau.

- Đặt thành một câu.

- Đặt cụm danh từ ấy vào mô hình cụm danh từ.

Ví dụ: *Toàn thể nhân dân Việt Nam phấn khởi đi bầu cử Quốc hội lần thứ 11.*

5. Trong các *cụm danh từ* sau, có *cụm danh từ* nào chưa đúng? Vì sao? Sửa lại?

a) Năm chiếc chân, ba chiếc tay, bốn yêu thương, năm nhớ tiếc.

b) Gió thổi chổi trời, nước mưa cưa trời.

c) Rắn già rắn lột, người già chui tọt vào xăng (quan tài).

• ***Gợi ý:***

a) Dùng sai từ phụ *chiếc*; *yêu thương* và *nhớ tiếc* là động từ.

b, c) Đó là những thành ngữ, tục ngữ, những câu văn hoàn chỉnh.

- *Bài tập 4, 5* có thể để làm ở nhà./.

Tuần 12

BÀI 11

Tiết 45
VĂN HỌC

CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG
(Truyện ngụ ngôn)

A. Kết quả cần đạt

1. Bài học về cách sống, về các mối quan hệ giữa các thành viên trong xã hội, được rút ra từ câu chuyện lí thú của các bộ phận trong cơ thể người.Từ quy luật sống của cơ thể người mà giải thích quy luật của cộng đồng, xã hội. Mỗi con người, để tồn tại và phát triển, nhất định phải tuân theo sự phân công, hợp tác hợp lí, không nên và không thể suy bì, tị nạnh, ngược lại, cần nương tựa, gắn bó, đoàn kết với nhau.

2. *Tích hợp* với phần *Tiếng Việt* ở khái niệm: *Cụm danh từ*, với phân môn *Tập làm văn* ở kỹ năng *lập dàn ý* trong văn *kể chuyện đời thường*.

3. Rèn luyện *kỹ năng kể chuyện bằng các ngôi kể khác nhau.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
KIỂM TRA BÀI CŨ
(HÌNH THỨC: VẤN ĐÁP)

- ***Câu hỏi 01:***

  Kể lại các truyện ngụ ngôn *"Ếch ngồi đáy giếng"*, *"Thầy bói xem voi"*, *"Đeo nhạc cho Mèo"*.

- ***Câu hỏi 02:***

  Nêu những bài học cuộc đời được rút ra từ 03 truyện trên?

- ***Câu hỏi 03:***

  Sức hấp dẫn khác nhau của cả 03 truyện? Em thích nhất truyện nào? Vì sao?

Hoạt động 2.
DẪN VÀO BÀI

- G. nói chậm:

  Chân, tay, tai, mắt, miệng... là một số bộ phận khác nhau của cơ thể con người. Mỗi bộ phận đều có nhiệm vụ riêng nhưng lại chung một mục đích đảm bảo sự sống cho cơ thể. Không hiểu điều sơ đẳng này (hoặc đây là dụng ý nghệ thuật của người sáng tạo), các nhân vật trên đã bất bình với *lão Miệng*, đã *đình công*, và đã chịu hậu quả đáng buồn, may mà còn kịp thời cứu được.

  Đó chính là nội dung *truyện ngụ ngôn* quen thuộc và thú vị này.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ, TÌM HIỂU BỐ CỤC

1. G. cùng H. nối tiếp nhau đọc và kể lại toàn truyện hai lần.

- Chú ý giọng cô Mắt ấm ức, cậu Chân, Tay bực bội, đồng tình, bác Tai ba phải.
- Giọng hối hận của cả bốn người khi nhận ra sai lầm của chính mình.

2. Kết hợp giải thích các *từ khó* trong quá trình tìm hiểu truyện.

3. Bố cục truyện:

a) Nguyên nhân và tình huống truyện.

b) Hành động và kết quả.

c) Bài học rút ra.

Hoạt động 4

HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

- G. *hỏi*:

  - Truyện có bao nhiêu nhân vật?

  - Cách đặt tên cho các nhân vật gợi cho em suy nghĩ gì?

  - Tại sao lại gọi là cô Mắt, cậu Chân, Tay, bác Tai, lão Miệng?

- H. Tìm hiểu, thống kê, phát biểu.

- ***Định hướng:***

  - Truyện có 05 nhân vật, nhưng không có nhân vật nào là chính. Nhân vật Miệng đáng chú ý hơn vì là đầu mối của truyện. Cách đặt tên nhân vật rất giản dị, nhưng có dụng ý: lấy ngay tên *các bộ phận của cơ thể người* để đặt tên cho từng nhân vật.

  - Đó là biện pháp *nhân hoá - ẩn dụ* thường gặp trong truyện ngụ ngôn. Cách xưng hô đối với từng nhân vật cũng rất có dụng ý:

  - *Cô Mắt* thì duyên dáng,

  - *Cậu Chân, Tay* quen làm việc nên phải là trai khoẻ.

  - *Bác Tai* chuyên nghe nên ba phải.

  - *Miệng* vốn bị tất cả ghét nên được gọi bằng *lão*,

- G. *hỏi*:

  - Đang sống hòa thuận, giữa bốn người với *lão Miệng* bỗng xảy ra chuyện gì?

  - Ai là người phát hiện ra vấn đề?

  - Như vậy có hợp lí không? Vì sao?

- H. bàn bạc, thảo luận, phát biểu ý kiến.

- ***Định hướng:***

  - *Cô Mắt* là người phát hiện ra sự bất hợp lí trong cách phân chia công việc và hưởng thụ giữa bốn người với *lão Miệng*. Sự phát

hiện này của *cô Mắt* là rất hợp lí bởi mắt vốn chuyên để trông, nhìn, quan sát.

- Phát hiện của *Mắt* được *Chân* và *Tay* đồng tình nhiệt liệt vì đó là sự thật hiển nhiên mà hàng ngày do mải làm ăn nên hai cậu không nhận ra. *Bác Tai* luôn im lặng như đang nghe ngóng điều gì cũng lập tức đồng tình.
- Như vậy là đã có sự nhất trí cao trong tập thể bốn người. Tình huống của truyện đã được mở.

▪ G. giải thích từ "*hăm hở*", "*nói thẳng*"?

- Tại sao cả nhóm không để cho *lão Miệng* được thanh minh
- Những lời buộc tội của cả nhóm đối với *lão Miệng* có thực sự công bằng?
- Vì sao? Sự đồng tâm, nhất trí của cả nhóm nói lên điều gì?

▪ H. Tiếp tục bàn luận,

• ***Định hướng:***

- "*Hăm hở*" biểu hiện thái độ hăng hái, quyết làm cho bằng được việc cho hả giận.
- "*Nói thẳng*" là nói trực tiếp, không quanh co, giấu diếm những điều muốn nói.
- Cả nhóm Mắt, Chân, Tay, Tai hăm hở kéo đến gặp lão Miệng để nói thẳng vào mặt lão sự thật ấm ức bao lâu nay của cả bọn. Lão Miệng hoàn toàn bị bất ngờ, bị áp đặt, ớ ra ngạc nhiên, nhưng không được thanh minh, giãi bày, đành cam chịu. Có vẻ như công lí đã được thi hành. Bốn người hả hê ra về, hân hoan vì thắng lợi.

  Tình huống truyện trở lại *chùng* xuống.

▪ G. Kết quả của việc làm vội vã trên như thế nào?

- Tình huống truyện lại trở nên căng thẳng, vì sao?
- Cách tả từng bộ phận cơ thể, từng nhân vật có gì lí thú?

▪ H. Tìm tòi, phân tích, bàn bạc, thảo luận.

- ***Định hướng:***
  - *Lão Miệng* bị bỏ đói, cả bốn người đồng tâm không chịu làm việc. Chỉ một thời gian ngắn sau, đã thấy rõ hậu quả: Trước hết, đối với ngay cả bốn người. Đó là sự mệt mỏi, chán chường, uể oải, gần như sắp chết. Lão miệng thì tất nhiên nguệch ra, xám ngắt, ruồi chẳng buồn xua! Cảm giác của từng bộ phận của cơ thể do thiếu ăn được miêu tả rất phù hợp:
  - *Chân, Tay* không muốn và không thể hoạt động.
  - *Mắt* lờ đờ, muốn ngủ mà không thể ngủ.
  - *Tai* lúc nào cũng ù ù như xay lúa.
  - *Miệng* nhợt nhạt, nhệch ra, trề ra.
  - Cách tả trên, một mặt, cho ta thấy cụ thể từng biểu hiện thiếu ăn của từng bộ phận cơ thể, mặt khác, còn cho thấy sự thống nhất cao độ của các bộ phận, cơ quan tạo nên sự sống cơ thể, suy rộng ra là sự thống nhất của cả xã hội, cộng đồng.
- G. *hỏi:*
  - Đến đây, xuất hiện vai trò chủ động của *bác Tai*. Lời nói của bác với *cô Mắt, cậu Chân, Tay* có ý nghĩa gì?
  - Tại sao cả bọn lại nhanh chóng đồng tình với ý kiến của *bác Tai* như vậy?
- H. Tiếp tục thảo luận, phát biểu tự do.

- ***Định hướng:***
  - Qua thực tế kiểm nghiệm, *bác Tai* chính là người nhận ra đầu tiên sai lầm, nóng vội của cả bốn người. (vì bác chuyên lắng nghe).Lời nói của bác chứng tỏ sự ăn năn, hối lỗi thành thật. Đem suy nghĩ này trao đổi với *Mắt, Chân, Tay*, ngay lập tức bác nhận được sự đồng tình, cảm thông tuyệt đối. Ấy là bởi vì cả bốn đã thấm thía, ngấm đòn do chính mình tạo ra.
- Câu nói:

  Lão Miệng không ăn, chúng ta cũng bị tê liệt.

là hiểu đúng mối quan hệ thống nhất giữa các bộ phận khác nhau trong cơ thể. Thì ra, hiểu như trước mới là sai lầm. Chúng ta, mỗi người một việc. Chúng ta nuôi *lão Miệng*, chính là nuôi chúng ta. Ăn, nhai, nuốt thức ăn, đưa thức ăn đến các bộ phận khác nhau trong cơ thể là chức phận hàng ngày của lão. Như vậy, *lão Miệng* không lười, lão không có lỗi. Chúng ta giận lão là vô lí.

"Lão Miệng có ăn thì chúng ta mới khỏe được".

Câu nói cố tình nhắc lại một lần nữa sự thống nhất chặt chẽ, sự gắn bó không thể tách rời giữa các bộ phận khác nhau trong cơ thể con người, suy rộng hơn, là trong cộng đồng, trong xã hội.

▪ G. hỏi:

- Truyện được kết thúc như thế nào?
- Bài học cuối cùng cần rút ra sau khi đọc truyện là gì?

▪ H. Kể lại kết thúc truyện, nhận xét kết thúc ấy? Tự khái quát, rút ra bài học?

• ***Định hướng:***

- Chi tiết cả bốn người săn sóc, chăm chút cho lão Miệng một cách chân tình, thật lòng, như chăm sóc người thân ốm nặng chứng tỏ sự giác ngộ chân lí triệt để của họ.
- Sau khi ăn, lão Miệng khoan khoái, cả bọn cùng thấy dễ chịu. Chân lí xưa lại được giác ngộ hoàn toàn. Không có sự bất công nào cả, chỉ có sự hiểu lầm nho nhỏ và đã phải trả giá mà thôi!

  Mọi việc và mọi người, từ đây lại trở về quỹ đạo như xưa. Ai làm việc ấy, theo sự phân công của cơ thể, thống nhất chỉ huy. Không còn sự suy bì, tị nạnh, kèn cựa nhỏ nhen, không còn sự tranh cãi vô bổ, vớ vẩn...Tất cả sống trong niềm vui lao động cần cù, chăm chỉ, miệt mài cùng trong một cơ thể con người.

- *Bài học được rút ra sau khi đọc truyện này là:*

· Trong một tập thể, một cộng đồng, xã hội, mỗi thành viên không thể sống đơn độc, tách biệt, mà cần đoàn kết, gắn bó, nương tựa vào nhau, với nhau để sống, để cùng tồn tại và phát triển.

Hợp tác, tôn trọng lẫn nhau là con đường sống và phát triển của xã hội, thời đại chúng ta hiện nay. So bì, tị nạnh, kèn cựa nhỏ nhen là những tính xấu cần tránh, cần phê phán.

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT CHUNG VỀ TRUYỆN NGỤ NGÔN

1. H. nói lại nội dung mục *Ghi nhớ* SGK. t. 116.

2. Qua 04 truyện ngụ ngôn đã học và một số truyện đọc thêm, em hãy trình bày nhận thức của bản thân về:

- Khái niệm *truyện ngụ ngôn*?
- Truyện ngụ ngôn *giống* và *khác* gì với truyện cổ tích? Truyền thuyết? Thần thoại?
- *Nhân vật* của truyện ngụ ngôn có gì đặc biệt?
- Có thể nói truyện ngụ ngôn là truyện cổ tích loài vật được không? Vì sao?
- Cách *mở đầu* và *kết thúc* truyện ngụ ngôn có gì đáng chú ý?
- Nhìn chung, những *bài học cuộc sống* được rút ra từ các truyện ngụ ngôn đã học có điểm gì chung? Có thể nói truyện ngụ ngôn là sự chi tiết hóa ý nghĩa của tục ngữ? Sự *hấp dẫn* của truyện ngụ ngôn là nhờ các yếu tố nào?

3. Kể diễn cảm một truyện ngụ ngôn mà em thích nhất?

- Giải thích bài học được rút ra?
- Có thể tìm một câu tục ngữ tương ứng?

4. Dựa vào một câu tục ngữ, em hãy thử tập sáng tác một *truyện ngụ ngôn ngắn* mà nhân vật là những con vật quen thuộc trong đời sống hàng ngày?

5. Đọc thêm truyện ngụ ngôn "*Thế thì không mất*!" Cái Nụ - một nhân vật trong truyện giải thích từ"*Mất*" như vậy có đúng không? Vì sao?

6. Soạn bài:*Truyện cười* (Bài 12)./.

Tiết 46
KIỂM TRA VIẾT

TIẾNG VIỆT

- *Một đề bài tham khảo, gợi ý*

I. Sửa lỗi viết hoa các danh từ riêng sau đây:

1. Đan mạch, Thuỵ điển, Hung Ga Ri, Hà Nguyễn thị Trang.
2. Thành Phố Hồ Chí Minh, Lê - Nin, Các - mác, Ăng - Ghen.

II. Phân loại các danh từ sau:

1. Nhà, đá, nhà đá, nhà ăn, nhà cửa, nhà vệ sinh, sấm sét, mưa gió.
2. Sông, sông biển, sông núi, sông nước, sông hồ.

III. Thêm các phần phụ đứng trước vào những danh từ sau để tạo thành cụm danh từ:

1. Trời, đất, lụt, bão.

2. Hoà bình, cách mạng, xã hội.

IV. Thêm các phần phụ đứng trước, đứng sau các danh từ để tạo thành các cụm danh từ. Sau đó mô hình hoá theo bảng dưới đây:

Phần phụ đứng trước * Kí hiệu: **t1, t2....**	*Phần trung tâm* * Kí hiệu **T1, T2...**	*Phần phụ đứng sau* Kí hiệu: **s1, s2....**

V. Cho các danh từ:

Đồng bằng, cao nguyên, thủy triều.

1. Phát triển thành 03 cụm danh từ phức tạp.
2. Đặt thành 03 câu.
3. Ghép thành đoạn văn nói về đất nước hoặc bảo vệ môi trường.

VI. Có các cách giải nghĩa từ sau:

1. Biển:

a. Còn gọi là *bể*.

b. Nơi chứa nhiều nước mặn.

c. Nơi chứa nhiều nước nhất trên trái đất.

2. Núi:

a. Chỗ đất nhô cao.

b. Ngược với *sông*.

c. Còn gọi là *sơn, non*.

Theo em, giải thích như thế, đúng hay sai? Nếu sai, em hãy giải thích lại cho đúng và nêu rõ cách giải thích?./.

Tiết 47
TẬP LÀM VĂN

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2

(Học sinh viết từ tuần 9; bài 9; tiết 35 - 36)

KỂ CHUYỆN VỀ:
MỘT VIỆC TỐT,
(hoặc MỘT LẦN LẦM LỖI,
MỘT THẦY, CÔ KÍNH YÊU,
MỘT KỈ NIỆM ẤU THƠ...)

A. Kết quả cần đạt

1. Giúp H. phát hiện được các lỗi trong bài làm của mình, đánh giá, nhận xét bài theo yêu cầu của đề, so sánh với *bài viết số 1* để thấy sự tiến bộ (hay thụt lùi) của mình.

2. Rèn luyện kỹ năng tự chữa bài làm của bản thân và có thể chữa bài của bạn.

• *Dự kiến về:* **Phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức dạy học.**

1. Trả bài trước 4 ngày, H. tự đọc, phát hiện lỗi, tự chữa ở nhà.
2. Trên lớp. G cùng H xây dựng lại yêu cầu và dàn bài khái quát, tiếp tục chữa các lỗi tiêu biểu.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

DẪN VÀO BÀI

• G. *chiếu hắt* các đề H. đã chọn, các yêu cầu cơ bản cần đạt.

Công bố kết quả điểm, tỉ lệ tổng hợp của cả lớp và các tổ.

Hoạt động 2

G CÙNG H XÂY DỰNG 01 DÀN Ý CỦA MỘT ĐỀ CÓ NHIỀU H. CHỌN LÀM NHẤT.

Hoạt động 3

G. NHẬN XÉT CỤ THỂ BÀI LÀM CỦA H. VỀ CÁC MẶT

1. Lí do chọn đề.
2. Bố cục của bài có đủ các phần?
3. Lời văn kể chuyện?
4. Chọn ngôi kể có phù hợp? Vì sao?
5. Chọn cách kể có phù hợp? Vì sao?
6. Các lỗi về dùng từ, chính tả, đặt câu, dựng đoạn...

Hoạt động 4

G. CÙNG H. CHỮA MỘT SỐ LỖI TIÊU BIỂU

Hoạt động 5

CHỌN 3 H. ĐỌC

- Một bài khá nhất, bình ngắn.
- Một đoạn khá nhất, bình ngắn.

Hoạt động 6
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

1. H. tiếp tục tự chữa bài của mình.
2. Viết lại bài (đã chữa) thêm một lần hoặc viết bài theo các đề còn lại trong bài viết số 2./.

Tiết 48
TẬP LÀM VĂN
Luyện tập
XÂY DỰNG DÀN BÀI
VÀ BÀI VĂN TỰ SỰ -
KỂ CHUYỆN ĐỜI THƯỜNG

A. Kết quả cần đạt

1. H. nắm được thế nào là *tự sự - kể chuyện đời thường*; các bước: Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý, phương hướng chuẩn bị viết bài.

2. Kĩ năng tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn bài, chọn ngôi kể, thứ tự kể phù hợp với đề bài.

- ***Dự kiến về:*** **Phương pháp, biện pháp, hình thức giờ dạy học:**

  1. Phân tích đề.
  2. Tổng hợp, hệ thống hóa vấn đề, so sánh, lựa chọn.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
CHO CÁC ĐỀ TỰ SỰ SAU

Chiếu hắt 07 đề trong SGK, t. 119.

- G. giải thích khái niệm:

Kể chuyện đời thường:

Là kể về những câu chuyện hằng ngày từng trải qua, từng gặp với những người quen hay lạ nhưng để lại những ấn tượng, cảm xúc nhất định nào đó. Một trong những yêu cầu hàng đầu của *kể chuyện đời thường* là nhân vật và sự việc cần phải hết sức chân thực, không nên bịa đặt, thêm thắt tùy ý.

• H. tìm thêm một hai đề tự sự cùng loại và ghi vào vở.

Hoạt động 2
THEO DÕI QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN MỘT ĐỀ TỰ SỰ SAU
KỂ CHUYỆN VỀ ÔNG (HAY BÀ) CỦA EM (CON)

a) Tìm hiểu đề:

- Kể chuyện đời thường, người thật, việc thật.
- Kể về hình dáng, tính tình, phẩm chất của ông.
- Biểu lộ tình cảm yêu mến, kính trọng của em.

b) Phương hướng làm bài:

- Không tùy tiện nhớ gì kể đấy.
- Không nhất thiết phải xây dựng thành câu chuyện có tình tiết, cốt truyện chặt chẽ, li kì.
- Giới thiệu chung về ông.
- Một số việc làm, thái độ đối xử của ông với mọi người trong gia đình, với em.
- Tập trung cho một chủ điểm nào đó.

  Ví dụ: Ông rất yêu hoa, thích chăm sóc hoa, cây cảnh, hoặc ông rất thích đánh cờ, thích giảng sách cổ cho con cháu...

c) H. Tìm hiểu dàn bài và bài viết tham khảo trong (SGK, t. 120 - 121).

Trả lời các câu hỏi sau:

Bài làm có sát với đề, với dàn bài đã vạch không? Vì sao?

- ***Định hướng:***

  - Sát. Vì tất cả các ý trong dàn bài đều được phát triển thành văn, thành các câu cụ thể.
  - Các sự việc kể trong bài có xoay quanh chủ đề người ông hiền từ, yêu hoa, yêu cháu không?

- ***Định hướng:***

  Rất tập trung.

Hoạt động 3
LẬP DÀN BÀI CHO MỘT TRONG CÁC ĐỀ ĐÃ NÊU TRÊN, HOẶC TỰ VIẾT MỘT BÀI VĂN VỀ ÔNG NỘI HOẶC ÔNG NGOẠI CỦA EM

- ***Định hướng:***

  Dàn bài cho đề: *Kể về những đổi mới ở quê em.*

a) Mở bài:

Ai đi xa lâu lâu có dịp trở về hẳn phải ngỡ ngàng vì những đổi mới chóng mặt ở cái làng Chè ven nội quê em.

b) Thân bài:

- Làng Chè cách đây chục năm nghèo, buồn, lặng lẽ.
- Làng Chè hôm nay đổi mới toàn diện, nhanh chóng:
  + Những con đường, những ngôi nhà mới.
  + Trường học, trạm xá, ủy ban xã, câu lạc bộ, sân bóng...
  + Điện đài, ti vi, vi tính, xe máy...
  + Nền nếp làm ăn, sinh hoạt...

c) Kết bài:

Làng Chè trong tương lai.

Hoạt động 4

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

1. H. viết thành văn hoàn chỉnh đề trên.

2. Tự nghĩ một đề kể chuyện đời thường cho bản thân, tự xây dựng dàn bài./.

Tuần 13

BÀI 12

Tiết 49 -50
TẬP LÀM VĂN

Bài viết

TẬP LÀM VĂN

SỐ 3:

(02 tiết, tại lớp)

KỂ CHUYỆN ĐỜI THƯỜNG

- ***Giáo viên chọn một trong 07 đề nêu ở mục 1, tiết 48, bài 11:***

Luyện tập:

XÂY DỰNG BÀI TỰ SỰ

- KỂ CHUYỆN ĐỜI THƯỜNG

(SGK Ngữ văn lớp 6, tập 1)

- ***Giáo viên có thể tham khảo các đề sau:***

1. Kể chuyện một buổi chiều thứ bảy ở gia đình của em.
2. Một ngày chủ nhật mùa hè năm ngoái thật đáng nhớ.
3. Một lần đi đón hoặc tiễn đưa người thân của em ở xa về (hoặc đi xa)
4. Em bị mất một quyển sách quí.
5. Buổi đi cổ động bầu cử Quốc hội tháng 5 năm 2002 ở thôn em.

- ***Giáo viên có thể soạn một đề hoàn toàn mới phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của lớp mình đang dạy./.***

Tiết 51
VĂN HỌC

TRUYỆN CƯỜI
1
TREO BIỂN

A. Kết quả cần đạt

1. Tiếng cười chê, phê phán những người thiếu chủ kiến, thiếu tự tin, dễ dàng ngả theo ý kiến của người khác để đến nỗi hỏng việc.

2. Kết cấu rất gọn, chặt, kết thúc bất ngờ, mâu thuẫn gây cười ở ngay trong sự nghiêng ngả, dao động luôn luôn của nhân vật.

3. Truyện chủ yếu thuộc thể loại truyện cười nhưng cũng có tính chất ngụ ngôn thể hiện ở bài học lẽ đời được rút ra qua sự việc và nhân vật.

4. - *Tích hợp* với phần Tiếng Việt ở khái niệm: *Số từ và Lượng từ.*

- *Tích hợp* với phân môn *Tập làm văn* ở kỹ năng *kể chuyện tưởng tượng, sáng tạo.*

5. Rèn kỹ năng *dùng từ nhiều nghĩa và dùng từ chuyển nghĩa, kỹ năng kể chuyện tưởng tượng.*

B. Thiết kế bài học

Hoạt động 1

KIỂM TRA BÀI CŨ

(HÌNH THỨC VẤN ĐÁP)

- ***Câu hỏi 01:***
  - Bài học sâu sắc nhất qua truyện "*Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*"?
  - Tại sao người sáng tác dân gian không đặt tên cho nhân vật là các con vật mà lại đặt tên như vậy?

- *Câu hỏi 02:*
  - Kết thúc hai truyện "*Ếch ngồi đáy giếng*" và "*Thầy bói xem voi* " có chỗ nào gần gũi nhau?
  - Hai truyện ấy có gây cười không? Vì sao?
- *Câu hỏi 03:*
  - Truyện "*Đeo nhạc cho Mèo*" có phải là truyện cổ tích loài vật không? Vì sao?

Hoạt động 2
DẪN VÀO BÀI

- G. nói chậm:
  - *Tiếng cười* là một bộ phận không thể thiếu trong cuộc sống con người. *Tiếng cười* được thể hiện trong các truyện cười đặc sắc của văn học dân gian Việt Nam.
  - Đó là loại truyện kể về những hiện tượng, những loại người đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội. Có nhiều khi, qua truyện cười, qua tiếng cười, người bình dân cũng muốn gửi gắm những bài học nào đó về cuộc sống. Khi đó truyện cười cũng mang tính chất của truyện ngụ ngôn.

  Một số truyện cười mà chúng ta sắp học dưới đây là những truyện như thế.

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ

1. G. cùng H. đọc, kể truyện từ hai đến ba lần.
  - Chú ý giọng hài hước nhưng kín đáo thể hiện qua từ: "*Bỏ ngay*" được lặp lại bốn lần.

2. H. giải thích lại các từ khó trong mục *chú thích* (S.đ.d.tr.124).

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

- G. *hỏi*:
  - Nhà hàng *treo biển* để làm gì?
  - Nội dung biển treo có bao nhiêu yếu tố?
  - Nội dung ấy có phù hợp với công việc của nhà hàng? Vì sao?
- H. Trả lời, phân tích?
- ***Định hướng:***
  - Nhà hàng *treo biển* là cốt để giới thiệu, quảng cáo sản phẩm nhằm mục đích bán được nhiều hàng. Vì vậy, nội dung biển không những phải cần và đủ các yếu tố cần thiết mà về hình thức lại phải đẹp, hấp dẫn khách mua.

    Ở đây, ta không bàn đến các yếu tố về mặt hình thức. Chỉ nói về nội dung. Biển đề:" *Ở đây có bán cá tươi.*" Rõ ràng, nội dung biển bao gồm 04 yếu tố cần và đủ cho mục đích đã nêu trên:
  - Yếu tố thứ nhất là *trạng ngữ* chỉ địa điểm bán hàng:*"Ở đây*".
  - Yếu tố thứ hai là *vị ngữ* chỉ hành động, công việc của nhà hàng: "*Có bán*". Yếu tố này hết sức cần thiết, không thể thiếu. Bởi nếu thiếu thì câu văn giới thiệu trên lập tức trở nên vô nghĩa.
  - Yếu tố thứ ba là *danh từ*: "*Cá*" chỉ *sản phẩm* được bán của nhà hàng.
  - Yếu tố cuối cùng là *tính từ*: "*Tươi*" chỉ *chất lượng* của hàng hóa ở đây.

    Cả hai yếu tố thứ tư và thứ ba đều giữ chức vụ *bổ ngữ* cho vị từ "*bán*".
- G. Có mấy ý kiến góp ý về nội dung của cái biển treo trước cửa hàng?
  - Tại sao nhà hàng sau mỗi lần góp ý đều lập tức nghe theo, sửa đổi nội dung theo ý người góp mà cách làm chủ yếu là *cắt bớt* lần lượt từng yếu tố?

- H. bàn bạc, góp ý, phát biểu.

- ***Định hướng:***

  - Lần lượt, tất cả có 04 người góp 04 ý kiến khác nhau.

    Nhưng tựu trung, đều nhận xét về sự *thừa* của các yếu tố trong nội dung biển.

  - Ý kiến đầu tiên, đòi bỏ bổ ngữ 2 - tính từ "*Tươi*".
  - Ý kiến thứ hai đề nghị bỏ trạng ngữ chỉ địa điểm: "*Ở đây*".
  - Ý kiến thứ ba đòi bỏ cả vị ngữ chỉ công việc:"*Có bán*".
  - Ý kiến cuối cùng đề nghị bỏ nốt từ:"*Cá*".

    Thật là quá quắt! Nhưng có điều thú vị là cả bốn ý kiến đều có cách lập luận rất đanh thép, tự tin, vững chắc, được nói với giọng chất vấn, chê bai của những người am hiểu. Bởi vậy, nó có tác dụng rất lớn đối với nhà hàng vốn *rất kém tự tin*.

    Nhà hàng cứ nghe theo răm rắp, cứ lần lượt bỏ đi từng từ, từng phần của nội dung biển.Và thật buồn cười, cứ tưởng như vậy là làm *vui lòng khách đến vừa lòng khách đi*!?

- G. *hỏi*:

  - Nhưng theo em, các ý kiến trên có chỗ nào hợp lí? Chỗ nào không?
  - Nếu đặt mình vào vai trò của nhà hàng, em sẽ giải quyết ra sao?

- H. Thử đóng vai, bàn luận tự do.

- ***Định hướng:***

  - Có thể nói, cả *bốn* ý kiến đều mang tính chất *cá nhân, chủ quan và nguỵ biện*.

    Ví dụ: Bỏ từ "*tươi*", là làm mất đi sự khẳng định chất lượng cao của sản phẩm nhà hàng, tuy nhiên cũng còn có thể được đi.

  - Nhưng đến ý kiến đòi bỏ từ chỉ địa điểm "*ở đây*", mà cũng nghe theo thì đã khiến cho nội dung biển có phần tối nghĩa và thiếu lịch sự đối với khách hàng.

- Bỏ đi cả vị ngữ "*có bán*" chỉ để lại độc có một từ "*cá*", là hết sức cực đoan, vô lí. Nó làm cho nội dung cái biển trở nên cụt lủn, tối nghĩa.
- Đến ý kiến cuối cùng, đề nghị cất nốt biển đi vì "*ai đi gần tới đây đều chẳng ngửi thấy mùi cá tanh lộn lên mà còn phải để từ "cá"!?*

  Nhà hàng lại nhắm mắt nghe theo không dùng biển nữa.?!
- Như vậy, truyện đã đặt ra những *tình huống cực đoan, vô lí và cách giải quyết một chiều*, chẳng có một chút lập trường của nhà hàng.
- Nếu đặt mình vào vị thế của nhà hàng, em sẽ lắng nghe cả bốn ý kiến, cảm ơn họ đã góp ý cho nhà hàng. Nhưng sẽ suy nghĩ cẩn thận, và cuối cùng sẽ vẫn *để y nguyên* nội dung biển như ban đầu.

▪ G. - Truyện gây cười ở chỗ nào?

  - Truyện ngụ bài học gì về cuộc đời?

▪ H. Trao đổi, phát biểu trong nhóm.

• ***Định hướng:***

- Truyện gây cười ở chỗ, sự thống nhất giữa các ý kiến với nhau: Cùng chê bai sự dài dòng, dư thừa của nội dung biển, sự chiều khách, lắng nghe và nhất nhất làm theo mọi lời khuyên của nhà hàng, không cần nghĩ suy, đắn đo.
- Truyện ngụ một bài học cuộc đời, rằng cần lắng nghe nhiều ý kiến từ nhiều phía khác nhau góp cho mình, nhưng lại cần hơn sự tự tin, suy nghĩ, đắn đo, thận trọng trước khi quyết định. Phải giữ được chủ kiến của mình, nếu đã tin chắc nó đúng.

  Nhà hàng này chính là điển hình cho hạng người *ba phải, không có lập trường.*

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT VÀ LUYỆN TẬP

1. H. ôn lại định nghĩa về *truyện cười*, SGK, t. 124.

2. H. nói lại nội dung mục *Ghi nhớ*, t. 125.

3. Nếu em là chủ cửa hàng bán cá trong truyện, em sẽ xử lí ra sao? Liệu em có sửa biển hiệu giống như người chủ trong truyện hay không?

4. Đọc thêm truyện *"Đẽo cày giữa đường"* và so sánh với truyện vừa học. Có thể nói hai truyện rất gần gũi nhau về nội dung và thể loại?./.

2
LỢN CƯỚI, ÁO MỚI
(Truyện cười)

A. Kết quả cần đạt

1. Chế giễu, cười cợt tính hay khoe khoang, hợm hĩnh, lố bịch, chỉ tổ làm trò cười cho mọi người mà không tự biết.
2. Bố cục rất gọn, chặt. Tiếng cười bật ra từ một tình huống giao tiếp bất ngờ, ngẫu nhiên, nhưng rất hứng thú.
3. - *Tích hợp* với phân môn *Tiếng Việt* ở khái niệm *số từ* và *lượng từ*
   - *Tích hợp* với phân môn *Tập làm văn ở kể chuyện sáng tạo*, diễn cảm truyện cười với những ngôi kể khác nhau.
4. Rèn *kỹ năng kể sáng tạo truyện cười* với những ngôi kể khác nhau.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
KIỂM TRA BÀI CŨ:
(HÌNH THỨC VẤN ĐÁP)

- ***Câu hỏi 01:***

  Kể lại truyện cười "*Treo biển*", trong vai kể chủ hàng?

- ***Câu hỏi 02:***

  Kể lại truyện trên trong vai kể một trong những người khách hàng.

• ***Câu hỏi 03:***

- Kể lại truyện "*Đẽo cày giữa đường*",
- So sánh với truyện "*Lợn cưới, áo mới*" về các mặt nội dung và hình thức?

Hoạt động 2
DẪN VÀO BÀI

▪ G. nói chậm:

- Trong văn học dân gian nước ta, có không ít nhân vật thích khoe khoang, khuếch khoác. Thằng Bờm rất thích khoe cái quạt mo; Phú ông càng thích khoe biết bao của nổi, của chìm...!
- Nhưng khoe khoang đến như hai anh chàng trong truyện cười này thì thật trứ danh và cũng thật lố bịch, đáng cười!

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ
VÀ GIẢI THÍCH TỪ KHÓ

1. G. cùng H. đọc, kể toàn truyện từ hai đến ba lần.

Chú ý nhấn mạnh giọng nói của hai chàng, nhấn mạnh các từ "*lợn cưới*" và "*áo mới*"

2. Giải nghĩa các từ trong mục *chú thích*; giải thích thêm hai từ:

- "*Tất tưởi*": Rất vội vã trong cử chỉ và hành động.
- "*Hóng*": Chờ đợi, ngóng trông với vẻ sốt ruột.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

▪ G. Truyện có hai nhân vật. Họ chỉ gặp gỡ nhau trong phút chốc. Mỗi người nói có *một câu*.

- Vậy mà tạo nên câu chuyện thật hứng thú?
- Vì sao anh chàng thứ nhất cứ đứng *hóng* ở cửa?

- Anh ta có tính gì đặc biệt?

- H. Phân tích, bàn luận, phát biểu.

- *Định hướng:*

  - Đó là một chàng trai có tính rất thích khoe khoang. Đó là người luôn muốn được người khác biết để được nhận những lời khen, ca ngợi, khâm phục về tài năng, danh vọng, của cải, quyền lực...
  - Người thích khoe khó giấu được ai chuyện gì, ngược lại, họ chỉ muốn trưng bày tất cả cho thiên hạ biết. Ở đây, trong truyện này, anh chàng thích khoe đến mức kì cục! May được cái áo mới, đối với anh ta, đã là một niềm vui khó tả. Bởi vậy, phải mặc ngay, và lập tức ra đứng *hóng* ở ngoài đường, chờ gặp người để khoe! Tâm trạng của anh chàng là chờ đợi, sốt ruột. Nhưng chờ mãi, chờ mãi, chẳng thấy ai, ... quá sốt ruột, từ háo hức, sung sướng đã chuyển thành "*tức lắm*"! Sự chuyển đổi tâm trạng đó vừa là tất nhiên, vừa tạo ra tình huống gây cười. Tức vì không được khoe áo mới.
  - Đối với anh chàng, giờ đây, không còn chuyện gì quan trọng hơn gặp người để khoe áo mới.

- G. *hỏi*:

  - Anh *mất lợn* hỏi thăm như thế nào?
  - Trong lời hỏi thăm có từ nào thừa? Vì sao?
  - Tác giả dân gian đã dùng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của nó?

- H. Tiếp tục bàn luận, trao đổi, phát hiện.

- *Định hướng:*

  - Anh *mất lợn* cũng giống như anh *có áo mới* ở chỗ thích khoe ghê gớm.Trong tâm trạng tiếc của, hốt hoảng chạy ngược, chạy xuôi tìm, vậy mà ngay trong lời hỏi thăm, anh ta cũng phải khoe cho bằng được đám cưới của mình.

- Từ "*cưới*" là thừa, nhưng nhất định phải nói, vì đối với anh ta, đây là việc đáng nói hơn bao giờ hết. Bộ dạng"*tất tưởi*" là bộ dạng vội vàng, hốt hoảng, đối lập với lời hỏi thăm vẫn nặng tính khoe khoang. Thoạt nghe, người ta rất khó hiểu: Làm gì có loại *lợn cưới* ở đâu!

  Nhưng hiểu ra rồi thì tiếng cười bật ra. Đúng là *tri kỉ* gặp nhau!

- G. - Câu trả lời của anh *đứng hóng* buồn cười như thế nào?
  - Cử chỉ của anh ta càng buồn cười, lố bịch hơn.
  - Thử kiếm tìm, phân tích?

- ***Định hướng:***

  - Đáng lẽ, anh có áo cần trả lời ngay vào câu hỏi của anh mất lợn. Nhưng vì quá sốt ruột muốn khoe áo mới nên anh đã có những cử chỉ nực cười: Chưa vội nói, anh ta cứ giơ sát vạt áo ra trước mặt anh mất lợn để khoe cái đã. Nếu câu hỏi của anh mất lợn chỉ *thừa có một từ* thì câu trả lời của anh có áo còn thừa nhiều hơn - *thừa hẳn một vế câu*:

    "Từ lúc tôi mặc chiếc áo mới này...!

  - Thế là:"*Lợn cưới*" phải đối với "*áo mới*".
  - Biện pháp nghệ thuật *đối xứng và phóng đại* được người bình dân sử dụng thành công.
  - Cả hai anh bạn đều thích khoe và đã được khoe thỏa thích. Chắc cả hai đều hài lòng lắm.
  - Tiếng cười vui vẻ, có xen sự chế giễu, phê phán nhẹ nhàng bật ra đúng lúc, đúng chỗ, khiến người nghe, người đọc khoan khoái, hứng thú.
  - Điều lí thú nhất đối với mọi nhân vật trong truyện cười là *họ không hề biết mình đáng cười một chút nào!*

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT VÀ LUYỆN TẬP

1. Kể lại diễn cảm truyện trên trong vai kể *anh có áo mới*.

2. Kể lại diễn cảm truyện trên trong vai kể *anh tìm lợn cưới*.

3. Đọc, nghĩ về nội dung mục *Ghi nhớ*, SGK, t. 128.

4. Ôn tập về *truyện cười* trên các mặt chủ yếu sau:

- Giá trị nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật,
- Ý nghĩa của *tiếng cười* trong *truyện cười*,
- Tình huống gây cười,
- Kết thúc truyện cười...
- So sánh *truyện cười* và *truyện ngụ ngôn... truyện cổ tích* và *truyền thuyết, thần thoại...* để chuẩn bị cho bài 13: *Ôn tập văn học dân gian./.*

Tiết 52
TIẾNG VIỆT

SỐ TỪ
VÀ LƯỢNG TỪ

A. Kết quả cần đạt

1. - Ý nghĩa, công dụng của *số từ* và *lượng từ.*
   - Biết dùng đúng *số từ* và *lượng từ* khi nói, khi viết.
2. *Tích hợp* với phần *Văn* ở 2 truyện cười - ngụ ngôn: *Treo biển*, *Lợn cưới áo mới*, với phần *Tập làm văn ở kể chuyện tưởng tượng.*
3. Kĩ năng *sử dụng số từ và lượng từ khi nói và khi viết.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU *SỐ TỪ*.
NHẬN DIỆN VÀ PHÂN BIỆT *SỐ TỪ VỚI DANH TỪ*

1. Các từ *in đậm* bổ sung ý nghĩa cho những từ nào? Bổ sung ý nghĩa gì? Vị trí của chúng so với từ mà nó bổ nghĩa? Từ *đôi* có phải là *số từ* hay không? Vì sao?

a) Hai: Chàng, một trăm: Ván, nệp; chín: ngà, cựa, hồng mao, đôi.

b) Sáu: Hùng Vương.

- H. suy nghĩ, làm việc, phát biểu.

Yêu cầu:

+ Các từ được bổ nghĩa đều là những danh từ.

+ Trong a, bổ nghĩa về *số lượng*. Đứng trước danh từ.

+ Trong b, bổ nghĩa về *thứ tự*. Đứng sau danh từ.

2. - Riêng từ *đôi* không phải là số từ mà là *danh từ chỉ đơn vị* (đã học).

- *Một đôi* cũng *không phải là số từ ghép* vì:

- Có thể nói: Một trăm con bò.

- Nhưng *không thể* nói: Một *đôi* con bò.

- *Chỉ có thể* nói: Một *đôi* bò.

- *Con* là danh từ chỉ loại thể.

3. H. tìm thêm những từ tương tự như *đôi*: *Cặp, tá (12), chục,...*

4. ▪ H. đọc lại mục *Ghi nhớ* 1.t. 128.

▪ G. lưu ý: Cần phân biệt rõ số từ với những danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng.

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU LƯỢNG TỪ

1. ▪ G. *hỏi*:- Nghĩa của các từ: *Các, những, cả mấy...* có gì giống và khác nghĩa của số từ?

▪ H. so sánh, trả lời.

Yêu cầu:

- Giống: Cùng đứng trước *danh từ*.

- Khác: - *Số từ*: Chỉ *số lượng* và *thứ tự* của sự vật.

- *Lượng từ* chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật.

Hoạt động 3
PHÂN LOẠI *LƯỢNG TỪ*

1. H. sắp xếp các từ trên vào mô hình *cụm danh từ có lượng từ*:

Cụm danh từ					
Phần trước		***Phần trung tâm***		***Phần sau***	
t1	**t2**	**T1**	**T2**	**s1**	**s2**
	các		hoàng tử		
	những	kẻ			thua
trận					
cả	mấy vạn	tướng lĩnh			
		quân sĩ			

a) Lượng từ chỉ ý nghĩa toàn thể: *Cả, tất cả, tất thảy...*

b) Lượng từ chỉ ý nghĩa tập hợp hay phân phối:

Các, những, mọi, mỗi, từng...

3. H. tự tóm tắt mục *Ghi nhớ 2* (SGK. t. 129).

Có 2 ý chính sau:

- *Lượng từ* là từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật.
- Dựa vào vị trí trong *cụm danh từ*, có thể chia *lượng từ* thành 2 nhóm:
  + Nhóm chỉ ý nghĩa toàn thể.
  + Nhóm chỉ ý nghĩa tập hợp hay phân phối.

▪ G. *chốt* lại thêm một lần nữa nội dung trên.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Các số từ trong bài thơ *Không ngủ được*:

a) *Một, hai, ba, năm*: Chỉ số lượng vì đứng trước danh từ và chỉ số lượng sự vật: Canh, cánh.

b) *Bốn, năm:* Chỉ thứ tự vì đứng sau danh từ và chỉ thứ tự của sự vật: canh.

2. Các từ: *Trăm, ngàn, muôn...* được dùng với ý nghĩa *số từ chỉ số lượng nhiều, rất nhiều*, nhưng không chính xác.

3. Điểm giống nhau và khác nhau của các từ: *Từng* và *mỗi* là ở chỗ:

- Giống nhau: Tách ra từng cá thể, từng sự vật.
- Khác:
  + *Từng* vừa tách riêng từng cá thể, từng sự vật vừa mang ý nghĩa lần lượt theo trình tự hết cá thể này đến cá thể khác, sự vật này đến sự vật khác.
  + *Mỗi* chỉ có ý nghĩa tách riêng để nhấn mạnh, chứ không mang ý nghĩa lần lượt, trình tự.

4.a. SGK: ▪ G. đọc *chính tả* cả bài *Lợn cưới áo mới.*

▪ H. chú ý viết đúng các chữ ***l /n*** và các vần ***ai / ay.***

4.b. *Viết chính tả, phân biệt các phụ âm **l / n**:*

Một lần Lan được điểm 10 đỏ chói. Nó liều lĩnh xông vào nơi mẹ đang làm việc là cơ quan Nông - lâm- thổ sản. Bác Lai là bảo vệ nặng lời với Lan. Nó liền khoanh tay nói lí nhí mấy lời xin lỗi. Bác Lai khen nó nói năng lễ phép. Bác bảo con nhà nền nếp như Lan là nên chiếu cố. Vì vậy, bác liền lao lên nơi mẹ Lan làm việc. Mẹ mắng Lan non nớt, dại dột, dám đến nơi quấy rầy bác Lai. Bác đỡ lời, nói Lan còn bé mà đã nết na, ngoan ngoãn nên thông cảm. Mẹ Lan nói lời cảm ơn bác Lai và lườm Lan một cái rõ yêu!

4.c. *Viết chính tả, phân biệt các phụ âm: **ai / ay**.*

- Có tài mà cậy chi tài
Chữ tài liền với chữ tai một vần

(NGUYỄN DU)

- Ngày mai trong giá trắng ngần
Cô thôi sống kiếp đày thân giang hồ.

(TỐ HỮU)

- Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.

- Học thầy không tày học bạn.

- Đời cua cua máy, đời cáy cáy đào.

(TỤC NGỮ)

4.d. *Viết chính tả các nhóm từ sau:*

Ai oán, loay hoay, mài mại, lay phay, lai rai, uể oải, bải hoải, rộng rãi, chua cay, khoan khoái, tê tái, mê say, tài cán, heo may, thiên tài, may mắn, ngay ngắn, dài tay, say sưa, sa sảy, xay ngô, may ô, oai oái, vày vò, mày mò, thoai thoải, ngoe ngoảy, hết thảy, ngoái trông, ngọ ngoạy.

5. *Bài tập ở nhà:*

Nhận diện và chỉ rõ ý nghĩa của các số từ, lượng từ trong đoạn ca dao sau:

Giúp cho một thúng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm,
Giúp cho đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi trằm em đeo,
Giúp cho quan tám tiền cheo,
Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau.

6. Các số từ *thứ nhất, thứ nhì* trong thành ngữ, tục ngữ dưới đây được dùng với ý nghĩa gì?

- Thứ nhất ngồi ỳ, thứ nhì đồng ý.

- Thứ nhất sợ kẻ anh hùng,
- Thứ hai sợ kẻ cố cùng liều thân!

- ***Gợi ý:***

Danh từ bổ nghĩa: ***Ẩn***.

Tuần 14

BÀI 12 - 13

Tiết 53
TẬP LÀM VĂN

KỂ CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG

A. Kết quả cần đạt

1. Giúp học sinh bước đầu nắm được nội dung, yêu cầu của kể chuyện sáng tạo ở mức độ đơn giản.

2. *Tích hợp* với các văn bản *truyện cười, truyện ngụ ngôn* và khái niệm *cụm danh từ.*

3. Học sinh chuẩn bị chọn đề tài, tìm tòi nội dung, cốt truyện để viết một bài kể chuyện sáng tạo.

- ***Dự kiến về:***

  Phương pháp, biện pháp, hình thức tiến hành giờ dạy học.

  1. Đọc, phân tích mẫu.
  2. Thảo luận về vai trò của tưởng tượng tự do trong kể chuyện sáng tạo, phân biệt mức độ giữa *truyện sáng tạo* và *truyện đời thường.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

DẪN VÀO BÀI

- G. hỏi:

- Kể chuyện *đời thường* và kể chuyện *sáng tạo* giống và khác nhau ở những điểm nào?
- Truyện *kể sáng tạo* đòi hỏi những yêu cầu gì?

  Học sinh lớp 6 có thể nghĩ ra và viết hay một truyện kể sáng tạo được hay không?

Hoạt động 2
TÌM HIỂU CHUNG VỀ KỂ CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG

***Hoạt động 2.1.* H. kể tóm tắt truyện ngụ ngôn:**

Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng.

- *G. nêu câu hỏi:*
  - Truyện này có thật? Nhân vật có thật? Sự việc có thật?
  - Vì sao em biết rõ đây là truyện ngụ ngôn dân gian hoàn toàn do tưởng tượng mà có?
  - Người kể đã vận dụng tưởng tượng như thế nào?
  - Tưởng tượng đóng vai trò như thế nào trong truyện này?
  - Có phải tất cả mọi chi tiết, sự việc trong truyện đều là bịa đặt hay không? Vì sao em biết?
  - Chi tiết nào dựa vào sự thật?
  - Chi tiết nào hoàn toàn tưởng tượng?
- H thảo luận, G *định hướng.*

***Hoạt động 2.2.* G. cùng H. đọc truyện**

Lục súc tranh công, Giấc mơ trò chuyện với Lang Liêu

(SGK, tr.130 - 133)

- H. tiếp tục thảo luận theo những câu hỏi nêu ở *hoạt động 1.*

- ***Định hướng:***
  - Giống như truyện *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*, truyện *Lục súc tranh công*, cũng là một truyện ngụ ngôn dân gian nổi tiếng.

    Đây là loại *truyện sáng tạo* bởi nó được *sử dụng rất nhiều tưởng tượng*, gần như *hoàn toàn tưởng tượng*. Từ các nhân vật đến các sự việc đều do người kể sáng tạo ra nhằm làm sáng tỏ một bài học luân lí, đạo đức nhất định.

- Trong loại truyện sáng tạo, tưởng tượng đóng vai trò quan trọng hàng đầu và xuyên suốt toàn truyện, nhưng không phải là tưởng tượng lung tung, tùy tiện mà phải có cơ sở, có căn cứ vào cuộc sống thực.
- Nhân vật trong loại truyện này nhiều khi là các con vật, thực vật, đồ vật, thiên nhiên, thậm chí là những bộ phận của cơ thể con người... Bởi vậy, trong loại truyện này, cần triệt để sử dụng biện pháp nghệ thuật *nhân hóa.*
- Điều vô cùng cơ bản là, trước hết cần xác định cho rõ, sáng tỏ *chủ đề, mục đích* của truyện là gì? Sau đó mới nghĩ tới việc sáng tạo nhân vật, cốt truyện, tình tiết...
- Truyện sáng tạo khác với truyện đời thường ở cách xây dựng các nhân vật, các chi tiết *chủ yếu bằng tưởng tượng sáng tạo, bằng nhân hoá, so sánh* của người kể, người viết.

- ***Truyện* Giấc mơ trò chuyện với Lang Liêu *cũng thuộc loại kể chuyện tưởng tượng.***
  - Chỉ có chuyện nhân vật người kể chuyện tự xưng là *em* (ngôi thứ nhất) và việc nấu bánh chưng là có thật. Còn mọi chuyện khác đều do tưởng tượng ra.
  - Nhưng không phải là tưởng tượng tùy tiện mà mọi tưởng tượng, sáng tạo đều nhằm giúp người kể, người đọc hiểu sâu thêm về nhân vật Lang Liêu, về phong tục làm *bánh chưng, bánh giầy* của dân tộc Việt.
- H đọc thầm, suy nghĩ mục *Ghi nhớ* (SGK, t. 133).

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP Ở LỚP

- ***Tìm ý và lập dàn bài cho một trong các đề văn sau đây:***

1. Hãy tưởng tượng cuộc đọ sức giữa *Sơn Tinh và Thủy Tinh* trong điều kiện ngày nay với máy xúc, máy ủi, xi măng cốt thép, máy bay trực thăng, điện thoại di động, xe lội nước...

2. Trẻ em vẫn mơ ước *vươn vai một cái* là trở thành tráng sĩ như *Thánh Gióng*. Em hãy tưởng tượng mình mơ thấy Thánh Gióng và hỏi ngài bí quyết, xem ngài khuyên em như thế nào?

3. Do một lỗi lầm nào đó mà em bị phạt, buộc phải biến thành một trong các con vật sau: *Chó, mèo, chim, cá vàng, chuột...* trong thời hạn ba ngày.

   Trong ba ngày đó, em đã gặp những thú vị và rắc rối gì? Vì sao em mong chóng hết hạn để làm người?

4. Trong nhà em có ba phương tiện giao thông:
   - Xe đạp, xe máy và ô tô.
   - Đêm đêm, trong *gara*, chúng thường cãi nhau, so bì hơn thua kịch liệt.
   - Em hãy tưởng tượng đã nghe được cuộc cãi vã đó và em sẽ dàn xếp cho chúng như thế nào?

5. Kể chuyện *mười năm sau* em lại về thăm ngôi trường mà hiện nay em đang học. Tưởng tượng những đổi thay có thể xảy ra.

- ***Định hướng:***

Dàn ý cho đề 1:

- *Mở bài:*
  + Trận lũ lụt khủng khiếp năm 2000 ở đồng bằng sông Cửu Long.
  + Thủy Tinh - Sơn Tinh lại đại chiến với nhau trên chiến trường mới này.
- *Thân bài:*
  + Cảnh Thủy Tinh khiêu chiến, tấn công vẫn với những *vũ khí cũ* nhưng mạnh gấp bội, tàn ác gấp bội.
  + Cảnh *Sơn Tinh thời nay* chống lũ lụt: Huy động sức mạnh tổng lực: Đất, đá, xe ben, xe *kama*, tàu hoả, trực thăng, thuyền, canô, xe lội nước, cát, sỏi, đặc biệt là các *hòn bê tông đúc sẵn*,...

+ Các phương tiện thông tin hiện đại: Vô tuyến, điện thoại di động... ứng cứu kịp thời...

+ Cảnh bộ đội, công an giúp dân chống lũ.

+ Cảnh cả nước quyên góp *lá lành đùm lá rách*...

+ Cảnh những chiến sĩ hi sinh vì dân.

- *Kết bài:*

Cuối cùng, Thủy Tinh lại một lần nữa chịu thua những chàng Sơn Tinh của thế kỉ 21.

Hoạt động 4

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

1. Tìm hiểu vai trò của *tưởng tượng* và *nhân hóa* trong một số truyện ngụ ngôn đã học, trong truyện đồng thoại *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài.
2. Lập dàn bài cho *đề 2, 3, 4*, mục *Luyện tập* trên.

   Viết thành bài văn hoàn chỉnh, *đề 3*.
3. Chuẩn bị tìm đề tài, chủ đề cho một truyện kể tưởng tượng của bản thân./.

Tiết 54, 55
VĂN HỌC

ÔN TẬP
TRUYỆN DÂN GIAN

A. Kết quả cần đạt

1. Kể lại và hiểu rõ nội dung và ý nghĩa tất cả các *truyện dân gian* đã học.

2. Hiểu rõ *tiêu chí phân loại* các loại truyện cổ dân gian, nắm vững đặc điểm từng thể loại cụ thể về nội dung tư tưởng, về hình thức nghệ thuật.

3. Biết cách *vận dụng kể chuyện tưởng tượng, sáng tạo* các loại truyện cổ dân gian theo các vai kể khác nhau.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

TỔ CHỨC KIỂM TRA BÀI CŨ

- G. hướng dẫn H. tự kiểm tra sự chuẩn bị các câu hỏi, các bảng, biểu *câm và có chữ* theo nhóm, tổ học tập.

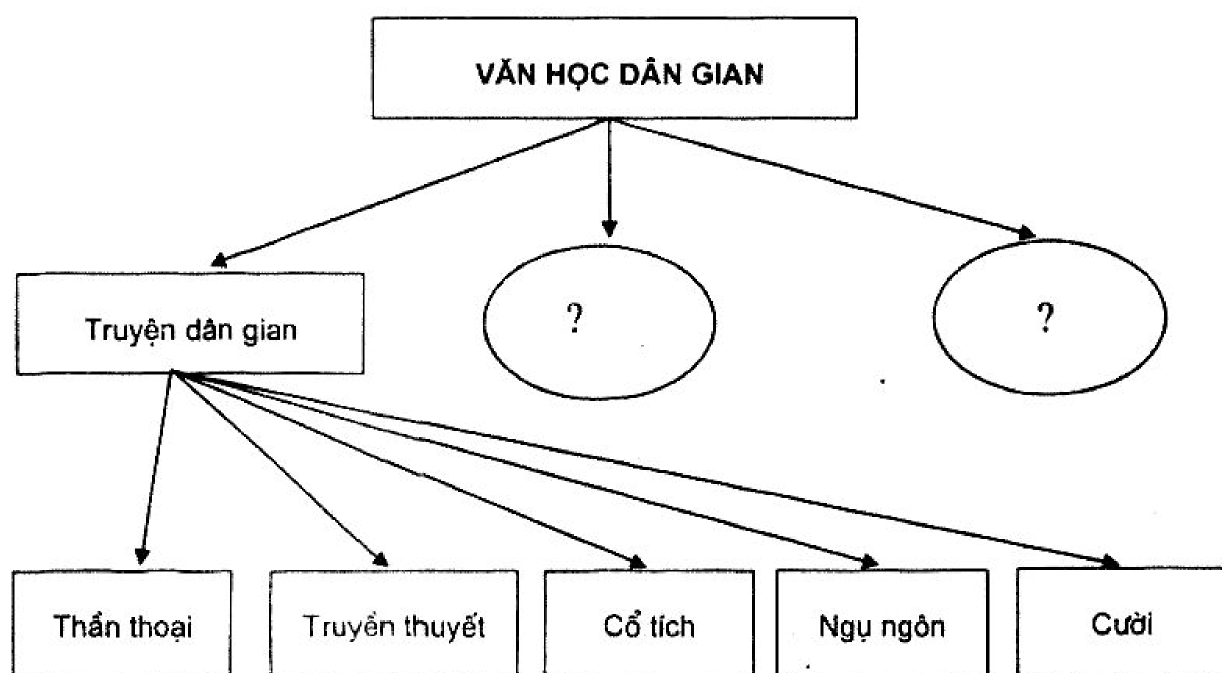
Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN, TỔ CHỨC ÔN TẬP

Hoạt động 2.1.* Hướng dẫn lập và điền *Sơ đồ hệ thống phân loại

Các thể loại cơ bản của văn học dân gian, truyện dân gian (theo các tiêu chí cơ bản của các nhà nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam hiện hành được thể hiện trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6 (tập 1 và 2).

Bảng 1



Bảng 2.

Truyện dân gian

Thể loại	Tác phẩm cụ cụ thể	Nhân vật	Yếu tố kỳ ảo	Cốt truyện	Nội dung ý nghĩa
Thần thoại Truyền thuyết	1. Con Rồng, cháu Tiên 2. Thánh Gióng 3. Sơn Tinh, Thủy Tinh 4. Bánh chưng, bánh giầy	- Thần - Thánh - Thần - Người	Hoang đường, Phi thường tràn ngập	Đơn giản Hứng thú	- Giải thích nguồn gốc dân tộc, phong tục, tập quán, hiện tượng thiên nhiên. Mơ ước chinh phục thiên nhiên và chiến thắng giặc ngoại xâm
Cổ tích	1. Sự tích Hồ Gươm 2. Sọ Dừa 3. Thạch Sanh 4. Em bé thông minh 5. Cây bút thần 6. Ông lão đánh cá và con cá vàng	- Nhân vật lịch sử - Người nghèo - Người thông minh	Yếu tố li kì vẫn còn phổ biến	Phức tạp hơn Hứng thú	Ca ngợi anh hùng dân tộc, dũng sĩ vì dân diệt ác, người nghèo, thông minh, tài trí, ở hiền gặp lành. Kẻ tham ác bị trừng trị.
Ngụ ngôn	1. Ếch ngồi đáy giếng 2.Thầy bói xem voi 3. Đeo nhạc cho Mèo 4. Chân,Tay,Tai, Mắt, Miệng.	- Vật - Đồ vật, - Người -Bộ phận cơ thể	Không có	Ngắn gọn, triết lí sâu xa	Những bài học đạo đức, lẽ sống. Phê phán những cách nhìn thiển cận, hẹp hòi.
Truyện cười	1. Treo biển 2. Lợn cưới, áo mới	Người	Không có	Ngắn gọn Tình huống bất ngờ Mâu thuẫn gây cười	Chế giễu, châm biếm, phê phán những tính xấu, người tham, thích khoe, bủn xỉn...

***Hoạt động 2.2.* Hướng dẫn trả lời một số câu hỏi và bài tập chuẩn bị**

1. H. chuẩn bị sẵn hai bảng trên ở nhà; trên lớp, G. kiểm tra xác xuất một vài em.

2. Qua hai bảng trên, hãy so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa:

- Thần thoại, truyền thuyết và truyện cổ tích?

- Truyện ngụ ngôn và truyện cười?

3. Đọc kỹ thêm các ý kiến bàn về các thể loại truyện đã học, (SGK. tr.135 - 136).

4. H. Trao đổi về một số vấn đề sau:

- Cốt lõi của truyền thuyết là sự thật lịch sử.

- Tìm một số dẫn chứng trong các truyện:

"Thánh Gióng", "Sơn Tinh, Thủy Tinh", "Sự tích Hồ Gươm", "Bánh chưng, bánh giầy"...

- Vai trò và vị trí của các hình tượng:

Cá Vàng, cây đàn thần, niêu cơm kì diệu, cây bút thần,... trong truyện cổ tích?

- Vì sao người bình dân rất thích nghe kể chuyện cổ tích cũng như rất thích truyện cười, truyện ngụ ngôn?

5. Dựa vào nội dung truyện "*Treo biển*", tập viết tiếp (theo hướng ngược lại) truyện ngụ ngôn của em: "*Lại treo biển*"?

6. Nghĩ các kết truyện mới theo ý em, cho hai truyện:

"*Cây bút thần*" và *"Ông lão đánh cá và con cá vàng*"

7. Tổ chức thi kể chuyện sáng tạo hai truyền thuyết:

- *"Sơn Tinh, Thủy Tinh"*

(Chọn một trong hai vai kể: Mị Nương hoặc Thủy Tinh);

- *Bánh chưng, bánh giầy"*

(Chọn một trong hai vai: Hùng Vương hoặc Lang Liêu).

8. *Chuyển thể* thành đoạn *kịch nói* để *diễn* một trong các truyện ngụ ngôn hoặc truyện cười:

Treo biển, Thầy bói xem voi, Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng, Ếch ngồi đáy giếng, Đẽo cày giữa đường...

9. Thử viết một truyện ngắn kể về một *cuộc gặp gỡ tưởng tượng* giữa em và một nhân vật trong truyện dân gian mà em yêu thích nhất?

• ***Lưu ý:***

- Tùy từng đối tượng học sinh mà chọn một số vấn đề để ôn tập, không nhất thiết và cũng không thể giải quyết tất cả các vấn đề nêu trên, cốt sao giờ ôn tập vừa đảm bảo các kiến thức cơ bản và hệ thống, bằng những hình thức vui tươi, nhẹ nhàng, tránh nặng nề, gò bó.
- Cũng có thể tổ chức một buổi *ngoại khóa* hoặc một buổi *dạ hội văn học dân gian*;
- Cho học sinh tập diễn các tiểu phẩm lí thú: "*Ếch ngồi đáy giếng*", trích đoạn "*Thạch Sanh*"..., thi kể truyện cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười...

Tiết 56
TIẾNG VIỆT

TRẢ BÀI KIỂM TRA
TIẾNG VIỆT

(Tuần 12, bài 11, tiết 46)

A. Kết quả cần đạt

1. H. nhận rõ ưu, nhược điểm trong bài làm của bản thân.
2. Biết cách và có hướng sửa chữa các loại lỗi đã mắc.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

- G. trả bài trước 3 ngày.
- H. đọc kĩ bài làm của mình, tự sửa chữa các loại lỗi trong bài.

Hoạt động 2

- G. cùng H. thống nhất yêu cầu trả lời cho từng câu:

Câu I: *Sửa lỗi viết hoa danh từ riêng.*

1. Đan mạch, Thuy điển, Hung ga ri, Hà Nguyễn Thị Trang.
2. Thành phố Hồ Chí Minh, Lê nin, Các Mác, Ăng ghen.

- G. cần giải thích rõ lí do viết hoa cho từng từ. Một số từ cần lưu ý:

- Mác: Họ; Các: Tên.
- Lê nin: Bút danh của V. I. Ulianốp.
- Ăng ghen: Họ.

Câu 2: *Phân loại các danh từ:*

1. Danh từ chỉ sự vật (do con người làm ra):
   - Nhà, nhà đá, nhà ăn, nhà cửa, nhà vệ sinh.
2. Danh từ chỉ sự vật trong thiên nhiên:
   - Đá, sông, sông biển, sông núi, sông nước, sông hồ.

Tất cả đều thuộc loại *danh từ chung.*

Câu 3: *Thêm phần phụ (trước, sau) để tạo thành cụm danh từ:*

1. Bầu trời này, mặt đất ấy, trận lụt năm ngoái, cơn bão bất ngờ.
2. Nền hoà bình bền vững, cuộc cách mạng tháng Mười, một xã hội tốt đẹp.

Câu IV: *Thêm phần phụ và mô hình hoá cụm danh từ:*

* t1, t2	* T1, T2	* s1, s2
Những chiếc	lá lan	ấy
Vài bông	hoa hồng	này
Chùm	quả ổi	vàng ươm
Bộ	rễ đước	rậm rạp, chằng chịt
Một ngành	khoa học	mới ra đời
Nền	nghệ thuật	trẻ tuổi
Bộ phận	văn học	cách mạng

Câu 5: *Từ các danh từ:*

- Đồng bằng, cao nguyên, thuỷ triều,

1. Phát triển, mở rộng thành cụm danh từ đầy đủ (t - T- s):

   - Dải *đồng bằng* Bắc Bộ.
   - Miền *cao nguyên* đất đỏ Tây Nguyên.
   - Con sóng *thuỷ triều* đều đặn.

2. Đặt thành câu:

   - Dải *đồng bằng* Bắc Bộ mở rộng theo các triền sông Hồng, sông Thái Bình, sông Mã...
   - Miền *cao nguyên* đất đỏ Tây Nguyên đang vẫy gọi chúng ta.
   - Con sóng *thuỷ triều* biển Đông cứ đều đặn lên xuống ngày đêm.

3. Mở rộng, phát triển thành một đoạn văn với chủ đề đất nước hoặc bảo vệ môi trường, bằng cách ghép 3 câu trên lại với nhau, có thêm từ, ngữ hoặc câu dẫn dắt.

Câu VI*: Nhận xét các cách giải nghĩa từ.*

1. Ba cách giải nghĩa từ ***biển, núi*** đều không sai nhưng chưa rõ, chưa thật đầy đủ. Có thể kết hợp các cách giải nghĩa đó để tạo nên cách giải nghĩa mới, đúng, đủ hơn. Ví dụ:

- ***Biển:*** - Còn gọi là bể, nơi chứa nước mặn lớn nhất trên trái đất (chiếm 3/4 diện tích).

. ***Núi***: - Đá, đất nổi cao trên mặt đất.

+ Cách giải thích; ngược với sông: Chưa rõ.

+ Chỗ đất nhô cao: Chưa đủ.

2. Các cách giải nghĩa:

- Bằng từ đồng nghĩa, trái nghĩa.
- Miêu tả nội dung khái niệm, hiện tượng hoặc sự vật mà từ biểu thị.

Hoạt động 3

- G. hướng dẫn H. tự chữa, hoàn chỉnh bài làm./.

Tuần 15

BÀI 13 - 14

Tiết 57
TIẾNG VIỆT

CHỈ ĐỊNH TỪ

A. Kết quả cần đạt

1. - Ý nghĩa và công dụng của *chỉ định từ.*

- Biết cách dùng chỉ từ khi nói, viết.

2. *Tích hợp* với phần văn ở các văn bản các *truyện dân gian*, phần *Tập làm văn* ở kiểu bài *kể chuyện tưởng tượng.*

3. Luyện kỹ năng *nhận biết và sử dụng chỉ định từ* thích hợp khi nói và viết.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU MỤC I

CHỈ ĐỊNH TỪ LÀ GÌ?

1. ▪ G. hướng dẫn H. giải *bài tập 1.*

Các từ *in đậm* trong đoạn văn bổ nghĩa cho những từ nào?

▪ H. tìm và giải thích.

Yêu cầu:

- Nọ: Ông vua;
- Ấy: Viên quan;
- Kia: Làng;
- Nọ: Cha con nhà;

2. So sánh các từ và cụm từ sau, từ đó rút ra ý nghĩa các từ được *in đậm*:

- Ông vua - Ông vua *nọ*. (Thêm các từ:
- Viên quan - Viên quan *ấy*. (*nọ, ấy, kia*
- Làng - Làng *kia*. (làm cho cụm danh từ
- Nhà - Nhà *nọ* trở nên *xác định hơn, cụ thể hơn*)

▪ G. *khái quát*:

Các từ *đó, ấy, kia, nọ, này, đấy*... thêm vào các danh từ hoặc cụm danh từ làm cho danh từ và cụm danh từ được xác định hơn, cụ thể hơn về vị trí trong không gian hoặc trong thời gian.

3. H. suy nghĩ, so sánh để tìm ra sự giống, khác của các từ *ấy*, *nọ* trong đoạn văn với các từ *ấy, nọ* ở bài tập 1, 2.

Yêu cầu:

- Giống nhau:

Cùng xác định vị trí của sự vật.

- Khác nhau:

+ Ở bài tập 1, 2: Định vị trong không gian.

+ Ở bài tập 3: Định vị trong thời gian. (Hồi ấy, đêm nọ)

4. ▪ H. tự đọc mục *Ghi nhớ 1*. SGK, t. 137.

▪ G. *bổ sung*:

Chỉ định từ là một tên gọi khác của *Đại từ chỉ định* (để xác định vị trí, tọa độ của sự vật trong không gian, thời gian)

Hoạt động 2
TÌM HIỂU MỤC II
HOẠT ĐỘNG CỦA CHỈ ĐỊNH TỪ TRONG CÂU

1. Xác định chức vụ ngữ pháp của các chỉ từ trong các *bài tập 1, 2, 3, mục I*.

Yêu cầu:

- Các chỉ từ *ấy, kia, nọ*... đều làm *phụ ngữ* bổ nghĩa cho danh từ, lập thành cụm danh từ, hoạt động trong câu như một danh từ (có thể làm chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ...)

Ví dụ:

- Các cụm danh từ: Ông vua nọ, viên quan ấy, làng kia, đêm nọ...
- Viên quan ấy: *Chủ ngữ.*
- Hồi ấy: *Trạng ngữ.*
- Ông vua nọ, nhà nọ, làng kia: *Bổ ngữ* (cho vị ngữ: *Có.*)

2. H. phát hiện chỉ từ trong 2 câu sau, xác định chức vụ ngữ pháp của chỉ từ:

a) *Đó*: Chủ ngữ.

b) *Đấy*: Trạng ngữ.

3. G. tóm tắt nội dung mục *Ghi nhớ 2* (SGK, tr. 138).

Về chức vụ ngữ pháp trong câu, chỉ từ có thể đóng vai trò:

- *Phụ ngữ* của cụm danh từ.
- *Chủ ngữ.*
- *Trạng ngữ.*

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. *Chỉ định từ* trong các đoạn a, b, c, d và các chức vụ của chúng:

a) *Hai thứ bánh ấy.*

- Định vị sự vật trong không gian.
- Làm phụ ngữ của cụm danh từ.
- Cụm danh từ làm bổ ngữ trong câu.

b) *Đấy vàng, đây cũng...đấy hoa, đây sen..*

- Định vị sự vật trong không gian.
- Làm *chủ ngữ* trong câu.

c) *Nay ta...*

- Định vị trong thời gian,
- Làm *trạng ngữ.*

d) *Từ đó...*

Tương tự câu c..

2. Thay các cụm từ *in đậm* bằng những chỉ từ thích hợp.

Giải thích vì sao lại thay như vậy?

a) - Chân núi Sóc: *Đó, đấy.*

- Định vị về *không gian.*

b) - Ấy, đó, đấy.

- Định vị về *không gian.*

3. Các chỉ từ *ấy, đó* có thể đổi chỗ cho nhau hoặc thay bằng *đấy*, nhưng không thể thay bằng bất kì từ, hoặc cụm từ nào khác.

- Vì trong truyện cổ dân gian, ta không thể xác định được cụ thể thời gian *năm ấy, năm nay, hôm đó* là năm nào, hôm nào?!

- Rút ra *kết luận*:

  Chỉ định từ có vai trò rất quan trọng trong câu.

  Vì chúng có thể chỉ ra những sự vật, những thời điểm khó gọi thành tên, giúp người nghe, người đọc định vị được các sự vật, thời điểm ấy trong chuỗi sự vật hay trong dòng thời gian vô tận.

4. Có một số *chỉ định từ* sau: *Đó, ấy, kia, nọ, nay, này, đấy...*

Hãy điền vào những chỗ có dấu.... cho thích hợp trong đoạn văn sau:

... Hôm......, chúng tôi về thăm làng cổ Cổ Loa thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội.......là một cái làng quê rất cổ kính, nơi có đền thờ vua Thục An Dương Vương, có di tích Loa Thành nổi tiếng.... Đứng trên ngọ môn nhìn ra, chúng tôi thấy......là giếng Trọng Thủy........là am Bà chúa Mị Châu.

5. Cho các ***chỉ định từ***: *Ấy, đó, kia, nọ.*

- Đặt 4 câu có sử dụng các *chỉ định từ* trên để định vị sự vật trong không gian và trong thời gian?

Ví dụ: Hồi ấy, tôi vẫn còn nhớ câu chuyện cảm động *ấy* về người bạn *ấy*...

6. Cho các cụm từ: *Mùa hè 2002, công viên Nước Nhật Tân,...*

Đặt 1, 2 câu có các cụm từ trên có sử dụng các chỉ từ *ấy, đó, đây...*

Ví dụ: Mùa hè năm *nay*, lớp tôi tổ chức tham quan *công viên Nước Nhật Tân*. *Đó* là một kỉ niệm tuyệt vời. Vì các bạn trẻ, ai đã đến thăm, chơi công viên *ấy* một lần đều khó có thể quên.

- ***Lưu ý:***

Các *bài tập: 4, 5, 6* có thể cho H. làm ở nhà./.

Tiết 58
TẬP LÀM VĂN

Luyện tập
KỂ CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG

A. Kết quả cần đạt

1. H nắm vững hơn các đặc điểm của kể chuyện sáng tạo bằng tưởng tượng qua việc luyện tập xây dựng 01 dàn bài chi tiết.

2. Luyện các kỹ năng: *Tìm hiểu đề, tìm ý* (tưởng tượng, nhân hóa, so sánh...), trình bày thành một *dàn bài hoàn chỉnh*.

- ***Dự kiến về:***

Phương pháp, biện pháp,
Hình thức tổ chức giờ dạy học.

1. H được nhận đề trước 4 ngày, chuẩn bị dàn bài chi tiết ở nhà.
2. Trên lớp, cùng G xây dựng dàn bài mới tương đối đầy đủ hơn.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
DẪN VÀO BÀI

- G kiểm tra phần chuẩn bị của H và nêu yêu cầu của tiết học.

- Trong kể chuyện sáng tạo, vai trò của *tưởng tượng* như thế nào?

Hoạt động 2

GIAO ĐỀ BÀI LUYỆN TẬP

1. *H đọc lại đề bài luyện tập:*

Kể chuyện mười năm sau em trở lại thăm ngôi trường hiện nay em đang học.

2. *Yêu cầu cần đạt:*

a) Kiểu bài: Kể chuyện tưởng tượng.

b) Nội dung chủ yếu:

- Chuyến về thăm lại trường cũ sau mười năm.
- Cảm xúc, tâm trạng của em trong và sau chuyến thăm ấy.

c) *Lưu ý*:

Chuyện kể về thời tương lai nhưng không được tưởng tượng viển vông, lung tung mà cần căn cứ vào sự thật hiện tại.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN H. XÂY DỰNG DÀN BÀI CHI TIẾT

a) *Mở bài:*

- Mười năm nữa là năm nào? Năm ấy em bao nhiêu tuổi? Em vẫn đang đi học hay đã đi làm?
- Em về thăm trường cũ vào dịp nào? (Hội trường, khai giảng, 20 - 11, bế giảng, 22 - 12, 26 - 3...)

b) Thân bài:

- Tâm trạng trước khi về thăm: Bồn chồn, sốt ruột, bồi hồi, lo lắng...
- Cảnh trường, lớp sau mười năm xa cách có gì đổi thay, thêm, bớt? Cảnh các khu nhà, vườn hoa, sân tập, lớp học cũ...
- Gặp gỡ với các thầy, cô giáo cũ, mới như thế nào? Thầy dạy bộ môn, thầy chủ nhiệm, thầy, cô hiệu trưởng, bác bảo vệ, bác lao công phục vụ...

- Gặp gỡ các bạn cũ, những kỉ niệm bạn bè vụt nhớ lại, những lời hỏi thăm cuộc sống hiện nay, những hứa hẹn...

c) Kết bài:

- Phút chia tay lưu luyến...
- Ấn tượng sâu đậm về lần thăm trường ấy?

- ***Hướng dẫn cách thức tiến hành:***
  - G yêu cầu H trình bày dàn ý của bản thân theo từng mục, phần nhỏ, sau đó mới bổ sung, điều chỉnh.
  - Nếu còn thời gian, cho H viết thành văn từng phần, sau đó tự đọc lại và tự sửa chữa.

2. *Các đề bài bổ sung:*

- ***Yêu cầu H tìm ý.***

a) Thay lời một con vật (hoặc đồ vật) gần gũi với em để kể chuyện tình cảm giữa em và con vật hay đồ vật đó.

b) Thay ngôi kể để bộc lộ tâm tình của một nhân vật truyện cổ tích mà em yêu thích.

c) Tưởng tượng một đoạn kết mới cho một truyện cổ tích nào đó (chẳng hạn *Sọ Dừa, Cây bút thần*).

- ***Lưu ý:***
  - Nếu đã hết thời gian thì chuyển sang làm ở nhà.
  - Dưới đây là một vài gợi ý cho *đề c*:

  * *Đoạn kết mới* cho truyện *Cây bút thần*:

  - Mã Lương sau khi vẽ biển, đánh chìm thuyền rồng, tiêu diệt cả triều đình, cả bè lũ vua quan tham ác thì cũng bất ngờ bị sóng cuốn trôi dạt vào một hoang đảo.
  - Ở đây, Mã Lương lại dùng *cây bút thần* chiến đấu với thú dữ, trùng độc, với hoàn cảnh sống khắc nghiệt để tồn tại.

- Mã Lương tình cờ gặp một con tàu thám hiểm vòng quanh trái đất chạy qua, ghé đảo để trữ nước ngọt.
- Mã Lương được mời lên tàu, làm quen với nhà hàng hải nổi tiếng Magienlăng.
- Magienlăng mời Mã Lương đi cùng để vẽ những cảnh đẹp trên đường.
- Mã Lương sung sướng nhận lời.

Hoạt động 4

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

Chọn một trong các đề sau, lập dàn ý, sau đó viết thành bài hoàn chỉnh.

1. Góc học tập (hoặc con mèo tam thể) từng gắn bó với em nhiều năm, kể chuyện về mối quan hệ giữa em và nó.

2. Trong giấc mơ đêm qua, em đã gặp công chúa *Quỳnh Nga* - vợ chàng *Thạch Sanh* anh hùng.

Em hãy kể lại chuyện đó trong bức thư gửi một người bạn thân đang ở xa.

3. Sử dụng ngôi thứ nhất để kể lại truyện cổ tích "*Sọ Dừa*".

4. Nghĩ tiếp một cái *kết truyện mới* theo ý em, nối vào truyện"*Trầu cau*".

5. Đọc thêm bài tham khảo:

Con cò với truyện ngụ ngôn

của Đồng Xuân Lan (SGK, t. 140 - 141) .

Tiết 59
VĂN HỌC

CON HỔ CÓ NGHĨA

(Truyện trung đại)

Vũ Trinh

Hoàng Hưng dịch

A. Kết quả cần đạt

1. H. Nắm vững nội dung và ý nghĩa của truyện: Đề cao cái *nghĩa* (lòng biết ơn, nhớ ơn - một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp của con người), qua câu chuyện hai con hổ nhớ ơn, đền ơn con người.

2. - Cách kể giản dị, vừa mang tính chất truyền kì (yếu tố tưởng tượng và kì ảo có mức độ nhất định, không có phép thuật màu nhiệm, không để hổ nói được tiếng người...) vừa pha tính chất ngụ ngôn rút ra bài học đạo đức, lẽ sống một cách trực tiếp.

- Kết cấu gồm hai truyện nhỏ nối tiếp nhau cùng thể hiện một chủ đề.

3. *Tích hợp* với phần *Tiếng Việt* ở khái niệm: *Động từ và cụm động từ*, với phần *Tập làm văn* ở kỹ năng *kể chuyện tưởng tượng, sáng tạo.*

4. Tiếp tục rèn kỹ năng *kể chuyện sáng tạo.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

DẪN VÀO BÀI

- *G. nói chậm:*
  - "*Truyện trung đại*" là khái niệm dùng để chỉ những truyện ngắn, vừa, dài... được các tác giả sáng tác trong thời kì xã hội phong kiến (ở Việt Nam, từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX) bằng chữ Hán, Nôm. Thể loại truyện này có một số đặc điểm sau:
    + Chủ yếu là kể việc cho nên gần gũi với thể loại kí.

+ Có khi kể về người, việc có thật cho nên gần gũi với sử.

+ Mang tính chất giáo huấn đạo đức rõ nét nên gần với truyện ngụ ngôn.

+ Cốt truyện đơn giản, kể theo trật tự thời gian.

+ Nhân vật được thể hiện qua ngôn ngữ và hành động, tâm lí, tâm trạng còn đơn giản, sơ sài.

• Ba truyện ***"Con hổ có nghĩa"***,
"Mẹ hiền dạy con",
"Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng"

là những truyện thuộc loại này.

Hoạt động 2

HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ, TÌM HIỂU BỐ CỤC

1. G. hướng dẫn H. đọc, kể toàn truyện một lần.

Chú ý giọng đọc, kể gợi không khí li kì, cảm động.

2. H. tự giải thích các từ ngữ khó trong mục chú thích; lưu ý các từ: "*Nghĩa*","*Mỗ*".

3. *Bố cục, kết cấu*:

Truyện bao gồm 02 truyện nhỏ nối kết với nhau cùng thể hiện chủ đề:

a) Truyện con hổ và bà đỡ Trần ở Đông Triều.

b) Truyện con hổ thứ hai và bác tiều Mỗ ở Lạng Sơn.

Bởi vậy, có thể đặt lại nhan đề cho truyện là:

"*Hai (những) con hổ có nghĩa*",

hoặc "*Đền ơn đáp nghĩa*".

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

- G. Yêu cầu 02 H. kể tóm tắt nội dung 02 truyện (chỉ lược thuật những sự việc chính)

- ***Định hướng:***

- *Truyện 01*:

Bà đỡ Trần ở Đông Triều được hổ chồng mời đi đỡ đẻ cho hổ vợ. Xong việc, hổ chồng lại cõng bà ra cửa rừng và đền ơn 10 lạng bạc.

- *Truyện 02*:

Bác tiều Mỗ ở Lạng Sơn cứu hổ khỏi bị hóc xương được hổ đền ơn cả khi sống và khi đã chết.

- G. Tìm hiểu sự giống và khác nhau giữa hai truyện về cốt truyện, cách kể, ngôi kể, nhân vật, biện pháp nghệ thuật...?
- H. Phân tích, so sánh.

- ***Định hướng:***

a) Những điểm giống nhau:

- Về cốt truyện: Người giúp hổ thoát nạn, hổ biết ơn, đền ơn.
- Về cách kể, ngôi kể: Cách kể theo trật tự thời gian; ngôi kể thứ ba.
- Nhân vật: Hổ (nhân vật chính); Người (nhân vật phụ)
- Biện pháp nghệ thuật chủ yếu:

Nhân hóa, đối chiếu, tương ứng.

b) Những điểm khác nhau:

- *Ở truyện một*:

+ Bà đỡ Trần bị động, sợ hãi vì bị hổ chồng cõng đi đỡ đẻ cho hổ vợ.

+ Hổ đền ơn bà cục bạc trắng, giúp bà thoát khỏi nạn đói.

+ Người giúp vật khỏi chết, đem lại niềm vui, hạnh phúc đến cho vật, lại được vật trả ơn xứng đáng.

- *Ở truyện hai:*

+ Bác tiều Mỗ chủ động liều mình cứu hổ thoát chết vì hóc xương.

+ Hổ đền ơn bằng các loại thịt thú rừng.

+ Hổ thương tiếc bác, nhảy nhót trước mộ, gầm lên, chạy vài vòng quanh quan tài của bác.

+ So với truyện một, tình tiết trong truyện thứ hai tương đối phức tạp hơn.

▪ G. *hỏi:* Tại sao người viết dùng con hổ để nói chuyện cái *nghĩa* của con người? Nghệ thuật kể chuyện, lời kể có gì đặc sắc?

▪ H. Trao đổi, giải thích.

• ***Định hướng:***

- Nếu người viết dùng con dê, nai, gấu, voi... để nói chuyện nghĩa của con người thì đều ít tác dụng, không thể bằng dùng con hổ - chúa sơn lâm, nổi tiếng hung dữ, tàn bạo. Bởi câu chuyện tự nó toát lên ý nghĩa ngụ ngôn: Đến con hổ hung dữ còn có nghĩa, nặng nghĩa như thế. Còn con người?

- Truyện gồm hai truyện nhỏ có nhiều điểm tương ứng, được kể nối tiếp. Cách kể chuyện rất giản dị, theo trật tự thời gian, chủ yếu là kể việc, ngôn ngữ, đặc biệt là tâm trạng nhân vật rất sơ sài, được thể hiện qua hành động. Lời kể mộc mạc, mang tính chất ngụ ngôn, giáo huấn khá rõ.

- Người viết có dùng đến trí tưởng tượng, nhưng không thoát li nhiều so với thực tế, không đi quá xa. Ở đây, cả ba con hổ đều không biết nói, cười hay khóc lóc mà chỉ gầm, vẫy đuôi, nhỏ nước mắt. Cả hai người: Bà đỡ Trần, bác tiều đều sợ, ngại gần gũi hổ. Một người vì bị động, vì hổ vợ đang đau đẻ, người kia phải mượn rượu cho thêm dũng cảm. Chính cách kể, tả ấy làm cho truyện có vẻ gần gũi hơn, đáng tin hơn, mặc dù ai cũng biết đây hoàn toàn là những chuyện bịa đặt.

- G. Hãy tìm một, hai câu tục ngữ tương ứng?
- H. Tìm kiếm, đọc to trước lớp.

- ***Định hướng:***

- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

- Ăn một quả, trả cục vàng;
May túi ba gang mang đi mà đựng.

- Cứu vật, vật trả ân, cứu nhân, nhân trả oán.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT, LUYỆN TẬP

- H. Đọc mục *Ghi nhớ* (SGK, tr. 144).
- G. Kể ngắn gọn chuyện về *cụ Phan Bội Châu làm bia con chó Vá.*
  Nói qua ý nghĩa sâu xa, ám chỉ của truyện.

Tiết 60
TIẾNG VIỆT

ĐỘNG TỪ

A. Kết quả cần đạt

1. Củng cố và nâng cao những kiến thức đã học ở bậc Tiểu học về *động từ.*

- Đặc điểm của *động từ* và *một số loại động từ* quan trọng.

- Biết *sử dụng đúng động từ* khi nói, viết.

2. *Tích hợp* với phần *Văn* ở bài *Con hổ có nghĩa,* với phần *Tập làm văn* ở kiểu bài *kể chuyện tưởng tượng.*

3. Luyện kỹ năng *nhận biết, phân loại động từ, sử dụng đúng động từ và cụm động từ trong khi nói, viết.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU MỤC I: *ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỘNG TỪ*

1. ▪ G. *hỏi*: - Em còn nhớ được thế nào là *động từ?*

Cho một vài ví dụ?

▪ H. suy nghĩ, nhớ lại, trả lời.

▪ H. tìm các động từ trong các câu a, b, c.

Yêu cầu:

a) Đi, đến, ra, hỏi.

b) Lấy, làm, lễ.

c) Treo, có, xem, cười, bảo, bán, phải, để.

2. ▪ G. tóm tắt ý nghĩa khái quát của động từ; chỉ ra sự *khác biệt* giữa động từ và danh từ:

▪ H. tìm sự *khác biệt* giữa *danh từ* và *động từ*.

- ***Động từ** là loại từ chỉ hành động, trạng thái của sự vật.*

3.

• ***Danh từ:***

- Không kết hợp với các từ ***sẽ, đã, đang, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng...***

Ví dụ: Không thể nói, viết: hãy nhà, sẽ đất, đang cây, vẫn tay...

- Thường làm *chủ ngữ* trong câu.

- Khi làm vị ngữ phải có từ *là* đứng trước.

Ví dụ: Em *là* học sinh.

• ***Động từ:***

- Kết hợp được với các từ *sẽ, vẫn, đang, hãy, chớ, đừng...*

Ví dụ: Hãy học, vẫn làm, sẽ đi, đang đến.

- Thường làm *vị ngữ* trong câu: - Tôi học.

- *Không thể kết hợp* với các từ những, các, số từ, lượng từ...

    Ví dụ: Một làm, những đi...

- Khi động từ làm *chủ ngữ* (ít khi) thì nó *mất khả năng* kết hợp với các từ *sẽ, đang, vẫn, hãy, đừng, chớ...*

    Ví dụ: Học tập là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của học sinh.

Trong câu trên, động từ *học tập* làm chủ ngữ. Bởi vậy không thể thêm các từ *sẽ, đã, đang, hãy*.... kết hợp với động từ học tập.

4. H. nhắc lại nội dung mục *Ghi nhớ 1* (SGK, tr. 146).

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU MỤC II: CÁC LOẠI ĐỘNG TỪ CHÍNH

1. Sắp xếp các *động từ* sau vào bảng phân loại:

Buồn, chạy, cười, dám, đau, đi, định, đọc, đừng, gãy, ghét, hỏi, ngồi nhức, nứt, toan, vui, yêu.

a) *Thường đòi hỏi* động từ khác đi kèm phía sau:

- Dám, toan, đừng, định.
- Trả lời câu hỏi: *Làm sao? Thế nào?*

b) *Không đòi hỏi* động từ khác đi kèm phía sau:

- Đi, chạy cười, đọc, hỏi, ngồi, yêu, đứng, chạy.
- Trả lời câu hỏi: *Làm gì?*
- Buồn, gãy, ghét, đau, nhức, nứt, vui, yêu.
- Trả lời câu hỏi: *Làm sao? Thế nào?*

2. G. hướng dẫn H. tìm thêm mỗi loại động từ có đặc điểm trên 4 - 6 động từ khác, sắp xếp tiếp vào bảng hệ thống phân loại.

3. G. tóm tắt nội dung *Ghi nhớ 2* (SGK, tr. 146).

a) *Động từ tình thái* (thường đòi hỏi động từ khác đi kèm)

b) *Động từ chỉ hành động trạng thái* (không đòi hỏi động từ khác đi kèm).

b1. Động từ chỉ *hành động* (trả lời câu hỏi: *Làm gì?)*

b2. Động từ chỉ *trạng thái* (trả lời các câu hỏi: Làm sao? Thế nào?)

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP NGẮN

1. Tìm và phân loại các động từ trong truyện *Lợn cưới, áo mới.*

Yêu cầu:

a) Các động từ:

Có, khoe, may, đem ra, mặc, đứng, hóng, đợi, có, đi, khen, thấy, hỏi, tức, tức tối, chạy, chạy, giơ, bảo, mặc.

b) Phân loại:

- Động từ chỉ tình thái:

Mặc, có, may, mặc, khen, thấy, bảo, giơ.

- Động từ chỉ hành động, trạng thái:

Tức, tức tối, chạy, đứng, khen, đợi...

2. 3. Làm ở nhà./.

Tuần 16

BÀI 14 - 15

Tiết 61
TIẾNG VIỆT

CỤM ĐỘNG TỪ

A. Kết quả cần đạt

- *Giúp H. nắm vững:*

1. Khái niệm và cấu tạo của *cụm động từ.*
2. Rèn kĩ năng nhận biết và vận dụng *cụm động từ* khi nói, viết.
3. *Tích hợp* với văn bản truyện trung đại *Mẹ hiền dạy con* và *kể chuyện tưởng tượng, sáng tạo.*

B. Thiết kế bài dạy học.

Hoạt động 1
DẪN VÀO BÀI

- H. quan sát, so sánh 2 ví dụ sau:

  - **Đá** và *hay* **đá** *bóng.*

- G. *nêu vấn đề:*

  - **Đá** là động từ chỉ hành động; *hay* **đá** *bóng* là *cụm động từ.*

Vậy, *cụm động từ* là gì? Vai trò của nó như thế nào so với động từ?

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU:
CỤM ĐỘNG TỪ LÀ GÌ?

1. H tìm hiểu các từ *in đậm* trong câu văn xem nó bổ sung ý nghĩa cho động từ nào?

Yêu cầu:

- Đã, nhiều nơi: *Đi*.

- Cũng, những câu đố oái oăm: *Ra*.

2. Nếu *lược bỏ* các từ ngữ in đậm thì các từ bổ nghĩa trên trở nên *trơ vơ, không có chỗ bám víu*, trở nên thừa, hơn nữa, câu trở nên tối nghĩa hoặc vô nghĩa.

3. G hướng dẫn H tìm 1, 2 động từ, phát triển thành *cụm động từ*, đặt câu với cụm động từ ấy và rút ra nhận xét về hoạt động của *cụm động từ* so với động từ?

Yêu cầu:

- Ví dụ: - Động từ: *Cắt*.

- Phát triển thành cụm động từ: *Đang cắt cỏ ngoài đồng*.

- Đặt câu:	Na	*đang* ***cắt*** *cỏ ngoài đồng.*
	**Chủ ngữ*	**Vị ngữ**

- *Nhận xét:*

+ *Động từ làm vị ngữ* trong câu.

+ *Cụm động từ* cũng làm *vị ngữ* trong câu.

+ Suy ra:

Cụm động từ hoạt động trong câu như một động từ.

4. H nói lại nội dung mục *Ghi nhớ* 3 (SGK. tr. 148).

Hoạt động 3
TÌM HIỂU CẤU TẠO CỦA CỤM ĐỘNG TỪ

1. G. hướng dẫn H vẽ mô hình cụm động từ dựa vào mô hình của cụm danh từ:

Yêu cầu:

Phần phụ trước	Phần trung tâm	Phần phụ sau
t	T	S
cũng, còn, đã, đang, chưa, chẳng	tìm	được thấy, ngay câu trả lời

2. G. nói tóm tắt ý nghĩa của các *phụ ngữ trước, sau* của *phần trung tâm:* Động từ:

- Các *phụ ngữ trước* bổ sung cho động từ về các ý nghĩa:

  + Quan hệ thời gian,

  + Tiếp diễn tương tự,

  + Khuyến khích hoặc ngăn cản hành động,

  + Khẳng định hoặc phủ định hành động...

- Các *phụ ngữ sau* bổ sung cho động từ các chi tiết về:

  + Đối tượng, hướng, địa điểm,

  + Thời gian, mục đích, nguyên nhân,

  + Phương tiện và cách thức hành động.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. H. *tìm các cụm động từ* trong các câu:

a) - Còn đang đùa nghịch ở sau nhà.

b) - Yêu thương Mị Nương hết mực.

- Muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

c) - Đành tìm cách giữ sứ thần ở công quán.

- Để có thì giờ,

- Đi hỏi ý kiến em bé thông minh nọ.

2. Xếp các cụm động từ trên vào mô hình cụm động từ;

Phần phụ trước		Phần trung tâm		Phần phụ sau
t1	t2	T1	T2	
còn quấn	đang muốn đành để	đùa yêu kén tìm cách có đi	nghịch thương cho giữ	ở Mị Nương

3. Nêu ý nghĩa các *phụ ngữ in đậm*:

- Phụ ngữ *chưa* đứng trước các động từ: *biết, trả lời* mang ý nghĩa *phủ định tương đối.*
- Phụ ngữ *không* đứng trước các động từ: *biết, đáp* mang ý nghĩa *phủ định tuyệt đối.*
- Cả hai *phụ ngữ* đều cho thấy sự thông minh, nhanh trí của em bé; Cha chưa kịp nghĩ ra câu trả lời thì con đã đáp lại bằng một câu mà chính viên quan cũng không thể trả lời được.

4. Viết một câu trình bày ý nghĩa của truyện *Treo biển*. Chỉ ra các *cụm động từ* có trong câu văn đó.

Ví dụ:

Treo biển có ngụ ý khuyên răn người ta cần giữ vững quan điểm, chủ kiến của bản thân mặc dù vẫn cần lắng nghe ý kiến của mọi người.

* *Các cụm động từ:*

- *Có* ngụ ý khuyên răn người ta.
- Cần *giữ* vững quan điểm, chủ kiến của bản thân.
- Vẫn cần lắng *nghe* ý kiến của mọi người.

5. Cho các cụm động từ sau:

- *đang mưa rất to;*
- *sẽ học thật giỏi,*
- *nhất định phải giành thắng lợi trong trận ra quân quyết định này.*

Phát triển thành những câu văn hoàn chỉnh.

6. Điền vào chỗ trống những động từ hoặc cụm động từ phù hợp:

a) Một đêm nọ,...... tiếng......cửa, bà đỡ Trần.......cửa nhìn ra thì.........hết. Một lát.......con hổ chợt.......................bà đi.

b) Rồi hổ đực.................. gốc cây, tay......... một cục bạc.

c) Từ đó về sau, mỗi dịp ngày giỗ bác tiều, hổ lại............ đến để ở ngoài cửa nhà bác tiều.

7. Những động từ sau có thể thêm được phụ ngữ sau, phụ ngữ trước hay không? Giải thích vì sao?

a) bắt đền, cưới, hỏi, đi, đứng, chạy, đổ, rót, uống...

b) cười, khóc, yêu, giận, ghét, hi sinh...

• ***Lưu ý:***

- Các *bài tập 4, 5, 6, 7* có thể cho H. làm ở nhà./.

Tiết 62
VĂN HỌC

MẸ HIỀN DẠY CON
(Truyện trung đại)

(Trích "LIỆT NỮ TRUYỆN".
Theo "CỔ HỌC TINH HOA", quyển nhất.
Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc
và Tử An Trần Lê Nhân biên dịch,
NXB Vĩnh Thịnh, Hà Nội, 1953)

A. Kết quả cần đạt

1. Truyện ca ngợi bà mẹ Mạnh Tử - tấm gương sáng về tình thương và cách dạy con. Đó là:

- Tạo cho con môi trường sống phù hợp, tốt đẹp.
- Dạy con, giáo dục con bằng lời nói trung thực, bằng hành động, việc làm, bằng chính tấm gương của bản thân mình.

2. Cách kể chuyện rất giản dị, hàm súc, từng chi tiết đều có ý nghĩa sâu sắc. Kết cấu truyện rất đơn giản, mạch lạc, bài học được rút ra nhẹ nhàng mà thấm thía.

3. *Tích hợp* với phân môn *Tiếng Việt* ở khái niệm: *Tính từ và cụm tính từ*, với phân môn *Tập làm văn* ở các *kỹ năng viết bài văn kể chuyện* sáng tạo ngắn.

4. Tiếp tục rèn luyện kỹ năng *kể chuyện sáng tạo.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
TỔ CHỨC KIỂM TRA BÀI CŨ
(HÌNH THỨC VẤN ĐÁP)

- ***Câu hỏi 01:***
  - Kể lại truyện *Con hổ có nghĩa?*
  - Cảm nhận của em về con hổ, người kiếm củi tên *Mỗ* và về bà đỡ Trần?
- ***Câu hỏi 02:***
  - Kể lại truyện *Con hổ có nghĩa* với ngôi kể thứ nhất: Bà đỡ Trần?
  - Bố cục, kết cấu của truyện đặc sắc ở điểm nào?
- ***Câu hỏi 03:***
  - Kể lại truyện *Con hổ có nghĩa* với *ngôi kể thứ nhất*: Người tiều phu ở huyện Lạng Giang?
  - Theo em, tại sao tác giả không chọn con vật có nghĩa là con sói, sư tử, voi, gấu... mà lại chọn *con hổ*?

Hoạt động 2

DẪN VÀO BÀI

▪ G. nói chậm:

Là người mẹ, ai chẳng nặng lòng thương yêu con, mong muốn con nên người. Nhưng khó hơn nhiều là cần biết cách dạy con, giáo dục con sao cho có hiệu quả. Mạnh Tử (Trung Quốc cổ đại) - người nối theo Khổng Tử phát triển và hoàn chỉnh Nho giáo - sở dĩ trở thành một bậc *đại hiền* chính là nhờ công lao giáo dục, dạy dỗ của bà mẹ - cũng có thể nói là một bậc *đại hiền*.

Hoạt động 3

HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ VÀ TÌM HIỂU BỐ CỤC TRUYỆN

1. G. cùng 3 đến 4 H. đọc và kể lại truyện.

Yêu cầu lời kể ngắn gọn, giọng kể, giọng bà mẹ khi nói với mình, khi nói với con.

2. Giải thích các *từ khó* trong mục *chú thích*.

▪ H. tìm một số từ đồng âm "*tử*":

- *Tử* nghĩa là thầy: Mạnh Tử, Khổng Tử.
- *Tử* nghĩa là con: Thiên tử (con trời), phụ tử (cha con).
- *Tử* nghĩa là chết: Bất tử (không chết),tử sĩ (người chết, lính chết).
- *Tử* nghĩa là một phần rất nhỏ của vật chất: Nguyên tử, phân tử.

3. *Bố cục* truyện: Tuy rất ngắn, nhưng truyện kể theo mạch thời gian và sự việc. Có 05 sự việc chính liên quan đến hai mẹ con, kết thành cốt truyện:

▪ G. hướng dẫn H. tìm hiểu bảng hệ thống câm (SGK. tr.152), điền nội dung thích hợp vào từng ô.

- ***Sự việc 01:***
  - Con - Mạnh Tử: *Bắt chước* đào, chôn, lăn, khóc.
    (Môi trường không phù hợp)
  - Mẹ: *Chuyển nhà* từ gần nghĩa địa đến gần chợ.
    (Môi trường không phù hợp)
- ***Sự việc 02:***
  - Con: *Bắt chước* nô, nghịch, buôn bán điên đảo.
    (Môi trường không phù hợp)
  - Mẹ: *Chuyển nhà* từ gần chợ đến gần trường học.
    (Môi trường phù hợp).
- ***Sự việc 03:***
  - Con: *Bắt chước* học tập lễ phép.
    (Môi trường phù hợp)
  - Mẹ: Vui lòng.
- ***Sự việc 04:***
  - Con: Tò mò hỏi mẹ: Hàng xóm giết lợn để làm gì?
  - Mẹ: Nói lỡ lời; sửa chữa ngay bằng hành động mua thịt cho con ăn.
    (Lời nói phải đi đôi với việc làm)
- ***Sự việc 05:***
  - Con: Bỏ học, về nhà.
    (Thói quen của trẻ; ham chơi hơn ham học)
  - Mẹ: Cắt đứt tấm vải đang dệt.
    (Tạo hành động so sánh để con tự rút ra bài học)
- ***Kết quả:***
  - Con: Học hành chăm chỉ, lớn lên thành thầy Mạnh nổi danh đại hiền.
  - Mẹ: Mẹ hiền nổi tiếng dạy con.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU, PHÂN TÍCH CHI TIẾT

- G. *hỏi:*
  - Vì sao cậu bé (Mạnh Tử hồi nhỏ) cứ ở đâu lại bắt chước cách sống của những người ở đó?
  - Vì sao bà mẹ Mạnh Tử lại phải quyết tâm chuyển nhà đến hai lần?
  - Từ đó có thể nói gì về vai trò của *môi trường sống* đối với việc *giáo dục trẻ em*?
- H. Thảo luận, phân tích, phát biểu.
- ***Định hướng:***
  - Tâm hồn trẻ ngây thơ, trong trắng như tờ giấy trắng. Trẻ lại có thói quen rất thích bắt chước, làm theo. Tư duy độc lập chưa phát triển nên các em chưa phân biệt được tốt, xấu, hay, dở. Bởi vậy khi Mạnh Tử sống gần nghĩa địa thì thích *bắt chước* cảnh đào, chôn, lăn, khóc; khi sống gần chợ lại hay *chơi* trò buôn bán điên đảo.
  - Tuy đó chỉ là những *hành động bắt chước, rập khuôn*, làm theo vô ý thức, những *trò chơi* của trẻ, nhưng nếu cứ kéo dài, cứ lặp đi lặp lại mãi dần dần sẽ *tập nhiễm, sẽ thành thói quen*, sẽ *thành tính cách* con người rất khó đổi thay.
  - Sớm hiểu rõ điều nguy hiểm ấy, nên bà mẹ Mạnh Tử, vì thương và lo lắng cho tương lai của con trai đã phải chuyển chỗ ở tới hai lần.
  - *Lần thứ nhất*, môi trường mới vẫn chưa phù hợp. Cậu bé không chơi đào, chôn, lăn, khóc nữa thì lại học cách buôn bán điên đảo còn nguy hại hơn.
  - Sau *lần thứ hai*, tới gần trường học mới đúng là chỗ ở thích hợp với cậu bé. Điều đó chứng tỏ vai trò của *môi trường sống tác động sâu sắc* như thế nào *tới sự phát triển của trẻ em, của con người.*
  - Nhưng tại sao bà mẹ không dùng cách khuyên răn hay nghiêm khắc cấm con trai không được học theo cái dở, cái xấu mà lại chọn cách chuyển nhà vừa phức tạp vừa tốn kém hơn?

Điều đó lại càng chứng tỏ bà đã *ý thức được rất sâu sắc ảnh hưởng của môi trường, của hoàn cảnh sống đến con người.*

- Để ngăn ngừa triệt để, từ xa, để tạo cho con có thể phát triển đúng hướng, phương pháp giáo dục tối ưu đầu tiên là đưa đối tượng giáo dục hòa vào môi trường sống phù hợp với nó trong thời gian sớm nhất.

▪ H. Tìm, đọc câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự.

• ***Định hướng:***

Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng; Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài; Đi với bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy.

▪ G. - Ý nghĩa sự việc thứ tư? Đối với mẹ? Đối với con?

- Có thể nói đó là việc làm cầu kì hay nuông chiều con quá đáng của bà mẹ?

▪ H. Phát biểu, thảo luận tự do.

• ***Định hướng:***

- Đó là một việc nhỏ, thậm chí rất nhỏ:

  Một lời nói vô tình, một câu nói đùa của mẹ với con, điều thường xuyên xảy ra trong cuộc sống gia đình tưởng chừng như chẳng có ý nghĩa gì. Vậy mà bà mẹ Mạnh Tử lại sớm nhận ra ngay sai lầm về phương pháp dạy con của mình.

- Suy nghĩ của bà thật sâu sắc, thấu lí đạt tình. Vô tình, bà đã dạy con nói dối, dạy con tính thiếu trung thực, lời nói không đi đôi với việc làm.

- Bởi vậy, bà lập tức sửa chữa ngay bằng cách mua thịt cho con ăn. Nghèo như thế mà vẫn làm vậy, chứng tỏ bà ý thức rất rõ đây là việc làm rất cần thiết, có thể lãng phí, "*hoang*" một chút, nhưng bù lại, sẽ được rất nhiều: Uy tín với con, tính trung thực sẽ được củng cố và phát triển trong tâm hồn con trai.

- Và tất nhiên, đây chẳng qua chỉ là hành động bắt buộc, "*chữa cháy*", hoàn toàn không có ý nghĩa nuông chiều con một cách quá đáng, vô lối như một số bà mẹ vẫn làm. Bà mẹ vô tình đã nói dối con, mặc dù đó là câu nói rất nhỏ và cũng chẳng quan trọng gì. Mua thịt về cho con ăn, bà đã *làm cho lời nói dối trở thành lời nói thật.*
- Đối với đứa con, trẻ em tuổi này chưa phân biệt được đâu là nói thật, đâu nói đùa, nhất là nói đến chuyện ăn uống ở những gia đình nghèo.
- Bài học rút ra với các bà mẹ, là khi nói năng, chuyện trò với con cái cũng không thể tùy tiện, nhất là *mỗi khi hứa với con một điều gì*, dù rất nhỏ. Muốn con thành người thật thà, trung thực, ghét giả dối, lời nói đi đôi với việc làm... thì trước hết, mẹ cũng phải luôn là người như vậy trong mắt con.

▪ H. Tìm, đọc một số câu thành ngữ, tục ngữ có ý nghĩa tương tự.

• ***Định hướng:***

Lời nói đi đôi với việc làm.

Nói đâu làm đấy.

Nói một làm một. Nói một làm hai.

Nói một đằng làm một nẻo.

Trăm voi không được bát nước xáo.

Hứa hươu hứa vượn.

Hứa hão hứa huyền...

▪ G. - Ý nghĩa giáo dục của hành động đột ngột của bà mẹ Mạnh Tử khi cậu bỏ học về nhà?

- Tại sao bà phải chọn biện pháp quyết liệt như vậy?

▪ H. Phân tích, thảo luận, phát biểu tự do.

- ***Định hướng:***
  - Làm thế nào để con trai thấm thía sâu sắc bài học bỏ học đi chơi?

    Bà mẹ không muốn giảng giải dài dòng hay khuyên ngăn bằng những lời lẽ chung chung hoặc chửi bới, thậm chí đánh đập. Bấy nhiêu biện pháp quen thuộc ấy dễ chẳng có mấy tác dụng, rồi có khi cũng chỉ như *nước đổ đầu vịt* mà thôi!
  - Bởi vậy, bà mẹ thông minh, hiền từ mà nghiêm khắc ấy đã chọn một biện pháp thật quyết liệt và bất ngờ: Dùng dao cắt đứt tấm vải mình đang dệt. Hành động lạ thường này nhất định tác động mạnh mẽ tới đứa con. Nhưng có lẽ nó sẽ cho là bà "*làm sao ấy*", nếu như bà không nói gì. Lời nói của bà mẹ là để giải thích việc làm khác thường của mình, đồng thời cho con một bài học sâu sắc, lời phê bình nghiêm khắc về khuyết điểm con vừa mắc phải.
  - Tuy nhiên, cái thông minh, thâm thúy, kín đáo, tế nhị và khéo léo của bà mẹ là ở chỗ, bà *dùng so sánh, ẩn dụ* chứ *không hề nói thẳng ra. Nhưng so sánh của bà thật mạnh mẽ, dứt khoát*. Chắc hẳn cậu bé Mạnh Tử phải giật mình, choáng người, vừa sợ, vừa kính yêu, cảm phục mẹ mình. Chắc hẳn từ nay, cậu không bao giờ dám bỏ học nữa.

▪ G. - Cảm nhận của em về bà mẹ Mạnh Tử?

  - Bà là người mẹ như thế nào?
  - Có thể rút ra những bài học gì về phương pháp giáo dục con cái, trẻ em của nhà giáo dục cổ đại Trung Hoa ấy?

▪ H. Phát biểu tự do.

- ***Định hướng:***
  - Có thể nói bà mẹ Mạnh Tử là một người mẹ tuyệt vời thông minh, khéo léo, tinh tế, cương quyết trong việc dạy dỗ, giáo dục con cái. Hiệu quả giáo dục của bà thật to lớn. Con trai bà - Mạnh Tử lớn lên thành bậc đại hiền. Công của bà thật không nhỏ.

Mấy bài học cần thiết được rút ra từ phương pháp dạy con của bà là:

+ Kết hợp hài hòa, tự nhiên giữa tình thương yêu con và hiểu biết, tâm lí của con trẻ.
+ Hiểu rõ tâm lí và thói quen của trẻ.
+ Tạo môi trường giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục.
+ Kiên trì, khéo léo, lời nói đi đôi với việc làm.
+ Giáo dục bằng nêu gương, bằng hành động.
+ Vừa dịu dàng vừa kiên quyết...
+ Bà mẹ Mạnh Tử quả thật là nhà giáo dục - người mẹ hiếm có.

Hoạt động 5

HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT VÀ LUYỆN TẬP

1. H. nói lại nội dung mục "*Ghi nhớ*" (SGK. tr.153)

2. Phát biểu suy nghĩ của con về hành động *cắt đứt tấm vải đang dệt* của bà mẹ Mạnh Tử?

3. Tìm, đọc một số câu thành ngữ, tục ngữ có nội dung tương ứng với câu chuyện? (*Nói dễ làm khó. Nói sao làm vậy...*)

4. Phân loại và giải nghĩa các từ "***tử***" trong các từ sau:

Công tử, hoàng tử, phần tử, tử tôn, quân tử...

5. Soạn bài: *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.* (tuần 16).

Tiết 63
TIẾNG VIỆT

TÍNH TỪ *VÀ* CỤM TÍNH TỪ

A. Kết quả cần đạt

1. - Nắm được *đặc điểm của tính từ và một số loại tính từ* cơ bản.

- Nắm được *cấu tạo của cụm tính từ.*
- Củng cố và phát triển các kiến thức đã học ở bậc Tiểu học về *tính từ*, ở các bài đã học về cụm từ, phần trước, phần sau, các loại phụ ngữ.

2. *Tích hợp* với phần *Văn* ở bài truyện trung đại: *Mẹ hiền dạy con,* với phần *Tập làm văn* là: kể chuyện tưởng tượng.

3. Luyện kỹ năng *nhận biết, phân loại, phân tích tính từ và cụm tính từ, sử dụng tính từ và cụm tính từ để đặt câu, dựng đoạn.*

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
HƯỚNG DẪN TÌM ĐẶC ĐIỂM CỦA TÍNH TỪ

1. H. tìm *tính từ* trong các câu sau:

a) bé, oai.

b) nhạt, vàng hoe, vàng lịm, vàng ối, vàng tươi.

2. G. hướng dẫn H tìm thêm các tính từ chỉ màu sắc, mùi vị, hoặc hình dáng khác:

Ví dụ:

- Chỉ *màu sắc*: Xanh, đỏ, trắng, tím, đen, xám, lục...
- Chỉ *mùi vị*: Chua, cay, mặn, ngọt, chát, bùi, thơm, đắng...
- Chỉ *hình dáng*: gày gò, phốp pháp, liêu xiêu, lừ đừ, thoăn thoắt...

3. H *so sánh* giữa *tính từ* với *động từ*, về:

a) Khả năng kết hợp với các từ:

Đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy đừng, chớ:

- *Động từ kết hợp được.*

Ví dụ: đã, sẽ, hãy, đừng + *học.*

- *Tính từ cũng có khả năng kết hợp được* với:

Đã, sẽ, đang, cũng, vẫn... như động từ.

- *Tính từ kết hợp với*:

Hãy, đừng, chớ... *hạn chế* nhiều so với động từ.

Ví dụ: Không thể nói:

Hãy bùi, chớ chua, đừng thoăn thoắt...

Nhưng cũng có khi nói:

Đừng xanh (như lá), đừng bạc (như vôi).

b) *Khả năng làm vị ngữ* trong câu:

- *Động từ làm vị ngữ là phổ biến.*

Ví dụ: Bé ngã.

(Động từ *ngã* làm vị ngữ trong câu)

- *Tính từ làm vị ngữ trong câu hạn chế hơn.*

Ví dụ: Bé chăm.

(Chưa phải là một câu mà mới là một ngữ - một cụm từ.

- Muốn thành *câu có vị ngữ* là tính từ ***chăm*** cần thêm chỉ định từ: *này, ấy...*)

c) *Về khả năng làm chủ ngữ* trong câu:

- *Tính từ và động từ như nhau.*

- H. nói lại nội dung mục *Ghi nhớ 1* (SGK, tr. 154).
- G. *chốt* lại 4 điểm chính:
  - Về ý nghĩa:

    Tính từ là những từ chỉ tính chất, đặc điểm.
  - Về khả năng kết hợp với *đã, sẽ, đang, cũng, vẫn...* để thành *cụm tính từ.*
  - Về khả năng kết hợp với *hãy, đừng, chớ...* rất hạn chế.
  - Về chức vụ ngữ pháp trong câu:

    + Làm chủ ngữ,

    + Làm vị ngữ (hạn chế hơn động từ.)

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÁC LOẠI TÍNH TỪ

1. H so sánh, tìm hiểu giải thích trong các ví dụ trên các tính từ có khả năng kết hợp được với các từ chỉ mức độ:

Rất, hơi, lắm, quá, khá...

Ví dụ: - Bé quá, rất bé.

- Oai lắm, rất oai.
- Từ không thể kết hợp: Vàng.

2. Giải thích:

Vì: - *Bé, oai* là những *tính từ chỉ đặc điểm tương đối.*

- *Vàng* là *tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối.*
- Tính từ tương đối *có thể kết hợp.*
- Tính từ tuyệt đối *không thể* kết hợp.

3. H nhắc lại mục *Ghi nhớ 2* (SGK, tr. 154).

- G. *chốt* lại:
  - Nếu dựa vào khả năng kết hợp và ý nghĩa để phân loại thì có 2 loại tính từ:
  - Tính từ chỉ đặc điểm tương đối:

    Có khả năng kết hợp với các từ chỉ mức độ:

    Rất, hơi, lắm quá, khá...
  - Tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối:

    Không có khả năng trên.

Hoạt động 3
TÌM HIỂU CẤU TẠO CỦA CỤM TÍNH TỪ

1. Vẽ mô hình cấu tạo của *cụm tính từ in đậm* trong câu:

Mô hình cụm tính từ

*t1	*t2	*T1	*T2	*s1	*s2
vốn đã	rất	yên tĩnh nhỏ sáng		lại vằng vặc	ở trên không

2. G. *hỏi:*

- Các phụ ngữ đứng trước chỉ cái gì? Tìm thêm ví dụ?
- Các phụ ngữ đứng sau chỉ cái gì? Cho thêm ví dụ?

▪ H. phát biểu, tìm kiếm.

3. G. nói lại nội dung chính của mục *Ghi nhớ* 3 (SGK, tr. 155).

- Một cụm tính từ đầy đủ cũng có cấu tạo tương tự như cụm danh từ hoặc cụm động từ. Nghĩa là cụm tính từ cung gồm 3 phần:

  + Phần *trước*, gồm những phụ ngữ;

  + Phần *sau* bao gồm những phụ ngữ;

  + Phần *trung tâm* là *tính từ.*

- Phụ ngữ đứng trước chỉ:

  Quan hệ thời gian, tiếp diễn tương tự, mức độ, đặc điểm, tính chất, sự khẳng định hay phủ định...

- Các phụ ngữ ở phần sau có thể biểu thị:

  Vị trí, sự so sánh, mức độ, phạm vi hay nguyên nhân của đặc điểm, tính chất....

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Các cụm tính từ trong 5 câu sau:

a) *sun sun* như con đỉa,

b) *chần chẫn* như cái đòn càn,

c) *bè bè* như cái quạt thóc,

d) *sừng sững* như cái cột đình,

đ) *tun tủn* như cái chổi sể cùn.

2. Tác dụng của việc dùng các tính từ và phụ ngữ trong 5 câu trên;

- Các tính từ trên đều là những *từ láy tượng hình*, gợi hình ảnh.
- Hình ảnh mà các từ láy đó gợi ra đều là những sự vật tầm thường, không giúp cho việc nhận thức một sự vật lớn lao, mới mẻ như con *voi*.
- Đặc điểm chung của 5 ông thầy bói:

  Nhận thức hạn hẹp, chủ quan.

3. Các *tính từ* và *động từ* được dùng để chỉ thái độ của *biển cả* khi ông lão đánh cá 5 lần ra biển cầu xin theo lệnh mụ vợ tham, ác:

a) gợn sóng êm ả,

b) nổi sóng,

c) nổi sóng dữ dội,

d) nổi sóng mù mịt,

e) giông tố kinh khủng kéo đến.

Các động từ và tính từ được sử dụng theo chiều hướng *tăng cấp mạnh dần lên*, dữ dội hơn.... để biểu hiện sự thay đổi của Cá Vàng trước những đòi hỏi ngày một quá quắt của mụ vợ ông lão.

4. Quá trình thay đổi từ *không* đến *có*, rồi lại từ có trở lại *không* trong đời sống của vợ chồng ông lão đánh cá được thể hiện trong cách dùng các động từ và tính từ:

a) - cái máng lợn đã *sứt*,

- cái máng lợn *mới*,
- cái máng lợn *sứt* mẻ.

b) - một túp lều *nát*,

- một ngôi nhà *đẹp*,
- một tòa lâu đài *to lớn*,
- một cung điện *nguy nga*,

- túp lều *nát* ngày xưa.

+ Các tính từ thay đổi nhiều lần theo chiều hướng tốt đẹp, sang trọng hơn nhưng cuối cùng lại trở về như ban đầu.
+ Quá trình *luẩn quẩn* và sự trừng phạt của Cá Vàng đối với lòng tham lam bạc ác của mụ vợ ông lão:

- sứt mẻ - sứt mẻ.
- nát - nát.

5. Cho các tính từ:

Xanh, đỏ, vàng, trắng, tím...

- Phát triển 5 thành các cụm tính từ.
- Đặt thành câu.
- Sắp xếp vào mô hình cụm tính từ.

6. Có các cụm tính từ sau:

- *rất xanh, rất vàng, rất đỏ, rất gầy,*
- *hãy to, hãy đỏ, hãy xanh, đừng vàng...*

Các kết hợp nào *không* hoặc *khó* xảy ra? Vì sao?./.

Tiết 64
TẬP LÀM VĂN

TRẢ BÀI
TẬP LÀM VĂN
Số 03:
(Tuần 13, Bài12, *Tiết 49 - 50):*
KỂ CHUYỆN ĐỜI THƯỜNG

A. Kết quả cần đạt

1. Đánh giá mức độ chân thật và sáng tạo của H qua bài viết hoàn chỉnh tại lớp.

2. H tiếp tục rèn kỹ năng tự sửa chữa bài viết của bản thân, nhận xét bài viết của bạn.

• *Dự kiến về*

Phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức dạy học

1. Trả bài trước cho H 4, 5 ngày. H đọc kỹ bài viết của mình và lời phê, sửa chữa của G, tự chữa bằng bút chì, đặc biệt suy nghĩ về mức độ tưởng tượng, sáng tạo trong bài viết của mình.
2. Trên lớp, G nhận xét chung, chữa một số lỗi cơ bản, phổ biến, cùng H đọc, bình bài hay, đoạn hay.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1
DẪN VÀO BÀI

- G kiểm tra sự chữa bài của H.
- Nêu yêu cầu của tiết học, *chiếu hắt* đề bài cùng yêu cầu về nội dung và hình thức lên màn hình.
- *Hỏi*: Bài *kể chuyện đời thường* có những yêu cầu và đặc điểm gì?

Hoạt động 2
G NHẬN XÉT CHUNG VỀ ƯU, NHƯỢC ĐIỂM TRONG CÁC BÀI LÀM CỦA H

• ***Lưu ý nhiều hơn đến các yếu tố đời thường trong nội dung câu chuyện , các tìm tòi, sáng tạo trong cách kể, lời kể.***

1. Bố cục bài viết có gì mới mẻ? Phần Mở? Thân? Kết?
2. Sử dụng ngôi kể thứ nhất? Thứ 3? Hay xen kẽ?
3. Cách kể, thứ tự kể có gì đặc sắc?
4. Sử dụng bao nhiêu *nhân hóa, so sánh*... như thế nào?

Hoạt động 3

G. chữa một số lỗi tiêu biểu, phổ biến, uốn nắn, điều chỉnh những tưởng tượng lệch lạc, không có căn cứ của H.

Hoạt động 4

H. đọc bài, đoạn văn hay, có sáng tạo riêng đáng ghi nhận, G và H cùng nhận xét, bình giảng ngắn.

Hoạt động 5

G. đọc một bài tham khảo sưu tầm trong sách báo của các cây bút chuyên nghiệp.

Hoạt động 6

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP Ở NHÀ

1. H tiếp tục chữa, hoàn chỉnh bài đã trả.

2. Chuẩn bị tiếp dàn ý cho một đề ở *bài 13.*/.

Tuần 17

BÀI 15

Tiết 65
VĂN HỌC

THẦY THUỐC GIỎI CỐT NHẤT Ở TẤM LÒNG
(Truyện trung đại)

HỒ NGUYÊN TRỪNG
Trích NAM ÔNG MỘNG LỤC;
Ưu Đàm - La Sơn dịch, chú giải,
NXB Văn học, Hà Nội, 1999.

A. Kết quả cần đạt

- ***Giúp H hiểu và cảm phục:***

1. Phẩm chất cao quí, đẹp đẽ của người thầy thuốc chân chính: Lương y Phạm Bân, cụ tổ bên ngoại của tác giả: Nguyên Tả tướng quốc Hồ Nguyên Trừng. Đó là bậc lương y chẳng những đã giỏi về nghề nghiệp mà quan trọng hơn là có lòng nhân đức, thương xót và đã đặt sinh mạng của đám *dân đen, con đỏ* (người dân thường) lúc ốm đau lên trên tất cả. Người thầy thuốc chân chính trước hết cần có lòng nhân ái, khoan dung, có bản lĩnh kết hợp với chuyên môn tinh thông, sâu sắc.
2. *Truyện - kí trung đại* viết bằng chữ Hán, kể chuyện người thật, việc thật một cách gọn gàng, chặt chẽ mang tính giáo huấn rất đậm nhưng cũng có phẩm chất nghệ thuật của một tác phẩm văn chương.
3. *Tích hợp* với phần *Tiếng Việt ở cách đọc, viết các từ, tiếng địa phương*, với phần *Tập làm văn* ở kỹ năng *kể chuyện tưởng tượng, sáng tạo trong một cuộc thi* nhỏ ở lớp, khối.

4. Rèn luyện kỹ năng *tập kể chuyện sáng tạo* dựa trên một câu chuyện đã được đọc, được nghe.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

TỔ CHỨC KIỂM TRA BÀI CŨ
(HÌNH THỨC VẤN ĐÁP)

- ***Câu hỏi 1:***
  - Kể lại truyện *Mẹ hiền dạy con* với *ngôi kể thứ nhất* trong vai *bà mẹ*?
  - Vì sao nói bà mẹ Mạnh Tử cũng là một bậc *đại hiền?*
  - Có người cho rằng, bà mẹ vừa quá nuông chiều vừa quá nghiêm khắc với con trai, thật chẳng có gì đáng nêu gương. Có phải vậy không? Theo ý em?
- ***Câu hỏi 2:***
  - Kể lại truyện *Mẹ hiền dạy con* với *ngôi kể thứ nhất* trong vai *Mạnh Tử*?
  - Nhờ đâu Mạnh Tử đã trở thành một bậc *đại hiền*, một vị *đại nho?*
- ***Câu hỏi 3:***
  - Theo em, tác giả viết truyện này nhằm mục đích gì?
  - Có ý kiến cho rằng, mục đích của truyện là để đề cao mẹ Mạnh Tử, qua đó đề cao, ca ngợi Mạnh Tử là chủ yếu?
  - Ý kiến của em?
  - Nghệ thuật kể chuyện ở đây có gì đặc sắc?
  - Các chi tiết, sự việc trong truyện đóng vai trò như thế nào?

* *Lưu ý*:

Giáo viên có thể sử dụng cả 3 câu hỏi, cũng có thể chỉ sử dụng 1, hoặc 2 câu tùy theo tình hình học sinh và thời gian cụ thể cho phép.

Hoạt động 2
DẪN VÀO BÀI MỚI

1. G. *hỏi:*

Ở *phần Tập làm văn của bài 4*, chúng ta đã học một câu chuyện có nội dung tương tự. Em nào còn nhớ đó là chuyện gì? Hãy kể lại tóm tắt?

2. H. nhớ lại, trả lời và kể chuyện.

3. G. *nhận xét và bổ sung*:

Rõ ràng, nội dung truyện *đại danh y Tuệ Tĩnh* đời Trần với truyện *thầy thuốc Phạm Bân* cũng ở cuối đời Trần có nhiều điểm tương đồng thú vị, nhưng chắc cũng có không ít điểm khác nhau. Trong và sau khi tìm hiểu truyện của Hồ Nguyên Trừng, chúng ta sẽ thử so sánh, đối chiếu với truyện ấy xem sao?

Hoạt động 2
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU TÁC GIẢ
ĐỌC, KỂ, GIẢI THÍCH TỪ KHÓ
VÀ PHÂN TÍCH BỐ CỤC

1. *Tìm hiểu tác giả Hồ Nguyên Trừng và hoàn cảnh sáng tác của truyện:*

- H. Theo chú thích (*) (SGK, tr. 163) và những hiểu biết lịch sử đời Trần - Hồ, nói những hiểu biết của bản thân về Hồ Nguyên Trừng và hoàn cảnh sáng tác của *Nam Ông mộng lục*.
- G. nhận xét, bổ sung:
  - *Nam Ông mộng lục* (Nam Ông là tên hiệu- bút danh của tác giả) là tập truyện - kí được viết bằng chữ Hán, trong thời gian Hồ Nguyên Trừng sống lưu vong ở Trung Quốc sau khi bị bắt.
  - Khác với đoạn trích *truyện - kí lịch sử* của Quỳnh Cư viết về Tuệ Tĩnh bằng hình thức và bút pháp hiện đại.

2. *Giải thích từ khó*:

- H. cần đọc kỹ và cố gắng hiểu *17 chú thích* trong (SGK, tr. 164).
- Trên lớp, G. có thể kiểm tra lại 2, 3 từ bất kì.

3. *Hướng dẫn đọc - kể tóm tắt:*

- Yêu cầu đọc, kể tóm tắt:
  + Giọng chậm rãi, rõ lời đối thoại của các nhân vật, đặc biệt giọng điềm tĩnh, nhưng cương quyết của Phạm Bân và giọng thay đổi của viên *trung sứ* từ lạnh lùng đến tức giận; giọng mừng rỡ của Trần Anh Vương.
  + Kể theo bố cục của truyện, lược bớt đối thoại, hoặc chuyển lời đối thoại trực tiếp thành lời kể chuyện.
- G. cùng 4 H. đọc - kể tóm tắt truyện.

4. *Tìm hiểu bố cục:*

- G. *hỏi*:

  - Tác giả kể chuyện theo trình tự nào? Vì sao em biết?

  - Có thể phân tích bố cục của truyện như thế nào?
- H. phát biểu cách phân chia của mình.
- G. *định hướng*:
  - Truyện kể theo *mạch thẳng*, theo trình tự thời gian, lần lượt các sự việc xảy ra trước, kể trước, xảy ra sau, kể sau.
  - Toàn truyện có thể chia làm 3 đoạn:

a) Mở truyện:

- ... đương thời trọng vọng.

  Giới thiệu mấy nét về tên họ, chức vụ, công đức của cụ lương y.

b) *Một lần.... lòng ta mong mỏi.*

Diễn biến câu chuyện qua một tình huống gay cấn, thử thách.

c) Kết truyện:

Hạnh phúc chân chính lâu dài của gia đình vị lương y.

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU, PHÂN TÍCH CHI TIẾT ĐOẠN MỞ ĐẦU

1. G. *nêu vấn đề*:

- Tác giả giới thiệu vị lương y bằng giọng điệu, lời văn như thế nào? Vì sao lại như vậy?
- Vị lương y họ Phạm vì sao được người đương thời trọng vọng?
- Giải thích từ *trọng vọng*?
- Có thể thay bằng những từ đồng nghĩa, gần nghĩa nào?
- Trong nhiều hành động tốt đẹp của lương y Phạm Bân, có hành động nào đáng nói nhất? Vì sao?

2. H. chia nhóm thảo luận nhanh, cử đại biểu phát biểu ý kiến về từng vấn đề, trả lời từng câu hỏi.

3. G. định hướng:

- Vì là con cháu trong nhà, nên giới thiệu *cụ tổ ngoại* của mình, tất nhiên tác giả phải có giọng văn *trang trọng, thành kính, ca ngợi*. Nhưng lời trang trọng ca ngợi vẫn *dựa trên sự thật giản dị và thái độ khiêm tốn, đúng mực*.

  (Nêu tên, họ, *huý*, tôn xưng là Ngài (Người).
- *Trọng vọng*: Kính trọng, ngưỡng vọng, tin tưởng, đặt niềm tin lớn.
- Có thể thay bằng các từ gần nghĩa:

  Kính phục, kính nể, nể trọng, tin tưởng...
- Công lao của lương y Phạm Bân với nhân dân trong vùng rất nhiều. Tất cả mọi hành động của ông đều xuất phát từ đạo đức, lương tâm của người thầy thuốc (*y đức*):
  + Không tiếc tiền bạc, của cải, tích trữ thuốc tốt và thóc gạo lương thực để chữa bệnh và cứu giúp dân nghèo.
  + Không kể phiền hà, thường cho bệnh nhân nghèo túng cơ khổ ở, chữa bệnh ngay tại nhà mình, coi đó là việc làm thường ngày.

+ Nhiều năm liền đói kém, dịch bệnh, ông dựng nhà, chữa bệnh cấp cứu hàng ngàn người...

- Quả là một bậc lương y có *tấm lòng bồ tát quảng đại* hiếm có.
- Nhưng có một *tình huống đặc biệt* của lương y Phạm Bân mà cháu ngoại Hồ Nguyên Trừng kể rất tỉ mỉ.

Đó là tình huống gì? Trong đó, vị lương y đã hành xử như thế nào?

Đó chính là nội dung chủ yếu của câu chuyện này.

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CHI TIẾT TÌNH HUỐNG TRUYỆN ĐẶC BIỆT
(Đoạn thân truyện)

1. H *kể lại* đoạn thân truyện một cách diễn cảm.

2. G. *nêu vấn đề*:

- Thái độ tức giận và lời nói hàm ý đe dọa của viên sứ giả của Trần Anh Vương đã đặt vị Thái y lệnh trước một sự lựa chọn như thế nào?
- Câu trả lời của lương y Phạm Bân nói lên phẩm chất gì của ông?

3. H. suy nghĩ, trao đổi, phát biểu tự do.

4. G. định hướng:

- Tác giả kể lại một tình huống đã từng xảy ra trong cuộc đời chữa bệnh của viên Thái y lệnh họ Phạm, một tình huống nhỏ nhưng lại nói lên nhiều ý nghĩa sâu sắc.
- Khi cần quyết định giữa việc đi cứu người bệnh đàn bà mắc bệnh hiểm đột ngột với việc đi khám bệnh cho *quí nhân* trong vương phủ, Phạm Thái y không chần chừ, quyết ngay một đường:
  + Cứu người bệnh nặng.
  + Đó cũng là thái độ và cách ứng xử của Tuệ Tĩnh khi gặp trường hợp tương tự.

- Nhưng viên Trung sứ lại đe doạ, lại nhắc ông không được quên trách nhiệm *kẻ làm tôi* đối với vua chúa. Hiển nhiên, đó không phải là lời đe dọa suông. Vì lệnh vua đâu phải chuyện chơi? Ai dám to gan lớn mật chống lại? Cưỡng lại lệnh vua, kẻ làm tôi dù đúng vẫn có thể bị tội nặng, thậm chí mất đầu! Luật lệ phong kiến hà khắc và bất công như vậy.
- Câu nói:

  Ông định cứu tính mạng người ta mà không cứu tính mạng mình chăng?

  Rõ ràng không chỉ hoàn toàn đe dọa suông, mà như một *lời cảnh báo* về mối nguy hiểm cho vị Thái y nếu ông ta cứ làm theo ý mình.
- Thế nhưng câu trả lời của lương y Phạm Bân lại vừa khiêm nhường vừa thấm thía lí, tình. Điều đó xuất phát từ *tấm lòng thương người hơn cả thương thân*, xuất phát từ *bản lĩnh dám làm dám chịu* của một vị lương y đã quyết hành xử theo đạo nghĩa lớn:

  Cứu bệnh như cứu hỏa.
- Bị đặt trước sự lựa chọn quyết liệt:
- Cứu người dân thường lâm bệnh nguy cấp, nếu không cứu ngay thì chết, với *phận làm tôi*, phải hết lòng vì chủ, phải chọn việc nào trước?
- Giữa tính mệnh của người dân thường và tính mệnh của bản thân trước uy quyền của vua chúa, sẽ chọn bên nào?
- Thái y lệnh không những không băn khoăn, phân vân, chần chừ khi cần lựa chọn, mà ông càng khẳng định thêm quyết tâm, chủ kiến của mình.
- Câu trả lời thứ hai càng chứng tỏ nhân cách và bản lĩnh đáng khâm phục của ông:
- *Quyền uy* không thắng nổi *y đức*.

- Tính mệnh của người bệnh có khi còn quan trọng hơn tính mệnh của chính bản thân người thầy thuốc.
- Sức mạnh của trí tuệ trong cách ứng xử.

Bởi vì nói như vậy, một mặt, vẫn giữ được phận làm tôi mặc dù không làm theo đúng lệnh vua truyền. Mặt khác, nói như thế, nếu vua là *minh quân, là bậc quân trưởng có lương tri*, chắc không thể làm tội viên Thái y lệnh.

Hoạt động 6
TÌM HIỂU CẢNH THÁI Y LỆNH ĐẾN GẶP TRẦN ANH VƯƠNG

1. H. *đọc* đoạn văn cuối của truyện.

2. G. *hỏi*:

- Thái độ của Trần Anh Vương thay đổi như thế nào trước việc làm và lời giãi bầy của Thái y lệnh?
- Qua đây, có thể nhà vua là người có phẩm chất gì?
- Phân tích cách ứng xử của người thầy thuốc khi đến gặp vua?

3. H. suy nghĩ, trao đổi trong nhóm, phát biểu tự do.

4. G. định hướng:

- Nhà vua quở trách vì tức giận một kẻ bề tôi đã dám kháng chỉ của mình. Đó cũng là điều dễ hiểu.
- Nhưng thấy thái độ khiêm nhường, tạ tội, nhất là nghe lời bày tỏ lòng thành của Thái y lệnh, Vương lại mừng và hết lời ca ngợi bậc lương y chân chính, nghề giỏi (chữa khỏi nhanh bệnh hiểm, cấp cứu), đức cao.
- Điều đó lại chứng tỏ Trần Anh Vương cũng là một vị *minh quân* đời Trần: Sáng suốt và nhân đức.
- Thái y Phạm Bân chỉ lấy sự chân thành để giãi bày điều hơn lẽ thiệt, từ đó thuyết phục được nhà vua. Đó là thắng lợi của *y đức*, của bản lĩnh, của lòng nhân ái và trí tuệ.

- Hai câu cuối truyện nói về sự thành đạt, vinh hiển của con cháu Thái y lệnh và sự ngợi khen của người đời đối với gia đình ông, dựa trên *thuyết nhân quả* và theo quan niệm truyền thống của dân tộc Việt Nam:

  Ở hiền gặp lành; làm việc thiện để phúc cho con cháu.

5. G. *hỏi*:

Theo em, về cách kể chuyện, xây dựng nhân vật, ngôn ngữ đối thoại, truyện này hấp dẫn người đọc ở những điểm gì?

6. H. phân tích, hệ thống hoá, trả lời.

7. G. *định hướng:*

- Câu chuyện trung đại này ca ngợi một vị lương y nhằm giáo dục cháu con và người đọc phải tu dưỡng y đức, đạo đức. Đó là cái gốc của người thầy thuốc chân chính, của con người.
- Truyện hấp dẫn người đọc ở sự chân thật, giản dị.
- Người kể nhớ lại câu chuyện, kể lại một cách bình tĩnh, chậm rãi, cụ thể và chọn lọc, từ tóm tắt khái quát đến nhấn mạnh, tô đậm một tình huống tiêu biểu có ý nghĩa sâu sắc.
- Một số câu đối thoại vừa tự nhiên vừa nêu bật được tính cách, phẩm chất của nhân vật.

Hoạt động 7
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT VÀ LUYỆN TẬP

1. H. nói lại nội dung mục *Ghi nhớ*, (SGK, tr. 165) trả lời câu hỏi số 3 (SGK, tr. 165).

- ***Gợi ý:***

Người làm nghề y hôm nay trước hết cần trau dồi, giữ gìn và vun trồng lương tâm nghề nghiệp trong sáng như từ mẫu; cùng với việc tu luyện chuyên môn cho tinh, giỏi. Vì nghề y là nghề trị bệnh cứu người.

2. Nguyên tác: *Y thiện dụng tâm* có 2 cách dịch:

a) Thầy thuốc giỏi ở tấm lòng.

b) Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.

Cách dịch nào đúng, sát hơn?

• ***Gợi ý:***

- Cách dịch a, đúng nhưng chưa đầy đủ, lại dễ gây hiểu lầm. Nếu thầy thuốc *chỉ có lòng tốt mà không giỏi nghề* thì có khi giết oan người bệnh vì lòng lốt của mình.
- Cốt nhất ở tấm lòng là *chú trọng đến y đức* nhưng còn *chú trọng cả đến chuyên môn nghề nghiệp* nữa. Người thầy thuốc chân chính là phải vừa giỏi nghề vừa nhân ái *vừa thẩm sâu y tài vừa dồi dào y đức.*
- Vậy, cách dịch b, chính xác, đầy đủ hơn.

3. *Lời thề Hipôcrát*, lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lời khuyên của thầy thuốc mù *Kì Nhân Sư* - hóa thân của Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm *Ngư Tiều vấn đáp y thuật*:

- Không lấy tiền thù lao quá đáng và sẽ săn sóc miễn phí cho người nghèo...
- Lương y như từ mẫu.

- Thấy người đau, giống mình đau,
Phương nào cứu đặng ma mau trị lành.
Đứa ăn mày cũng trời sinh,
Bệnh còn cứu đặng, thuốc dành cho không...

... Tất cả đều thống nhất ở việc đề cao *y đức* lên trên hết, *trước hết* đối với tất cả những ai trong nghề chữa bệnh cứu người.

4. So sánh sự giống khác với *truyện Tuệ Tĩnh* ở bài 4, phần tập làm văn?

a) Giống nhau:

- Cốt truyện và chủ đề gần gũi, tương tự:

Đề cao *y đức*, đề cao *y tài*. Y đức chiến thắng uy quyền của người thầy thuốc chân chính.

b) Khác nhau:

- Truyện của Hồ Nguyên Trừng phong phú, phức tạp hơn về tình tiết, chính vì thế mà cụ thể hơn, sâu sắc hơn.

  Chẳng hạn:

  + Trước khi kể tình huống, sau khi tình huống kết thúc, đều có đoạn phụ bổ sung, dẫn dắt.
  + Tình huống của Thái y lệnh *gay gắt hơn, mâu thuẫn căng thẳng hơn*. Đụng độ của Tuệ Tĩnh chỉ với quí tộc, còn của Phạm Bân là trực diện với Vua...
  + Truyện của Quỳnh Cư là *truyện kí hiện đại* do người ngày nay sáng tạo.
  + Truyện của Hồ Nguyên Trừng là *truyện kí lịch sử trung đại*, do con cháu viết về chính ông cha mình *bằng chữ Hán*. Mức độ chân thực của truyện rất cao.

5. Kể lại truyện này *với ngôi kể thứ nhất* trong vai nhân vật *Thái y lệnh Phạm Bân*.

6. Chuẩn bị bài *kiểm tra phần văn học địa phương./.*

Tiết 66

ÔN TẬP
VÀ KIỂM TRA *TIẾNG VIỆT*

A. Kết quả cần đạt

1. Củng cố những kiến thức đã học trong học kì 1, lớp 6.

2. Củng cố *kỹ năng vận dụng tích hợp* với phần Văn và Tập làm văn.

B. Thiết kế bài dạy học

I. Ôn tập và luyện tập *(20 - 25 phút)*

1. H. suy nghĩ và trình bày lại 5 sơ đồ hệ thống hóa về cấu tạo từ, nghĩa của từ, phân loại từ, lỗi dùng từ, từ loại và cụm từ... theo (SGK, tr. 169 - 171).

2. G. tổng kết lại theo 5 sơ đồ trên một cách ngắn gọn, dễ hiểu, rõ ràng.

3. *Luyện tập*:

3.1. Cho 3 từ sau: *nhân dân, lấp lánh, vài.*

- Phân loại các từ trên theo các sơ đồ phân loại 1, 3, 5.

• ***Mẫu ví dụ:***

- *Thủy Tinh*: Từ phức (từ ghép), từ mượn, (từ mượn tiếng Hán), danh từ (danh từ riêng)

3.2. Có bạn học sinh phân loại các cụm danh từ, động từ và cụm tính từ như sau... Bạn ấy sai hay đúng? Sửa sai giúp bạn?

Cụm danh từ	Cụm động từ	Cụm tính từ
những bàn chân	đổi tiền nhanh	buồn nẫu ruột,
cười như nắc nẻ	xanh biếc màu xanh	trận mưa rào
đồng không mông quạnh	tay làm hàm nhai	xanh vỏ đỏ lòng

3.3. Phát triển cụm động từ, cụm tính từ, cụm danh từ sau thành câu?

- Đánh nhanh, diệt gọn...
- Xanh biếc màu xanh...
- Những dòng sông ngày ấy...

3.4. Viết chính tả một đoạn văn sau (chú ý các phụ âm thường mắc lỗi):

Ngày mùa quê em thật rộn ràng, nô nức và khẩn trương. Từ sáng tinh mơ, bà con nông dân, nhà nào nhà nấy, vợ chồng con

cái tấp nập ra đồng. Trên cánh đồng lúa chín vàng suộm, tiếng liềm, hái đưa xoèn xoẹt. Hàng hàng nón trắng lấp lánh. Bên bờ mương, mấy chiếc máy tuốt chạy hết công suất. Thóc chảy rào rào, rơm bay phùn phụt. Cậu Chín điều khiển máy, mặt mũi đỏ văng, mồ hôi nhễ nhại, luôn tay bón lúa vào miệng máy. Mùi thơm của rơm, của lúa nồng nàn.

Vụ này làng em lại được mùa to.

II. Kiểm tra viết *(20 - 25 phút)*

• ***Yêu cầu của đề ra:***

- 1 câu lí thuyết ngắn.
- 1 - 2 - 3 câu thực hành.
- 50% trắc nghiệm, 50% tự luận.

• G. tự chọn, tự ra đề hoặc thống nhất trong nhóm chuyên môn ra đề chung cho toàn khối lớp 6.

• ***Một đề tham khảo:***

* *Câu 1 (3 điểm).*

- Thế nào là cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ? Cho mỗi cụm một ví dụ tiêu biểu?
- Cụm danh từ có thể làm *vị ngữ* được không? Ví dụ?
- Cụm động từ, cụm tính từ có thể làm *chủ ngữ* được không? Ví dụ?

* *Câu 2 (1 điểm)*

Từ *chích choè* thuộc loại từ nào?

a) Từ đơn.

b) Từ ghép.

c) Từ láy.

d) Cụm danh từ.

* *Câu 3 (1 điểm).*

Từ *biển* thuộc loại từ nào?

a) Từ Hán Việt (mượn của tiếng Hán)

b) Từ thuần Việt.

c) Từ gốc Hán.

d) Từ mượn của tiếng Anh.

* *Câu 4 (1 điểm).*

Từ *đôi* thuộc loại từ nào?

a) Danh từ chỉ số lượng.

b) Số từ.

c) Lượng từ.

d) Số từ chỉ ước phỏng.

e) Số từ chỉ thứ tự.

* *Câu 5 (2 điểm):*

Ghép các cụm động từ, cụm danh từ, cụm tính từ, số từ, chỉ từ sau để thành một đoạn văn hợp lí, hợp nghĩa:

này, ấy, kia, đó, vài, thứ nhất, thứ hai, thứ ba, nhân dân Việt Nam rất anh hùng, chiến thắng giặc ngoại xâm, xây dựng đất nước mạnh giàu, rừng vàng biển bạc đất phì nhiêu, đời sống còn nhiều khó khăn...

Lưu ý:

Có thể thêm vào một vài từ khác do người làm bài chọn lựa để đoạn văn mạch lạc, thống nhất.

* *Câu 6 (2 điểm).*

Tự viết một đoạn văn khoảng 4 - 5 câu có sử dụng các loại từ, cụm từ đã học.

Đề tài *quê hương. /.*

Tiết 67 - 68

BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP

NGỮ VĂN

CUỐI HỌC KÌ I

(Viết 2 tiết)

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN CHÚ Ý:

1. PHẦN VĂN

(ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN)

a) Để nắm vững đặc điểm thể loại của các truyện đã học:

- Truyền thuyết,
- Cổ tích,
- Truyện cười,
- Truyện ngụ ngôn,
- Truyện trung đại Việt Nam,

• H cần đọc lại, đọc kỹ các *chú thích về các thể loại* ấy ở (SGK, tập 1, tr. 7, 53, 100, 124, 143).

b) Nắm được nội dung cụ thể các truyện đã học:

- Nhân vật, cốt truyện, một số chi tiết tiêu biểu và ý nghĩa của truyện.
- Có thể trả lời các câu hỏi về các đặc điểm thể loại cụ thể của từng truyện. Ví dụ:
- Tại sao *Thánh Gióng* được coi là *truyền thuyết*?
- Tại sao *Treo biển* là truyện cười và *Đeo nhạc cho mèo* là truyện ngụ ngôn?
- Đặc điểm của *truyện trung đại Việt Nam* được thể hiện ở truyện *Mẹ hiền dạy con* như thế nào?

2. PHẦN TIẾNG VIỆT

A. Kết quả cần đạt

1. Bài viết số 4 nhằm đánh giá H. một cách tổng hợp về những phương diện sau:

- Vận dụng theo hướng *tích hợp* cả ba phần Văn - Tiếng Việt - Tập làm văn của môn Ngữ văn trong một bài kiểm tra.
- Năng lực vận dụng phương thức tự sự (kể chuyện) nói riêng và các kỹ năng tập làm văn nói chung để tạo lập một bài viết.

2. Kĩ năng làm bài kiểm tra theo kiểu kết hợp *trắc nghiệm* và *tự luận*.

B. Những nội dung cơ bản

- ***Nhận diện được:***
  - Các từ loại: Danh từ, động từ, tính từ, số từ, lượng từ, chỉ định từ. (6 loại)
  - Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. (3 loại cụm từ)
  - Hiện tượng chuyển nghĩa của từ.
  - Từ mượn.
  - Chữa lỗi dùng từ.

C. Đáp án phần tiếng Việt của bài kiểm tra tổng hợp

- ***Phần 1: Trắc nghiệm.***

1, 2, 3, 4... Thuộc phần *Tập làm văn.*

5 - 9 thuộc phần *Tiếng Việt)*

5. Trong câu:

Nước ngập ruộng đồng... sườn núi.

có mấy *cụm động từ?*

Trả lời: C. 3 cụm.

6. Trong câu:

Thành phong Châu... biển nước.

có mấy cụm danh từ?

Trả lời: B. 2 cụm.

7. Đoạn văn trên có bao nhiêu *từ láy*?

Trả lời: C. 3 từ

8. Trong 4 từ dưới đây, từ nào là *từ mượn*?

Trả lời: B. Thủy Tinh.

9. Nghĩa của từ *lềnh bềnh* được giải thích theo cách nào?

Trả lời: A. Miêu tả.

3. PHẦN TẬP LÀM VĂN:
VĂN BẢN TỰ SỰ

a) Nhận thức sơ lược lí thuyết về văn tự sự;

- Văn *tự sự* là loại văn như thế nào?
- Viết văn *tự sự* để làm gì?
- *Dàn ý* một bài văn *tự sự* cần có những phần, mục gì?
- *Ngôi kể* trong văn *tự sự* như thế nào? (Ngôi 3, ngôi 1, chuyển ngôi)
- *Thứ tự kể* trong văn tự sự? (Theo trình tự thời gian và không theo trình tự thời gian)
- Thế nào là *kể chuyện tưởng tượng*?

b) *Kĩ năng làm bài văn tự sự (kể chuyện)*

- Kể chuyện dân gian đã học,
- Kể chuyện đời thường,
- Kể chuyện tưởng tượng.

II. HƯỚNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Ôn tập, nắm vững tinh thần *tích hợp*: Kết hợp chặt chẽ Tập làm văn với Tiếng Việt và Văn học.

2. *Cấu trúc bài kiểm tra* sẽ có 2 phần:

a) *Trắc nghiệm* (50%): Kiểm tra kiến thức đọc - hiểu văn bản, về tiếng Việt.

b) *Tự luận* (50%): Kiểm tra kiến thức và kỹ năng Tập làm văn qua một đoạn, (bài) văn ngắn.

III. ĐỀ KIỂM TRA NGỮ VĂN CUỐI HỌC KÌ I - LỚP 6

(Thời gian làm bài 90 phút, không kể thời gian giao đề)

Phần I*: Trắc nghiệm *(5 điểm)

• ***Cho đoạn văn...***

(Trích bài *Sơn Tinh, Thủy Tinh*)

1 - 4: *Kiểm tra kiến thức đọc - hiểu*:

1. Hỏi về *phương thức biểu đạt*: Chọn 1 trong 4 khả năng.

2. *Ngôi kể*: Chọn 1 trong 4 khả năng.

3. *Mục đích* viết: Chọn 1 trong 4 khả năng.

4. *Thứ tự kể*: (Tương tự -..........................)

5. - 9: *Kiểm tra kiến thức về tiếng Việt*:

5. Trích một câu trong đoạn văn trên, hỏi về *số lượng cụm động từ*.

(Chọn 1 trong 4 khả năng)

6. Trích một câu khác, hỏi về *số lượng cụm danh từ*.

(...)

7. Hỏi về số lượng *từ láy* trong toàn đoạn văn.

(...)

8. Hỏi về số lượng *từ mượn*.

(...)

9. *Giải nghĩa* 1 từ trong đoạn văn.

(..)

***Phần II*: Tự luận (*5 điểm*)**

Đề: *Đóng vai bà đỡ Trần để kể lại câu chuyện* **Con hổ có nghĩa**.

* *Lưu ý*:

Giáo viên có thể dựa vào cấu trúc đề trên để *tự ra đề* cho phù hợp với học sinh của mình./.

Tuần 18

BÀI 16, 17

Tiết 69 - 70
VĂN HỌC - TẬP LÀM VĂN

CHƯƠNG TRÌNH
ĐỊA PHƯƠNG
(Phần Văn - Tập làm văn)

A. Kết quả cần đạt

1. Kết hợp với phần Văn để tìm hiểu một phần nhỏ của kho tàng văn hóa địa phương. Từ đó thêm hiểu, thêm yêu, thêm tự hào về quê hương.

2. Rèn luyện kỹ năng kể lại truyện dân gian khi được nghe kể hoặc giới thiệu một trò chơi dân gian mà em yêu thích.

- *Dự kiến về:* **Phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức thực hiện**

1. Kết hợp với thi hoặc ngoại khóa văn học.
2. Sưu tầm, thống kê, phân loại.
3. Trình bày miệng trên lớp.
4. Tổ chức trò chơi tập thể.

B. Thiết kế các hoạt động

Hoạt động 1
HƯỚNG DẪN HỌC SINH
CHUẨN BỊ TÌM HIỂU Ở NHÀ

1. Lớp phân công các tổ, nhóm chuẩn bị theo 5 vấn đề - câu hỏi trong SGK, tr. 172.

2. *Chú ý* 2 câu 4, 5. Tập kể một truyện dân gian địa phương hay giới thiệu trò chơi, trò diễn của địa phương.

- ***Một số gợi ý hoạt động trên lớp***

Hoạt động 2 - 7

1. Theo 4 gợi ý trong (SGK, tr. 172).

Nhưng cần cụ thể hóa hơn nữa, tỉ mỉ hơn nữa trong tổ chức thực hiện. *Chẳng hạn:*

2. Bổ sung, sửa chữa, hiệu chỉnh văn bản sưu tầm.

3. Đọc các văn bản sưu tầm và nói rõ nguồn gốc.

4. Kể một truyện dân gian địa phương, sau đó giới thiệu tính chất địa phương của truyện.

5. Giới thiệu trò chơi hoặc tiết mục văn nghệ địa phương

Cách chơi, cách hát, ngâm...

Sau đó có thể tổ chức chơi hoặc biểu diễn luôn.

6. Tổng kết (Giáo viên và Học sinh)

7. Thu nộp tài liệu sưu tầm.

(Nếu có thể, tổ chức triển lãm ở trường)./.

Tiết 71
TẬP LÀM VĂN

HOẠT ĐỘNG NGỮ VĂN
CUỐI HỌC KÌ 1:
THI KỂ CHUYỆN

A. Kết quả cần đạt

Đây là hoạt động ngoại khóa văn học cuối học kì 1, cần đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Động viên toàn lớp tự giác, nhiệt tình tham gia.

2. Chuẩn bị kỹ để buổi thi tiến hành có kết quả vui tươi, thiết thực và bổ ích.

• *Dự kiến về:* **Phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức giờ dạy học.**

1. Kết hợp tổ chức trong toàn khối, kết hợp kể chuyện là chính, xen với đọc, ngâm thơ, hát, múa...

2. Có hình thức động viên, khen thưởng thích đáng, kịp thời.

B. Thiết kế nội dung và tiến trình thực hiện

• ***Hệ thống hoạt động:***

1. Chuẩn bị H tổ chức, dẫn chương trình.

2. Chuẩn bị ban giám khảo, các đề thi, đáp án (khoảng 4 - 6 đề)

3. Chuẩn bị các tiết mục văn nghệ xen kẽ.

4. Nêu yêu cầu, thể lệ thi.

5. Tiến hành bốc thăm câu hỏi.

6. Theo dõi thí sinh dự thi, thống nhất đánh giá, nhận xét.

Chú ý: - Nội dung truyện?

- Giọng kể, tư thế kể.
- Lời mở, lời kết?
- Minh hoạ, nếu có?

7. Giáo viên *Tổng kết chung, phát phần thưởng, nếu có./.*

Tiết 71b
TIẾNG VIỆT

CHƯƠNG TRÌNH
ĐỊA PHƯƠNG
(Rèn luyện chính tả)

A. Kết quả cần đạt

1. Sửa những lỗi chính tả mang tính địa phương,

2. Có ý thức viết đúng chính tả trong kí viết và phát âm đúng âm chuẩn khi nói.

B. Thiết kế bài dạy học

1. Lựa chọn và điền các phụ âm ***tr / ch, s / x, r / d / gi, l / n*** vào chỗ trống:

Đáp án:

- trái cây, chờ đợi, chuyển chỗ, trải qua, trôi chảy, trơ trụi, nói chuyện, chương trình, chẻ tre.
- sấp ngửa, sản xuất, sơ sài, bổ sung, xung kích, xua đuổi, cái xẻng, xuất hiện, chim sáo, sâu bọ.
- rũ rượi, rắc rối, giảm giá, giáo dục, rung rinh, rùng rợn, giang sơn, rau diếp, dao kéo, giáo mác.
- lạc hậu, nói liều, gian nan, nết na, lương thiện, ruộng nương, lỗ chỗ, lén lút, bếp núc, lỡ làng.

2. Lựa chọn từ để điền vào chỗ trống:

Đáp án:

a) vây, dây, giây:

vây cá, sợi dây, dây điện, giây phút, bao vây, dây dưa, vây cánh.

b) viết, diết, giết:

giết giặc, da diết, văn viết, chữ viết, giết chết.

c) vẻ, dẻ, giẻ:

hạt dẻ, da dẻ, vẻ vang, văn vẻ, giẻ lau, mảnh dẻ, vẻ đẹp, giẻ rách.

3. Chọn ***s*** hoặc ***x*** để điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Đáp án:

Bầu trời xám xịt như sà xuống sát mặt đất. Sấm rền vang, chớp loé sáng, rạch xé cả không gian. Cây sung già trước cửa sổ, trút lá theo trận lốc, trơ lại những cành xơ xác, khẳng khiu. Đột nhiên, trận mưa dông sầm sập đổ, gõ lên mái tôn loảng xoảng.

4. Điền những từ thích hợp có vần - ***uôc*** hoặc -***uôt*** vào chỗ trống:

Đáp án:

Thắt lưng buộc bụng, buột miệng nói ra, cùng một ruộc, con bạch tuộc, thẳng đuồn đuột, quả dưa chuột, bị chuột rút, trắng muốt, chẫu chuộc.

5. Viết dấu hỏi (?) hay dấu (~) ở những chữ in nghiêng?

Đáp án:

Vẽ tranh, biểu quyết, dè bỉu, bủn rủn, dai dẳng, hưởng thụ, tưởng tượng, ngày giỗ, lỗ mãng, cổ lỗ, ngẫm nghĩ.

6. Chữa lỗi chính tả có trong những câu sau:

Đáp án:

- *Tía đã nhiều lần căn dặn rằng không được kiêu căng.*
- *Một cây tre chắn ngang đường chẳng cho ai vô rừng chặt cây, đốn gỗ.*
- *Có đau thì cắn răng mà chịu nghen.*

7. Viết chính tả:

- Theo SGK, tr. 168 (*đoạn văn theo Xuân Diệu*)

8. Bạn học sinh X đã viết sai chính tả như thế nào? Em hãy chữa lại:

- những bàn *chưn* của *dưn* tộc anh hùng,
- đã bước *rưới* mặt trời cách mạng.

- những bàn *chưn* của Hóoc Môn, Ba Tơ, Cao Lạng,
- quốc kỳ, ly kì, sầm sỳ, chiến sỹ, chiến sĩ, Mĩ, Mỹ, hùng vỹ, hùng vĩ, bất đắc dỹ, bất đắc dĩ, lì xì, lì sỳ, lì xỳ, lì sì, nì sì..../.

Tiết 72
TẬP LÀM VĂN
TRẢ BÀI
KIỂM TRA NGỮ VĂN
HỌC KÌ 1

A. Kết quả cần đạt

1. H. nhận rõ ưu, nhược điểm trong bài làm của bản thân.
2. Biết cách chữa các loại lỗi trong bài làm để rút kinh nghiệm cho học kì 2.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

- G. trả bài trước 3 ngày.

  Đọc kĩ, tự sửa lỗi.

Hoạt động 2

- G. nhận xét tổng hợp các loại ưu, nhược trong bài làm của H.
- G. cùng H thống nhất yêu cầu trả lời cho từng câu, từng ý.
- G. nhận xét phần bài viết *tự luận*.
- H. đọc 1 bài *tự luận* khá nhất.

Hoạt động 3

- G. rút kinh nghiệm chung về các phương pháp, biện pháp học tập môn *Ngữ văn theo hướng tích hợp*, chuẩn bị cho học kì 2.
- H. yêu cầu, đề nghị./.

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1

HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC *TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN* THEO HƯỚNG TÍCH HỢP VÀ TÍCH CỰC*

TS. Nguyễn Xuân Lạc,
Hội VNDG Việt Nam,
Trường CĐSP Hà Tây
biên soạn.

Tư tưởng sư phạm mới coi trọng người học và trong việc học thì then chốt là cách học.

Vì vậy, điều quan trọng có tính chất quyết định là hướng dẫn học sinh cách học - cách tiếp nhận tác phẩm văn chương.

Tuần 1

BÀI 1

Văn bản 1

(01 tiết)

CON RỒNG, CHÁU TIÊN

(Truyền thuyết)

1. *Các em hãy đọc nhiều lần văn bản truyện này và kể cho nhau nghe (hoặc kể cho các em nhỏ trong gia đình nghe) theo diễn biến câu chuyện:*

- Lạc Long Quân,
- Âu Cơ,
- Bọc trăm trứng nở ra trăm người con trai,
- Chia con theo bố, mẹ xuống biển và lên núi cai trị các phương,
- Lập nước Văn Lang và mở ra thời đại Hùng Vương,
- Nguồn gốc người Việt Nam ta là con Rồng, cháu Tiên.

2. Khi cảm thấy câu chuyện đã ngấm, đã thấm, đã thành như chính câu chuyện của em rồi, hãy tự trả lời câu hỏi sau:

Dân tộc Việt Nam là con cháu ai? Nguồn gốc ấy có gì đẹp đẽ và thiêng liêng khiến cho mọi người dân ta đều vô cùng tự hào?

Dân tộc Việt Nam là con Rồng, cháu Tiên. Nguồn gốc ấy thật đẹp đẽ và thiêng liêng, vì theo quan niệm phương Đông, Rồng và Tiên là biểu tượng cho cái đẹp cao sang và toàn bích của người đàn ông và đàn bà. *Rồng* đứng đầu *Tứ linh* (4 con vật linh thiêng: Long, Li, Quy, Phượng), là biểu tượng của Vua thời phong kiến, và huyền thoại rồng bay lên khi Lí Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La, năm 1010 đã thành khí thế *Thăng Long* cho dân tộc Việt Nam chúng ta vững bước tiến lên trong trường kì lịch sử. *Tiên* là biểu tượng của người đàn bà đẹp, nhân từ, có phép lạ, và dùng phép lạ đó để cứu

giúp người lương thiện. Tổ tiên ta là *bố Rồng, mẹ Tiên*. Nguồn gốc ấy gợi biết bao tôn kính, tự hào!

3. Theo chuyện kể, bố Rồng, mẹ Tiên không phải là những người thường mà là những *vị thần*. Từ dòng dõi, nguồn gốc, tài năng, sắc đẹp cho đến phẩm chất, tâm hồn, họ đều mang nét phi thường, xuất chúng, được người xưa kể lại bằng những chi tiết kì lạ, lớn lao, đẹp đẽ.

Em hãy tìm hiểu và chứng minh điều đó qua câu chuyện và nêu cảm nhận về hai vị tổ tiên của dân tộc ta?

3.1. *Lạc Long Quân* (Bố Rồng)

- Dòng dõi: Nòi Rồng, con trai thần Long Nữ.
- Tài năng: Sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ.
- Phẩm chất, công lao: Thương yêu dân, giúp dân trừ diệt Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh - những loài yêu quái bấy lâu làm hại dân lành, dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở.

  Việc trừ diệt yêu quái được truyền tụng như những chiến công hiển hách của thần thời dựng nước. Đó là kì tích của một tài năng phi thường và một tấm lòng thương yêu dân sâu sắc.

  (Trích một đoạn kể của Hoàng Tiến Tựu trong cuốn *Bình giảng truyện dân gian*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1994)

3.2. *Âu Cơ* (Mẹ Tiên)

- Dòng dõi, nguồn gốc: Dòng Tiên, thuộc dòng họ Thần Nông.
- Sắc đẹp: Xinh đẹp tuyệt trần.
- Tính tình phóng khoáng, tâm hồn thơ mộng, thích đi du ngoạn đến vùng đất có nhiều hoa thơm, cỏ lạ.

3.3. *Cảm nhận về vẻ đẹp của hai vị tổ tiên:*

Lạc long Quân mang vẻ đẹp kì vĩ, dũng mãnh mà nhân hậu. Âu Cơ mang vẻ đẹp dịu dàng, trong sáng, thơ mộng. Phải chăng đó cũng là vẻ đẹp anh hùng mà tình nghĩa của dân tộc Việt Nam:

Sống vững chãi bốn nghìn năm sừng sững,
Lưng đeo gươm, tay mềm mại bút hoa.

(HUY CẬN, *ĐI TRÊN MẢNH ĐẤT NÀY*)

Vẻ đẹp của Bố Rồng, Mẹ Tiên là kết tinh cho vẻ đẹp Việt Nam.

4. Từng vị thần đã có sự kì lạ, khác thường, nhưng khi họ gặp nhau, thành vợ chồng, thì lại đem đến cho ta một sự kì lạ mới. Em hãy tìm hiểu điều đó trong câu chuyện?

4.1. Đó là việc Âu Cơ có mang, sinh ra một cái *bọc trăm trứng, nở ra trăm người con trai, người nào người nấy hồng hào, đẹp đẽ lạ thường.* Đây là điều tưởng chừng như không thể có, không bao giờ có được. Vậy mà nó đã xảy ra với hai con người đẹp đẽ, đặc biệt này. Ta có thể nghĩ rằng: Dường như chỉ có những con người ấy đến với nhau, thành vợ, thành chồng thì mới có được cái điều kì lạ ấy.

Đó là chi tiết hay nhất, có ý nghĩa nhất của truyện.

4.2. Theo em, ông cha ta sáng tạo ra chi tiết này để nói lên điều gì?

Chi tiết ngụ ý sâu xa:

- Toàn thể nhân dân Việt Nam chúng ta đều sinh ra từ trong một bọc, cùng chung nòi giống, tổ tiên.
- Từ đó mới có hai tiếng đồng bào thiêng liêng, ruột thịt (*đồng: cùng, bào: bọc*). Hai tiếng thiêng liêng ấy đã vang lên tha thiết khi Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn Độc lập,* khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa:

Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?

Người cha già dân tộc ở thế kỉ 20, trong giờ phút thiêng liêng ngày mở nước, đã nhắc đến hai tiếng *đồng bào* ruột thịt của câu chuyện *bố Rồng, mẹ Tiên* xa xưa. Dân tộc ta không chỉ đẹp vì dòng giống Rồng Tiên cao quí mà còn vì có chung cội nguồn thống nhất, chung hai tiếng *đồng bào*, thân thương khiến ai nấy đều tự hào, đoàn kết sát cánh bên nhau vững bước tiến lên trong trường kì lịch

sử. Và có phải chính cái màu sắc huyền thoại của câu chuyện một bọc trăm trứng đã tôn vinh nguồn gốc đẹp đẽ của dân tộc ta, làm đậm đà thêm cái ý nghĩa thiêng liêng của cội nguồn đất nước? Trí tưởng tượng của cha ông ta thật phong phú, diệu kì, nhưng trí tưởng tượng đó chỉ có thể bay lên từ một lòng tự hào dân tộc mạnh mẽ để sáng tạo ra một hình ảnh tuyệt vời về nguồn gốc dân tộc Việt Nam.

4.3. Người Kinh có truyện *Một bọc trăm trứng*. Các dân tộc ít người cũng có những truyện tương tự, như là những *mô típ* nghệ thuật trong truyện cổ dân gian. Thử kể lại một, hai truyện mà em đã đọc?

- Truyện *Quả Bầu Mẹ* của dân tộc *Khơ Mú*

(*TRUYỆN CỔ KHƠ MÚ*. PHAN KIẾN GIANG biên soạn, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1988)

Lời nhắn nhủ của ông cha từ nghìn đời trong câu ca dao quen thuộc:

Bầu ơi, thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống, nhưng chung một giàn.

5. Từ cái bọc trăm trứng nở thành trăm người con trai, theo bố, mẹ lên núi, xuống biển, chia nhau cai quản các phương, lập ra nước Văn lang và thời đại Hùng Vương đầu tiên trong lịch sử dân tộc. Như vậy, các chi tiết hoang đường đã gắn với chi tiết lịch sử có thật. Đó là đặc điểm của thể loại truyền thuyết. *Con Rồng, cháu Tiên* là truyền thuyết về thời đại Hùng Vương, vừa phản ánh theo tư duy thần thoại, vừa gắn với lịch sử dân tộc. Có thể xem truyền thuyết này là thần thoại đã được lịch sử hoá, khiến người nghe tin như là có thật.

6. Nhưng không chỉ tin ở các sự kiện lịch sử mà ngay cả chi tiết hoang đường nhất là cái *bọc trăm trứng*, người Việt chúng ta, ai cũng tin là có thật. Ai cũng tin mình là con Rồng, cháu Tiên. Ai cũng rất tự hào về điều đó. Đấy là *sự thật tâm linh* con người, điều kì diệu về một niềm tin mãnh liệt vào nguồn gốc dân tộc của nhân dân ta:

Đất là nơi Chim về,
Nước là nơi Rồng ở,
Lạc Long Quân và Âu Cơ,
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng.

(NGUYỄN KHOA ĐIỀM.
MẶT ĐƯỜNG KHÁT VỌNG)

Không còn là câu chuyện của người xưa mà đã thành câu chuyện của mỗi chúng ta, thấm sâu vào máu thịt, tâm hồn ta, từ bao giờ không biết nữa...

- Giải thích vì sao nhân dân ta lại có một niềm tin thiêng liêng, kì diệu như vậy về nguồn gốc dân tộc mình? Từ đó nói đôi điều về ý nghĩa câu chuyện mà em đã cảm nhận được?
- Người xưa sáng tạo câu chuyện này để giải thích nguồn gốc dân tộc và thể hiện lòng tự hào dân tộc của mình. Từ xa xưa, ông cha ta đã rất có ý thức về nguồn gốc dân tộc mình. Cách giải thích như trong truyện thực chất là sự đề cao nguồn gốc dân tộc: Một nguồn gốc thật là danh giá, cao sang, đẹp đẽ và thống nhất. Không chỉ giải thích, suy tôn nguồn gốc cao quí, thiêng liêng của dân tộc Việt Nam, truyện còn biểu hiện ý nguyện đoàn kết, thống nhất của nhân dân ta ở mọi miền đất nước.
- Nhớ về cội nguồn dân tộc, không chỉ để tự hào, mà còn để biết ơn và nhất là để giữ lấy cội nguồn đó, làm cho nó ngày càng đẹp mãi, như lời Bác Hồ căn dặn cán bộ và chiến sĩ Đại đoàn quân Tiên phong, tại đền Hùng (Phú Thọ), trước khi về tiếp quản Thủ đô Hà Nội (19 - 9 - 1954):

- ***Vua Hùng là người có công dựng nước ta. Như vậy, vua Hùng chính là ông tổ của nước Việt Nam. Uống nước phải nhớ nguồn. Con cháu thì phải nhớ đến tổ tiên. Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước! Đó mới chính là uống nước nhớ nguồn, mới là nhớ tổ tiên vậy.***

(Theo sách: ***105 LỜI NÓI CỦA BÁC HỒ***)

Văn bản 2

(01 tiết)

BÁNH CHƯNG, BÁNH GIẦY

(Truyền thuyết)

- H. đọc văn bản truyện nhiều lần, kể cho nhau nghe theo diễn biến của truyện (thuộc lời thần báo mộng cho Lang Liêu và lời vua nói về 2 thứ bánh):
  - Nhân lễ Tiên vương, Hùng Vương mở cuộc thi để chọn người xứng đáng truyền ngôi.
  - Lang Liêu buồn, vì chỉ có lúa, ngô, khoai, biết lấy gì làm cỗ?!
  - Lang Liêu được thần báo mộng, bày cách làm 2 thứ bánh.
  - Bánh của Lang Liêu được chọn để tế Trời, Đất cùng Tiên Vương.
  - Vua giải thích ý nghĩa và đặt tên cho 2 loại bánh.
  - Nghề trồng trọt, chăn nuôi phát triển và tục làm bánh chưng, bánh giầy ngày Tết.

2.

2.1. Truyện cổ dân gian thường có các cuộc thi tài. Ở *Sơn Tinh, Thủy Tinh* là *thi tài kén rể*, còn ở truyện này là *thi tài để chọn ngôi vua*. Nhưng thực ra, đây có phải là thi tài làm cỗ để tế Tiên Vương? Nếu không thì Hùng Vương bày ra hình thức này để làm gì?

- *Em biết được ý định của nhà vua qua câu nói nào? Thử đánh giá ý định ấy?*

Đó là: *Người nối ngôi ta phải nối được chí ta, không nhất thiết phải là con trưởng*. Một ý định rất đúng đắn và tiến bộ. Đúng đắn vì coi trọng cái *chí* của người đứng đầu một nước. Tiến bộ vì không bị ràng buộc vào luật lệ triều đình là truyền ngôi cho con trưởng.

Như vậy, thực chất đây là cuộc *thi chí* chứ không phải là cuộc thi *tài*. *Chí* của con người biểu hiện qua việc làm cỗ, chứ không phải *tài* của người làm cỗ thật hậu, thật ngon. Vì điều quan trọng nhất, quyết định nhất đối với người sẽ đứng đầu một nước, cai quản muôn dân là phải có cái *chí* đưa đất nước đi lên, làm cho dân được ấm no, hạnh phúc.

2.2. Nhưng cái *chí* của vua cha như thế nào, không một ai đoán được. Điều này khiến cuộc thi càng thêm khó khăn.

- *Theo em, cái khó nhất của cuộc thi này là như thế nào?*

Cuộc *thi tài kén rể*, chạy đua làm *phò mã* giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh còn có cái đích cụ thể: *Trăm ván cơm nếp, trăm tệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi*. Còn cuộc chạy đua vào ngai vàng ở đây là *một cuộc chạy đua không có đích*. Cái khó nhất của cuộc thi này không phải là việc chạy đua mà chính là việc tìm ra cái đích để chạy cho đúng. Tìm ra đích là *đoán ra cái chí* của vua cha. Ai trong các Lang sẽ làm được việc này? Bản thân cuộc thi không có đích làm cho câu chuyện thắt nút lại, tạo ra sự hồi hộp, kích thích người nghe tiếp tục theo dõi, khi *các Lang chỉ biết đua nhau làm cỗ thật hậu, thật ngon để đem về lễ Tiên Vương*. Liệu những cỗ thật hậu, thật ngon đó có làm vừa ý vua cha hay không?

3.

3.1. *Trong khi các Lang đua nhau làm cỗ thì người buồn nhất là Lang Liêu. Giải thích vì sao như vậy?*

Vì mẹ chàng bị vua cha ghẻ lạnh, ốm rồi chết. So với anh em, chàng thiệt thòi nhất. Chỉ chăm lo việc đồng áng, trong nhà chỉ có lúa khoai, biết lấy gì làm cỗ để lễ Tiên Vương?!

3.2. Như vậy, nhân vật chính vừa xuất hiện, đã rơi ngay vào *tình huống bi kịch*: Muốn làm cỗ ngon để lễ Tiên Vương nhưng không có gì để làm cả, vì *khoai, lúa tầm thường quá!* Nút câu chuyện lại thắt

chặt hơn khi nhân vật đã chịu bó tay trước hoàn cảnh. (Trong truyện dân gian, nhân vật thường trải qua những khó khăn, thử thách như thế, và có lúc đã thất bại tạm thời.) Đây chính là lúc yếu tố thần kì sẽ xuất hiện để giúp đỡ con người lương thiện gặp khó khăn. Thần đã kịp thời báo mộng giúp Lang Liêu cách làm ra lễ vật cúng Tiên Vương.

- *Nhưng vì sao, trong số các con trai, chỉ riêng có Lang Liêu được thần giúp đỡ?*

Đây là một chi tiết có ý nghĩa. Trong số 20 người con trai của vua Hùng, chỉ duy nhất có Lang Liêu được thần mách bảo. Ấy là vì chàng là người tốt, đang gặp khó khăn, đang cần giúp đỡ. Nhưng điều chủ yếu là do Lang Liêu làm nghề nông - nghề chính của người Việt trồng lúa nước lúc bấy giờ. Ý thần là lòng dân. Và thần đã tìm đúng người con vua Hùng chăm chỉ việc đồng áng để trao gửi ý nguyện của họ cho người sẽ nối ngôi vua.

Trong trời đất, không gì quí bằng hạt gạo. Chỉ có gạo mới nuôi sống con người và ăn không bao giờ chán. Các thứ khác tuy ngon, nhưng hiếm và không làm ra được. Còn lúa gạo thì tự tay ta trồng lấy, trồng nhiều, được nhiều. Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương!

- Lời dạy của thần gợi cho em những suy nghĩ gì về nghề nông ở nước ta lúc bấy giờ? Vì sao thần đã bày cách cho Lang Liêu làm thành bánh để lễ Tiên Vương. Vì sao vua Hùng lại chọn hai thứ bánh đó?

- Lời dạy của thần thực chí lí và thực tiễn. Đó là tư tưởng trọng nông và yêu quí sức lao động con người của tổ tiên ta. Điều này hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ. Nhân dân ta muốn người nối ngôi vua cũng phải là người mang tư tưởng ấy, có phẩm chất ấy. *Trong trời đất, không gì quí bằng hạt gạo.* Chỉ có gạo mới xứng là lễ vật cúng Tiên Vương. *Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương!* Lời thần vang trong mộng

như lời trao gửi tâm huyết, như tiếng lệnh truyền thiêng liêng! Bánh làm bằng gạo là sản phẩm của nghề nông nước ta, do mồ hôi, nước mắt người lao động tạo thành. Nó tượng trưng cho nhân dân - linh hồn của dân tộc. Không thể có lễ vật nào có ý nghĩa và xứng đáng hơn thế.

Lời thần cũng chính là ý vua cha. Làm đúng lời thần là nối được chí vua. Thần đã cho Lang Liêu biết cái điều then chốt đó và chàng đã làm đúng như lời thần dạy. Vì thế, khi nghe Lang Liêu kể lại giấc mộng gặp thần, Hùng Vương đã ngẫm nghĩ rất lâu, rồi chọn 2 thứ bánh ấy để tế Trời Đất, cúng Tiên Vương.

3.3. Cái đích của cuộc thi đã được thần chỉ ra, nhưng người chạy đua đến đích vẫn là Lang liêu.

Từ đó, em có suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa thần và người trong truyện cổ dân gian?

Thần chỉ mách bảo cho Lang Liêu, chứ thần không làm thay. Công việc thực hiện là do tài năng và óc sáng tạo của người *anh hùng văn hoá*. Ở truyện này cũng như nhiều truyện cổ dân gian khác (như *Cây tre trăm đốt* chẳng hạn), thần chỉ đóng vai trò gợi ý, hướng dẫn, còn mọi việc đều do con người. Yếu tố thần kì giúp cho tài năng con người phát triển, đức độ tỏa sáng, chứ không làm cho con người bé nhỏ đi trước uy lực của thần. Được thần dạy, lại vốn là người thành thạo nghề nông, hiểu rõ hạt gạo mình làm ra, Lang Liêu đã sáng tạo ra 2 thứ bánh hình vuông và hình tròn để làm lễ vật tế Tiên Vương. Và giữa bao nhiêu sơn hào hải vị, nem công, chả phượng của các Lang khác, vua cha đã chọn 2 thứ bánh chưng, bánh giầy đó của Lang Liêu. Điều đó tưởng như bất ngờ mà lại tất yếu và đúng đắn. Bởi *đó là 2 thứ bánh của ý thần, của lòng dân, của chí vua, và là sáng tạo của người anh hùng văn hoá.*

4. *Bánh chưng, bánh giầy* cũng là truyền thuyết về thời đại Hùng Vương. So với *Con Rồng, cháu Tiên*, em thấy tỉ lệ giữa yếu tố hoang đường và sự thật lịch sử ở truyện này có gì khác? Thử giải thích theo suy nghĩ của em?

Truyện chỉ có một chi tiết hoang đường, là việc thần báo mộng, giúp Lang Liêu. Còn tất cả đều là sự việc đời thường gắn với lịch sử thời đại Hùng Vương. Nó là một *truyền thuyết*. Người xưa dùng nó để *giải thích phong tục* làm bánh chưng, bánh giầy ngày Tết ở nước ta. Truyện đã nâng địa vị 2 loại bánh đặc sản này thành hồn thiêng dân tộc, hương vị đất nước, như lời giải thích và đặt tên của Hùng Vương. Người làm ra 2 loại bánh đó xứng đáng là người được nối ngôi vua:

> *Bánh hình tròn là tượng Trời, đặt tên là bánh giầy. Bánh hình vuông là tượng Đất, đặt tên là bánh chưng. Các thứ thịt mỡ, đậu xanh, lá dong là tượng cầm thú, cây cỏ muôn loài, đặt tên là bánh chưng. Lá bọc ngoài, mĩ vị để trong là ngụ ý đùm bọc nhau. Lang Liêu đã dâng lễ vật hợp ý ta. Lang Liêu sẽ nối ngôi ta, xin Tiên Vương chứng dám.*

Trong 2 thứ bánh có cả vũ trụ, đất trời, cầm thú, cỏ cây, lại có cả tình người đùm bọc lẫn nhau. Cả hương vị quê hương, đất nước, hồn thiêng dân tộc, ý chí cha ông như vẫn còn đọng lại trong câu chuyện dồi dào ý nghĩa này. Nguồn gốc của 2 loại bánh đã cho ta hiểu thêm những vẻ đẹp của cội nguồn dân tộc./. *

(Đã in trên tạp chí *VĂN HÓA DÂN GIAN*,
SỐ 6 (78) - 2001, T. 61 - 68.)

Tiết 03
TIẾNG VIỆT
TỪ VÀ CẤU TẠO CỦA TỪ TIẾNG VIỆT

1. Tìm hiểu bài:

1.1. Các em vừa học xong 2 truyền thuyết *Con Rồng, cháu Tiên* và *Bánh chưng, bánh giầy*. Các văn bản đó được đọc lên thành chuỗi

tiếng và những tiếng đó đã tạo nên những từ. Nhưng không phải cứ có bao nhiêu tiếng là có bấy nhiêu từ.

Ví dụ:

- Con / Rồng, / cháu / Tiên: Có 4 tiếng, tạo nên 4 từ: Con, rồng, cháu, tiên.
- Bánh chưng,/ bánh giầy: Có 4 tiếng, nhưng chỉ tạo nên 2 từ: bánh chưng, bánh giầy.
- Có hiện tượng trên là do từ trong tiếng Việt có nhiều cách cấu tạo khác nhau.

1.2. Tìm hiểu thêm qua các bài tập:

- *Bước 1*: Đếm số tiếng trong các câu sau:

a) Thần / dạy / dân / cách / trồng trọt,/ chăn nuôi / và / cách / ăn ở./ (12 tiếng)

b) Ai nấy / hồng hào, / đẹp đẽ. (6 tiếng)

c) Người / con trưởng / được / tôn / lên / làm / vua./ (8 tiếng)

- *Bước 2*: Theo sự xác định từ (phân cách bằng các gạch chéo), hãy cho biết số từ trong từng câu và so sánh với số tiếng nói trên:

a) 12 tiếng, 9 từ, ít hơn 3 từ.

b) 6 tiếng, 3 từ, ít hơn 3 từ.

c) 8 tiếng, 7 từ, ít hơn 1 từ.

- Ở cả 3 câu, số từ đều ít hơn số tiếng. Vì sao vậy?
- Vì có những từ chỉ gồm 1 tiếng, lại có những từ gồm 2 tiếng. Câu a,: 3 từ, câu b,: 3 từ, câu c,: 1 từ.

- *Bước 3*: Điền các từ trong 3 câu trên vào bảng dưới đây. Riêng các từ 2 tiếng, hãy suy nghĩ để xếp thành 2 nhóm, theo chỉ dẫn sau:

- Từ gồm 1 tiếng: Thần, dạy, dân, cách, và, cách, người, được, tôn, lên, làm, vua.
- Từ gồm 2 tiếng:

= 2 tiếng có nghĩa ghép với nhau: Chăn nuôi, ăn ở, ai nấy, con trưởng.

= Láy phụ âm đầu: Trồng trọt, hồng hào, đẹp đẽ.

- *Bước 4:* So sánh nghĩa của từng nhóm từ sau, xem chúng có gì khác nhau:

  a) Ăn / ở / ăn ở.

  b) Con / con trưởng.

  c) Hồng / hồng hào.

- *Bước 5:* Từ 5 bước trên, cho biết:

  a) Thế nào là tiếng? Thế nào là từ?

  b) Tiếng và từ khác nhau như thế nào và có quan hệ với nhau ra sao?

2. Bài học

2.1. Đơn vị cấu tạo từ:

- Đơn vị cấu tạo từ tiếng Việt là *tiếng*.
- Khi nói, mỗi tiếng được phát ra thành *một hơi*, giữa các tiếng có một *quãng nghỉ*.
- Khi viết, mỗi tiếng được viết ra thành *một chữ*, giữa các chữ có một *khoảng trống*.

  Ví dụ: Ta / vốn/ nòi / rồng / ở / miền / nước / thẳm./ Nàng / là dòng / Tiên / ở / chốn / non / cao. /

  Câu này gồm 16 tiếng, được viết thành 16 chữ.

2.2. Từ đơn và từ phức:

- Có những từ chỉ gồm 1 tiếng.

  Ví dụ: Thần, dạy, dân, cách, và, người, được, tôn, lên, làm vua...

  Đó là các từ đơn.

- Có những từ gồm 2 hoặc nhiều tiếng.

Ví dụ: Trồng trọt, chăn nuôi, con trưởng, ăn ở, ai nấy, sạch sành sanh, ríu ra ríu rít...

Đó là các từ phức.

2.3. Các loại từ phức: Từ ghép và từ láy.

- *Từ ghép* được tạo bằng cách ghép 2 hoặc nhiều tiếng có nghĩa với nhau. Bằng cách này, từ ghép có thêm những nghĩa mới.

  Có khi *khái quát hơn*: Ví dụ:

  + Ăn ở, khái quát hơn ăn, ở. Ở đây có nghĩa mới là cách sống.

  + Đùm bọc: Giúp đỡ, cưu mang, bảo vệ.

  + Hương vị: Sắc thái, không khí, nét đẹp riêng...

  Có khi *cụ thể hơn*: Ví dụ:

  Con trưởng, con trai, con gái, quan Lang, Mị Nương... nghĩa đều cụ thể hơn: con.

- *Từ láy* được tạo ra bằng những tiếng có âm thanh hòa phối với nhau:

  + Láy phụ âm đầu: Trồng trọt, hồng hào, đẹp đẽ, sạch sành sanh...

  + Láy vần: Bẽn lẽn, lao xao, lác đác, lom khom...

  + Láy toàn bộ tiếng: Xanh xanh, mờ mờ, cao cao...

- Nhờ *láy* mà nghĩa của các từ này rất sinh động, gợi hình, gợi thanh, gợi cảm...

▪ H. *ghi nhớ kiến thức cơ bản về cấu tạo từ trong (SGK, tr. 15)*

3. Bài tập:

3.1. a) Muốn biết từ nguồn gốc thuộc kiểu cấu tạo nào, hãy xem 2 tiếng *nguồn, gốc* có nghĩa hay không?

- Nếu cả 2 tiếng đều có nghĩa thì nó thuộc loại từ ghép.
- Nếu chỉ có 1 tiếng có nghĩa thì nó thuộc loại từ khác.
- Nghĩa của từ ghép ở đây rộng hơn nghĩa riêng của từng từ.

b) *Nguồn*: Nơi bắt đầu (sinh ra).

c) *Gốc*: Nơi bắt đầu của một thân cây.

d) *Nguồn gốc*: Tổ tiên, người sinh thành, nguồn cội...

3.2. Người Việt Nam ta là con cháu các vua Hùng.

Các vua Hùng là tổ tiên của người Việt Nam ta.

3.3. Tìm thêm các từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc kiểu: Con cháu, tổ tiên, ông bà.

Muốn vậy, cần tìm tiếng thứ nhất chỉ người trong gia đình và xã hội, sau đó ghép với tiếng thứ 2 có quan hệ thân thuộc:

Ông cha, cha con, vợ chồng, anh em, cô chú, cậu mợ, thầy trò...

3.4. Quy tắc sắp xếp các tiếng trong từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc:

- Theo giới tính: Ngang hàng nhau; Ông bà, bố mẹ, cậu mợ, cô chú, chú thím, dì dượng...
- Theo bậc trên dưới: Ông cha, con cháu, anh em, cháu chắt, mẹ con, bà cháu...
- Theo quan hệ gần, xa: Cô chú, dì dượng, cậu mợ...

3.5. Điền các tiếng đứng sau (kí hiệu: *X*) vào từ ghép được cấu tạo theo công thức: (*Bánh* + *X*)

- Cách chế biến bánh: Rán, nướng, xèo, trôi...
- Tên chất liệu của bánh: Nếp, tôm, tẻ, gai, khúc, khoai, đậu xanh...
- Tính chất của bánh: dẻo, xốp, ngọt, mặn...
- Hình dáng: gối, chưng, giầy, ít (Chóp)

3.6. Thay từ láy *thút thít* bằng những từ láy khác tả tiếng khóc:

Sụt sịt, khe khẽ, ti tỉ, rấm rứt, rưng rức, ấm ức, nghẹn ngào, tức tưởi...

3.7. Tìm nhanh các *từ láy*:

a) Tả tiếng cười: Khanh khách, khùng khục, ròn rã, khe khẽ, rúc rích,...

b) Tiếng nói: ồm ồm, oang oang, vang vang, sang sảng, trầm trầm, dịu dàng, đĩnh đạc..., tả dáng điệu: lom khom, hớt hải, bệ vệ, đon đả, lạch bạch, thướt tha...

3.8. Câu:

Ta vốn nòi rồng, ở miền nước thẳm, nàng là dòng tiên, ở chốn non cao.

Có bao nhiêu tiếng? Bao nhiêu từ?

* Có *từ phức* không hay chỉ toàn *từ đơn*?

- Thử tìm trong truyện *Con Rồng, cháu Tiên* một câu khác cũng chỉ có từ đơn?

3.9. Những từ sau thuộc kiểu cấu tạo nào? Nghĩa của nó có gì khác với mỗi đơn vị tạo thành chúng?

- Xứng đáng, ấm no, chứng giám, đùm bọc, hương vị.... (*Bánh chưng, bánh giầy*)
- *Ngẫm nghĩ* thuộc kiểu cấu tạo từ nào? Có người cho đó là từ láy phụ âm đầu. Ý kiến của em?

3.10. Thống kê các *từ láy* trong truyện *Nàng Út làm bánh ót*? Phân loại các từ đã thống kê được?

Tiết 4

TẬP LÀM VĂN

GIAO TIẾP, VĂN BẢN VÀ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

1. Tìm hiểu bài:

1.1. 3 truyền thuyết chúng ta vừa học là những *văn bản viết*.

- Bạn em chuyển vào học tại thành phố Huế. Em viết thư kể chuyện hoạt động hè của học sinh Hà Nội cho bạn biết. Đó cũng là một *văn bản viết*.

- Em gái của em viết đơn xin được sinh hoạt tại Nhà văn hóa quận Hoàn Kiếm. Nó đã làm một *văn bản viết.*
- Hôm qua, Việt vừa nhận được một bức thư ngắn như sau:

Việt yêu quí!

Nhân ngày sinh của Việt, Nam chúc Việt luôn mạnh khoẻ, học giỏi và hạnh phúc. Biết bạn thích chơi cầu lông, mình tặng Việt một cây vợt. Mong Việt sẽ thành một cây vợt cầu lông xuất sắc của trường.

Ngày 18/ 3/ 2002
Bạn thân
Văn Nam

* Có thể xem bức thư trên là một văn bản được không? Vì sao?

- Chị em mới nhận được một Thiếp mời dự cưới. Theo em, Thiếp mời ấy có phải là một văn bản viết không? Vì sao?

1.2. Mỗi buổi chào cờ đầu tuần, thầy Hiệu trưởng đều nói về một chủ đề nào đó cho giáo viên và H. toàn trường nghe. Đó là những *văn bản nói.*

- Tuấn kể cho cả lớp nghe về chuyến tham quan nhà máy thủy điện sông Đà mà bạn ấy được tham gia. Vậy, đó có phải là một văn bản nói hay không? Vì sao?
- Trong ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11, bạn Tính- lớp trưởng đã thay mặt cả lớp chúc mừng cô giáo chủ nhiệm. Bạn ấy đã thực hiện một văn bản nói? Đúng không? Vì sao?
- Trong cuộc hội thảo với chủ đề: Học sinh với việc giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, nhiều bạn đã phát biểu ý kiến của mình. Đó cũng chính là những văn bản nói.
- Bà mẹ anh hùng đã kể cho lớp em nghe về cuộc đời và những chiến công thầm lặng của mẹ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. Mẹ đã làm một văn bản nói.

1.3. Từ 10 ví dụ trên, hãy nêu nhận xét của em về:

- Văn bản được viết, nói ra bằng gì? (Chuỗi câu, lời)
- Văn bản được viết, nói ra để làm gì? (đạt mục đích giao tiếp)
- Muốn vậy, nội dung (chủ đề) của nó phải như thế nào? (thống nhất)
- Muốn vậy chuỗi lời, câu phải như thế nào? (liên kết, mạch lạc).

* Đó là 4 yếu tố chủ yếu để tạo thành văn bản. Ví dụ: Trong bức thư của Nam gửi Việt:
  + Đó là một chuỗi lời, gồm 2 câu viết.
  + Nhằm chúc mừng ngày sinh nhật của bạn.
  + Nội dung (chủ đề) thống nhất: Chúc mừng, tặng quà.
  + Đảm bảo sự liên kết, mạch lạc: Nhân ngày sinh nhật - chúc mừng - biết ý thích của bạn - tặng quà - mong bạn đạt mơ ước.

2. Bài học

2.1. Văn bản và mục đích giao tiếp:

2.1.1.a) H. đọc câu tục ngữ sau và trả lời câu hỏi:

Làm khi lành để dành khi đau.

- Câu tục ngữ được tạo bằng vật liệu gì? (lời nói)
- Nhằm mục đích gì? (nhắn nhủ, khuyên người nghe)
- Chủ đề gì? (Cần phòng xa, lo toan trong cuộc sống)
- Mạch liên kết như thế nào? (Hãy làm khi lành (khoẻ) để mà có cái để dành khi ốm đau, không làm được.)

b) Kết luận: Có đủ 4 yếu tố của một văn bản nên câu tục ngữ trên là một văn bản.

c) Văn bản là chuỗi lời phát biểu miệng hay bài viết có chủ đề thống nhất, có sự liên kết, mạch lạc, nhằm đạt mục đích giao tiếp.

2.1.2. Tùy theo mục đích giao tiếp mà văn bản có nhiều kiểu loại khác nhau. Có văn bản nói (Giao tiếp trực tiếp giữa người nói với người

nghe). Có văn bản viết (Giao tiếp gián tiếp giữa người viết với người đọc qua bài viết). Cả 2 loại văn bản đó đều có nhiều kiểu tùy theo mục đích giao tiếp cụ thể. Chẳng hạn như: Chào mừng, kêu gọi, cầu xin, thông báo, kể chuyện, bàn luận, biểu cảm...

** Văn bản đã nêu trên thuộc các kiểu văn bản nào?*

2.2. Kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của văn bản:

2.2.1. Tùy theo mục đích giao tiếp mà người ta sử dụng các kiểu văn bản với các phương thức biểu đạt phù hợp. Có các phương thức biểu đạt sau:

** Kiểu văn bản, Phương thức biểu đạt*	** Mục đích Giao tiếp*
1. Tự sự	+ Kể diễn biến sự việc.
2. Miêu tả.	+ Tả trạng thái, sự vật, con người.
3. Thuyết minh.	+ Giới thiệu, đặc điểm, tính chất...
4. Nghị luận.	+ Nêu ý kiến, bàn luận.
5. Biểu cảm.	+ Thể hiện tình cảm.
6. Hành chính - công vụ.	+ Quyền hạn, trách nhiệm.

2.2.2. Cho các tình huống giao tiếp sau, hãy lựa chọn kiểu văn bản và phương thức biểu đạt phù hợp:

+ Hai đội bóng đá muốn xin phép sử dụng sân vận động của thành phố. (Hành chính - công vụ)
+ Tường thuật diễn biến trận đấu bóng đá. (Tự sự)
+ Tả lại một vài pha bóng đẹp trong trận đấu. (Miêu tả)
+ Giới thiệu quá trình thành lập và thành tích thi đấu của 2 đội. (Thuyết minh)
+ Bày tỏ lòng ham thích môn thể thao vua. (Biểu cảm)
+ Bác bỏ ý kiến, cho rằng quyền anh là môn thể thao dã man, tàn bạo. (Nghị luận)

* *H. ghi nhớ các kiến thức cơ bản về văn bản và phương thức biểu đạt trong (SGK, tr. 18).*

3. Bài tập (Gợi ý cách giải):

3.1. Xác định kiểu văn bản của 3 truyền thuyết vừa học. Vì sao em biết chắc như vậy?

* Muốn biết các truyền thuyết trên thuộc kiểu văn bản nào, cần xem mục đích giao tiếp của nó là gì? Từ đó, mới có thể xác định đúng kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của chúng. Cả 3 văn bản đều nhằm kể lại diễn biến sự việc, những chuyện thời Hùng Vương. Bởi vậy, chúng phải là kiểu văn bản....?

3.2. Làm bài tập 1 SGK.

* *Gợi ý:* a, Tự sự. b, Miêu tả.
c, Nghị luận. d, Biểu cảm. e, Thuyết minh.

3.3. Các đoạn văn dưới đây thuộc phương thức biểu đạt nào?

- Sao chàng bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi các con? (Biểu cảm)
- Ta vốn nòi rồng.... đừng quên lời hẹn. (Biểu cảm)

(Con Rồng, cháu Tiên)

- Tổ tiên ta từ khi dựng nước...Tiên Vương chứng giám. (Thuyết minh)
- Bánh hình tròn là tượng Trời... xin Tiên Vương chứng giám. (Thuyết minh)

(Bánh chưng, bánh giầy)

- Trong trời đất... mà lễ Tiên Vương. (Nghị luận)
- Ngày Tết... giải nhất. (Tự sự)

3.4. Tập viết một văn bản theo ý thích của mình.

3.5. Đội TNTP Hồ Chí Minh lớp em tổ chức diễn đàn *Khăn quàng thắm mãi vai em*. Em hãy chuẩn bị một văn bản nói để phát biểu trong diễn đàn ấy. /.

Phụ lục 2

* LỚP 6, *TẬP 2*

- ***Các "Thiết kế giáo án thể nghiệm bài dạy học tác phẩm văn chương" dưới đây được soạn theo hướng "Tích hợp" và các phương pháp Tích cực, được thực hiện tại các trường THCS Nghĩa Tân, Bán công chuyên Ngữ, Dân lập Nguyễn Bỉnh Khiêm quận Cầu Giấy và trường CĐSP Hà Nội trong năm học 2000 - 2001.***

Thiết kế giáo án 1

* *Người soạn và dạy*: Cao Bích Xuân;

Giáo viên trường THCS NghĩaTân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

* *Ngày dạy*: Tiết 3,4 ngày thứ 4- 14/02/2001, tại lớp 6b1.

Tuần 21

BÀI 21

Tiết 1 - 2

VĂN HỌC

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

(Chuyện kể của một em bé người An-dát)

Anphôngxơ-Đôđê (Pháp)
(Theo bản dịch của Trần Việt - Anh Vũ,
trong tập "Những vì sao"
NXB Văn học, Hà Nội, 1981.)

A. Kết quả cần đạt

Qua 02 tiết học, giúp học sinh nắm vững:

1. Cốt truyện, nhân vật và chủ đề tư tưởng của truyện. Qua câu qua chuyện về buổi học tiếng Pháp cuối cùng trong vùng An-dát bị quân Phổ chiếm đóng và hình ảnh cảm động của thầy giáo Ha-men, truyện đề cao tình yêu tiếng mẹ đẻ, tiếng nói dân tộc - một trong những biểu hiện của tình yêu nước.

2. Tác dụng của phương thức kể chuyện ở ngôi thứ nhất: Dễ dàng đi sâu vào tâm tư, tình cảm sâu kín); nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật phù hợp với lứa tuổi qua ngoại hình, ngôn ngữ, cử chỉ, hành động; đặc biệt là tác dụng của biện pháp nghệ thuật so sánh tu từ làm giàu ý nghĩa của truyện, làm rõ ý nghĩ của nhân vật.

3. *Tích hợp* với phần tiếng Việt ở biện pháp tu từ so sánh; với phần tập làm văn ở ngôi kể, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật.

4. Rèn luyện kỹ năng quan sát, nhận xét văn bản, đọc và tóm tắt truyện.

5. Đồ dùng trực quan:

   - Ảnh hoặc tranh chân dung Đôđê phóng tọ.

   - Máy chiếu hắt chiếu một số đoạn văn cần thiết.

6. Phương pháp, biện pháp thực hiện: Gợi mở, đàm thoại, giảng bình, nêu vấn đề, đọc, kể sáng tạo.

7. Dự kiến tiến trình dạy học:

- ***Tiết 1:***

  I. Tác giả,

  II. Đọc, tóm tắt truyện,

  III. Tìm hiểu chi tiết truyện:

  1. Chú bé Phrăng: a) Trên đường tới trường.

     b) Trong buổi học cuối cùng

     - Ngạc nhiên

     - Choáng váng.

- ***Tiết 2:*** *(Tiếp)*

  - Ân hận, nuối tiếc, đau lòng
  - Yêu thương

2. Thầy giáo Ha-men:

   a) Trang phục,

   b) Thái độ với học trò,

   c) Nói và giảng tiếng Pháp,

   d) Hành động, cử chỉ cuối buổi học.

   **Luyện tập 1.*

IV. Tổng kết

   ** Luyện tập 2.*

B. Thiết kế bài dạy học

- ***Tiết 1***

Hoạt động 1

TỔ CHỨC KIỂM TRA BÀI CŨ.

(HÌNH THỨC VẤN ĐÁP)

* *Câu hỏi 01:*

- Tóm tắt đoạn trích "*Vượt thác*" bằng một đoạn văn từ 8 đến 10 câu?

* *Câu hỏi 02:*

- Vì sao nhà văn lại viết: "Dương Hương Thư giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh?"

* *Câu hỏi 03:*

- Bài "*Vượt thác*" giúp em hiểu thêm được những gì về cuộc sống và con người?

Hoạt động 2

DẪN VÀO BÀI

- Từ đầu học kì 2, các em đã được học một số truyện ngắn hoặc trích đoạn truyện dài của các nhà văn Việt Nam hiện đại. Hôm nay, chúng

ta chuyển qua nước Pháp, làm quen với tác giả nổi tiếng ở thế kỉ 19; Anphôngxơ - Đôđê qua truyện ngắn đặc sắc"*Buổi học cuối cùng.*"

Hoạt động 3
HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU TÁC GIẢ

- *1. Tác giả: (1840 - 1897),* tác giả của nhiều truyện ngắn nổi tiếng.
  - G. Dựa vào mục chú thích, em hãy nói lại vắn tắt về Đôđê?
  - H. Trình bày.
  - G. Bổ sung: Xuất thân trong một gia đình nghèo, phải bỏ học giữa chừng để kiếm sống và viết văn. (Treo ảnh chân dung nhà văn)

Hoạt động 4
ĐỌC, KỂ TÓM TẮT TRUYỆN

- G. - Em hiểu thế nào về ý nghĩa cái tên truyện: "*Buổi học cuối cùng*"?
  - Câu chuyện diễn ra trong hoàn cảnh thời gian, địa điểm nào?
- H. Trả lời.

* *Định hướng:*

- Truyện kể về buổi học tiếng Pháp cuối cùng trong lớp học của thầy Ha-men ở một trường làng tại vùng *An- dát* (Miền tây nước Pháp). Đó là thời kì sau cuộc chiến tranh Pháp - Phổ (1870-1871). Nước Pháp thua trận, phải cắt hai vùng An-dát, Loren cho Phổ. Theo lệnh của chính quyền Phổ, các trường học ở đây không được dạy học bằng tiếng Pháp nữa. Bởi vậy, tác giả đặt tên là "*Buổi học cuối cùng.*"

- G. Nêu yêu cầu cách đọc:
  - Giọng đọc thay đổi theo tâm trạng của chú bé Phrăng, người kể chuyện. Đoạn cuối là cao trào, cần đọc với nhịp dồn dập, nhanh, xúc động.
- H. Nối tiếp nhau đọc và tóm tắt truyện.

- G. Hướng dẫn H. tìm hiểu bố cục truyện: 3 đoạn,

  1. ... vắng mặt con: Quang cảnh buổi sáng, tâm trạng của Phrăng trên đường tới lớp học.

  2. ... Diễn biến buổi học cuối cùng.

  3. ... cảnh kết thúc buổi học cuối cùng.

- G. Trong truyện có những nhân vật nào? Ai đã gây cho em ấn tượng nổi bật nhất? Vì sao?
- H. Lựa chọn, kiếm tìm, thảo luận, phát biểu.

* *Định hướng:*

- Truyện có nhiều nhân vật chính, phụ, nhưng hai nhân vật Phrăng và Ha-men đóng vai trò nổi bật nhất. Thầy giáo già Ha-men gây cho con xúc động hơn cả.

Hoạt động 5
HƯỚNG DẪN ĐỌC-
TÌM HIỂU CHI TIẾT TRUYỆN

1. Nhân vật chú bé Phrăng:

a) Trên đường tới trường:

- H. Chọn đọc những chi tiết thể hiện tâm trạng của Phrăng trên đường tới trường. Từ đó rút ra nhận xét gì không bình thường?

* *Định hướng:*

- Đầu tiên, Phrăng định trốn học để rong chơi trên đồng nội vì: - Đến muộn giờ lên lớp, không thuộc bài, cảnh thiên nhiên đẹp đang vẫy gọi; "*Trời ấm, trong trẻo thế! chim sáo hót ven rừng*";

  Nhưng cuối cùng, chú bé đã cưỡng lại được ý muốn này.

  Đó là điều bình thường.

  Thấy nhiều người đứng trước bảng dán *cáo thị*. Lại có chuyện gì nữa đây? Đó cũng vẫn là bình thường!

  Bác phó rèn Oat-stơ định nhạo em?!

  Cũng vẫn bình thường!

- G. hỏi:
  - Một buổi sáng trên đường tới trường, chứng kiến cảnh và người, trong tâm trạng bình thường nhất của chú bé học trò lười, ham chơi, hình như đã có cái gì đó không bình thường?

b) Trong buổi học cuối cùng:

- G. Phác họa lại diễn biến ý nghĩ và tâm trạng của chú bé Phrăng trong buổi học cuối cùng?
  - Thái độ của chú đối với việc học tiếng Pháp thay đổi như thế nào?
- H. Quan sát đoạn 2, trình bày.

* *Định hướng:*

\+ Ngạc nhiên: (*Bộc lộ qua sự quan sát, nhận xét, so sánh*)

- Mọi ngày, tiếng ồn ào như vỡ chợ, nhưng hôm đó, tất cả đều bình lặng y như một buổi sáng chủ nhật.
- Phrăng sợ thầy mắng, nhưng thầy lại rất dịu dàng.
- Không khí lớp có cái gì khác thường?
- Thầy mặc lễ phục trang trọng.
- Dân làng cũng ngồi trong lớp lặng lẽ, buồn rầu...

- G. - Vì sao từ ngạc nhiên, chú bé lại chuyển sang *choáng váng?*
  - *Choáng váng* là tâm trạng như thế nào?
- H. Lí giải, phân tích, phát biểu.

* *Định hướng:*

- *Choáng váng* vì lời tuyên bố của thầy giáo:

"Đây là buổi học cuối cùng!"

Đó là tâm trạng xúc động mạnh, khó chịu, không giữ được thăng bằng, muốn ngất. Phrăng hiểu ra vấn đề, căm giận kẻ thù, tiếc vì không được học tiếp tiếng Pháp nữa. (*Tự hỏi mình*).

(Hết tiết 1, chuyển tiết 2)

- G. - Vì sao Đôđê đặt tên cho truyện ngắn của mình là:

  "Buổi học cuối cùng"?

  - Vì sao khi tới trường, vào lớp, chú bé Phrăng hết từ ngạc nhiên lại đến choáng váng?
  - Nhà văn đã chọn ngôi kể như thế nào?
  - Tác dụng của ngôi kể này?

- H. Phân tích, lí giải, thảo luận.

* *Định hướng:*

\+ *Choáng váng.*

  - Chọn *ngôi kể thứ nhất* (Phrăng tự kể về tâm trạng của mình). Chọn ngôi kể này có tác dụng rất lớn trong việc bộc lộ nội tâm nhân vật chính, làm tăng độ tin cậy của người đọc.

\+ Ân hận, đau lòng, nuối tiếc.

  - Tự giận mình vì lãng phí thời gian, trốn học đi chơi.
  - Đau lòng, nuối tiếc vì phải giã từ, không còn được học tiếng Pháp.
  - Càng ân hận, day dứt vì không thuộc bài.

\+ Yêu thương.

  - Khi nghe thầy giảng về tiếng Pháp, Phrăng kinh ngạc nhận thấy mình hiểu bài rất rõ, chưa bao giờ chăm chú đến thế.
  - Khi viết tập: Suy nghĩ bằng những so sánh, tượng trưng: Như những lá cờ bay phấp phới, như những nét sổ...

    (Tâm lí trẻ thơ được gài ngay khi diễn tả ý nghĩ, tâm trạng của nhân vật rất hồn nhiên, giàu ý nghĩa.)

\+ G. Bật máy *chiếu* đoạn văn 1, trong có 3 so sánh.

\+ G. Tìm những chi tiết tả âm thanh giàu ý nghĩa?

\+ H. Kiếm tìm, phát biểu.

* *Định hướng:*

  - Tiếng chim gù, tiếng bọ dừa bay vu vu...Tác giả đã dùng những âm thanh rất nhỏ để tả sự im lặng, nặng nề của không khí lớp học.

+ Nghĩ về các cụ già- những học sinh đặc biệt trong buổi học cuối cùng.

- Những người dân muốn trọn đạo với Tổ quốc- tiếng Pháp đang sắp phải ra đi. Tình yêu tiếng mẹ đẻ cũng chính là một biểu hiện của tình yêu nước. Hình ảnh cụ già Hô-de trịnh trọng, trang nghiêm đánh vần từng chữ theo bọn trẻ thật vô cùng cảm động.

▪ G. Bật máy *chiếu* đoạn văn 2.

* *Tiểu kết về nhân vật Phrăng*:

- Vừa là nhân vật chính, vừa đóng vai người kể chuyện, qua sự biến đổi tâm trạng, thái độ, tình cảm trên đường tới trường, tới lớp, nhất là trong buổi học cuối cùng, trong con mắt trẻ thơ hồn nhiên, tác giả đã thể hiện rất thành công lòng yêu nước thiết tha của nhân dân Pháp, từ trẻ đến già qua tình yêu tiếng Pháp - tiếng mẹ đẻ sắp bị quân thù cấm ngặt.

2. Nhân vật thầy giáo Ha-men

▪ G. *Nói lời chuyển tiếp*:

- Nhưng linh hồn của buổi học cuối cùng chính là thầy giáo Ha-men. Đó là một trong những thành công đặc sắc của Đôđê trong truyện ngắn này. Qua cái nhìn và cảm nhận của chú bé Phrăng, nhân vật Ha- men đã hiện lên như thế nào?

▪ H. Kiếm tìm các chi tiết, hình ảnh phù hợp, tập khái quát, phát biểu.

* *Định hướng:*

- Thầy giáo Ha- men hiện lên qua đôi mắt trẻ thơ của chú bé Phrăng, qua trang phục, thái độ đối với học trò, qua những lời giảng bằng tiếng Pháp, đặc biệt là qua những cử chỉ và hành động khác thường cuối buổi học.

+ *Trang phục*:

- Sáng nay, thầy mặc đẹp - bộ quần áo ngày lễ, để tôn vinh buổi học tiếng Pháp cuối cùng.

+ *Thái độ của thầy đối với học trò*:

- Sáng nay, thầy rất dịu dàng vì thầy sắp phải xa trường, xa lớp, xa lũ học trò nghịch ngợm, nhất là phải xa những giờ học bằng tiếng mẹ đẻ - tiếng Pháp yêu thương.

+ *Lời nói* của thầy trong giờ học cuối cùng:

  - Lần cuối cùng, thầy được nói và giảng bài bằng tiếng Pháp - tiếng mẹ đẻ. Giọng thầy vang lên dịu dàng, ấm áp, đầy xúc động ngay cả khi phê bình, trách nhẹ thái độ thờ ơ đối với việc học tiếng mẹ đẻ của các học sinh.

    "Con bị trừng phạt như thế là đủ rồi, nhưng thật đáng xấu hổ với lương tâm vì là người Pháp mà không đọc và hiểu rõ các từ ngữ thông thường của tiếng mẹ đẻ. Con cũng không còn có dịp để trì hoãn việc học đến ngày mai nữa đâu vì ngày mai, tất cả các con đã phải học, nói bằng tiếng Đức rồi!"

  - Giọng thầy vang lên đau xót và đầy luyến tiếc. Thầy trách cả một số bậc cha mẹ học sinh mải công việc làm ăn, mưu sinh mà sao nhãng việc học hành của con em mình. Thầy lại còn tự trách chính bản thân mình đôi khi sai học trò tưới vườn hay cho nghỉ học để thầy đi câu cá... Càng nói, thầy càng xúc động nghẹn ngào.

  - Rồi thầy ca ngợi tiếng Pháp, tiếng mẹ đẻ, tiếng quê hương, thứ tiếng trong sáng nhất, hay nhất, vững vàng nhất, phải giữ lấy nó, đừng bao giờ lãng quên,

    "Bởi vì khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù..."

* *Bật máy chiếu hắt đoạn văn 3*

▪ G. *hỏi*:

  - Ý nghĩa của đoạn văn trên?

  - Tại sao thầy lại nói như vậy?

  - Liệu các học trò của thầy có hiểu hết được ý tứ của thầy?

▪ H. Phân tích, bàn luận, tự do phát biểu.

* *Định hướng:*

- Thầy đã nói lên một chân lí khái quát, không chỉ đúng với nước Pháp mà còn đúng với mọi dân tộc, quốc gia khi đứng trước nguy cơ mất độc lập, tự do. Xưa nay không kẻ thù xâm lược nào, không muốn hủy hoại, tiêu diệt hoặc đồng hóa ngôn ngữ dân tộc bị chúng đô hộ. Bởi vậy, giữ được tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình, chính là giữ được chiếc chìa khóa để mở cửa lao tù, giành lấy tự do.

+ *Cử chỉ, hành động của thầy Ha-men cuối buổi học:*

▪ H. Đọc đoạn cuối truyện, phân tích ý nghĩa ba loại âm thanh nối tiếp và cùng vang lên trong buổi trưa hôm ấy.

▪ G.- Tại sao lúc ấy "*thầy Ha-men đứng dậy, người tái nhợt*"?

- Người *tái nhợt* nghĩa là thế nào?
- Tại sao thầy nghẹn ngào, không nói được hết câu?
- Dòng chữ bằng tiếng Pháp được viết thật to, thật mạnh trên tấm bảng đen có ý nghĩa gì?

▪ H. Tiếp tục trao đổi, bình luận.

* *Định hướng:*

- Không phải ngẫu nhiên cùng lúc ấy vang lên nối tiếp và đồng thanh ba âm thanh khác nhau:
- *Tiếng chuông đồng hồ*
- *Tiếng chuông nhà thờ,*
- *Tiếng kèn của bọn lính Phổ đi tập về.*

Đó là ba âm thanh rất có ý nghĩa, tác động mạnh tới tâm trạng của thầy Ha-men. Hai âm thanh đầu gợi cuộc sống bình yên, muôn đời. Âm thanh sau gợi tình hình hiện tại. Tiếng kèn của đội quân xâm lược vang lên chói gắt, khó chịu, lại nhắc thầy buổi học cuối cùng trong tự do đã sắp kết thúc. Giờ chia tay với học trò, với tiếng Pháp đã điểm.

Người *tái nhợt* là màu sắc hay chính là tâm trạng của thầy: Lo lắng, xúc động nghẹn ngào, đau đớn cao độ đến mức không nói được hết câu lại khiến thầy bật ra hành động cuối cùng.

Câu viết:

"Nước Pháp muôn năm!" *to, đậm, trên bảng đen thể hiện một tình cảm nồng nàn yêu nước, tha thiết với tiếng Pháp - tiếng mẹ đẻ, một quyết tâm, một lời thề, một niềm tin son sắt với Tổ quốc "sắp phải ra đi"!*

\+ *G. Bật máy chiếu hắt đoạn văn 4.*

- G. Khác với nhân vật Phrăng, nhân vật thầy giáo Ha-men được thể hiện qua trang phục, lời nói, cử chỉ, hành động, qua đôi mắt trẻ thơ và cảm nhận ngây thơ của chú học trò nhỏ, nghịch, lười. Nhưng chính vì vậy nó lại sinh động và mang dáng vẻ riêng. Người thầy giáo già, khắc khổ, hiền từ, nghiêm nghị thật lớn lao, đáng kính trọng.
- G. Chuyển mạch, giới thiệu tình yêu tiếng mẹ đẻ của nhà thơ *Đaghextan Gamdatôp* qua đoạn thơ *"Tiếng mẹ đẻ"* (SGK.tr.53). H. đọc đoạn thơ trên màn hình 5.

Hoạt động 6
HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT, LUYỆN TẬP

- **G. bật máy *chiếu hắt* nội dung mục "*Ghi nhớ*" (SGK.tr.52).H. trình bày lại.**
- **G. *hỏi*:**

Thử khái quát những đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn này?

- **H. trả lời.**
- **G. - Bật máy *chiếu hắt* đoạn văn khái quát nghệ thuật, H. tự ghi vào vở.**

- Đọc một đoạn bài "*Nằm trong tiếng Việt*" của Huy Cận:

"Nằm trong tiếng Việt yêu thương,
Nằm trong tiếng Việt vấn vương một đời.
Êm như tiếng mẹ đưa nôi..."

- H.- Viết từ 3-5 câu ghi cảm nghĩ của con về ba câu thơ trên hoặc bốn câu thơ của *Lưu Quang Vũ* (SGK.tr. 52)

- Soạn bài: *Đêm nay Bác không ngủ*./.

Thiết kế giáo án 2

* *Người soạn và dạy*: **Nguyễn Hữu Yến,**

Giáo viên trường **THPT-THCS** ***bán công Chuyên ngữ***,

Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

* *Thời gian dạy*: Tiết 3,4 ngày thứ ba, 17/ 01/ 2001,

tại lớp 6A chuyên Pháp, THCS *bán công Chuyên ngữ*,

quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Tuần 19

BÀI 19

Tiết 1 -2
VĂN HỌC
BỨC TRANH
CỦA EM GÁI TÔI

Tạ Duy Anh

(Rút từ tập "Con dế ma",

NXB Kim Đồng, Hà Nội- 1999)

A. Kết quả cần đạt

1. Học sinh nắm vững nội dung, ý nghĩa của truyện, nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tâm lí nhân vật của tác giả.

2. *Tích hợp* với phân môn *tiếng Việt* ở khái niệm so sánh, với phân môn *Tập làm văn* ở kỹ năng *quan sát, tưởng tượng, nhận xét trong văn miêu tả* (Tả người, tả cảnh thiên nhiên). Cách kể chuyện ở *ngôi kể thứ nhất*.

3. Rèn luyện kỹ năng so sánh, quan sát, tưởng tượng trong phân tích, tìm hiểu truyện.

4. Phương pháp, biện pháp dạy học: *Theo nhóm.*

5. Chuẩn bị:

- Học sinh chuẩn bị bài theo hệ thống câu hỏi và bài tập riêng của giáo viên giao từ trước 03- 04 ngày.
- G. Chia lớp thành 04 nhóm (04 tổ). Hướng dẫn nhóm trưởng, nhóm phó cách tổ chức học, ghi biên bản.
- Dự kiến tiến trình dạy học:

* *Tiết 1*: Học ở *nhóm.*

* *Tiết 2*: Thảo luận chung trên lớp.

B. Thiết kế bài dạy học

Tiết 1

DẠY HỌC THEO *NHÓM*

1. *5 phút đầu tiên:*

- G. hướng dẫn nhanh các nhóm trưởng cách học nhóm.
  - Các nhóm phó điều khiển nhóm kê bàn ghế quay vào nhau thích hợp với việc học nhóm.

2. Đọc, kể chuyện sáng tạo. *15 phút tiếp theo.*

3. Tìm hiểu cốt truyện, xác định nhân vật chính, ngôi kể. *10 phút tiếp.*

4. Phân tích nhân vật người anh. *10 phút tiếp.*

5. *5 phút cuối*:

Đánh giá nhân vật *Kiều Phương.*

* Khi các nhóm thảo luận, học tập, G. quan sát, theo dõi, lắng nghe từng nhóm, nhắc nhở, điều chỉnh nội dung, tiến độ.

Tiết 2

THẢO LUẬN TRÊN LỚP

I. *Trao đổi về tác giả, tác phẩm*:

- Tạ Duy Anh (9/9/1959), quê Hà Tây, cây bút trẻ nổi lên trong thời kì đổi mới văn học những năm tám mươi. Truyện ngắn "*Bức tranh của em gái tôi*" đạt giải nhì trong cuộc thi viết cho thiếu nhi năm 1998.
- *Tóm tắt truyện trong khoảng 10 câu:*

  "Tôi" (Người anh) đặt biệt hiệu cho em gái là Mèo, hay coi thường em bẩn thỉu, bừa bãi, bướng bỉnh. Cả nhà mừng vui khi phát hiện ra tài năng khác thường của Mèo con, riêng anh lại buồn rầu, ghét ghen, đố kị. Lén xem tranh của em gái, lại thêm xa lánh em. Nhưng khi được Mèo rủ đi nhận giải thưởng bức tranh của em, đứng trước bức chân dung của bản thân thì người anh ân hận, hối lỗi, xấu hổ muốn khóc vì mình quá tồi, vì tình cảm nhân hậu và trong sáng của em gái.
- Truyện được kể theo ngôi thứ nhất (Người anh xưng "tôi"). Diễn biến tâm trạng của nhân vật người anh - người kể chuyện - được tự thể hiện, phân tích, tự nhận thức, phê phán, tự hoàn thiện mình.
- Các nhân vật chính của truyện:

  1. Người anh?
  2. Em gái- "Mèo"?
  3. Cả hai anh em?

  Nhân vật người anh có vai trò quan trọng nhất bởi nó thể hiện chủ đề chính của truyện.

II. Hướng dẫn đọc, kể, tìm hiểu, phân tích chi tiết truyện

1. Nhân vật người anh

a) Thái độ thường ngày đối với em gái:

- Đặt biệt hiệu cho em là "Mèo" - "Mèo con".
- Chê bai, coi thường em gái bẩn thỉu, nghịch ngợm, trẻ con.

b) Khi tài năng của Mèo con được phát hiện, cả nhà cùng chú họa sĩ Tiến Lê đều mừng vui, kinh ngạc, nhưng riêng người anh lại buồn rầu, muốn khóc. Chú bé thất vọng vì mình bất tài, bị cả nhà lãng quên, bỏ rơi. Chú cảm thấy khó chịu, hay gắt gỏng và không thể thân với em gái như trước. Vì em gái tài giỏi hơn mình. Từ tự ái dẫn đến tự ti, đố kị ngay cả đối với người ruột thịt của mình. Đó là bước chuyển một trong diễn biến tâm trạng của người anh.

c) Hành động lén lút xem tranh của em thể hiện tâm trạng mâu thuẫn vừa như không muốn quan tâm đến thành công của em vừa không nén nổi tò mò. Người anh tự coi khinh việc làm của mình, nhưng vẫn làm là vì thế. Nhưng được tận mắt ngắm thành công của em, sự ngộ nghĩnh, chân thật và trong sáng của tâm hồn em gái qua các bức tranh, anh bỗng "trút tiếng thở dài lén lút". Anh cảm thấy kém cỏi, bé mọn trước em gái nhỏ mà trước đây anh vẫn coi thường. Tính độc đoán, gia trưởng của người anh khiến anh có hành động xấu chơi với em như vậy.

d) Tâm trạng của người anh khi đứng trước bức chân dung của chính mình do em gái đem hết tâm hồn, tình cảm và tài năng vẽ nên:

- Ngạc nhiên, ngỡ ngàng đến "sững người" vì không thể ngờ.
- Hãnh diện, tự hào vì dáng vẻ của chính mình.
- Xấu hổ vì thái độ và những suy nghĩ, hành động tồi tệ, nhỏ nhen của mình đối với em bấy lâu nay. Anh tự thấy mình không xứng đáng được em trân trọng, đề cao như thế.
- Lại muốn khóc quá. Nhưng lần này, đó là tiếng khóc ăn năn, hối lỗi, tự phê phán sâu sắc. Suy nghĩ của anh: Không nhận đó là chân dung của mình mà là tấm lòng nhân hậu và tâm hồn tuyệt vời trong sáng của em, là sự tự nhận thức chân thành nhất.

* *Tóm lại*

Trong ngôi kể thứ nhất, nhân vật người anh có dịp bộc lộ sâu sắc, tinh tế, chân thực diễn biến tâm trạng của mình, tự phê phán những khiếm khuyết trong tình cảm và cách đối xử của mình với đứa em gái nghịch ngợm, có tài và rất yêu quý rộng lượng với anh.

Anh luôn tự dằn vặt, day dứt, mặc cảm, hổ thẹn, ngạc nhiên, vui mừng, hãnh diện... Sự hấp dẫn của hình tượng này là ở đó.

2. *Nhân vật cô em gái*

- *Họa sĩ tương lai* **"Mèo con"**

+ Tài năng và tính cách được thể hiện qua cái nhìn và cảm nhận, suy nghĩ của người anh.
+ Cô bé nghịch ngợm, hiếu động, bướng bỉnh.
+ Tài năng hội họa bẩm sinh.
+ Tâm hồn trong sáng, nhân hậu.
+ Trong sự đối lập với nhân vật người anh, cô em gái như tấm gương để anh tự soi mình, sửa mình, tự vượt lên những hạn chế của chính mình.

III. Hướng dẫn Tổng kết, Luyện tập

1. H. nói lại nội dung mục *"Ghi nhớ"* (SGK. tr.32)
2. G. *chốt* lại những nét chủ yếu về ý nghĩa tư tưởng và nghệ thuật của truyện.
   - Tính ghen ghét, tự ái, đố kị, mặc cảm, tự ti... là những tính xấu nhưng thường gặp ở con người, nhất là tuổi trẻ.
   - Lòng nhân ái, độ lượng, tâm hồn trong sáng có thể giúp con người vượt lên, khắc phục được những tính xấu trên để tự hoàn thiện mình.
   - Tác dụng nghệ thuật của *ngôi kể thứ nhất* trong việc thể hiện tâm trạng của nhân vật tự phê phán.
3. Viết một đoạn văn khoảng 5, 6 câu về ấn tượng của em đối với nhân vật người anh.
4. Nếu em là cô em gái có một người anh như thế, em sẽ xử sự thế nào?
5. Vẽ *tranh minh họa tự chọn* đề tài theo nội dung truyện.
6. Soạn bài 20: *"Vượt thác"*

** Lưu ý về phương pháp:*

- G. - *Giải đáp* những thắc mắc của *các nhóm* đưa lên.
  - *Kết luận ngắn gọn* một số vấn đề theo trình tự trên.
  - Trao đổi tiếp với H. *các vấn đề mới nảy sinh trong tiết trao đổi, thảo luận.*